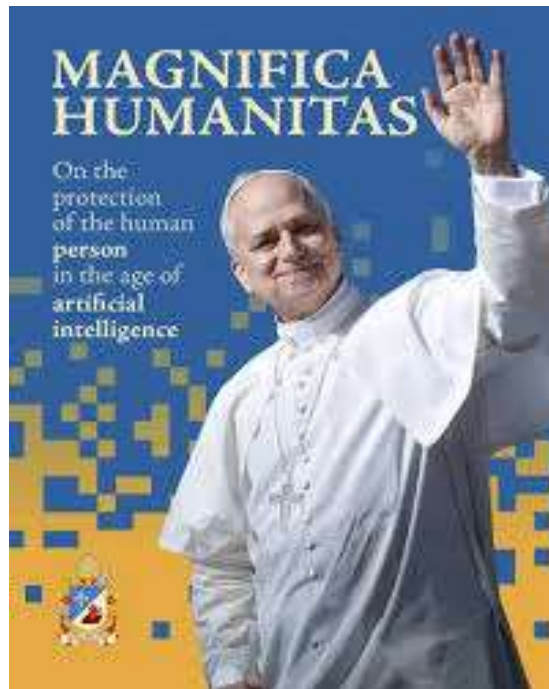


**Thông Điệp Magnifica Humanitas
Của Đức Giáo Hoàng Leo XIV
Về Việc Bảo Vệ Con Người
Trong Thời Đại Trí Tuệ Nhân Tạo**
*(Bản Việt ngữ của Vũ Văn An
25/May/2026)*



Dẫn nhập

1. Nhân loại, được Thiên Chúa tạo dựng trong tất cả sự vĩ đại của nó, ngày nay đang đối diện với một sự lựa chọn then chốt: hoặc xây dựng một Tháp Babel mới hoặc xây dựng thành phố nơi Thiên Chúa và nhân loại cùng chung sống. Mỗi thế hệ thừa hưởng nhiệm vụ định hình thời đại của mình, hướng dẫn lịch sử trở thành một nơi mà phẩm giá của mỗi người được bảo vệ, công lý được cổ vũ và tình huynh đệ được làm cho khả hữu. Tuy nhiên, mỗi thời đại cũng có nguy cơ tạo ra một thế giới vô nhân đạo và bất công hơn. Bất cứ khi nào nhân loại có nguy cơ làm tổn hại đến bản sắc thực sự của mình, chúng ta, những người Kitô hữu, hướng mắt lên Thiên Chúa Nhập Thể, biết rằng “chỉ trong màu nhiệm Ngôi Lời nhập thể thì màu nhiệm nhân tính mới thực sự được sáng tỏ.” [1] Trong Chúa Giêsu Kitô, nhân tính này trong sự vĩ đại của nó trở thành Đường đi, Chân lý và Sự sống, mở ra con đường cho mỗi người chúng ta trưởng thành hướng tới sự trọn vẹn.

2. Được xây dựng trên Chúa Kitô, viên đá sống, chúng ta trải nghiệm hoạt động mạnh mẽ và huyền nhiệm của Chúa Thánh Thần, và chúng ta tin rằng mọi nỗ lực chân chính của con

người để cộng tác với Người vì điều thiện sẽ được Cha trên trời chúc phúc, Đấng mà nơi Người chúng ta đặt niềm hy vọng. Vì lý do này, chúng ta có thể siêng năng đóng góp vào mọi sáng kiến xây dựng một thế giới công bằng hơn, và chúng ta có thể kêu gọi những người khác cộng tác trong việc cổ vũ sự phát triển toàn diện của mỗi con người. Chúng ta mong muốn tham gia đối thoại với tất cả mọi người nam nữ trong thời đại chúng ta, những người cùng chia sẻ với chúng ta những các biến cố, câu hỏi và khát vọng của nhân loại. [2] Cùng với họ, chúng ta tìm cách xác định những con đường mới vì lợi ích chung và để cổ vũ một cuộc sống xứng đáng cho tất cả mọi người. Thật vậy, sự cởi mở đối thoại là một phần không thể thiếu trong ơn gọi của Giáo hội bởi vì, được cấu thành trong Chúa Kitô như “một bí tích... của sự hiệp thông với Thiên Chúa và sự hiệp nhất của toàn thể nhân loại,” [3] Giáo hội nhận ra lịch sử là nơi mà Tin Mừng thách thức và hướng dẫn kinh nghiệm của con người.

3. Trong tinh thần này, Giáo hoàng Leo XIII đã ban hành Thông điệp *Rerum Novarum* vào năm 1891, năm nay chúng ta kỷ niệm 135 năm ngày ban hành với lòng biết ơn sâu sắc. Với văn kiện đó, vị tiền nhiệm yêu quý của tôi đã cổ vũ sự suy tư về xã hội, kinh tế và chính trị, mà ngày nay được gọi là “Học thuyết Xã hội của Giáo hội”. Khi một số người phản đối rằng Giáo hội không nên lãng phí năng lực vào những vấn đề thế tục, mà thay vào đó nên tập trung vào việc truyền đạt thông điệp về sự sống vĩnh cửu, Đức Leo XIII đã đáp lại bằng chủ nghĩa thực tiễn và khôn ngoan; Người nói rằng việc rao giảng Tin Mừng không thể bỏ qua cuộc sống cụ thể của con người. [4] Nhiều thập niên đã trôi qua kể từ đó, và Giáo quyền, các mục tử, các nhà thần học và các tín hữu đã tiếp tục suy gẫm về các vấn đề xã hội dưới ánh sáng của Tin Mừng. Ngày nay, Học thuyết Xã hội của Giáo hội là một di sản của sự khôn ngoan, nơi chúng ta tìm thấy các nguyên tắc tư duy, tiêu chuẩn phân định và phán xét, và các hướng dẫn cụ thể cho hành động. Được xây dựng trên Thánh Kinh và Truyền thống, và gắn kết với các ngành khoa học, nó giúp chúng ta hiểu rõ những thách thức của hiện tại và xác định những cách thức thích hợp để sống một chứng nhân Kitô giáo rõ ràng, với niềm vui và phục vụ thế giới. Nó không phải là một tập hợp các khái niệm bất động, mà là một kho tàng chân lý sống động bảo vệ và giải thích ơn gọi của nhân loại hướng tới một cuộc sống trọn vẹn và công chính. Do đó, tôi muốn góp thêm tiếng nói của mình vào truyền thống sống động này, cầu xin sự giúp đỡ của Thần Khí khôn ngoan, Đấng đã ngự trong thế gian từ thuở ban đầu (xem *Châm ngôn* 8:22-31).

Những điều mới mẻ của thời đại chúng ta

4. Trong khi Đức Leo XIII đã nói về “những điều mới mẻ” (*rerum novarum*) vào thời của Người, ngày nay chúng ta không thể chỉ giới hạn mình ở việc lặp lại những lời dạy sâu sắc của Người. Thay vào đó, chúng ta phải cầu xin Chúa ban cho sự khôn ngoan để giải thích những xu hướng lớn của thời đại chúng ta, đặc biệt là những tiến bộ kỹ thuật. Trong những năm gần đây, ngày càng rõ ràng hơn về tốc độ và mức độ sâu sắc mà kỹ thuật số hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và robot đang biến đổi thế giới của chúng ta. Kỹ thuật không nên được coi, tự thân nó, như một lực lượng đối kháng với nhân loại. Ngược lại, nó đã là một phần của lịch sử chúng ta ngay từ đầu như “một thực tại nhân bản sâu sắc, gắn liền với quyền tự chủ và tự do của con người.” [5] Trải qua nhiều thế kỷ, sự phát triển kỹ thuật đã cải thiện đáng kể điều kiện sống của nhân loại. Đồng thời, mỗi giai đoạn tiến bộ cũng đã bộc lộ sự mơ hồ của các công cụ có thể gây hại khi không hướng đến điều tốt đẹp. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta thấy mình đang đối diện với một tình huống mới. Sức mạnh và sự phổ biến của các kỹ thuật mới nổi được đan xen vào cấu trúc của cuộc sống hàng ngày, định hình các quy trình ra quyết định và ảnh hưởng sâu sắc đến trí tưởng tượng tập thể: “Chưa bao giờ nhân loại lại có quyền lực đối với chính mình như vậy.” [6] Các kỹ thuật mới mở ra một chân trời trải dài theo những hướng có thể tưởng tượng được nhưng chưa thể dự đoán đầy đủ. Điều này làm phức

tạp việc đánh giá tác động tiềm tàng của chúng và những ảnh hưởng lâu dài mà chúng có thể gây ra đối với cả phẩm giá của cá nhân và lợi ích chung.

5. Giờ đây, chúng ta phải đối diện với những thách thức của thời đại với tư duy rõ ràng và trách nhiệm. Cần phải thiết lập các quy định thích hợp các công cụ có khả năng duy trì công lý và kiềm chế những tác động bóp méo của sức mạnh kỹ thuật. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ giới hạn ở việc điều chỉnh. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã cảnh báo, chúng ta phải thực tế tự hỏi ai đang nắm giữ quyền lực này ngày nay và họ sử dụng nó như thế nào: “Cũng phải thừa nhận rằng năng lực hạt nhân, kỹ thuật sinh học, kỹ thuật thông tin, kiến thức về DNA của chính chúng ta và nhiều khả năng khác mà chúng ta đã có được... đã trao cho những người có kiến thức, và đặc biệt các nguồn lực kinh tế để sử dụng chúng, một sự thống trị ấn tượng đối với toàn thể nhân loại và toàn thế giới.” [7] Trong quá khứ, phần lớn việc hướng dẫn và chỉ đạo đối mới thuộc về Nhà nước. Tuy nhiên, ngày nay, động lực chính của sự phát triển là các bên tư nhân, thường là xuyên quốc gia, được trang bị nguồn lực và khả năng can thiệp vượt trội so với nhiều Chính phủ. Do đó, sức mạnh kỹ thuật mang một khía cạnh “tư nhân” chưa từng có, điều này càng làm cho việc phân định, quản lý và định hướng sức mạnh đó hướng tới lợi ích chung trở nên khó khăn hơn.

6. Vì lý do này, cần phải bắt đầu một quá trình phân định chung để xác định nguồn gốc tinh thần và văn hóa của những chuyển đổi đang diễn ra. Nếu chúng ta chỉ tập trung vào những tình huống bất ngờ, chúng ta có nguy cơ để cho chuỗi các tình huống khẩn cấp định hướng con đường của mình. Chúng ta đang sống trong một giai đoạn chuyển đổi nhanh chóng, một “thời đại mới”, trong đó – trong khi một số người đang tranh giành tương lai của các kỹ thuật mới và những người khác dành thời gian để suy gẫm về vấn đề này – thì hầu hết mọi người đang quan sát và chờ đợi, theo dõi từ xa và chỉ hy vọng điều tốt đẹp nhất. Chính vì lý do này, những câu hỏi quan trọng đặt ra trong lương tâm chúng ta và không thể tránh khỏi nữa: Chúng ta đang đi đâu? Chúng ta muốn hướng tới mục tiêu nào? Chúng ta nên chọn hướng đi nào với tư cách là một dân tộc và một cộng đồng nhân loại?

Hai hình ảnh trong Kinh Thánh

7. Để trả lời những câu hỏi này và phân định cách thức điều hướng một cách có trách nhiệm trong kỷ nguyên Trí tuệ Nhân tạo, tôi muốn gợi nhớ đến hai cảnh trong Kinh Thánh: việc xây dựng Tháp Babel (xem *Sáng thế* 11:1-9) và việc xây dựng lại các bức tường thành Giêrusalem (xem *Nơ-khe-mi-a* 2-6). Câu chuyện về Babel xuất hiện trong Sách Sáng thế, ở nguồn gốc của loài người, ngay sau gia phả của các con trai Nô-ê. Sau khi định cư trên một vùng đồng bằng ở xứ Shinar, dân chúng quyết định xây dựng một thành phố và một tòa tháp “đỉnh cao đến tận trời” (*Sáng thế* 11:4). Lo sợ bị phân tán khắp trái đất, họ tìm cách đảm bảo sự ổn định và quyền lực cho bản thân, và trên hết là để “tạo dựng danh tiếng” cho mình. Đó là một kỳ tích ấn tượng: một ngôn ngữ duy nhất, một kỹ thuật duy nhất, một hướng đi duy nhất. Tuy nhiên, dự án này ẩn chứa một mối nguy hiểm sâu xa. Đó là một dự án được hình thành mà không tham khảo ý kiến của Thiên Chúa, được hỗ trợ bởi một sự đồng nhất loại bỏ sự đa dạng và chọn sự đồng nhất hóa hơn là sự hiệp thông. Khi một thành phố được xây dựng trên sự kiêu ngạo và tuyên bố về sự tự cung tự cấp, sự thông đạt sẽ bị gián đoạn, ngôn ngữ bị lẫn lộn và mọi người không còn hiểu nhau nữa. Kết quả không phải là sự thống nhất, mà là sự phân tán. Do đó, tháp Babel cho thấy giới hạn của bất cứ nỗ lực nào, dù vĩ đại đến đâu, xuất phát từ sự tự khẳng định, hy sinh phẩm giá con người vì hiệu năng và khao khát vươn tới thiên đường mà không có sự chúc phúc của Thiên Chúa.

8. Đến lượt mình, sách *Nơ-khe-mi-a* khai mở vào thời điểm dễ bị tổn thương lớn trong lịch sử

Israel cổ thời. Sau cuộc lưu đày ở Babylon, một phần dân chúng trở về Giêrusalem, nhưng thành phố vẫn còn đổ nát, tường thành sụp đổ và công thành bị cháy rụi (xem *No-khe-mi-a* 1-2). No-khe-mi-a, một người Do Thái phục vụ vua Ba Tư Artaxerxes, nhận được tin về tình trạng thảm khốc của thành phố tổ tiên mình. Trước khi hành động, ông đã nhịn ăn, cầu nguyện và cầu thay cho dân chúng. Sau đó, ông xin phép nhà vua trở về Giêrusalem và khi đến nơi, ông lặng lẽ xem xét các khu vực bị tàn phá. Ông không áp đặt giải pháp từ trên xuống. Ông triệu tập các gia đình, giao cho mỗi gia đình một phần tường thành để xây dựng lại, lắng nghe những lo lắng của họ, phối hợp nỗ lực của họ và giải quyết mọi sự phản đối. Câu chuyện cho thấy thành phố được tái sinh như thế nào, không phải nhờ sáng kiến của một người, mà nhờ trách nhiệm chung của tất cả mọi người: đàn ông, đàn bà, thầy tế lễ, thợ thủ công, chủ hộ và thanh niên đều đóng một vai trò. Đó là một công việc đặt Chúa ở trung tâm, xây dựng lại các mối quan hệ trước khi xây dựng lại bằng đá. Như vậy, Giêrusalem cổ thời tái khám phá một ngôn ngữ chung — không phải là ngôn ngữ của sự đồng nhất, mà là ngôn ngữ của sự hiệp thông, cụ thể là sự hài hòa nảy sinh khi tất cả mọi người đảm nhận vai trò của mình và nhận ra rằng sức mạnh của họ đến từ Thiên Chúa.

9. Dựa trên hai hình ảnh này, Chúa Thánh Thần thách thức chúng ta ngày nay về mối quan hệ của chúng ta với kỹ thuật và cuộc cách mạng kỹ thuật số đang diễn ra. Những khám phá khoa học là những tài năng được giao phó cho nhân loại để chúng ta có thể sinh hoa kết trái (xem *Mt* 25:14-30). Kỹ thuật có sức mạnh để chữa lành, kết nối, giáo dục và bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta; nhưng nó cũng có thể chia rẽ, loại trừ và tạo ra những hình thức bất công mới. Về mặt trừu tượng, kỹ thuật trong bà tự nó không phải là giải pháp cho các vấn đề của nhân loại, cũng như nó không cố hữu xấu xa. Tuy nhiên, trên thực tế, kỹ thuật không bao giờ trung lập, bởi vì nó mang đặc điểm của những người thiết kế, tài trợ, điều chỉnh và sử dụng nó. Do đó, sự lựa chọn chính không phải là giữa "có" hay "không" với kỹ thuật, mà là giữa việc xây dựng tháp Babel hay xây dựng lại Giêrusalem; giữa một quyền lực tuyên bố thông trị trời đất và một dân tộc cùng nhau làm việc trước sự hiện diện của Chúa để xây dựng lại bức tường chung sống huynh đệ.

10. Do đó, chúng ta phải tránh "hội chúng Babel", cụ thể là sự sùng bái lợi nhuận hy sinh kẻ yếu, sự đồng nhất làm vô hiệu hóa sự khác biệt, và cao ngạo cho rằng một ngôn ngữ duy nhất - thậm chí là ngôn ngữ kỹ thuật số - có thể phiên dịch mọi điều, bao gồm cả mâu thuẫn con người, thành dữ liệu và hiệu suất. Nguy cơ phi nhân hóa - xây dựng một tương lai loại trừ Chúa và biến người khác thành phương tiện - là một cám dỗ cổ xưa và luôn mới mẻ mà ngày nay mang hình hài kỹ thuật. Thay vào đó, chúng ta hãy chọn "con đường của No-khe-mi-a", con đường nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cùng nhau xây dựng Thành phố của Thiên Chúa hành một nơi an toàn cho những người lưu vong trở về. Việc xây dựng lại ngày nay có nghĩa là nhận ra rằng, chính từ sự đa dạng của các tiếng nói và tầm nhìn – dù đôi khi chúng nhắc nhở chúng ta về sự hỗn loạn do sự đa dạng của các ngôn ngữ nói gây ra – một khả năng tươi sáng xuất hiện. Thật vậy, đó là khả năng cùng nhau xây dựng, biến sự đa dạng thành một nguồn lực và biến việc lắng nghe và đối thoại thành nền tảng chung để vun đắp công lý và tình huynh đệ. Trong nhiệm vụ chung này, các Kitô hữu khám phá ra vai trò độc đáo của mình trong việc hướng dẫn hành động về phía Thiên Chúa để, trong ánh sáng của Người, chủ nghĩa đa nguyên không tan biến thành sự hỗn loạn, mà thay vào đó, thông qua việc thực hành tính đồng nghị, nó trở thành không gian trong đó nhân loại tái khám phá nền tảng vững chắc và mục đích cuối cùng của mình. Trong sách Khải Huyền, Thánh Gioan nhìn thấy Giêrusalem Mới "từ trời xuống từ Thiên Chúa" (*Khải Huyền* 21:2) như một o^o7n phúc cho toàn thể nhân loại. Và tầm nhìn về ân sủng này là lời mời gọi chúng ta, những người Kitô hữu, cùng nhau làm việc để thúc đẩy một cuộc sống hòa bình, công bằng và phẩm giá trong cộng đồng trong "các thành phố" ngày nay.

Xây dựng vì lợi ích chung

11. Xây dựng một thành phố dựa trên lợi ích chung trước hết và trên hết có nghĩa là xây dựng trên một mối quan hệ vững chắc với Chúa. Điều đó có nghĩa là nhận ra rằng chân lý về tình yêu của Người kêu gọi chúng ta sống “trong tất cả sự trọn vẹn của nó” (*Ga 10:10*) và hiệp thông với Người. Giống như Thánh Augustinô, chúng ta cũng có thể nói: “Lạy Chúa, Chúa đã tạo dựng chúng con cho chính Chúa, và lòng chúng con không yên nghỉ cho đến khi được yên nghỉ trong Chúa.” [8] Thật vậy, Chúa đã khắc ghi trong lòng chúng ta một khát vọng hạnh phúc bao trùm tất cả các chiều kích của cuộc sống. Giáo hội, trong cuộc đối thoại với những người nam nữ thời đại chúng ta, nhận ra nhu cầu cấp thiết phải bảo vệ và hướng dẫn khát vọng này hướng tới chân lý sâu sắc nhất của nó.

12. Thứ hai, xây dựng vì lợi ích chung có nghĩa là chấp nhận những giới hạn và điểm yếu của nhân loại mà không coi chúng là một sai lầm cần được sửa chữa. Ngày nay, khát vọng về sự trọn vẹn của cuộc sống đang có nguy cơ bị lừa dối bởi những mục tiêu sai lầm, chẳng hạn như triển vọng về một kỹ thuật hứa hẹn giải phóng chúng ta khỏi mọi điểm yếu, và các mô hình hạnh phúc bỏ lại phía sau toàn bộ dân số. Thường thì, chúng ta đặt hy vọng vào những “nâng cấp” không giới hạn, vào những hình thức tiến bộ làm trầm trọng thêm bất bình đẳng, và vào những giải pháp tức thời không thể hàn gắn vết thương của con người. Kết quả là, trong khi một số người theo đuổi ảo tưởng về sự tự khẳng định không giới hạn, nhiều người lại bị tước đoạt những nhu cầu cơ bản. Giáo hội nhắc nhở chúng ta, với một giọng nói kiên định nhưng khiêm nhường, rằng sự viên mãn thực sự không đạt được bằng cách loại bỏ điểm yếu mà thông qua sự phát triển hài hòa. Nó được tìm thấy ở nơi tự do và trách nhiệm đan xen với sự quan tâm lẫn nhau và tình liên đới thực sự, và nơi tiến bộ được đo lường bằng phẩm giá của mỗi người và lợi ích của tất cả mọi người.

13. Thứ ba, xây dựng một thế giới mà mọi người đều có thể phát triển thịnh vượng đòi hỏi trách nhiệm và lòng can đảm chung. Không ai có thể một mình gánh vác trọng trách của những thách thức mà thế giới đang phải đối diện, cũng như không ai yếu đuối đến mức không thể đóng góp phần của mình, vì “sức mạnh được hoàn thiện trong sự yếu đuối” (*2 Cô-rinh-tô 12:9*). Tất cả đều được giao phần riêng của mình trên bức tường: các nhà khoa học và nhà nghiên cứu, các doanh nhân và công nhân, các nhà giáo dục và nhà lập pháp, xã hội dân sự, các phong trào quần chúng và các cộng đồng tín ngưỡng. Đây là luận lý học của nguyên tắc phụ đới, coi trọng sự hợp tác giữa các thể hệ, các dân tộc, các ngành và các nền văn hóa như là cách tốt nhất để thúc đẩy sự ổn định, thịnh vượng và hòa bình. Chúng ta không nên bị đe dọa bởi những căng thẳng hay khác biệt vì chúng có thể trở thành những động lực sáng tạo khi được dẫn dắt bởi trách nhiệm chung.

14. Cuối cùng, xây dựng vì lợi ích chung đòi hỏi một ngôn ngữ mang tính Tin Mừng. Chúng ta phải tránh những lời lẽ xúc phạm hoặc đối kháng, thay vào đó chọn sự rõ ràng soi sáng và sự thẳng thắn mở ra những khả năng mới. Chúng ta không thể dung thứ cho sự nhiệt tình ngây thơ, cũng không thể nuôi dưỡng những nỗi sợ hãi vô căn cứ. Thay vào đó, chúng ta hãy thiết lập các tiêu chuẩn để phân định — phẩm giá của nhân vị, điểm đến phổ quát của của cải, việc ưu tiên chọn người nghèo, chăm lo cho ngôi nhà chung và hòa bình của chúng ta — và chúng ta hãy chuyển những tiêu chuẩn này thành những thực tiễn như quy hoạch có trách nhiệm, đánh giá tác động xã hội và con người, sự hòa nhập của những người dễ bị tổn thương nhất, thúc đẩy khả năng đọc viết kỹ thuật số và hướng nghiên cứu và kỹ nghệ hướng tới công lý và hòa bình.

Giữ vững nhân tính

15. Trong Năm Thánh Thường lệ 2025 vừa qua, chúng ta đã bước đi như những người hành hương của hy vọng và được ban nhiều ân sủng. Được củng cố bởi những ơn lành này, chúng ta có thể tự tin tiến về phía trước để đối diện với những nhiệm vụ khó khăn và những thách thức đầy đòi hỏi ở phía trước. Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, khi phẩm giá con người bị đe dọa bởi những hình thức phi nhân hóa mới, nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là phải giữ vững nhân tính sâu sắc. Chúng ta phải yêu thương bảo vệ sự vĩ đại của nhân tính được ban tặng cho chúng ta và được bày tỏ trọn vẹn trong Chúa Kitô, vẻ huy hoàng mà không một cỗ máy nào có thể thay thế được. Sự tiến bộ thực sự luôn bắt nguồn từ một trái tim rộng mở với người khác, một trí tuệ sẵn sàng lắng nghe và một ý chí tìm kiếm những gì liên đới hơn là những gì chia rẽ.

16. Tôi tha thiết kêu gọi tất cả các tín hữu Công Giáo, tất cả các Kitô hữu và tất cả những người thiện chí. Chúng ta đừng ngại xắn tay áo vào “công trường xây dựng” của thời đại chúng ta. Giống như Nơ-khe-mi-a, chúng ta hãy cầu nguyện, lập kế hoạch khôn ngoan và làm việc kiên trì, đặt Chúa lên hàng đầu trong mọi hành động và con người làm trung tâm trong mọi lựa chọn của mình. Như vậy, những “hòn đá bị loại bỏ” – người nghèo, người bệnh, người di cư và những người thấp kém nhất trong chúng ta – sẽ trở thành hòn đá góc, và một ngôi nhà chung vững chắc, ấm áp sẽ hiện hữu trên trái đất, nơi tình yêu thương và lòng trung tín cuối cùng sẽ gặp nhau, và sự công chính và hòa bình sẽ ôm lấy nhau (xem Tv 85:10). Đây là ơn lành mà chúng ta cầu xin Chúa; và nhiệm vụ trước mắt chúng ta là trở thành những người xây dựng sự hiệp thông, chứ không phải là những kiến trúc sư của tháp Baben. Chúng ta phải là những người phục vụ Nước Trời sắp đến, chứ không phải là những chủ tể của những tòa tháp định sẵn sẽ sụp đổ. Với tấm lòng của một người chần chừ và một người cha, tôi kêu gọi mọi người hãy từ bỏ việc xây dựng thêm một Tháp Baben nữa và cùng chung tay xây dựng lợi ích chung, để nhân loại không bao giờ đánh mất vẻ đẹp của mình, và thế giới một lần nữa sẽ nhận ra trái tim con người là nơi mà Thiên Chúa muôn nger trị.

CHƯƠNG MỘT: MỘT PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN NĂNG ĐỘNG TRUNG THÀNH VỚI TIN MỪNG

17. Trong chương đầu tiên này, tôi dự định trình bày một cách tổng quát về cách Học thuyết Xã hội của Giáo hội đã hình thành trong Huấn quyền Giáo hoàng gần đây và trong Công đồng Vatican II, để chứng minh tính chất năng động của nó. Thật vậy, trong mỗi thời đại, những điều mới mẻ đòi hỏi giáo huấn này phải giải quyết các vấn đề lịch sử dưới ánh sáng của Chân lý mạc khải. Về vấn đề này, trí tuệ nhân tạo cũng không nên được coi chỉ đơn thuần là một chủ đề khác để nghiên cứu hoặc một cuộc khủng hoảng cần được quản lý, mà đúng hơn là một sự phát triển thách thức các phạm trù của Học thuyết Xã hội từ bên trong, kêu gọi sự phát triển hơn nữa của chúng trong sự trung thành với Tin Mừng.

18. Tuy nhiên, tổng quan này sẽ không dễ hiểu nếu, trước khi suy gẫm về đóng góp của từng vị Giáo hoàng và các văn kiện quan trọng nhất của họ, chúng ta không làm rõ trước một số nguyên tắc cơ bản liên quan đến cách thức Giáo hội hiện hữu trong lịch sử và liên hệ với thế giới. Nếu không làm như vậy, Học thuyết Xã hội sẽ có nguy cơ bị coi là sự can thiệp không cần thiết vào các vấn đề “thế tục” hoặc là một bộ quy tắc đạo đức áp đặt từ trên xuống. Trên thực tế, nó xuất phát từ một Giáo hội đồng hành cùng nhân loại, thừa nhận tính tự chủ của thực tại trần gian và sự khác biệt giữa cộng đồng giáo hội và cộng đồng chính trị. Thật vậy, chính vì lý do này mà Giáo hội nỗ lực phục vụ lợi ích chung.

Một Giáo hội đồng hành cùng lịch sử nhân loại

19. Giáo hội hiện diện trong thế giới như một dấu hiệu của sự hiệp nhất cho toàn thể gia đình nhân loại. Giáo hội nhận ra những câu hỏi và thách thức ngày nay như là bối cảnh hiện tại để thực hiện ơn gọi đặc biệt của mình là lắng nghe, đối thoại và phục vụ, và đáp ứng mọi điều liên quan đến cuộc sống của con người đương thời. Sự tham gia này vào cuộc sống của con người giúp Giáo hội hiểu rõ hơn bao giờ hết rằng sứ mệnh của mình có phạm vi lịch sử và bao hàm trách nhiệm đối với cách thức xây dựng các mối quan hệ xã hội. Vì lý do này, Giáo hội không thể coi mình là người xa lạ với các lực lượng định hình xã hội. Ngược lại, Giáo hội tích cực tham gia vào các quá trình qua đó xã hội phát triển và được tổ chức, và Giáo hội đóng góp vào việc tạo ra một xã hội công bằng và huynh đệ hơn. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhấn mạnh chiều kích lịch sử này trong sứ mệnh của Giáo hội: “Không ai có thể đòi hỏi rằng tôn giáo phải bị đẩy vào nơi trú ẩn (sanctum) bên trong đời sống cá nhân, không ảnh hưởng đến đời sống xã hội và quốc gia, không quan tâm đến sự lành mạnh của các định chế dân sự, không có quyền đưa ra ý kiến về các sự kiện ảnh hưởng đến xã hội.” [9]

20. Ơn gọi và bổn phận của Giáo hội là đồng hành cùng nhân loại trong những đặc thù của lịch sử dẫn Giáo hội đến việc nhận ra rằng thực tại trần gian có đặc điểm và trật tự riêng của chúng. Công đồng Vatican II đã diễn đạt nguyên tắc này một cách đặc biệt chính xác trong Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, mà chúng ta đã tưởng nhớ và kỷ niệm 60 năm ngày công bố với lòng biết ơn vào ngày 7 tháng 12 năm 2025: “Nếu quyền tự trị của các vấn đề trần gian có nghĩa là các tạo vật và xã hội tự mình hưởng luật lệ và giá trị riêng của chúng... thì yêu cầu về quyền tự trị là hoàn toàn chính đáng.” [10] Lời khẳng định này cho thấy rằng công trình sáng tạo mang dấu ấn của một lòng tốt nguyên thủy mà quan điểm nhân sinh của chúng ta phải gìn giữ, vun đắp và hoàn thiện. Về vấn đề này, Giáo hội hiến dâng chính mình theo cách giúp giải thích thực tại trong tất cả chiều sâu của nó. Giáo hội kiên định khiêm nhường ủng hộ những lựa chọn cổ vũ phẩm giá của mỗi người, sự gắn kết của các cộng đồng và lợi ích của tất cả mọi người. Do đó, Giáo hội đứng bên cạnh thế giới mà không lấn át nó, để lời hứa về công lý và hòa bình mà Chúa Thánh Thần tiếp tục duy trì trong lòng nhân loại có thể được trọn vẹn trong mọi nỗ lực của con người.

21. Nhận thức rằng Thiên Chúa duy trì tự do của nam giới và nữ giới trong diễn tiến của lịch sử, Công đồng Vatican II đã khẳng định sự phân biệt giữa cộng đồng Giáo hội và cộng đồng chính trị, nhấn mạnh rằng mỗi cộng đồng phải hoạt động với quyền tự chủ hoàn toàn. Sự hiện diện của Giáo hội trong thế giới cũng được thể hiện qua mối quan hệ của Giáo hội với xã hội dân sự và các định chế công cộng. Qua việc tương tác với các thực thể này, Giáo hội thừa nhận giá trị của các thực thể xã hội và chính trị, đồng thời tôn trọng trách nhiệm cụ thể của chúng, hỗ trợ mọi điều cổ vũ hạnh phúc của cá nhân và củng cố nền tảng xã hội. Giáo hội không tuyên bố đảm nhận các chức năng thuộc về Nhà nước. Ngược lại, Giáo hội trân trọng những người phục vụ lợi ích chung và kiên quyết thừa nhận trách nhiệm mà các định chế dân sự nắm giữ trong xã hội. Đồng thời, sứ mệnh được giao phó cho Giáo hội cổ vũ Giáo hội giải quyết những đau khổ thực sự của người dân thời nay. Sự gắn gũi này không xuất phát từ ý định thay thế các định chế dân sự, càng không phải là sự chỉ trích ngầm đối với công việc của chúng. Thay vào đó, nó xuất phát từ lòng bác ái Tin Mừng, một điều vốn thúc đẩy Giáo hội đến gần những vết thương của nhân loại bất cứ khi nào chúng xuất hiện với mức độ nghiêm trọng hơn. Khi Giáo hội can thiệp, Giáo hội làm như vậy theo gương của Người Samaritanô nhân hậu, với sự thận trọng và gắn gũi, nhận thức rằng những gì phát sinh từ nhu cầu cấp bách không thể trở thành chuẩn mực, cũng không thể thay thế các trách nhiệm định chế vốn có của cộng đồng dân sự.

22. Bắt đầu từ sự thừa nhận kép này — tính tự chủ của thực tại trần gian và sự phân biệt giữa các lĩnh vực thẩm quyền của Giáo hội và chính trị — cho phép hiểu rõ hơn về hướng đi mà Công đồng Vatican II đã đặt ra cho Giáo hội trong mối quan hệ của Giáo hội với thế giới. *Gaudium et Spes* nhắc nhở chúng ta rằng “nhiệm vụ của toàn thể dân Chúa, đặc biệt là các mục tử và thần học gia, là lắng nghe và phân biệt nhiều tiếng nói của thời đại chúng ta và giải thích chúng dưới ánh sáng Lời Chúa, để Chân lý mặc khải có thể được thấu hiểu sâu sắc hơn, được hiểu rõ hơn và được trình bày phù hợp hơn.” [11] Lắng nghe “nhiều tiếng nói” không chỉ đơn thuần là một thao tác xã hội học, mà thay vào đó đòi hỏi sự phân định thiêng liêng. Được Thánh Linh hướng dẫn, dân Chúa nhận ra trong những biến đổi văn hóa và xã hội cả những dấu hiệu về sự hiện diện của Chúa Kitô, Đáng đến và hướng dẫn lịch sử đến sự hoàn thành của nó, và cả những sai lệch che khuất dung mạo của Người. Bằng cách này, cốt lõi thiết yếu của Chân lý mặc khải không bị thay đổi, mà được làm rõ ràng và được chấp nhận như một tiêu chuẩn sống động để hướng dẫn những lựa chọn cụ thể, truyền cảm hứng cho những con đường hoán cải cá nhân và cộng đồng, cổ vũ các cuộc cải cách cấu trúc và hỗ trợ các hình thức chứng nhân Tin Mừng mới trong đời sống công cộng. Lịch sử do đó được hiểu là một trong những nơi mà Giáo hội cho phép mình được Thánh Linh dạy dỗ về sức mạnh nhân bản hóa của Tin Mừng; và Giáo hội học cách phát triển giáo huấn của riêng mình để phục vụ phẩm giá của mỗi người và lợi ích của tất cả các dân tộc.

Sự khôn ngoan của Lời Chúa trong đối thoại với các khoa học nhân văn

23. Giáo hội coi tất cả những ai thành tâm tìm kiếm “chân, thiện, mỹ” là bạn đồng hành trên hành trình, và coi họ là “đồng minh quý giá” [12] trong việc bảo vệ phẩm giá của mỗi người và chăm sóc tạo thế. Áp dụng phương pháp mục vụ của Công đồng Vatican II, mời gọi chúng ta lắng nghe, phân định và giải thích các dấu hiệu của thời đại, và được soi sáng bởi sự khôn ngoan của Lời Chúa, Giáo hội không ngại tiếp xúc với kiến thức nhân bản. Thật vậy, Lời Chúa cung cấp những tiêu chuẩn đáng tin cậy để thiết lập các con đường công lý và mở ra các con đường hòa giải và hòa bình giữa các dân tộc. Khi áp dụng những tiêu chuẩn này vào các tình huống phức tạp của thời đại chúng ta, những đóng góp của triết học và khoa học nhân văn và xã hội là rất cần thiết. Những ngành này giúp chúng ta hiểu và phân tích sâu sắc hơn các động lực văn hóa, kinh tế và chính trị. Thánh Gioan Phaolô II nhắc lại rằng Giáo hội hoan nghênh những đóng góp của khoa học xã hội để “rút ra từ đó những hiểu biết cụ thể giúp Giáo hội thực hiện chức vụ huấn quyền của mình”. [13] Một cuộc đối thoại với những loại kiến thức như vậy không làm giảm sức mạnh của Tin Mừng. Ngược lại, nó giúp xác định rõ ràng hơn điều gì thực sự cổ vũ đời sống của các cá nhân và cộng đồng. Theo quan điểm này, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng khi giải quyết nhiều câu hỏi cụ thể, Giáo Hội không tuyên bố đưa ra “một ý kiến dứt khoát”, [14] nhưng thừa nhận tầm quan trọng của việc lắng nghe nghiên cứu khoa học và khuyến khích một cuộc tranh luận nghiêm túc và trung thực giữa các chuyên gia đồng thời hoan nghênh sự đa dạng về quan điểm.

24. Được nuôi dưỡng bởi cuộc đối thoại hữu hiệu này giữa Tin Mừng và kiến thức nhân bản, Giáo Hội đã dần dần phát triển Học thuyết Xã hội của mình, vun đắp trong lịch sử một di sản khôn ngoan được đánh dấu bằng sự mạch lạc về thần học và nhân học bắt nguồn từ sự hiểu biết của Kitô giáo về con người. Chính vì di sản này xuất phát từ đức tin và tầm nhìn tương ứng về thực tại, nên nó không phải là một tập hợp các giải pháp kỹ thuật hoặc một mô hình kinh tế hay chính trị để đối lập với những mô hình khác. Thay vào đó, nó thuộc về một trật tự khác, [15] cụ thể là các nguyên tắc hướng dẫn việc giải thích các sự kiện và duy trì sự hiểu biết Tin Mừng về các quá trình lịch sử và những lựa chọn mà chúng kéo theo. Đây chính là chức năng đúng đắn của Học thuyết Xã hội, không nhằm thay thế trách nhiệm của chính trị hay các định chế, mà tự coi mình là nền tảng cho sự phân định tập thể, giúp nhận ra và cổ vũ

bất cứ điều gì phục vụ phẩm giá con người, sức sống của cộng đồng và lợi ích chung.

Học thuyết Xã hội như một sự phân định chung

25. Hiểu rằng chân lý là một món quà để chia sẻ, chứ không phải là một tài sản để độc chiếm, giải phóng Giáo hội khỏi cám dỗ tìm kiếm các hình thức hiện diện dựa trên quyền lực. Để tái khám phá cách tiếp cận Tin Mừng về việc rao giảng chân lý một cách nhẹ nhàng, không áp đặt, Thánh Gioan Phaolô II đã mời gọi chúng ta xem xét một cách trung thực những thời điểm khi sự mặc nhận được dành cho “sự bất dung thứ và thậm chí cả việc sử dụng bạo lực để phục vụ cho sự thật.” [16] Cũng theo hướng này, tôi cũng đã khẳng định lại rằng Giáo hội “không tuyên bố độc quyền về sự thật,” [17] bởi vì sự thật không phải là một lãnh thổ cần được bảo vệ, mà là một điều tốt đẹp cần được chia sẻ. Về phần mình, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã bày tỏ cùng một quan điểm này trong câu nói nổi bật của ngài, “thời gian lớn hơn không gian.” [18] Điều quan trọng nhất không phải là chiếm giữ các vị trí quyền lực hay bảo vệ các thành trì văn hóa, mà là khởi xướng các quá trình tốt đẹp và cho phép chúng trưởng thành. Bằng cách này, chân lý của Tin Mừng không bị áp đặt từ trên xuống, mà phát triển theo thời gian trong sự đan xen cụ thể của cuộc sống, cộng đồng và văn hóa. Đây không phải là một chân lý sợ hãi sự đa dạng, mà thay vào đó chào đón và hướng dẫn nó. Nó không loại bỏ các xung đột, mà biến đổi chúng, đoàn tụ những gì lịch sử có xu hướng phân tán. Khái niệm này cũng có thể được minh họa bằng hình ảnh của một khối đa diện, [19] trong đó chân lý duy nhất của Tin Mừng được phản chiếu từ các góc độ khác nhau.

26. Thái độ cởi mở với chân lý này, vừa thống nhất vừa đa dạng, thể hiện sâu sắc tính phổ quát của Giáo hội, vì Giáo hội bao trùm toàn thể gia đình nhân loại nhưng cũng hòa mình vào hoàn cảnh cụ thể của các dân tộc và nền văn hóa. Công đồng Vatican II nhắc nhở chúng ta rằng, nhờ tính phổ quát này, “mỗi phần đóng góp những quà phúc của mình cho các phần khác và cho toàn thể Giáo hội.” [20] Bằng cách này, Giáo hội phát triển như một tổng thể và như các cộng đồng riêng lẻ nhờ sự trao đổi lẫn nhau và những nỗ lực chung hướng tới sự hiệp thông ngày càng trọn vẹn hơn. Từ đó suy ra rằng dân Chúa không chỉ được quy tụ từ nhiều dân tộc, mà còn được đan xen qua các chức năng, ơn gọi, văn hóa và truyền thống khác nhau, mỗi bên được kêu gọi để hỗ trợ và làm giàu cho nhau. Từ quan điểm này, Thánh Phaolô VI thừa nhận rằng, với sự đa dạng lớn của các hoàn cảnh lịch sử, thật không thực tại khi nghĩ rằng Học thuyết Xã hội của Giáo hội có thể đưa ra một câu trả lời duy nhất có giá trị trong mọi bối cảnh. [21] Vì lý do này, ngài đã mời gọi mỗi cộng đồng Kitô giáo diễn giải thực tại ở đất nước mình một cách rõ ràng và có trách nhiệm. Sự căng thẳng hữu ích giữa tính phổ quát của sứ mệnh Giáo hội và nguồn gốc địa phương của Giáo hội là một khía cạnh nội tại của đời sống Giáo hội, bởi vì Giáo hội bao trùm toàn thể giới, đồng thời giải quyết các vấn đề cụ thể của từng bối cảnh như là bối cảnh thực sự mà Tin Mừng được hình thành.

27. Dựa trên những điều đã nói ở trên, Học thuyết Xã hội của Giáo hội có thể được nhìn nhận một cách chân thực hơn. Nó không phải là một cuốn cẩm nang về các nguyên tắc và quy tắc để áp dụng, mà là một quá trình phân định chung. Nó được sinh ra từ sự gặp gỡ giữa chân lý vĩnh cửu của Tin Mừng và các vấn đề lịch sử. Nó cho phép mình được thách thức bởi các dấu hiệu của thời đại, và được nuôi dưỡng bởi những đóng góp của khoa học, văn hóa và kinh nghiệm của con người. Do đó, khi phẩm giá của anh chị em chúng ta bị xâm phạm, khi chính trị không giải quyết được những bi kịch của nhân loại, khi nền kinh tế quay lưng lại với con người hoặc khoa học vượt quá giới hạn thẩm quyền của mình, [22] Giáo hội — cùng với các giáo phái Kitô giáo khác và các tín hữu của các tôn giáo khác — phải lên tiếng, không phải để thống trị, mà để cổ vũ sự hiệp thông. Hiểu theo cách này, Học thuyết Xã hội trở thành một thần học về sự hiệp thông trong lịch sử, một lịch sử trong đó Ngôi Lời nhập thể tiếp tục hiện

diện thông qua đối thoại, ký ức và lời tiên tri.

Sự phát triển của Học thuyết Xã hội từ thời Lê-ô XIII đến nay

28. Sau khi đã phác thảo cách thức Giáo hội hiện diện trong lịch sử và tham gia đối thoại với thế giới, giờ đây tôi muốn xem xét sự phát triển của Học thuyết Xã hội trong Giáo huấn của Giáo hội, đã đáp ứng những biến đổi xã hội lớn từ thế kỷ XIX đến nay. Đương nhiên, tôi không thể trình bày đầy đủ sự phong phú của giáo huấn này, mà các nguyên tắc cơ bản của nó được trình bày trong Bản tóm tắt Học thuyết Xã hội của Giáo hội và đã được các giáo huấn của Giáo hội gần đây xem xét kỹ lưỡng hơn. Tôi cũng không thể hệ thống hóa việc khám phá mọi điều đã được phát triển trong các Thông điệp của các vị tiền nhiệm đáng kính quá cố của tôi, đặc biệt là trong *Laudato Si'* và *Fratelli Tutti*. Tuy nhiên, tôi sẽ nhấn mạnh một số điểm thiết yếu để cho thấy văn bản hiện tại tiếp nối truyền thống đó như thế nào. Tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng, trong truyền thống này, cốt lõi bất biến của các chân lý mạc khải về con người và xã hội luôn luôn đan xen với khả năng mới mẻ để lắng nghe các tình huống lịch sử và đáp ứng các vấn đề đương thời. Bây giờ tôi sẽ xem xét lại một số giai đoạn quan trọng của sự phát triển này, bắt đầu từ giai đoạn được khai mạc bởi Thông điệp *Rerum Novarum*.

Những giai đoạn đầu tiên của Học thuyết Xã hội của Giáo hội

29. Điều mà chúng ta hiện gọi là “Học thuyết Xã hội của Giáo hội” không phải là sản phẩm tự phát của thời đại hiện đại. Thay vào đó, nó là kết quả của sự tiếp nhận và cấu trúc một truyền thống lâu đời về suy tư của Giáo hội về đời sống trong xã hội, bắt nguồn từ Kinh Thánh, các Giáo phụ và những phát triển về thần học và pháp luật của thời Trung cổ và thời hiện đại. Mặc dù thuật ngữ “Học thuyết Xã hội của Giáo hội” được Pi-ô XII đặt ra vào năm 1950, [23] nội dung của nó bắt đầu hình thành như một hệ thống hữu cơ của giáo huấn xã hội với Thông điệp *Rerum Novarum* của Đức Lê-ô XIII. Đối diện với “những điều mới mẻ” của thời đại mình — xung đột giữa tư bản và lao động, vấn đề lực lượng lao động, và những biến đổi kinh tế và xã hội — Đức Lê-ô XIII không chỉ giới hạn mình ở việc thừa nhận sự bất ổn, mà còn coi những tình huống này là một lĩnh vực cho sứ mệnh mục vụ của Giáo hội. Ngài đã đưa chúng ra để phân định nghiêm ngặt, soi sáng nguyên nhân và các giải pháp khả hữu của chúng dưới ánh sáng của Tin Mừng và một tầm nhìn toàn diện về con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa. Thánh Gioan Phaolô II coi cách tiếp cận này là một “mô hình lâu dài” [24] của Học thuyết Xã hội: một thực tiễn mẫu mực mà qua đó Giáo hội, khi đối diện với những thay đổi lịch sử, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình để xem xét thực tại xã hội, đưa ra tuyên bố về chúng và chỉ ra con đường tìm kiếm các giải pháp công bằng. Bằng cách này, nội dung trường tồn của đức tin và sự khôn ngoan của Giáo hội cổ xưa được thể hiện trong một học thuyết sống động, trung thành với Tin Mừng đồng thời phát triển để đáp ứng “những điều mới mẻ” của mỗi thời đại.

30. Thông điệp *Rerum Novarum* của Đức Giáo Hoàng Lê-ô XIII là một cột mốc trong sự phát triển của giáo huấn xã hội của Giáo hội. Văn kiện này đặt phẩm giá của lao động và người lao động lên hàng đầu trong suy tư của mình; khẳng định quyền được trả lương công bằng cho bản thân và gia đình; thừa nhận rằng con người có giá trị cơ bản vượt trội hơn vốn và lợi nhuận; bảo vệ quyền sở hữu tư nhân cùng với vai trò xã hội không thể thiếu của nó; coi trọng các hiệp hội công nhân; và đề xuất các hình thức hợp tác giữa các thành phần khác nhau của xã hội như một giải pháp thay thế cho tư duy đấu tranh giai cấp. Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi Đức Pi-ô XI định nghĩa nó là “Đại Hiến chế [Magna Carta]” [25] của hành động xã hội Kitô giáo. Trong *Rerum Novarum*, sự khôn ngoan cổ xưa của Giáo hội về con người và cuộc sống trong xã hội đã mang một hình thức mới có khả năng đáp ứng thời đại kỹ

nghệ và cung cấp khuôn khổ hệ thống quan trọng đầu tiên cho Học thuyết Xã hội sẽ được phát triển hơn nữa trong những thập niên tiếp theo. Mặc dù nhiều điều kiện lịch sử được Đức Lê-ô XIII mô tả đã thay đổi, nhưng ít nhất hai nhận thức vẫn còn rất phù hợp cho đến ngày nay: sự ưu tiên lao động của con người hơn bất cứ tư duy nào chỉ tập trung vào tài chính hoặc năng suất — với sự quan tâm đến những người và gia đình dễ bị bóc lột nhất — và mối liên hệ không thể tách rời giữa việc rao giảng Tin Mừng và theo đuổi một trật tự xã hội công bằng hơn. Do đó, *Rerum Novarum* tiếp tục nhắc nhở chúng ta rằng không có sự rao giảng tin mừng đích thực nào mà không ảnh hưởng đến cấu trúc của xã hội loài người.

31. Thông điệp *Quadragesima Anno* của Đức Giáo Hoàng Pi-ô XI được ban hành năm 1931 nhân kỷ niệm 40 năm Thông điệp *Rerum Novarum*, vào tuyệt đỉnh của một cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lớn, đánh dấu một bước tiến nữa trong giáo huấn xã hội của Giáo hội. Thay vì chỉ giới hạn ở việc giải quyết “vấn đề lực lượng lao động”, thông điệp đã mở rộng phạm vi để bao quát toàn bộ cấu trúc của trật tự kinh tế và chính trị. Thông điệp lên án sự tập trung quyền lực kinh tế vào tay một số ít người; chỉ trích cả cạnh tranh không giới hạn và các dự án tập thể làm suy yếu tự do và trách nhiệm của cá nhân; khẳng định mạnh mẽ quyền lập hội của người lao động; và nhắc lại yêu cầu rằng tiền lương phải tương xứng không chỉ với hiệu suất làm việc mà còn với nhu cầu của người lao động và gia đình họ. Trong khuôn khổ này, Đức Giáo Hoàng Pi-ô XI đã hệ thống hóa nguyên tắc phụ đới, vốn trở thành một trong những nền tảng của Học thuyết Xã hội. Theo nguyên tắc này, bất cứ điều gì có thể được thực hiện bởi các cá nhân, gia đình, các tổ chức trung gian và cộng đồng địa phương thì không nên được thực hiện bởi các cơ quan cấp cao hơn. Bên cạnh những đóng góp này, trong nhiều bài phát biểu của huấn quyền ngài — từ các Thông điệp *Non Abbiamo Bisogno* và *Mit Brennender Sorge* đến *Divini Redemptoris* — Đức Giáo Hoàng Pi-ô XI đã nhắc nhở rõ ràng về vai trò xã hội của tài sản tư nhân và lên án các hình thức chủ nghĩa toàn trị làm suy giảm phẩm giá con người, bóp nghẹt đời sống xã hội, đề cao Nhà nước hơn giá trị chính đáng của nó và phân biệt đối xử theo chủng tộc. Ít nhất ba nhận thức sâu sắc trong giáo huấn xã hội của ngài vẫn đặc biệt phù hợp cho đến ngày nay: nhận thức rằng sự bất công không chỉ liên quan đến hành vi cá nhân mà còn cả cấu trúc kinh tế và định chế; tầm quan trọng của nguyên tắc phụ đới, kêu gọi củng cố cấu trúc của các hiệp hội và cộng đồng đồng thời tránh tập trung quyền lực hơn nữa; và mối liên hệ giữa phẩm giá của lao động, tiền lương công bằng và khả năng thực sự để các gia đình có một cuộc sống có phẩm giá.

32. Trong bối cảnh bi thảm của Chiến tranh Thế giới thứ hai và những năm tái thiết sau đó, những giáo huấn của Đức Giáo Hoàng Pi-ô XII đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển của Học thuyết Xã hội. Điều này đặc biệt đúng với các thông điệp phát thanh Giáng sinh của ngài, trong đó ngài đã phác thảo khuôn khổ của một trật tự quốc tế dựa trên công lý, hòa bình và sự thừa nhận phẩm giá con người. Trong những thông điệp này, Đức Giáo Hoàng đề xuất một cuộc đối thoại với xã hội dựa trên lời kêu gọi luật tự nhiên, được hiểu là một tập hợp các nguyên tắc khách quan đi trước lợi ích của cá nhân và quốc gia, và phải điều chỉnh cả đời sống nội bộ của các quốc gia và các mối quan hệ giữa các quốc gia. Đức Giáo Hoàng Pi-ô XII cũng dành vai trò quyết định cho các hiệp hội nghề nghiệp, công đoàn và các tổ chức trung gian khác nhau trong trật tự kinh tế và xã hội. Ngài công nhận những hình thức xã hội có tổ chức này là một biện pháp bảo vệ thiết yếu cho sự cân bằng dân sự và bảo vệ lợi ích chung. Ngài khẳng định sự cần thiết của một nền pháp trị vững chắc để ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực, và ngài công nhận dân chủ là một phương tiện để đảm bảo việc thực thi quyền lực một cách đúng đắn. Đồng thời, ngài cảnh báo chống lại bất cứ nỗ lực nào nhằm dựa luật pháp vào lợi ích hoặc vũ lực, nhắc lại rằng một trật tự quốc tế được cai trị bởi lợi thế của kẻ mạnh nhất sẽ khiến các dân tộc yếu hơn bị áp bức và về cơ bản làm suy yếu lòng tin giữa các quốc gia. Cuối cùng, Đức Pi-ô XII đã xác định sự mất cân bằng kinh tế sâu xa giữa

các quốc gia là một trong những yếu tố cổ vũ xung đột. [26] Ba nguyên tắc vẫn đặc biệt quan trọng đối với thời đại của chúng ta, hiện đang được đánh dấu bởi các hình thức quyền lực toàn cầu mới và sự bất bình đẳng ngày càng tăng: nhu cầu luật pháp phải được ưu tiên hơn lợi ích; nhận thức rằng sự chênh lệch kinh tế là mảnh đất màu mỡ cho căng thẳng và bạo lực; và sự cần thiết của một mạng lưới các hiệp hội có khả năng làm trung gian giữa cá nhân và Nhà nước. Những nguyên tắc này tiếp tục cung cấp các tiêu chuẩn quan trọng cho phép Học thuyết Xã hội giải thích động lực của toàn cầu hóa và cổ vũ một trật tự quốc tế công bằng và hòa bình hơn.

Những năm của Công đồng Vatican II

33. Một giai đoạn mới trong giáo huấn xã hội của Giáo hội bắt đầu với Thánh Gioan XXIII, người đã nhấn mạnh hơn vào chiều kích toàn cầu của các vấn đề xã hội và ngôn ngữ về quyền. Trong *Mater et Magistra*, ngài đã trình bày đức tin Kitô giáo như một ánh sáng có khả năng kết nối trời và đất. Ngài nhắc lại rằng, trong khi sứ mệnh chính của Giáo hội là thánh hóa và rao giảng những điều tốt lành vĩnh cửu, thì Giáo hội không bỏ bê những nhu cầu cụ thể trong cuộc sống hàng ngày của con người, và quan tâm đến mọi điều tốt lành đích thực của con người. [27] Dựa trên tầm nhìn thống nhất này về nhân loại, Đức Gioan XXIII nhấn mạnh rằng đời sống xã hội đòi hỏi sự cân bằng giữa sáng kiến của công dân và các nhóm — những người được kêu gọi tự tổ chức và làm việc cùng nhau — và hành động của Nhà nước, phải điều phối và hỗ trợ mà không làm kìm hãm tự do và trách nhiệm của cá nhân. Do đó, ngài đã lưu ý đến việc trả lương công bằng cho công việc, sự tham gia của người lao động và sự chênh lệch ngày càng tăng giữa các quốc gia. Vài năm sau, trong *Pacem in Terris*, Đức Gioan XXIII lần đầu tiên không chỉ hướng đến các tín hữu mà còn đến tất cả những người thiện chí, liên kết một cách hữu cơ phẩm giá của con người với việc công nhận các quyền và nghĩa vụ cơ bản, và đề xuất một hướng đi cho xã hội — cả ở bình diện quốc tế — dựa trên chân lý, công lý, tình yêu và tự do. [28] Trong thời đại ngày nay, được đánh dấu bởi xung đột lan rộng và các hình thức phụ thuộc lẫn nhau toàn cầu mới, những khía cạnh sau đây trong tư tưởng của ngài vẫn đặc biệt quan trọng: quan điểm phổ quát trong lời kêu gọi của ngài; việc ngài đề cập đến nhân quyền như một khuôn khổ chung; và niềm tin của ngài rằng hòa bình lâu dài đòi hỏi các định chế và mối quan hệ giữa các dân tộc được truyền cảm hứng từ phẩm giá của mỗi người.

34. Công đồng Vatican II đánh dấu một bước ngoặt trong sự hiểu biết của Giáo hội về chính mình trong thế giới đương thời. Trong Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, Công đồng đã trình bày hình ảnh một Giáo hội gắn gũi với nhân loại, gắn bó với thế giới và cam kết suy gẫm về thực tại cụ thể của các tình huống lịch sử, hơn là các khái niệm trừu tượng. Văn bản đề cập đến các vấn đề chính về hôn nhân và gia đình, đời sống kinh tế và xã hội, cộng đồng chính trị, chiến tranh và hòa bình. Văn bản nhấn mạnh rằng các cấu trúc kinh tế và định chế chỉ công bằng khi chúng phục vụ sự phát triển toàn diện của con người và cổ vũ sự tham gia có trách nhiệm của tất cả mọi người. [29] Tầm quan trọng của văn kiện công đồng này đối với Học thuyết Xã hội của Giáo hội không chỉ nằm ở việc mở ra những chân trời cho sự suy tư theo chủ đề, mà còn ở phương pháp phân định mời gọi chúng ta diễn giải những thay đổi lịch sử được hướng dẫn bởi Tin Mừng và chuyên môn của con người. Cách tiếp cận này cho thấy rằng đối thoại với thế giới không phải là một lựa chọn chiến thuật đối với Giáo hội, mà là một biểu hiện cụ thể của sứ mệnh của Giáo hội bởi vì Tin Mừng, giống như men, có khả năng biến đổi các cấu trúc của xã hội từ bên trong và mở đường hướng tới một nhân loại lớn hơn. Tuyên bố *Dignitatis Humanae* có thể được bao gồm vào cùng bối cảnh. Ở đây, Công đồng đã công nhận rằng tự do tôn giáo là một quyền cơ bản dựa trên phẩm giá con người phải được pháp luật bảo đảm để ngăn chặn việc mọi người bị ép buộc hành động trái với lương

tâm của họ hoặc bị cản trở trong việc tìm kiếm và tuyên xưng chân lý cả riêng tư lẫn công khai. [30] Nguyên tắc này rất phù hợp ngày nay và tiếp tục cung cấp cho Học thuyết Xã hội những tiêu chuẩn quyết định để bảo vệ các cá nhân và xây dựng các xã hội đa nguyên và hòa bình.

35. Trong triều đại Giáo hoàng của Thánh Phaolô VI, một sự hiểu biết về hòa bình đã xuất hiện, không chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của chiến tranh, mà còn hình thành trong phạm vi phát triển toàn diện của con người. Trong *Populorum Progressio*, ngài đã mô tả sự phát triển như một quá trình chuyển đổi từ điều kiện sống kém nhân đạo sang điều kiện sống nhân đạo hơn. Ngài còn hiểu nó như một quá trình liên quan đến “mỗi người và toàn thể con người”, [31] tức là mọi khía cạnh của con người và tất cả mọi người không ngoại lệ. Vì lý do này, Đức Phaolô VI có thể khẳng định rằng sự phát triển được hiểu theo cách này thực sự là “tên gọi mới của hòa bình”, [32] bởi vì nó nhằm mục đích xóa bỏ tận gốc rễ của bất công và xung đột và tạo ra cơ hội cho một cuộc sống xứng đáng hơn cho tất cả mọi người. Việc thành lập Ủy ban Giáo hoàng *Iustitia et Pax* cũng nên được nhìn nhận theo khía cạnh này như một nỗ lực nhằm hiện thực hóa nhận thức này ở bình diện giáo hội và quốc tế, đồng thời ghi nhớ khoảng cách ngày càng lớn giữa các nước giàu và nghèo và nhu cầu về các chính sách thực sự cổ vũ điều kiện sống nhân bản hơn cho tất cả mọi người.

36. Trong *Octogesima Adveniens*, được viết nhân dịp kỷ niệm 80 năm *Rerum Novarum*, Đức Phaolô VI đã áp dụng quan điểm này vào xã hội hậu kỹ nghệ, được đánh dấu bởi quá trình đô thị hóa, các hình thức nghèo đói mới và những thay đổi văn hóa nhanh chóng đặt ra câu hỏi về tương lai của các cá nhân và cộng đồng. Đức Phaolô VI tin rằng mặc dù Tin Mừng được rao giảng, viết ra và sống trong một bối cảnh lịch sử và văn hóa rất khác với bối cảnh của chúng ta, nhưng thông điệp của nó không hề “lỗi thời”. [33] Thay vào đó, nó mang đến một tầm nhìn về con người, các mối quan hệ, quyền lực và lợi ích chung vẫn có khả năng hướng dẫn các lựa chọn kinh tế, chính trị và văn hóa ngày nay. Nói cách khác, Tin Mừng vẫn còn phù hợp vì nó cung cấp các tiêu chuẩn để nhận ra điều gì nhân bản hóa hoặc phi nhân bản hóa và điều gì giải phóng hoặc áp bức trong các tình huống luôn thay đổi. Đối với Học thuyết Xã hội của Giáo hội, di sản đòi hỏi khắt khe nhất của Đức Phaolô VI chính là điều này: chừng nào còn có những người trên thế giới bị loại trừ khỏi sự phát triển phù hợp với phẩm giá con người, thì cộng đồng Kitô giáo không thể bằng lòng với một lời tuyên bố hòa bình trên lý thuyết. Thay vào đó, bắt đầu từ nơi những người bị gạt ra ngoài lề, Giáo hội phải cho phép Tin Mừng phán xét những cấu trúc kinh tế và chính trị mà — như Đức Gioan Phaolô II sau này nhắc nhở chúng ta — có thể trở thành những “cấu trúc tội lỗi” thực sự. [34] Kết quả là, không một người hay một nhóm người nào sẽ bị coi là có thể loại bỏ trong các quá trình phát triển.

Giáo huấn gần đây

37. Giáo huấn xã hội phong phú của Thánh Gioan Phaolô II nằm ở ngã ba đường của cuộc khủng hoảng các hệ thống tư tưởng lớn của thế kỷ XX và sự khởi đầu của toàn cầu hóa kinh tế. Thông điệp *Laborem Exercens* của ngài, được viết 90 năm sau khi công bố *Rerum Novarum*, đã mở ra một con đường mới để suy gẫm về việc làm. Thông điệp này trình bày tiền lương công bằng như một phương tiện cụ thể để xác minh tính công bằng của toàn bộ hệ thống kinh tế xã hội vì chúng cho thấy liệu người lao động có được đối xử như một con người hay chỉ đơn thuần là một chi phí sản xuất. [35] Công việc không chỉ được coi là một vấn đề cần giải quyết hoặc một phương tiện tạo ra thu nhập, mà là một điều tốt cơ bản cho con người, một nguyên tắc hoạt động kinh tế và là chìa khóa cho toàn bộ vấn đề xã hội. Thông qua việc làm, con người phát huy tự do, sự sáng tạo và khả năng hợp tác của mình,

góp phần vào sự nâng cao văn hóa và đạo đức của xã hội. [36] Trong bối cảnh này, các loại bất an về việc làm, con đường sự nghiệp phân mảnh và tự động hóa không được đánh giá chỉ dựa trên hiệu năng, mà còn liên quan đến phẩm giá của người lao động, quyền được trả lương đầy đủ và khả năng thực sự tham gia vào xã hội.

38. Với Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis*, đánh dấu kỷ niệm 20 năm *Populorum Progressio*, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã xem xét lại tai họa của sự kém phát triển. Ngài thừa nhận sự thất bại của nhiều nỗ lực nhằm đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của các dân tộc nghèo và hỗ trợ họ trong quá trình kỹ nghệ hóa, lưu ý đến khoảng cách dai dẳng và thực sự ngày càng mở rộng giữa Bắc và Nam bán cầu. [37] Người cũng lên án các cơ chế kinh tế, tài chính và thương mại, do các nền kinh tế mạnh nhất quản lý, về mặt cấu trúc ưu tiên lợi ích của chính họ trong khi kìm hãm các nền kinh tế yếu hơn, và ngài yêu cầu chúng phải chịu sự xem xét nghiêm túc không những về mặt kỹ thuật, mà còn cả về mặt đạo đức. [38] Trong bối cảnh này, tình liên đới được hiểu là một trách nhiệm chung cụ thể giữa các cá nhân, dân tộc và quốc gia — một hình thức tình bạn xã hội hoặc bác ái chính trị hướng tới “nền văn minh tình yêu” do Đức Phaolô VI đề xuất. [39]

39. Nhân kỷ niệm 100 năm *Rerum Novarum*, Thông điệp *Centesimus Annus* đã đưa ra một suy tư về sự sụp đổ của hệ thống Xô Viết và sự trỗi dậy của nền dân chủ và nền kinh tế thị trường. Thánh Gioan Phaolô II nhắc lại thông điệp của Đức Pi-ô XII rằng Giáo hội coi trọng nền dân chủ vì nó đảm bảo sự tham gia hữu hiệu của công dân, cho phép họ bầu cử và thay thế các nhà lãnh đạo một cách hòa bình và ngăn chặn quyền lực bị độc chiếm bởi các nhóm ưu tú nhỏ được cổ vũ bởi các lợi ích cụ thể hoặc ý thức hệ. [40] Tương tự, Giáo hội chỉ công nhận tiềm năng tích cực của thị trường và sáng kiến tư nhân nếu chúng vẫn tuân theo luật luân lý và được hướng dẫn bởi nguyên tắc liên đới, mà không hy sinh những người dễ bị tổn thương nhất cho lý lẽ lợi nhuận. [41] Điều này bổ sung một di sản đặc biệt quan trọng cho Học thuyết Xã hội của Giáo hội. Việc khẳng định mối liên hệ giữa phẩm giá của lao động, tình liên đới giữa các dân tộc, đánh giá phê phán về nền dân chủ và nền kinh tế thị trường tiếp tục cung cấp các tiêu chuẩn để đánh giá các hình thức bóc lột, loại trừ và khủng hoảng mới trong đại diện chính trị.

40. Trong Thông điệp xã hội *Caritas in Veritate*, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI đã tìm cách đánh giá lại và mở rộng khái niệm phát triển được trình bày trong *Populorum Progressio*, diễn giải nó dưới ánh sáng của toàn cầu hóa. Ngài lưu ý rằng sự phát triển như vậy phải được chuyển thành “tăng trưởng thực sự, có lợi cho mọi người và thực sự bền vững”. [42] Nghĩa là, tiến bộ kinh tế thực sự bao trùm và tôn trọng giới hạn của tạo thế. Tuy nhiên, ngài tái khẳng định rằng ở các nước giàu có, các loại nghèo đói mới đang nổi lên cũng như các hình thức loại trừ chưa từng có, trong khi ở các vùng nghèo hơn, các nhóm thiểu số nhỏ sống trong sự giàu có tiêu dùng bên cạnh tình trạng nghèo đói phi nhân tính. [43] Ngoài ra, ngài nhận thấy rằng hệ thống kinh tế và tài chính toàn cầu mới, được đánh dấu bằng sự di chuyển rộng lớn của vốn và phương tiện sản xuất, đã làm giảm quyền lực chính trị của các quốc gia và khả năng ảnh hưởng đến các quá trình kinh tế của họ. [44] Vì lý do này, Đức Bênêđictô XVI nhắc lại rằng hoạt động kinh tế không thể tuyên bố giải quyết các vấn đề xã hội chỉ đơn giản bằng cách mở rộng tư duy thương mại, mà phải hướng tới lợi ích chung, mà cộng đồng chính trị phải gánh vác trách nhiệm không thể thay thế của mình. [45]

41. Đức Bênêđictô XVI đặt lòng bác ái vào trung tâm phân tích của mình, tuyên bố rằng nó “nằm ở cốt lõi của Học thuyết Xã hội của Giáo hội,” [46] với điều kiện là nó luôn luôn được kết hợp với chân lý. Người cũng lưu ý với mối lo ngại rằng có xu hướng bác bỏ tầm quan trọng về mặt đạo đức chính xác trong các lĩnh vực xã hội, pháp luật, chính trị và kinh tế. Tính

độc đáo trong đóng góp của ngài nằm ở chỗ chỉ ra rằng sự phát triển, công lý, các định chế và thị trường không phải là những thực thể trung lập, mà là những không gian nơi lòng bác ái trong chân lý phải tìm thấy biểu thức lịch sử. Giáo huấn này đặc biệt phù hợp ngày nay trong bối cảnh bất bình đẳng ngày càng gia tăng, áp lực trên thị trường tài chính, khủng hoảng môi trường và thiếu niềm tin vào chính trị. Nó như một lời mời gọi đánh giá mọi mô hình phát triển dựa trên khả năng bao quát và bền vững của nó, xây dựng lại mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị dựa trên lợi ích chung, và thừa nhận vai trò quan trọng và tạo sinh của lòng bác ái trong đời sống công cộng.

42. Giáo huấn xã hội của Đức Giáo Hoàng Phanxicô phát triển theo hướng của *Gaudium et Spes*, mời gọi chúng ta nhìn lịch sử qua lăng kính của hy vọng và sự dễ bị tổn thương của con người, và đưa chúng vào đối thoại với Tin Mừng. Cách tiếp cận này hiện lên rõ ràng nhất trong *Evangelii Gaudium*, nơi ngài khẳng định rằng lời rao giảng của Kitô giáo có một chiều kích xã hội nội tại và kêu gọi một Giáo hội có khả năng lắng nghe tiếng kêu than của người nghèo, người di cư và nạn nhân của các hình thức nô lệ mới. Sự nhấn mạnh của Đức Phanxicô về một Giáo hội đồng nghị, một Giáo hội “cùng nhau bước đi”, tìm cách đọc các dấu hiệu của thời đại dưới ánh sáng của Tin Mừng và cho phép mình được rao giảng Tin Mừng bởi những người nghèo mà Giáo hội cùng chia sẻ lịch sử, cũng phù hợp với quan điểm này. [47]

43. Trong *Laudato Si'*, Đức Phanxicô đã đưa ra việc xử lý có hệ thống quan trọng đầu tiên về cuộc khủng hoảng môi trường trong một Thông điệp xã hội, chứng minh rằng đó không phải là một vấn đề riêng lẻ, mà là khía cạnh sinh thái của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đương thời. Đề xuất của ngài về một hệ sinh thái toàn diện kết hợp việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta với sự ưu tiên cho người nghèo, và khẳng định mạnh mẽ rằng “tiếng kêu than của trái đất và tiếng kêu than của người nghèo” [48] không thể tách rời. Trong bối cảnh này, mục đích phổ quát của hàng hóa được đưa lên hàng đầu, cùng với sự phê phán mô hình kỹ trị tìm cách giản lược mọi thứ thành một vật thể để thống trị; sự bảo vệ lao động của con người được nuôi dưỡng bởi tư duy lãng phí; và nhu cầu về công lý giữa các thế hệ. Cuối cùng, ngài ủng hộ cuộc đối thoại chân thành giữa những người làm việc trong lĩnh vực chính trị và tài chính, để không bên nào trở nên tự quy chiếu.

44. Đối diện với sự đổ vỡ của cấu trúc xã hội, một “cuộc chiến thế giới đang được tiến hành từng phần”, toàn cầu hóa theo chủ nghĩa cá nhân và tác động của đại dịch đến các mối quan hệ cộng đồng, Đức Phanxicô, trong thông điệp *Fratelli Tutti*, đã tìm cách khôi phục giấc mơ về một nhân loại lựa chọn tình bạn xã hội và tình huynh đệ phổ quát. Ngài đề xuất một nền văn hóa gặp gỡ, một “nền chính trị tốt hơn” có khả năng tìm kiếm lợi ích chung, con đường hòa giải và một thế giới đảm bảo “đất đai, nhà ở và việc làm cho tất cả mọi người”. [49] Cuối cùng, trong thông điệp *Dilexit Nos*, ngài đã chỉ ra rằng những nỗ lực xã hội quan trọng này không thể tách rời khỏi mối quan hệ bản thân với Chúa Kitô. Quay trở lại với lời Chúa, ngài nhắc nhở chúng ta rằng phản ứng chân thật nhất đối với tình yêu từ trái tim của Chúa Giêsu là tình yêu cụ thể dành cho anh chị em của chúng ta, và khẳng định rằng “không có cách nào tốt hơn để chúng ta đáp lại tình yêu bằng tình yêu”. [50]

Giải thích lịch sử dưới ánh sáng đức tin

45. Xét đến tổng quan lịch sử này, rõ ràng Học thuyết Xã hội của Giáo hội không phải là kết quả của một dự án được lập ra trên bàn làm việc, mà là sản phẩm của một quá trình kiên nhẫn, trong đó mỗi vị Giáo hoàng — cùng với Công đồng Vatican II — đã đóng góp độc đáo dưới ánh sáng của “những điều mới mẻ” của mỗi thời đại cụ thể. Đáp lại những thách thức

của thời đại mình, mỗi vị đã giải thích những thay đổi lịch sử theo Tin Mừng, làm sáng tỏ những khía cạnh khác nhau của một di sản duy nhất: phẩm giá con người, giá trị của lao động, mục đích phổ quát của cái, tình liên đới và phụ đới, chăm sóc tạo vật và tầm quan trọng của hòa bình và bác ái. Kết quả là một sự phát triển hài hòa, mặc dù không phải lúc nào cũng tuyến tính, được đánh dấu bằng những điểm nhấn khác nhau, những hiểu biết tiến bộ, và đôi khi là những thay đổi về quan điểm không đoạn tuyệt với những gì đã có trước đó, mà cho phép những hàm ý của nó được trưởng thành. Nếu ngày nay chúng ta có thể nói về một tập hợp các nguyên tắc và tiêu chuẩn được chia sẻ, đó là bởi vì cách giải thích lịch sử dựa trên đức tin này chưa bao giờ bị gián đoạn, luôn luôn mở ra trước những thách thức do mỗi thế hệ đặt ra. Giờ đây, tôi muốn hướng sự chú ý của chúng ta đến những nguyên tắc vĩ đại của Học thuyết Xã hội, những nguyên tắc định hướng sự phân định của các tín hữu trong đời sống cá nhân và cộng đồng, để hiểu rõ hơn tính mạch lạc nội tại và khả năng hướng dẫn thời đại của chúng.

CHƯƠNG HAI: NỀN TẢNG VÀ NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI

46. Học thuyết Xã hội của Giáo hội là một thực tại sống động, đối thoại với lịch sử, văn hóa và khoa học. Đồng thời, nó chứa đựng một tập hợp các chân lý bất biến. Vì lý do này, nó có thể được coi là một hình thức khôn ngoan có khả năng hướng dẫn đời sống bản thân và xã hội của các tín hữu ngay cả ngày nay. Trong chương thứ hai này, tôi muốn tập trung vào một số nền tảng và nguyên tắc của Học thuyết Xã hội của Giáo hội sẽ giúp chúng ta hiểu được “những điều mới” của thời đại chúng ta, đặc biệt là xét đến phẩm giá vốn có của con người. Để bảo vệ con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo, tôi tin rằng ngày nay chúng ta phải một lần nữa suy gẫm về lợi ích chung, mục đích phổ quát của cái, nguyên tắc phụ đới, tình liên đới và công bằng xã hội. Tôi tin chắc rằng mối quan hệ hài hòa giữa các nguyên tắc này đòi hỏi chúng phải được xem xét một cách tổng thể, để làm rõ mối liên hệ và sự bổ sung lẫn nhau của chúng.

47. Khi trình bày những suy tư này, trước hết và trên hết, tôi hy vọng giúp các tín hữu giáo dân và những người thiện chí tái khám phá bản phận thực hiện các nguyên tắc nêu trên trong đời sống hằng ngày, các mối quan hệ gia đình, công việc và sự tham gia vào xã hội. Như vậy, họ sẽ được truyền cảm hứng bởi mục đích hiện thân tình yêu của Chúa trong những sự kiện cụ thể của cuộc sống. Đồng thời, tôi muốn khuyến khích các cơ sở giáo dục và các trường đại học tạo động lực mới cho những nguyên tắc này, và áp dụng chúng một cách phù hợp và hữu hiệu trong việc giải quyết cuộc cách mạng kỹ thuật số. Bằng cách này, việc nghiên cứu thần học và triết học sẽ có thể tiếp tục khám phá và hỗ trợ hành trình mục vụ của Giáo hội, và góp phần vào nhiệm vụ của Huân quyền trong việc soi sáng lương tâm của các tín hữu và hướng dẫn nỗ lực của họ để làm cho đời sống xã hội chúng ta công bằng và huynh đệ hơn.

Các Nền tảng của Học thuyết Xã hội

Con người: hình ảnh của Thiên Chúa Ba Ngôi

48. Học thuyết Xã hội của Giáo hội đưa chúng ta đến tận cốt lõi của đức tin: mẫu nhiệm Thiên Chúa hằng sống, được mặc khải trong Chúa Giêsu Kitô, Đấng, với tư cách là một sự hiệp thông các Ngôi vị — Cha, Con và Thánh Thần — chính là tình yêu trong mỗi quan hệ, được phát biểu trong sự hiến dâng lẫn nhau và trong việc chia sẻ với thế giới. [51] Như Công đồng đã nhắc lại, con người được mời gọi bước vào sự hiệp thông với Thiên Chúa và “chỉ có thể khám phá trọn vẹn bản ngã đích thực của mình trong sự hiến dâng chân thành”. [52] Thật

vậy, ơn gọi sâu sắc nhất của họ là bước vào động lực của tình yêu Ba Ngôi được đón nhận và chia sẻ.

49. Nếu mẫu nhiệm Thiên Chúa là Tình Yêu là nguồn gốc của Học thuyết Xã hội, thì chúng ta thấy biểu thức cụ thể nhất của nó nơi dung mạo của Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể. Bằng cách trở thành người, Con Thiên Chúa bước vào lịch sử của chúng ta và mang lấy xác thịt con người, mang theo tình yêu kết hợp Người với Cha và Thánh Thần. Trong Người, “mẫu nhiệm của nhân loại thực sự trở nên rõ ràng” [53] bởi vì nhân tính của Người hoàn toàn tự do, cởi mở với người khác, có khả năng xây dựng những mối quan hệ lành mạnh và tốt đẹp và tận tâm hiến dâng trọn vẹn bản thân. Những người tin vào Người tham gia vào công việc đổi mới vĩ đại bắt đầu từ mẫu nhiệm khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Người, và họ cộng tác trong việc xây dựng Vương quốc Thiên Chúa, học cách đón nhận tất cả mọi người như anh chị em, con cái của một Cha. Bằng cách này, cả việc rao giảng Tin Mừng và đời sống Kitô giáo, được hướng dẫn bởi hoạt động của Chúa Thánh Thần, đều hướng đến việc mang lại những hệ quả xã hội trên thế giới. [54]

50. Cốt lõi của sự hiểu biết Kitô giáo về con người nằm ở sự khẳng định vĩ đại của Kinh Thánh rằng nam nữ được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa Ba Ngôi (xem *Sáng thế* 1:26-27). Được tạo dựng cho mỗi quan hệ, mỗi con người đều được Thiên Chúa lên kế hoạch và muốn để hiệp thông với Người, với người khác và với tạo thế. Phẩm giá con người không phụ thuộc vào khả năng, của cải hay địa vị trong cuộc sống của một người, cũng không phụ thuộc vào những lựa chọn đúng hay sai đã thực hiện; thay vào đó, nó là một ơn ban có trước và vượt lên trên mỗi người, được Thiên Chúa ban tặng như một biểu thức của tình yêu bất diệt của Người. Vì lý do này, con người luôn luôn là “con đường cho Giáo hội” [55] và là trái tim của mọi con đường đích thực của sự phát triển toàn diện con người. [56]

Phẩm giá bình đẳng của tất cả mọi người

51. Thánh Gioan Phaolô II đã tuyên bố rằng, “ý thức được nâng cao về phẩm giá của con người và tính độc nhất của họ, và về sự tôn trọng dành cho hành trình lương tâm, chắc chắn đại diện cho một trong những thành tựu tích cực của nền văn hóa hiện đại.” [57] Tuyên bố này tiếp nối đường lối đã được nêu ra bởi Công đồng Vatican II, trong đó ghi nhận sự công nhận ngày càng tăng về phẩm giá cao cả của tất cả mọi người, sự ưu việt của họ so với vật chất và các quyền và nghĩa vụ phổ quát và bất khả xâm phạm của họ. [58] Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng sự gia tăng đánh giá cao phẩm giá con người này không bị che khuất bởi áp lực của các hệ tư tưởng mới hoặc các lợi ích rất mạnh mẽ trong thế giới ngày nay. Trong số những hệ tư tưởng này, tôi cho rằng đặc biệt nguy hiểm là hệ tư tưởng cho rằng mỗi người phải tự mình kiếm được hoặc chứng minh giá trị của bản thân, đến mức giá trị lớn hơn cho những người hữu hiệu hoặc có năng suất hơn. Từ quan điểm này, con người cuối cùng bị hạ thấp xuống thành phương tiện để đạt được kết quả, một nguồn lực để sử dụng và khai thác, và không còn được công nhận là mục đích tự thân đúng đắn, không bao giờ nên bị lợi dụng. Tuy nhiên, giá trị của con người không phụ thuộc vào những gì họ đạt được hoặc sản xuất. Có những quyền áp dụng cho tất cả mọi người chỉ đơn giản bằng việc là con người, và không một quyền lực nào của con người có thể hợp pháp phủ nhận hoặc tùy tiện hạn chế chúng. [59]

52. Khi chúng ta nói về phẩm giá, chúng ta không phải lúc nào cũng sử dụng từ này theo cùng một cách. Đôi khi chúng ta đề cập đến phẩm giá đạo đức, cụ thể là cách một người định hướng các lựa chọn và hành động của mình. Những lúc khác, chúng ta nghĩ đến phẩm giá xã hội, đề cập đến điều kiện sống của một người và sự tôn trọng cụ thể nhận được từ xã hội. Trong những trường hợp khác, chúng ta đề cập đến phẩm giá hiện sinh, có nghĩa là cách một

người nhận thức giá trị của chính mình và giá trị của cuộc sống. Những khía cạnh này của phẩm giá có thể được nâng cao hoặc giảm đi. Bên cạnh những khái niệm này, còn có một bình diện sâu sắc và quan trọng hơn về phẩm giá hữu thể học. Đây là phẩm giá thuộc về mỗi con người chỉ đơn giản nhờ việc hiện hữu, nhờ việc được Thiên Chúa muốn, tạo dựng và yêu thương. [60] Không tội lỗi, thất bại, sỉ nhục hay sự loại trừ nào có thể làm giảm giá trị sâu sắc của một cuộc sống con người mà Thiên Chúa đã muốn và kêu gọi. [61]

53. Do đó, phẩm giá cơ bản của mỗi người không phải là thứ có được hay kiếm được, cũng không cần phải được biện minh. Tuyên bố *Dignitas Infinita* gần đây đã tóm tắt tư tưởng của Giáo hội về vấn đề này: “Mỗi con người đều sở hữu một phẩm giá vô hạn, được đặt nền tảng không thể tách rời trong chính hữu thể của họ, phẩm giá này tồn tại trong và vượt ra ngoài mọi hoàn cảnh, trạng thái hoặc tình huống mà người đó có thể gặp phải” [62] — nói cách khác, luôn luôn và không có ngoại lệ. Phẩm giá của mỗi con người có thể được mô tả là vô hạn, như Thánh Gioan Phaolô II đã nói, [63] vì hai lý do: thứ nhất, bởi vì tình yêu của Thiên Chúa, Đấng kêu gọi chúng ta làm bạn với Người, là vô hạn; và thứ hai, tình yêu của Người là hoàn toàn vô điều kiện, theo nghĩa là, ngay cả khi chúng ta tìm kiếm vô tận, chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy bất cứ điều gì có thể xóa bỏ hoặc phủ nhận nó.

Giá trị tối cao của nhân quyền

54. Giáo hội thừa nhận một cách biết ơn rằng “phong trào hướng tới việc xác định và công bố nhân quyền là một trong những nỗ lực quan trọng nhất để đáp ứng hữu hiệu những yêu cầu không thể tránh khỏi của phẩm giá con người.” [64] Về vấn đề này, Thánh Gioan Phaolô II đã nói rằng Tuyên ngôn Toàn cầu về Nhân quyền, được Liên Hợp Quốc công bố vào ngày 10 tháng 12 năm 1948, vẫn là một trong những biểu thức cao nhất của lương tâm con người trong thời đại chúng ta. [65] Đó là “một cột mốc trên con đường dài và khó khăn của nhân loại.” [66] Vì lý do này, từ quan điểm Kitô giáo, nhân quyền không phải là một sự bổ sung bên ngoài cho con người, mà là một biểu thức của phẩm giá nội tại của con người, mà cộng đồng quốc tế được kêu gọi bảo vệ và cổ vũ.

55. Nhân quyền là bất khả xâm phạm, vì chúng “vốn có trong con người và trong phẩm giá con người”. [67] Do đó, chúng là phổ quát và bất khả chuyển nhượng. [68] Chính vì chúng được đặt nền tảng trên phẩm giá chung của mỗi người đàn ông và đàn bà, nên chúng có những hậu quả thực tiễn và hiệu lực pháp lý, bởi vì “sẽ thật vô ích nếu tuyên bố nhân quyền mà đồng thời không làm mọi thứ để đảm bảo nghĩa vụ tôn trọng chúng, sự tôn trọng của tất cả mọi người, ở mọi nơi và cho tất cả mọi người”. [69] Trong số những quyền này, quyền đầu tiên là quyền sống, từ khi thụ thai đến khi kết thúc tự nhiên, [70] nếu không có quyền này thì không thể thực hiện bất cứ quyền nào khác. Khi quyền cơ bản này bị phủ nhận — như trong các trường hợp phá thai, giết người vô tội và an tử — chúng ta phải đối diện với những lựa chọn mà Giáo hội coi là sai trái nghiêm trọng. [71]

56. Nhìn vào thời đại của chúng ta, chúng ta không thể bỏ qua sự kiện này là việc bảo vệ nhân quyền đã bị phơi bày trước hai mối nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng. Thứ nhất là những quyền này được tuyên bố một cách hoàn toàn hình thức, trong khi tiến bộ kỹ thuật tiếp tục diễn ra song song với những vi phạm ngầm hoặc công khai về phẩm giá con người. Thứ hai, mà thực chất là góc rẽ của điều thứ nhất, là sự bất lực trong việc nhận ra nền tảng trong tính phổ quát của chúng, vì chúng ta đã từ bỏ “việc tìm kiếm những nền tảng vững chắc hỗ trợ các quyết định và luật pháp của chúng ta”. [72] Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã kêu gọi chúng ta không nên đánh giá thấp vấn đề cuối cùng này. Ngài chỉ ra rằng khi lý trí nghiêm túc xem xét bản chất con người, nó có khả năng khám phá ra những giá trị áp dụng cho tất cả

mọi người, bởi vì chúng bắt nguồn từ bản chất con người. Nếu nhiệm vụ tìm hiểu này bị bỏ rơi, có thể hình dung rằng những quyền được coi là bất khả xâm phạm ngày nay, trong tương lai, cuối cùng sẽ bị những người nắm quyền đặt câu hỏi hoặc phủ nhận, có lẽ sau khi chỉ đạt được sự đồng thuận bề ngoài từ các nhóm dân cư bị sợ hãi hoặc bị thao túng. [73]

57. Cùng với nhận thức lớn hơn về giá trị của mỗi con người và quyền của họ, sự công nhận quyền của các nhóm thiểu số cũng đã tăng lên. Tuy nhiên, vẫn còn một chặng đường dài để đảm bảo rằng quyền của rất nhiều người, đặc biệt là phụ nữ, được đảm bảo một cách bình đẳng và thực sự trên toàn thế giới. Thực tế là “những phụ nữ phải chịu đựng tình trạng bị loại trừ, ngược đãi và bạo lực càng nghèo khổ hơn, vì họ thường ít có khả năng bảo vệ quyền của mình.” [74] Do đó, chỉ đơn giản tuyên bố rằng nam và nữ có phẩm giá và quyền bình đẳng là chưa đủ; cần phải phản ánh điều này trong các quyết định cụ thể, chẳng hạn như trong luật pháp, tiếp cận việc làm, giáo dục, trách nhiệm xã hội và chính trị, và cách xã hội lắng nghe và đánh giá cao những đóng góp của phụ nữ. Chừng nào khoảng cách này còn tồn tại, chúng ta không thể nói rằng xã hội thực sự và đầy đủ công nhận rằng phụ nữ có phẩm giá như nam giới.

58. Chính các cá nhân mới là điều quan trọng, mỗi người, cùng với gia đình của họ. Các phong trào xã hội, hệ tư tưởng cộng đồng và những tuyên bố chính trị lớn lao ủng hộ một bộ phận dân chúng đều vô giá trị nếu chúng không dẫn đến sự thịnh vượng của con người – cả nam và nữ – với những quyền bất khả xâm phạm của họ. Tương tự, việc ca ngợi tự do cá nhân hay doanh nghiệp tư nhân là chưa đủ nếu sau đó chúng ta lại để cho nhiều người tiếp tục sống mà không có việc làm tử tế, sự bảo vệ hoặc tiếp cận với những nhu cầu cơ bản.

Các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội

Nguyên tắc lợi ích chung

59. Nhận thức rằng mỗi người đàn ông và đàn bà đều sở hữu một phẩm giá bất khả xâm phạm, cùng với những quyền mà không một thế lực nào của con người có thể phản bội hay vô hiệu hóa, đòi hỏi chúng ta phải định hình cách chúng ta sống cùng nhau, bao gồm cả những lựa chọn kinh tế và chính trị của chúng ta, và cấu trúc của các thành phố. Từ đó nảy sinh nguyên tắc chính đầu tiên của Học thuyết Xã hội mà tôi muốn nhấn mạnh: lợi ích chung. Chúng ta có thể mô tả nó như biểu thức xã hội của phẩm giá được công nhận trong mỗi con người. Khi Đức Bê-nê-đíc-tô XVI đề cập đến những giá trị không thể thương lượng mà Giáo hội phải luôn bảo vệ, ngài đã bao gồm trong đó “việc thúc đẩy lợi ích chung”. [75] Đối với một người Kitô hữu, việc vượt ra khỏi những giới hạn hẹp hòi của lợi ích cá nhân và cống hiến hết mình, trong khả năng của mình, cho lợi ích chung là một giá trị không thể thương lượng, cũng như việc cố vũ sự sống.

60. Công đồng Vatican II khẳng định rằng lợi ích chung bao gồm “tổng thể các điều kiện xã hội cho phép mọi người, dù là theo nhóm hay cá nhân, đạt được sự viên mãn của mình một cách trọn vẹn và dễ dàng hơn”. [76] Định nghĩa này cung cấp cho chúng ta một điểm tham chiếu ban đầu có giá trị, bởi vì lợi ích chung không thể bị thu hẹp thành một danh sách đơn thuần các điều kiện hoặc định chế. Nó không phải là tổng thể các lợi ích cá nhân, cũng không phải là sự giao thoa của các lợi ích riêng biệt của họ; đó là một lợi ích lớn hơn thuộc về tất cả mọi người, và nó chỉ có thể đạt được, nuôi dưỡng và bảo vệ bằng những nỗ lực tập thể của chúng ta. Chúng ta có thể nói rằng hành động xã hội đạt được sự viên mãn khi nó hướng tới lợi ích chung này, cũng như hành động đạo đức của một người tìm thấy sự viên mãn trong việc lựa chọn điều thiện đích thực. [77]

61. Theo nghĩa này, chúng ta có thể nói rằng toàn thể “lớn hơn tổng số các phần của nó” [78] và chính vì lý do này, “tổng số các lợi ích cá nhân không đủ khả năng tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn cho toàn thể gia đình nhân loại.” [79] Thật vậy, thật là ảo tưởng khi nghĩ rằng chỉ theo đuổi sự tiến bộ của bản thân mà không quan tâm đến người khác là đủ để đóng góp vào lợi ích chung. Quan điểm này bỏ qua giá trị vốn có và đặc thù của lợi ích chung, là kết quả của sự “phụ thuộc lẫn nhau” [80] tạo ra một mạng lưới lợi ích xã hội mở rộng và tác động đến mọi người. Lợi ích chung là một “phần cộng”, kết quả của sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau kết nối các hành động, sáng kiến, nỗ lực và quyết định khác nhau. Nếu chúng ta cộng các lợi ích cá nhân lại với nhau, chúng ta không thể giải thích sự tồn tại của “phần cộng” vốn vượt lên trên chúng và đồng thời làm giàu thêm cho chúng.

62. Việc theo đuổi lợi ích chung mang lại sức sống cho một dân tộc, được hiểu không chỉ đơn thuần là một tập hợp các cá nhân, mà là một thực tại sống động trong đó mọi người học cách nhận ra rằng bản thân họ có mối liên hệ với nhau và cùng chịu trách nhiệm về nền cộng hòa. Theo nghĩa này, mỗi người đóng góp vào việc xây dựng dân tộc mình thông qua “một nỗ lực chậm chạp và gian khổ đòi hỏi mong muốn hội nhập và sẵn sàng đạt được điều này thông qua sự phát triển của một nền văn hóa gặp gỡ hòa bình và đa diện.” [81] Làm việc cùng nhau vì lợi ích chung có nghĩa là có một tầm nhìn chung. Rõ ràng là có nhiều khác biệt về tư tưởng và thực hành giữa mọi người, cũng như những lợi ích khác nhau và những bất đồng thường xuyên, nhưng điều đó không có nghĩa là không thể tham gia đối thoại để thiết lập một tập hợp các thỏa thuận cơ bản cho phép tạo ra một tầm nhìn chung, dựa vào đó mọi người có thể cùng nhau tiến lên.

63. Nhà nước có trách nhiệm đảm bảo sự gắn kết, sự thống nhất và tổ chức đúng đắn của xã hội dân sự, để lợi ích chung có thể được theo đuổi với sự đóng góp của mọi người. Về mặt thực hành, điều này có nghĩa là các cơ quan công quyền có nhiệm vụ tể nhị là “hài hòa các lợi ích ngành khác nhau với các yêu cầu của công lý”, [82] tìm kiếm sự cân bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung, mà không bỏ lại những người dễ bị tổn thương nhất. Khi chính trị từ bỏ tầm nhìn dài hạn và tự thu hẹp lại thành những tính toán ngắn hạn hoặc sự phân cực vô ích, thì ngôn ngữ về lợi ích chung sẽ mất đi uy tín, đồng thời, bất bình đẳng và chia rẽ xã hội ngày càng gia tăng.

64. Điều này cũng áp dụng cho chính trị quốc tế. Khi khoảng cách giữa các quốc gia ngày càng rộng, tâm lý đối đầu và gây hấn bắt đầu hình thành, và con đường khó khăn hướng tới một thế giới thống nhất và có tình anh em hơn phải chịu những trở ngại mới và đau đớn. Trong bối cảnh này, việc nói về một hành trình chung hướng tới sự phát triển công bằng hơn cho toàn thể gia đình nhân loại “nghe có vẻ điên rồ”. [83] Tuy nhiên, chúng ta không được mất hy vọng. Tôi mời mọi người cùng suy nghĩ về các cách thức hợp tác và các định chế quốc tế hữu hiệu hơn, có khả năng bảo vệ lợi ích chung toàn cầu mà không làm tổn hại đến sự đa dạng hợp pháp của các dân tộc và quốc gia. Thật vậy, việc thúc đẩy lợi ích chung không bao giờ có thể tách rời khỏi việc tôn trọng quyền hiện hữu của các dân tộc, quyền bảo tồn bản sắc riêng và quyền đóng góp những phẩm chất độc đáo của họ cho cộng đồng quốc tế. [84] Hơn nữa, bất cứ nỗ lực hoặc kế hoạch nào nhằm xóa bỏ hoặc khuất phục một quốc gia đều là vô cùng phi đạo đức và do đó không thể chấp nhận được.

Nguyên tắc về đích đến phổ quát của của cải

65. “Trong số nhiều hàm ý của lợi ích chung, nguyên tắc đích đến phổ quát của của cải mang ý nghĩa trực tiếp.” [85] Trước hết, nguyên tắc này nhắc nhở chúng ta rằng của cải của trái đất

— đất, nước, không khí và tài nguyên thiên nhiên — được Chúa ban cho toàn thể gia đình nhân loại để duy trì sự sống của tất cả mọi người, và mỗi người đều có quyền có hữu đối với việc sử dụng những của cải đó, cả hiện tại và tương lai. Thánh Gioan Phaolô II nhắc lại rằng, “Thiên Chúa đã ban trái đất cho toàn thể nhân loại để nuôi sống tất cả các thành viên của nó, không loại trừ hay ưu ái bất cứ ai.” [86] Do đó, “không phù hợp với kế hoạch của Thiên Chúa khi sử dụng ơn ban này theo cách mà lợi ích của nó chỉ thuộc về một số ít người được chọn.” [87] Ngày nay, chúng ta được kêu gọi nhận ra rằng mục đích phổ quát này không chỉ áp dụng cho của cải vật chất, mà còn cho của cải phi vật chất và văn hóa.

66. Chắc chắn có quyền sở hữu tư nhân, có ý nghĩa và mục đích cụ thể riêng, nhưng nó luôn luôn phụ thuộc vào đích đến phổ quát của của cải. Theo Đức Gioan Phaolô II, sự phụ thuộc này là quy tắc vàng của hành vi xã hội và là “nguyên tắc đầu tiên của toàn bộ trật tự đạo đức và xã hội.” [88] Trong truyền thống của Giáo hội, tài sản được coi là phương tiện để bảo vệ và quản lý của cải sao cho chúng có thể phục vụ tốt hơn cho lợi ích chung. Vì “truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ công nhận quyền sở hữu tư nhân là tuyệt đối hoặc bất khả xâm phạm,” [89] nên chức năng xã hội của nó không được coi là một quan điểm thần học đơn thuần, mà là một học thuyết của Giáo hội, đã hiện diện trong Kinh Thánh và trong các tác phẩm của các Giáo phụ. Vì lý do này, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhắc nhở chúng ta rằng tình liên đới, khi được sống trọn vẹn nhất, cũng có nghĩa là “trả lại cho người nghèo những gì thuộc về họ.” [90]

67. Ngày nay, trong số những của cải được dành cho tất cả mọi người, chúng ta cũng phải bao gồm các hình thức sở hữu mới, chẳng hạn như bằng sáng chế, thuật toán, nền tảng kỹ thuật số, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dữ liệu. Trong bối cảnh mà sự giàu có của các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào kiến thức và kỹ thuật, khi những của cải này vẫn tập trung trong tay một số ít người, mà không có các hình thức chia sẻ và tiếp cận thích hợp, một sự mất cân bằng mới được tạo ra, trái ngược với đích đến phổ quát của cải. Đến lượt nó, nó làm gia tăng khoảng cách giữa những người được bao gồm và những người bị loại trừ, giữa những người có thể tham gia vào cuộc cách mạng kỹ thuật số và những người vẫn ở bên lề. Hơn nữa, việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta và trách nhiệm của chúng ta đối với người nghèo và các thế hệ tương lai đòi hỏi việc sử dụng các của cải do tạo hóa ban tặng và những khả năng mới do kỹ thuật mang lại phải được điều chỉnh theo cách tôn trọng môi trường, tránh lãng phí và ngăn chặn các hình thức bóc lột mới.

Nguyên tắc phụ đới

68. Nguyên tắc phụ đới xuất phát từ chính sự hiểu biết về con người đã hướng dẫn suy tư của chúng ta về phẩm giá và lợi ích chung. Nếu mỗi người đàn bà và người đàn ông được kêu gọi làm chủ cuộc sống của chính mình và đóng góp vào sự hình thành xã hội, thì các định chế xã hội cũng phải tôn trọng và hỗ trợ trách nhiệm này. Học thuyết Xã hội của Giáo hội đề cập đến nguyên tắc phụ đới như là nguyên tắc theo đó vai trò của cá nhân, gia đình, cộng đồng địa phương và các tổ chức trung gian không nên bị thay thế bởi các thẩm quyền cao hơn. Hơn nữa, các định chế cao cấp hơn phải công nhận, bảo vệ và thúc đẩy sự tự do và sáng tạo của các thực thể cấp thấp hơn, phối hợp các đóng góp của họ để họ có thể hợp tác hữu hiệu vì lợi ích chung. [91]

69. Bắt đầu từ Đức Lê-ô XIII và những khởi đầu của giáo huấn xã hội hiện đại, Giáo hội đã nhấn mạnh rằng cả cá nhân lẫn gia đình không nên bị Nhà nước chi phối, mà nên được phép hành động tự do, trong chừng mực có thể, mà không gây hại đến lợi ích chung. [92] Thánh Gioan Phaolô II đã tiếp thu và phát triển quan điểm này, lưu ý rằng cộng đồng chính trị phục

vụ xã hội dân sự và Nhà nước phải bảo vệ lợi ích chung, can thiệp khi cần thiết, nhưng không thay thế vĩnh viễn trách nhiệm của các tổ chức trung gian và các định chế xã hội. [93]

Nguyên tắc phụ đới không biện minh cho sự rút lui của Nhà nước, mà đúng hơn là hướng dẫn hành động của Nhà nước. Thật vậy, sự can thiệp của nhà nước là cần thiết chính để cho phép tất cả các chủ thể xã hội hoàn thành sứ mệnh của họ mà không bị kìm hãm. Cộng đồng chính trị có trách nhiệm tạo ra những điều kiện cho phép các cá nhân, gia đình, hiệp hội và các tổ chức trung gian hoàn thành sứ mệnh của họ trong xã hội, mà không bị thay thế hoặc bị giảm xuống chỉ còn là những người hỗ trợ. [94]

70. Nguyên tắc này khuyến khích chúng ta vượt ra khỏi bất cứ hình thức quản lý đời sống xã hội nào mang tính duy cha chú [paternalistic] hoặc dựa trên phúc lợi, mà thay vào đó thúc đẩy một nền văn hóa trách nhiệm chung trong một Nhà nước coi trọng sáng kiến của công dân và một xã hội dân sự có khả năng tạo dựng mối liên kết và huy động năng lực phục vụ lợi ích chung. Phù hợp với nguyên tắc phụ đới, các quyết định được đưa ra ở bình diện gần nhất có thể với những người liên quan, do đó thúc đẩy đời sống cộng đồng và tránh việc người dân phải đối diện với những quyết định đã được đưa ra. Bằng cách này, người dân có thể tham gia vào quá trình ra quyết định. Khi các gia đình, hiệp hội, cộng đồng địa phương, các tổ chức tình nguyện và những tổ chức thuộc điều gọi là “khu vực thứ ba” được công nhận và hỗ trợ, đời sống xã hội trở nên dễ tiếp cận hơn với người dân, các dịch vụ trở nên phù hợp hơn với nhu cầu thực tế và các giải pháp trở nên sáng tạo hơn và tôn trọng phẩm giá của mỗi người. [95]

71. Nguyên tắc phụ đới đặc biệt áp dụng trong bối cảnh cuộc cách mạng kỹ thuật số. Ở đây, cấp cao nhất không phải là Nhà nước, mà là các tác nhân kinh tế và kỹ thuật lớn thực thi quyền lực trên thực tế đối với các điều kiện của cuộc sống hàng ngày. Bình diện này, độc quyền về chuyên môn, dữ liệu và quyền ra quyết định, bao gồm các công ty và nền tảng xác định các điều kiện truy cập, quy tắc hiển thị, hình thức tương tác và thậm chí cả cơ hội kinh tế. Nguyên tắc phụ đới yêu cầu các quy trình như vậy không được áp đặt từ trên xuống một cách mờ ám và đơn phương, mà thay vào đó phải hướng tới lợi ích chung với tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và các hình thức tham gia có ý nghĩa (bao gồm kiểm tra độc lập, tính minh bạch về thuật toán, quyền truy cập dữ liệu công bằng và các kênh khiếu nại). [96]

72. Trong bối cảnh này, các quốc gia và các tổ chức siêu quốc gia được kêu gọi đảm bảo các quy tắc công bằng và các biện pháp bảo vệ hữu hiệu, để các cộng đồng địa phương, các tổ chức trung gian, trường học, đại học, các tổ chức và hiệp hội tôn giáo có tiếng nói và có thể đóng góp vào việc phân định các lựa chọn ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của người dân, chẳng hạn như việc làm, tiếp cận dịch vụ, quản lý dữ liệu và môi trường kỹ thuật số. Khi nói đến các quyết định liên quan đến các luồng kinh tế và nền tảng kỹ thuật số, cũng như việc quản trị dữ liệu và thuật toán, chúng ta không thể cho phép một số ít tác nhân tự ý quyết định các quy trình này; thay vào đó, chúng ta phải xây dựng các hình thức hợp tác tôn trọng các bình diện khác nhau của cộng đồng toàn cầu và khiến họ cùng chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. [97]

Nguyên tắc liên đới

73. Sau khi xem xét lợi ích chung và nguyên tắc phụ đới, tôi muốn suy gẫm về nguyên tắc liên đới. Nguyên tắc này xuất phát từ một tầm nhìn về con người được hình thành bởi đức tin, đó là mỗi con người được tạo ra theo hình ảnh của Thiên Chúa và là một phần của mạng lưới các mối quan hệ ràng buộc họ với những người khác, với các cộng đồng cụ thể và với tạo thế. Thánh Phaolô VI nhận thấy rằng các nghĩa vụ liên đới, công lý và bác ái bắt nguồn từ các

mối liên kết huynh đệ nhân bản và siêu nhiên kết nối các cá nhân và cộng đồng. [98] Tình huynh đệ không chỉ là một khát vọng của những người tin, mà là một thực tại xã hội và chính trị cần được hiện thân trong các lựa chọn và nỗ lực chung. Liên đới, do đó, là sự thừa nhận cụ thể rằng tương lai của mỗi cá nhân được kết nối với tương lai của tất cả; quả thật, “không ai được cứu rỗi một mình.” [99] Mỗi liên hệ chặt chẽ giữa nguyên tắc phụ đới và tình liên đới do đó trở nên rõ ràng. Như vậy, rõ ràng là có một mối liên hệ mật thiết giữa nguyên tắc phụ đới và tình liên đới. Khi nguyên tắc phụ đới không được liên kết với tình liên đới, nó cuối cùng chỉ trở thành sự bảo vệ các lợi ích cụ thể; khi tình liên đới không được hỗ trợ bởi nguyên tắc phụ đới, nó sẽ thoái hóa thành một hình thức phúc lợi không thúc đẩy trách nhiệm. [100] Sự liên kết này cũng liên quan đến trách nhiệm tham gia đích thực. Tình liên đới được phát biểu khi mỗi người, cả cá nhân và tập thể, tham gia vào đời sống cộng đồng — bằng cách cập nhật thông tin, tương tác với người khác, lên tiếng và đóng góp vào các quyết định và lựa chọn công cộng — đồng thời gánh vác trách nhiệm thực sự để đạt được lợi ích chung thông qua việc ra quyết định chung.

74. Trong nhiều lĩnh vực, chúng ta đã và đang trải nghiệm một loại “tình liên đới trên thực tế”, vì cuộc sống của chúng ta đan xen vào nhau; mạng lưới kỹ thuật số kết nối mọi người và cộng đồng trên khắp thế giới trong thời gian thực, và nền kinh tế và truyền thông toàn cầu có nghĩa là các sự kiện ở một nơi có tác động sâu rộng. Tuy nhiên, mạng lưới các mối quan hệ này chỉ cấu thành tình liên đới theo nghĩa đầy đủ nhất của hạn từ khi nó trở thành một lựa chọn có ý thức. Đức tin mời gọi chúng ta nhìn nhận thực tại này như một lời kêu gọi: chúng ta không chỉ là những người láng giềng của nhau, mà còn được giao phó cho nhau, để mỗi người trong chúng ta có thể chịu trách nhiệm, trong khả năng tốt nhất của mình, đối với cuộc sống và những vết thương của anh chị em mình. Tinh thần liên đới nảy sinh chính khi chúng ta quyết định không thờ ơ với những gì xảy ra với người láng giềng của mình mà thay vào đó biến những mối ràng buộc không thể tránh khỏi — kinh tế, văn hóa và kỹ thuật — thành những con đường chia sẻ, hợp tác và chăm sóc lẫn nhau, đón nhận ý tưởng “suy nghĩ và hành động theo tinh thần cộng đồng”. [101]

75. Giáo huấn xã hội của Giáo hội nhấn mạnh rằng liên đới vừa là một nguyên tắc vừa là một nhân đức. Là một nguyên tắc, nó nói lên trật tự khách quan của các mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và dân tộc, chỉ ra nhận thức về sự phụ thuộc lẫn nhau, theo đó lợi ích của mỗi người phụ thuộc vào lợi ích của người khác. Là một nhân đức, nó đòi hỏi một “quyết tâm vững chắc và kiên trì” [102] để phấn đấu vì lợi ích chung, đặc biệt chú ý đến những người cần giúp đỡ nhất. Đức Giáo Hoàng Phanxicô lưu ý rằng liên đới là “một cách làm nên lịch sử” [103] tạo ra các cộng đồng chứ không chỉ là những khối cá nhân. Vì lý do này, nó đòi hỏi một lối sống khiêm tốn và chia sẻ, khả năng từ bỏ lợi ích trước mắt để tạo cơ hội cho người khác trong tương lai, và sự sẵn lòng thách thức những thói quen và đặc quyền — bao gồm cả những thói quen và đặc quyền liên quan đến tiêu dùng kỹ thuật số và sử dụng kỹ thuật — khi chúng ngăn cản người khác sống một cách đàng hoàng.

76. Trong một thế giới được đánh dấu bởi những mối liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa con người, cộng đồng và quốc gia, tình liên đới cũng mang một chiều kích toàn cầu. Đức Bê-nê-đictô XVI đã hết sức nhấn mạnh mối liên hệ giữa phát triển, công lý và trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai, tuyên bố rằng sự phát triển đích thực đòi hỏi tình liên đới và công lý giữa các thế hệ, [104] cũng như nhận thức về những mối liên kết gắn kết chúng ta với môi trường tự nhiên. Ngày nay, trách nhiệm này cũng mở rộng đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và thông tin. Giống như môi trường tự nhiên, “hệ sinh thái kỹ thuật số” có thể được bảo tồn hoặc khai thác, chia sẻ hoặc độc quyền. Tình liên đới đòi hỏi các quyết định liên quan đến dữ liệu, thuật toán, nền tảng và trí tuệ nhân tạo phải tính đến không chỉ lợi ích trước mắt của một số ít

người, mà còn cả tác động đến tất cả mọi người và các thế hệ tương lai.

Nguyên tắc công bằng xã hội

77. Đối với cộng đồng Kitô giáo, công bằng xã hội là một cách cụ thể để noi theo Chúa Giêsu và trung thành với Tin Mừng. Trong Tân Ước, Chúa Giêsu loan báo “tin mừng cho người nghèo” (Lc 4:18) và đồng nhất mình với những người thấp hèn, người bệnh, người bị giam cầm và người lạ (xem Mt 25:31-46). Như vậy, Người dạy chúng ta rằng công lý được sinh ra từ và được hoàn thành trong tình huynh đệ, bởi vì cách chúng ta tiếp cận và liên hệ với những người thấp kém nhất trong chúng ta, nói một cách cụ thể, trở thành thước đo mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa và với anh chị em của chúng ta. Tuy nhiên, công lý không chỉ liên quan đến hành vi của các cá nhân, mà còn liên quan đến cách thức mà các cấu trúc của xã hội được hình thành và tổ chức. Về vấn đề này, Công đồng Vatican II nhắc nhở chúng ta rằng mọi định chế đều được kêu gọi phục vụ con người và phẩm giá của họ. [105] Do đó, công bằng xã hội được đặc trưng bởi khả năng của một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị cho phép mọi người — đặc biệt là những người yếu thế nhất — sống một cuộc sống thực sự có phẩm giá, không bỏ lại ai phía sau.

78. Giáo huấn gần đây đã nhấn mạnh rằng công bằng xã hội bắt đầu từ những người thấp kém nhất trong chúng ta. Thánh Gioan Phaolô II đã nói về sự lựa chọn ưu tiên cho người nghèo [106] phải hướng dẫn cả những lựa chọn cá nhân và xã hội, trong khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã lên án một “văn hóa ‘vứt bỏ’” [107] tạo ra những hình thức loại trừ ngày càng mới. Từ quan điểm này, công bằng xã hội đòi hỏi chúng ta phải nhìn vào các cá nhân và cộng đồng, bắt đầu từ những người dễ bị tổn thương nhất: người nghèo, người di cư, người tị nạn, người di dời trong nước, nạn nhân của bạo lực và những người sống ở vùng ngoại ô đô thị hoặc vùng ngoại ô về mặt hiện sinh.

79. Ý niệm “công bằng xã hội” giúp chúng ta nhận ra rằng sự bất công không chỉ phát sinh từ những lựa chọn sai lầm của cá nhân, mà còn từ các cấu trúc, cơ chế và hệ thống kinh tế và văn hóa tạo ra sự bất bình đẳng gần như tự động. Thánh Gioan Phaolô II đã nói về các cấu trúc tội lỗi [108] chống lại ý muốn của Thiên Chúa và đòi hỏi sự cam kết hoán cải cá nhân và xã hội. Theo quan điểm này, công lý không chỉ đơn thuần là việc phân phối nguồn lực công bằng hơn hoặc sửa chữa những bất công hiện tại, mà còn mang một chiều kích phục hồi. Nó nhằm mục đích hàn gắn những mối quan hệ đổ vỡ và tái hòa nhập những người bị loại trừ, có tính đến những vết thương do bất công gây ra, chẳng hạn như chiến tranh, chủ nghĩa thực dân, phân biệt chủng tộc hoặc giới tính, bạo lực chống lại toàn bộ các dân tộc và bóc lột. Điều này có thể bao gồm việc khôi phục phẩm giá và tiếng nói cho những người bị bỏ qua, thúc đẩy các quá trình chữa lành ký ức tập thể, chống lại các luật và thực hành phân biệt đối xử, và cung cấp hỗ trợ cụ thể cho những người vẫn còn gánh chịu hậu quả của những sai trái đã phải chịu đựng trong quá khứ.

80. Trong thời đại ngày nay, công lý xã hội cũng phải đối diện với môi trường được định hình bởi các kỹ thuật kỹ thuật số. Sự lan rộng của các mạng lưới toàn cầu, nền tảng và hệ thống trí tuệ nhân tạo đang thay đổi cách chúng ta thu thập thông tin, giao tiếp và tiếp cận các dịch vụ. Công lý đòi hỏi chúng ta phải ngăn chặn sự xuất hiện của các hình thức loại trừ và tước đoạt tự do mới: các cá nhân và dân tộc bị cản trở hoặc bị từ chối tiếp cận các kỹ thuật cơ bản, các cộng đồng bị phơi bày trước sự giám sát xâm phạm và các nhóm xã hội bị trừng phạt bởi các thuật toán mập mờ duy trì định kiến và phân biệt đối xử. Trong thời đại kỹ thuật số, một trật tự xã hội công bằng đảm bảo cho mọi người quyền tiếp cận bình đẳng các cơ hội, bảo vệ các thành viên trẻ nhất và yếu thế nhất trong xã hội, chống lại sự thù hận và thông tin

sai lệch, và đặt việc sử dụng dữ liệu và kỹ thuật dưới sự giám sát của công chúng, để nguyên tắc chỉ đạo không chỉ là lợi nhuận mà còn là phẩm giá của mỗi người và lợi ích chung của tất cả mọi người.

81. Một phép thử cho công lý xã hội ngày nay là cách đối xử với người di cư, người tị nạn và những người buộc phải di chuyển do nghèo đói, bạo lực, biến đổi khí hậu và thảm họa môi trường. Cách một xã hội đối xử với họ cho thấy liệu ý thức công lý của xã hội đó được thúc đẩy bởi nỗi sợ hãi hay bởi tinh thần bác ái. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã kêu gọi chúng ta nhìn nhận người di cư không chỉ đơn thuần là một vấn đề cần được quản lý, mà là hình ảnh sống động của dân Chúa đang di chuyển. [109] Họ là những người có phẩm giá, nguồn lực và ước mơ, có quyền được đối xử tôn trọng và yêu cầu trở thành thành viên tích cực của các xã hội chào đón họ. Công bằng xã hội trong lĩnh vực này bao hàm ít nhất hai cam kết bổ sung cho nhau. Một mặt, điều này có nghĩa là bảo vệ những hy vọng chính đáng của những người buộc phải rời bỏ quê hương bằng cách đảm bảo các tuyến đường an toàn và hợp pháp, điều kiện tiếp nhận xứng đáng và con đường hội nhập thực sự. Mặt khác, điều này có nghĩa là thúc đẩy quyền được ở lại quê hương trong hòa bình và an ninh bằng cách giải quyết các nguyên nhân gốc rễ buộc người dân phải di cư, bao gồm cả những nguyên nhân liên quan đến bất công kinh tế và khủng hoảng khí hậu. Khi những quyền này được tôn trọng, di cư có thể trở thành cơ hội gặp gỡ và làm giàu lẫn nhau giữa các dân tộc.

Phát triển con người toàn diện

82. Trong Thông điệp *Populorum Progressio*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI khẳng định rằng sự phát triển chỉ thực sự đúng đắn nếu nó “toàn diện”, có nghĩa là nó có thể “phát huy sự phát triển của mỗi người và của toàn thể con người”. [110] Trong những thập niên tiếp theo, Học thuyết Xã hội của Giáo hội đã nhắc lại và suy gẫm về cách diễn đạt này để chỉ ra những cách thức thực tiễn mà các nguyên tắc cao cả — phẩm giá, lợi ích chung, đích đến phổ quát của của cải, tính phụ đới, tình liên đới và công bằng xã hội — được thực hiện trong đời sống thực tế. “Phát triển toàn diện con người” ở đây có nghĩa là một quá trình trong đó sự phát triển của cá nhân và dân tộc bao trùm tất cả các khía cạnh của sự tồn tại và mở ra tương lai cho các thế hệ kế tiếp.

83. Đối với cá nhân cũng như các quốc gia, phát triển vừa là nghĩa vụ vừa là quyền lợi. Cần có những điều kiện tối thiểu để cho phép mỗi người và mỗi dân tộc phát triển thịnh vượng phù hợp với phẩm giá của họ, mà không bị giữ trong tình trạng phụ thuộc hoặc bị loại trừ khỏi việc tiếp cận các hàng hóa cần thiết. Phát triển thực sự là nhân bản khi nó đặt con người làm trung tâm thay vì tích lũy của cải, và khi nó liên quan đến các dân tộc cũng như các cá nhân. Công lý đòi hỏi sự công nhận các quyền của xã hội và các quyền của các dân tộc, và bao gồm trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai. Phát triển không thực sự mang tính nhân bản nếu nó làm tăng mức tiêu thụ cho một số người trong khi chuyển gánh nặng chi phí sang những người khác, hoặc đẩy toàn bộ các khu vực vào vai trò phụ thuộc, ngăn cản họ phát huy hết tiềm năng của mình. [111] Phát triển mang tính toàn diện khi nó không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn thúc đẩy chất lượng cuộc sống ở các khía cạnh tinh thần, văn hóa, đạo đức và quan hệ, đồng thời tôn trọng ngôi nhà chung của chúng ta, sự đa dạng của các dân tộc và lối sống của họ. [112]

84. Ngày nay, khái niệm phát triển toàn diện con người là một chuẩn mực để đánh giá sinh thái toàn diện, vốn đã trở thành một khía cạnh không thể thiếu của Học thuyết Xã hội của Giáo hội. Thật vậy, chất lượng phát triển được đo lường bằng khả năng tích hợp công lý đối với con người và việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta, và thúc đẩy điều kiện sống

xứng đáng, tiếp cận các hàng hóa cần thiết, các mối quan hệ xã hội công bằng, chăm sóc tạo thế và quan tâm đến các thế hệ tương lai. Từ đó suy ra rằng tiến bộ thực sự không phải là điều làm tăng phúc lợi của một số người bằng cách làm suy thoái hệ sinh thái, chuyển gánh nặng chi phí sang các cộng đồng thiệt thòi nhất, hoặc làm tổn hại đến điều kiện sống của những người sẽ kế vị chúng ta.

85. Nhìn theo ánh sáng này, phát triển toàn diện con người là khuôn khổ mà qua đó chúng ta có thể diễn giải những thay đổi của thời đại chúng ta, bao gồm cả những thay đổi do cuộc cách mạng kỹ thuật số mang lại. Những đổi mới kỹ thuật, bao gồm cả trí tuệ nhân tạo, không phải là trung lập, bởi vì chúng có thể thúc đẩy sự tham gia và công lý hoặc làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng, kiểm soát và loại trừ. Vì lý do này, chúng phải được đánh giá bằng cách đặt ra một câu hỏi quan trọng: Liệu chúng có thực sự giúp các cá nhân và các dân tộc trở nên nhân bản và huynh đệ hơn, đồng thời tôn trọng ngôi nhà chung của chúng ta và các thế hệ tương lai? Chính tại đây, các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội trở thành tiêu chuẩn cụ thể để phân định về các vấn đề mà chúng ta sẽ đề cập trong các chương tiếp theo.

Một cuộc xét mình cho Giáo hội

86. Tóm lại, tôi muốn đề cập đến một điểm đặc biệt gần gũi với trái tim tôi. Học thuyết Xã hội không chỉ đơn thuần là một thông điệp gửi đến xã hội; nó còn là một cuộc tự vấn lương tâm cho Giáo hội — một ngôi nhà và trường học của sự hiệp thông luôn được kêu gọi đảm bảo rằng các nguyên tắc được nêu trong chương này được áp dụng, đặc biệt là trong các cấu trúc của chính mình. Trong bối cảnh Giáo hội, lợi ích chung mang hình thức của một cách tiếp cận đồng nghị cho sứ mệnh phục vụ Nước Trời. Thật vậy, Giáo hội là “chủ thể cộng đồng và lịch sử của tính đồng nghị và sứ mệnh”. [113] Điều này đòi hỏi sự chú ý đến cách thức đưa ra quyết định và thực hiện trách nhiệm. Văn kiện Cuối cùng của Thượng Hội đồng xác định một nền văn hóa minh bạch, trách nhiệm giải trình và đánh giá là những thực tiễn quan trọng cho sự chuyển đổi truyền giáo. [114]

87. Với suy nghĩ này, nguyên tắc phụ đới trở thành nguyên tắc hướng dẫn cho việc quản trị và đời sống mục vụ. Nó bao gồm việc công nhận và hỗ trợ các tổ chức giáo hội trung gian và tín hữu khi họ thực hiện trách nhiệm của mình, coi trọng các đặc sủng và kỹ năng, đồng thời tránh mọi hình thức của chủ nghĩa duy cha chú bóp nghẹt tự do Tin Mừng. Về mặt thực hành, sự tham gia của những người đã được rửa tội vào các quá trình ra quyết định và trách nhiệm chung của họ trong sứ mệnh được thực hiện thông qua các cơ quan tham gia thực sự, chứ không chỉ mang tính hình thức. [115]

88. Đối với cộng đồng Kitô giáo, tình liên đới bắt nguồn từ mầu nhiệm của Chúa Kitô và được nuôi dưỡng bởi Bí tích Thánh Thể. Tình liên đới nảy sinh từ sự hiệp thông trong đức tin và các Bí tích: Bí tích Rửa tội và Bí tích Thêm sức kết hợp chúng ta trong Chúa Kitô, để chúng ta trở thành một Thân Thể và một Thân Khí, một Tâm Hồn và một Linh Hồn (xem *Ê-phê-sô* 4:4; *Công vụ* 4:32). Bí tích Thánh Thể, là bí tích của sự hiệp nhất, nuôi dưỡng sự thuộc về Thân Thể Chúa Kitô của chúng ta và dạy chúng ta cách chia sẻ. Sự đa dạng về cảm nhận trong Giáo hội và những niềm tin mạnh mẽ thúc đẩy mỗi người là nguồn phong phú nếu chúng được neo giữ trong sự chắc chắn rằng sự hiệp nhất là một ơn ban đã nhận được và là một trách nhiệm cần phải hoàn thành.

89. Sống công lý trong Giáo hội có nghĩa là thanh lọc các mối quan hệ và cấu trúc Giáo hội khỏi những sự méo mó dẫn đến bất bình đẳng, thiếu minh bạch và lạm dụng quyền lực. Về vấn đề này, lắng nghe các nạn nhân của sự lạm dụng về tinh thần, kinh tế, định chế, tình dục

và quyền lực, cũng như lạm dụng lương tâm, là một phần không thể thiếu của hành trình hướng tới công lý, bao gồm việc thừa nhận những tổn hại đã gây ra, bồi thường công bằng và thực hiện các bước để ngăn chặn điều đó xảy ra lần nữa. Mọi quyền lực đều phục vụ cho sự hiệp thông và sứ mệnh. Mọi thẩm quyền đều phục vụ dân Chúa. Thừa tác vụ phục vụ này được phát biểu không những qua đức tin của chúng ta được cử hành và sống trong các Bí tích, và trong việc áp dụng phong cách đồng nghị, mà còn trong việc chia sẻ của cải cụ thể. Theo gương của Giáo hội sơ khai, các nguồn lực của Giáo hội cần được chia sẻ để không ai trong chúng ta phải thiếu thốn (xem *Công vụ* 4:34), và để việc quản lý chúng có thể hỗ trợ sứ mệnh rao giảng Tin Mừng cho những người nghèo nhất. Việc đánh giá thường xuyên việc thực hiện các trách nhiệm mục vụ nên được khuyến khích, không phải như những phán xét đối với cá nhân, mà như những công cụ để học hỏi và sửa chữa hướng tới sứ mệnh. [116] Chỉ khi nào chúng ta mở lòng đón nhận sự tác động của Chúa Thánh Thần thì những nguyên tắc của Học thuyết Xã hội này mới được nhập thể trong đời sống Giáo hội. Bằng cách này, Giáo hội sẽ có thể làm chứng đáng tin cậy cho xã hội rằng việc cùng nhau tìm kiếm lợi ích chung, với trách nhiệm chung và tình huynh đệ, không phải là không tưởng, nhưng là một khả thể thực sự. (117)

CHƯƠNG BA: KỸ THUẬT VÀ SỰ THỐNG TRỊ. SỰ VĨ ĐẠI CỦA NHÂN LOẠI DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA NHỮNG LỜI HỨA HẸN CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

90. Sau khi nhắc lại những nguyên tắc soi sáng Học thuyết Xã hội, giờ đây tôi muốn tập trung vào một số thách thức đang định hình sâu sắc cách sống của chúng ta ngày nay. Hình ảnh Kinh Thánh đi kèm với những suy tư này là hình ảnh của một dự án xây dựng. Một mặt, đó là Tháp Babel, nơi nỗ lực tập thể tuân theo một kế hoạch thống trị và cuối cùng làm mất đi tính nhân tính (xem *Sáng thế* 11:1-9). Mặt khác, đó là những tàn tích của Giêrusalem, được xây dựng lại từng phần dưới sự chỉ đạo của Nơ-khe-mi-a như một dự án trách nhiệm chung (xem *Nơ-khe-mi-a* 2-6). Chúng ta được mời gọi suy gẫm về những “công trường xây dựng” vĩ đại của thời đại chúng ta và tự hỏi: Chúng ta đang xây dựng cái gì? Khi sự phát triển kỹ thuật nhanh chóng biến đổi ngôn ngữ, các mối quan hệ, kỹ thuật và các hình thức quyền lực, chúng ta, những người tin Chúa, phải và có thể lựa chọn những dự án nào để thực hiện và bằng cách nào, để bảo vệ và trân trọng sự vĩ đại của nhân loại từng được ban cho chúng ta như quà tặng. Đây không chỉ là sự lựa chọn cho tương lai mà còn cho hiện tại, vì trí tuệ nhân tạo và các kỹ thuật mới nổi khác đã là một phần trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

91. Tôi tin chắc rằng cách thức cụ thể để sống các mối quan hệ xã hội theo ánh sáng Tin Mừng không được thiết lập một lần và mãi mãi, mà vẫn là một nhiệm vụ được giao phó từ thế hệ này sang thế hệ khác cho cộng đồng Kitô giáo. Dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội cho phép mình được soi sáng bởi Lời Chúa, đọc các dấu hiệu của thời đại và sáng tạo tìm kiếm những cách thức mới để các mối quan hệ giữa các dân tộc và quốc gia ngày càng phù hợp hơn với những đòi hỏi của Nước Thiên Chúa. [118] Vì lý do này, tôi khuyến khích tất cả các thành viên của Giáo Hội đừng sợ hãi những thách thức hiện tại, mà hãy lắng nghe lẫn nhau và vững vàng đón nhận trách nhiệm của mình trong việc xây dựng một xã hội nhân bản và huynh đệ hơn.

Mô hình kỹ trị và quyền lực kỹ thuật số

92. Trong Thông điệp *Laudato Si'*, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã lên án sự thống trị ngày càng tăng của mô hình kỹ trị [119] trong thế giới toàn cầu hóa của chúng ta: xu hướng để cho luận lý học hiệu năng, kiểm soát và lợi nhuận định hình các quyết định bản thân, xã hội và kinh tế. Điều này cho thấy rõ rằng kỹ thuật không chỉ đơn thuần là một công cụ. Khi nó trở

thành tiêu chuẩn để đánh giá mọi thứ, nó bắt đầu quyết định điều gì quan trọng và điều gì có thể bị loại bỏ, biến sự sáng tạo thành đối tượng khai thác và con người thành những bánh răng đơn thuần trong một hệ thống hướng tới hiệu năng ngày càng cao hơn.

93. Mô hình này đã lan rộng nhanh chóng trong những năm gần đây, một phần được thúc đẩy bởi sự mở rộng của trí tuệ nhân tạo, khoa học nhận thức, kỹ thuật nano, robot và kỹ thuật sinh học. Bản thân những đổi mới này có thể phục vụ rất nhiều cho sự phát triển toàn diện của con người và việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta. Tuy nhiên, chính vì sức mạnh của chúng, chúng cũng có thể đẩy nhanh sự mở rộng của mô hình kỹ trị và do đó đòi hỏi một khuôn khổ tinh thần, đạo đức và chính trị mới. Nhiều quyền lực hơn không nhất thiết có nghĩa là điều gì đó tốt hơn. Về khía cạnh này, lời của Romano Guardini vẫn còn phù hợp: “Con người đương thời chưa được đào tạo để sử dụng quyền lực một cách tốt đẹp.” [120]

94. Nguy cơ nhân loại trở thành nạn nhân của chính những thành tựu của mình đã được Thánh Phaolô VI nhận ra rõ ràng, ngài cảnh báo rằng “tiến bộ khoa học phi thường nhất, những kỳ tích kỹ thuật đáng kinh ngạc nhất và sự tăng trưởng kinh tế đáng kinh ngạc nhất, nếu không đi kèm với tiến bộ đạo đức và xã hội đích thực, về lâu dài sẽ phản tác dụng đối với con người.” [121] Vì lý do này, tiến bộ kỹ thuật— tự nó đã có giá trị — đòi hỏi sự phân định cẩn thận về tầm nhìn nhân học hướng dẫn nó và những mục tiêu mà nó theo đuổi. Nếu sự phát triển kỹ thuật tiến bộ mà không có sự tiến bộ đạo đức và xã hội tương ứng, kết quả có thể là sự gia tăng về phương tiện mà không có sự phát triển về nhân tính: “có nhiều hơn” mà không “trở nên tốt hơn”. Trong kịch bản như vậy, có nguy cơ các cá nhân sẽ được đánh giá chủ yếu dựa trên kết quả mà họ tạo ra. [122]

95. Ở đây, chúng ta phải nhận ra một khía cạnh quan trọng khác mà tôi đã lưu ý trước đó. Trong nhiều trường hợp trong bối cảnh kỹ thuật số, quyền kiểm soát các nền tảng, cơ sở hạ tầng, dữ liệu và sức mạnh tính toán không nằm ở các quốc gia, mà thuộc về các chủ thể kinh tế và kỹ thuật lớn. Những thực thể này thực chất thiết lập các điều kiện truy cập, xác định các quy tắc hiển thị và định hình chính các khả năng tham gia. Khi quyền lực như vậy tập trung trong tay một số ít người, nó có xu hướng trở nên mờ ám và né tránh sự giám sát của công chúng, làm tăng nguy cơ các hình thức phát triển méo mó dẫn đến sự phụ thuộc, loại trừ, thao túng và bất bình đẳng mới.

96. Trước sự tập trung quyền lực này trong thế giới kỹ thuật số, các tiêu chuẩn để phân xét và phân biệt trong tình huống mới này là các nguyên tắc cao quý của Học thuyết Xã hội: phẩm giá bất khả xâm phạm của con người, lợi ích chung, đích đến phổ quát của của cải, nguyên tắc phụ đối, tình liên đới và công bằng xã hội. Chúng yêu cầu chúng ta đánh giá xem liệu sức mạnh của cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và thuật toán có thực sự thúc đẩy sự tham gia và trách nhiệm, bảo vệ những người dễ bị tổn thương, đảm bảo tiếp cận công bằng với các cơ hội và vẫn hướng tới lợi ích chung hay không. Trên cơ sở này, giờ đây chúng ta có thể xem xét kỹ hơn trí tuệ nhân tạo là gì, những khả năng mà nó mở ra và những rủi ro mà nó mang lại.

Trí tuệ nhân tạo

97. Ở đây, tôi không có ý định đưa ra một cách tiếp cận toàn diện về trí tuệ nhân tạo, cũng như không đưa ra một cái nhìn tổng quan về các tài liệu liên quan rộng lớn, vì đã có những đóng góp có thẩm quyền, kể cả trong bối cảnh giáo hội. [123] Tôi chỉ giới hạn mình ở việc nhắc lại một vài yếu tố thiết yếu cho sự phân định đạo đức và xã hội nhằm bảo vệ tính ưu việt của con người, để đảm bảo rằng chính trí tuệ con người, với lương tâm và tự do của nó, sẽ luôn hướng dẫn những đổi mới kỹ thuật và xác định một cách có trách nhiệm việc sử dụng và

giới hạn của chúng.

98. Cần phải mở đầu cuộc thảo luận này bằng hai cân nhắc. Thứ nhất, bất cứ tuyên bố nào liên quan đến AI đều có nguy cơ nhanh chóng trở nên lỗi thời, do tốc độ phát triển đáng kể của các hệ thống này. Thứ hai, tất cả chúng ta, kể cả những người thiết kế chúng, đều chỉ có hiểu biết hạn chế về cách thức hoạt động thực tế của chúng. Thật vậy, các hệ thống AI hiện nay được “nuôi dưỡng” nhiều hơn là “xây dựng”, bởi vì các nhà phát triển không trực tiếp thiết kế từng chi tiết, mà thay vào đó tạo ra một khuôn khổ trong đó trí tuệ “phát triển”. Kết quả là, các khía cạnh khoa học cơ bản — chẳng hạn như các biểu diễn nội bộ và các quy trình tính toán của các hệ thống này — hiện vẫn chưa được biết đến. Do đó, xuất hiện một nhu cầu cấp thiết về cam kết kép: một mặt, làm sâu sắc thêm nghiên cứu khoa học; mặt khác, thực hành sự phân định đạo đức và tâm linh.

99. Không thể đưa ra một định nghĩa duy nhất, toàn diện về AI. Tuy nhiên, điều có thể khẳng định là chúng ta phải tránh quan niệm sai lầm khi đánh đồng loại “trí tuệ” này với trí tuệ của con người. Các hệ thống này chỉ đơn thuần bắt chước một số chức năng nhất định của trí tuệ con người. Khi làm như vậy, chúng thường vượt trội hơn trí tuệ con người về tốc độ và khả năng tính toán, mang lại lợi ích hữu hình trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, sức mạnh này vẫn hoàn toàn gắn liền với việc xử lý dữ liệu. Cái gọi là trí tuệ nhân tạo không trải qua kinh nghiệm, không có thân thể, không cảm nhận được niềm vui hay nỗi đau, không trưởng thành qua các mối quan hệ và không hiểu từ sâu bên trong ý nghĩa của tình yêu, công việc, tình bạn hay trách nhiệm. Chúng cũng không có lương tâm đạo đức, vì chúng không phán xét thiện ác, không nắm bắt được ý nghĩa cuối cùng của các tình huống, hoặc chịu trách nhiệm về hậu quả. Chúng có thể bắt chước ngôn ngữ, hành vi và kỹ năng phân tích, hoặc thậm chí mô phỏng sự đồng cảm và thấu hiểu, nhưng chúng không hiểu những gì chúng tạo ra, bởi vì chúng thiếu góc nhìn về tình cảm, mối quan hệ và tâm linh mà con người cần để trưởng thành trong khôn ngoan. Ngay cả khi những công cụ này được mô tả là có khả năng “học hỏi”, cách thức học hỏi của chúng cũng khác với con người. Đó không phải là trải nghiệm của những người cho phép bản thân được định hình bởi cuộc sống và trưởng thành theo thời gian thông qua những lựa chọn, sai lầm, sự tha thứ và lòng trung thành. Thay vào đó, đó là một hình thức thích nghi thông kê dựa trên dữ liệu và phản hồi, có thể rất hiệu quả, nhưng không hàm ý sự trưởng thành nội tâm.

Một công cụ quý giá nhưng cần sự cảnh giác

100. Dựa trên những điều đã nói, chúng ta có thể hiểu rõ hơn tại sao AI có thể là một công cụ quý giá và đồng thời, tại sao nó đòi hỏi một cách tiếp cận thận trọng và có chừng mực. Trong những năm gần đây, việc sử dụng AI trong đời sống cá nhân đã mở rộng đáng kể, dẫn đến sự suy giảm ngày càng tăng về cả những cơ hội mà nó mang lại và những rủi ro gắn liền với sự lan rộng nhanh chóng của nó. Trong sử dụng cá nhân, ba khía cạnh đặc biệt cần được xem xét cẩn thận: sự dễ dàng trong việc thu được kết quả, ấn tượng về tính khách quan và sự mô phỏng truyền thông của con người. Tốc độ và sự đơn giản trong việc truy cập thông tin, các phân tích phức tạp, nội dung truyền thông và hỗ trợ thực tiễn chắc chắn làm cho cuộc sống dễ dàng hơn. Tuy nhiên, chúng cũng có thể khuyến khích sự phụ thuộc quá mức và việc tìm kiếm các câu trả lời có sẵn, đồng thời làm suy yếu khả năng sáng tạo và phán đoán bản thân. Tính khách quan rõ ràng của các phản hồi và đề xuất mà các hệ thống này cung cấp có thể khiến chúng ta bỏ qua sự kiện này là chúng phản ánh các giả định văn hóa của những người đã thiết kế và huấn luyện chúng, với tất cả những điểm mạnh và hạn chế của chúng. Sự bắt chước nhân tạo truyền thông tích cực của con người - những lời khuyên, sự đồng cảm, tình bạn và thậm chí cả tình yêu - có thể hấp dẫn và đôi khi thực sự hữu ích. Tuy nhiên, đối với

những người dùng thiếu tinh ý, điều này cũng có thể gây hiểu lầm, tạo ra ảo tưởng về một mối quan hệ với một người thật. Khi lời nói được giả tạo, chúng không xây dựng được mối quan hệ chân chính, mà chỉ là vẻ bề ngoài. Sự bất chước giả tạo về sự quan tâm hoặc hỗ trợ có thể trở nên đặc biệt nguy hiểm khi nó xuất hiện trong những bối cảnh thiếu vắng các mối quan hệ thực sự và sự gắn kết tình cảm. Ở đây, mối nguy hiểm không nằm ở chỗ một người có thể tin rằng họ đang giao tiếp với một người khác, nhưng thực chất là họ có thể dần đánh mất chính mong muốn tạo dựng những mối liên hệ chân thành giữa người với người.

101. Mở rộng tầm nhìn về việc sử dụng AI trong xã hội, chúng ta thấy rằng nó hiện đang được tích hợp vào các quy trình ra quyết định trên nhiều lĩnh vực và ở nhiều bình diện: trong truyền thông, quản lý và kiểm soát. Lợi ích về hiệu quả và tiềm năng cải thiện một số dịch vụ là rõ ràng, nhưng việc áp dụng chúng một cách nhanh chóng và thiếu cân nhắc sẽ khiến chúng ta đối diện với một loạt rủi ro, bao gồm cả xu hướng bỏ qua tác động đến môi trường. Các hệ thống AI hiện nay đòi hỏi lượng năng lượng và nước khổng lồ, ảnh hưởng đáng kể đến lượng khí thải carbon dioxide, và gây áp lực lớn lên tài nguyên thiên nhiên. Khi độ phức tạp của chúng tăng lên, đặc biệt là trong trường hợp các mô hình ngôn ngữ lớn, nhu cầu về sức mạnh tính toán và dung lượng lưu trữ cũng tăng lên, đòi hỏi một mạng lưới máy móc, cáp, trung tâm dữ liệu và cơ sở hạ tầng tiêu tốn nhiều năng lượng. Vì lý do này, điều cần thiết là phải phát triển các giải pháp kỹ thuật bền vững hơn nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và giúp bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta. [124]

Trách nhiệm, tính minh bạch và quản trị AI

102. Việc sử dụng AI không bao giờ chỉ là vấn đề kỹ thuật thuần túy: khi nó tham gia vào các quy trình ảnh hưởng đến cuộc sống của con người, nó tác động đến quyền, cơ hội, địa vị và tự do. Các quyết định quan trọng và nhạy cảm — liên quan đến việc làm, tín dụng, tiếp cận các dịch vụ công cộng hoặc thậm chí là danh tiếng của một người — có nguy cơ bị giao hoàn toàn cho các hệ thống tự động không biết đến “lòng trắc ẩn, sự khoan dung, sự tha thứ, và trên hết là hy vọng rằng con người có thể thay đổi,” [125] và do đó có thể dẫn đến các hình thức loại trừ mới. Rõ ràng có những cách sử dụng có hại, chẳng hạn như thao túng thông tin hoặc vi phạm quyền riêng tư. Tuy nhiên, cũng có một mối nguy hiểm tinh vi hơn, bởi vì khi các hệ thống AI tự thể hiện mình là trung lập và khách quan, chúng cuối cùng lại phản ánh và củng cố các khuôn mẫu hoặc thành kiến về tư tưởng của những người thiết kế và phát triển chúng.

103. Thật vậy, việc giao phó cho một thuật toán trên thực tế quyền lựa chọn ai xứng đáng hay không, mà không ai chịu trách nhiệm về phán xét đó, là giao phó nhiệm vụ định nghĩa lại ranh giới của khả năng con người. Trong quá trình này, trách nhiệm chính trị cũng bị mất đi, không chỉ là sự đồng cảm đối với những người bị loại trừ, điều mà xét cho cùng cũng có thể được giả tạo. Việc loại trừ những người dễ bị tổn thương được che đậy bằng một lớp vỏ bọc trung lập và khách quan, khiến việc phản đối trở nên khó khăn. Bằng cách này, sự bất công không bị chú ý, và lòng thương xót, sự khoan dung và tha thứ — được hiểu không chỉ là vẻ bề ngoài mà là những hành động chính trị thực sự — dần dần biến mất khỏi tầm nhìn.

104. Từ đó dẫn đến một hệ quả đơn giản nhưng thuyết phục: chúng ta không thể coi AI là trung lập về mặt đạo đức. Trên thực tế, mọi công cụ kỹ thuật đều thể hiện các lựa chọn và ưu tiên thông qua những gì nó đo lường, bỏ qua và tối ưu hóa, và cách nó phân loại con người và tình huống. Nếu một hệ thống được thiết kế hoặc sử dụng theo cách đối xử với một số sinh mạng là kém giá trị hơn, hoặc loại trừ họ mà không có khả năng kháng cáo, thì nó không chỉ đơn thuần là một công cụ “để sử dụng tốt”, vì nó đã đưa ra các tiêu chuẩn mâu thuẫn với

phẩm giá bất khả xâm phạm của con người. Vì lý do này, sự phân định đạo đức không thể chỉ giới hạn ở việc hỏi liệu chúng ta đang sử dụng một hệ thống cho mục đích tốt hay xấu; nó cũng phải khảo sát xem cách hệ thống đó được thiết kế và tâm nhìn nào về con người và xã hội được đặt để trong dữ liệu và mô hình hướng dẫn nó. [126]

105. Để AI tôn trọng phẩm giá con người và thực sự phục vụ lợi ích chung, trách nhiệm phải được xác định rõ ràng ở mọi giai đoạn: từ những người thiết kế và phát triển các hệ thống này đến những người sử dụng chúng và dựa vào chúng để đưa ra các quyết định cụ thể. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các quy trình nội bộ dẫn đến kết quả vẫn còn mơ hồ, khiến việc phân công trách nhiệm và sửa chữa lỗi trở nên khó khăn hơn. Đây là lúc trách nhiệm giải trình trở nên quan trọng: khả thể xác định ai phải “chịu trách nhiệm” về các quyết định, biện minh cho chúng, giám sát chúng và, khi cần thiết, thách thức chúng và khắc phục mọi thiệt hại gây ra. [127]

106. Kêu gọi sự thận trọng, đánh giá nghiêm ngặt và thậm chí, đôi khi, tốc độ chậm hơn trong việc áp dụng AI không có nghĩa là chống lại sự tiến bộ; thay vào đó, đó là một thao tác chăm sóc có trách nhiệm đối với gia đình nhân loại. Nhu cầu này càng trở nên cấp thiết hơn khi thường xuyên có sự mất cân bằng giữa tốc độ tăng trưởng kỹ thuật và sự phát triển chậm hơn của nhận thức, chuẩn mực, biện pháp bảo vệ và các định chế có khả năng quản lý các tác động của nó. Không chỉ cần viện dẫn đạo đức một cách trừu tượng; cần có các khuôn khổ pháp lý vững chắc, sự giám sát độc lập, người dùng được thông tin đầy đủ và một hệ thống chính trị không thoái thác trách nhiệm. Nếu không, sự thay đổi sẽ chỉ bị chi phối bởi tư duy kỹ trị và được trình bày như là cần thiết và không thể tránh khỏi, cuối cùng sẽ áp đặt các quy tắc do những người kiểm soát dữ liệu, cơ sở hạ tầng và sức mạnh tính toán đặt ra.

107. Chúng ta không thể chỉ hài lòng với việc kêu gọi phải đạo đức hóa máy móc — điều gọi là “sự xếp hàng” AI cho phù hợp với các giá trị con người — mà không có đủ can đảm để nhấn mạnh thêm một điều kiện nữa: khả năng thảo luận công khai về các khuôn khổ đạo đức liên quan và đưa chúng vào các tiêu chuẩn chung về công bằng xã hội. Nếu không, những người kiểm soát AI sẽ áp đặt tầm nhìn đạo đức của riêng họ, điều này sẽ trở thành cơ sở hạ tầng vô hình của các hệ thống này. Một AI có đạo đức hơn là chưa đủ nếu đạo đức đó được quyết định bởi một số ít người. Điều cần thiết là sự tham gia chính trị tích cực hơn, có khả năng làm chậm mọi thứ khi mọi thứ đang tăng tốc, và bảo vệ các cơ hội cho các cộng đồng vẫn có thể tham gia và đặt câu hỏi.

108. Trên thực tế, cũng như mọi sự thay đổi kỹ thuật lớn, AI có xu hướng khuếch đại quyền lực của những người đã sở hữu các nguồn lực kinh tế, chuyên môn và quyền truy cập dữ liệu. Xét về lợi ích chung và mục đích phổ quát của hàng hóa, điều này làm dấy lên những lo ngại nghiêm trọng, vì các nhóm nhỏ nhưng có ảnh hưởng lớn có thể định hình các mô hình thông tin và tiêu dùng, ảnh hưởng đến các quy trình dân chủ và điều khiển động lực kinh tế theo hướng có lợi cho riêng họ, làm suy yếu công bằng xã hội và tình liên đới giữa các dân tộc. Vì lý do này, điều cần thiết là việc sử dụng AI, đặc biệt khi nó liên quan đến hàng hóa công cộng và các quyền cơ bản, phải được hướng dẫn bởi các tiêu chuẩn rõ ràng và sự giám sát hữu hiệu, dựa trên sự tham gia và tính phụ đới. Cộng đồng và các tổ chức trung gian không được bị giảm xuống thành những người thụ động tiếp nhận các quyết định được đưa ra ở nơi khác; họ phải có khả năng đóng góp vào việc phân định và giám sát. Hơn nữa, quyền sở hữu dữ liệu không thể chỉ nằm trong tay tư nhân mà phải được điều chỉnh một cách thích hợp. Dữ liệu là sản phẩm của nhiều người đóng góp và không nên được coi là thứ để bán đi hoặc giao phó cho một số ít người được chọn. Cần phải tư duy sáng tạo để quản lý dữ liệu như một tài sản chung hoặc được chia sẻ, với tinh thần tham gia, như Thánh Gioan Phaolô II đã đề xuất

liên quan đến tài sản tập thể. [128]

109. Các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội cung cấp một khuôn khổ để hiểu thực tại mới này. Trong một thế giới nơi dữ liệu, tài nguyên tính toán và ảnh hưởng điều lệ vẫn nằm trong tay một số ít người, việc nói về lợi ích chung có nghĩa là vạch trần hình thức bất đối xứng về nhận thức, kinh tế và chính trị mới này và nêu danh các độc quyền mới của AI. Nói về đích đến phổ quát của hàng hóa có nghĩa là tìm cách đảm bảo quyền tiếp cận phổ quát đối với cả kỹ thuật và giáo dục cần thiết để sử dụng chúng. Nói về tính phụ đới đòi hỏi phải bảo vệ khả năng lựa chọn và điều chỉnh của cộng đồng, thay vì chỉ giới hạn vai trò của họ ở việc giám sát sau khi các tiêu chuẩn đã được thiết lập ở nơi khác. Nói về nguyên tắc liên đới buộc chúng ta phải nhận ra những người lao động thầm lặng, thường bị bóc lột, những người duy trì các hệ thống thuật toán. Nói về công lý đòi hỏi phải đặt câu hỏi về sự phân bổ quyền lực toàn cầu quyết định ai thực sự có thể đào tạo các mô hình này và ai chỉ đơn thuần là đối tượng bị chi phối bởi chúng. Tương tự, điều đó có nghĩa là thừa nhận rằng công bằng xã hội không chỉ là mục tiêu cần được bảo vệ sau khi kỹ thuật được triển khai, mà còn là điều kiện phải định hình thiết kế của chúng ngay từ đầu.

110. Cuối cùng, tôi muốn sử dụng cụm từ “giải giáp”, một cụm từ rất gần gũi với tôi. Giải giáp AI có nghĩa là giải phóng nó khỏi tư duy cạnh tranh “có vũ trang”, điều mà ngày nay không chỉ giới hạn trong bối cảnh quân sự, mà còn là một hiện tượng kinh tế và nhận thức. Điều này kéo theo một cuộc chạy đua để có được các thuật toán ngày càng mạnh mẽ hơn và các tập dữ liệu lớn hơn, được thúc đẩy bởi mong muốn đảm bảo sự thống trị về địa chính trị hoặc thương mại. Giải trừ vũ khí có nghĩa là bác bỏ giả định rằng sức mạnh kỹ thuật tự động mang lại quyền cai trị. Giải trừ vũ khí không có nghĩa là từ chối kỹ thuật, mà là ngăn chặn nó thống trị nhân loại. Nó có nghĩa là giải phóng kỹ thuật khỏi sự kiểm soát độc quyền và mở nó ra cho thảo luận và tranh luận, do đó làm cho nó thân thiện với con người và khôi phục nó vào sự đa dạng của các nền văn hóa và lối sống của nhân loại. Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay không chỉ là đạo đức hay kỹ thuật. Nó mang tính sinh thái theo nghĩa sâu sắc nhất, bởi vì nó liên quan đến một chiều kích mới của ngôi nhà chung của chúng ta. Trí tuệ nhân tạo đã là một môi trường mà chúng ta đang sống trong đó, cũng như một lực lượng mà chúng ta phải tương tác. Vì lý do này, chỉ điều chỉnh nó thôi là chưa đủ; nó phải được giải trừ vũ khí, trở nên thân thiện và dễ tiếp cận.

111. Tôi muốn gửi lời kêu gọi đặc biệt đến những người phát triển trí tuệ nhân tạo. Theo một nghĩa nào đó, đối mới kỹ thuật có thể đại diện cho sự tham gia của con người vào hành động sáng tạo thần linh. Do đó, các nhà phát triển mang một trách nhiệm đạo đức và tâm linh đặc biệt, bởi vì mỗi lựa chọn thiết kế đều phản ánh một tầm nhìn về nhân loại. Cũng như người sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật hay văn học phải cân nhắc những giá trị mà nó truyền tải, các nhà phát triển cũng được kêu gọi phải lồng ghép các giá trị vào dự án của mình một cách nghiêm túc: với sự minh bạch, trách nhiệm đối với cộng đồng bị ảnh hưởng và sự chú ý cẩn thận để đảm bảo rằng những gì đang được vun đắp là một điều tốt đẹp thực sự.

Những gì không được phép mất đi

112. Sau khi xem xét các vấn đề về trách nhiệm và quản trị trí tuệ nhân tạo, chúng ta phải quay lại câu hỏi trọng tâm: bảo vệ nhân tính của chúng ta có nghĩa là gì? Rủi ro không chỉ nằm ở việc lạm dụng một số kỹ thuật nào đó. Nghiêm trọng hơn, mô hình kỹ trị phổ biến mà chúng ta đang chìm đắm, và được khuếch đại bởi cuộc cách mạng kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo, đe dọa bình thường hóa một tầm nhìn phản nhân loại. Trong tầm nhìn đó, sự trọn vẹn của cuộc sống được đánh đồng với việc sở hữu nhiều hơn, giảm thiểu điểm yếu, loại bỏ sự không

chắc chắn và thực hiện quyền kiểm soát tuyệt đối. Khi hiệu năng trở thành thước đo giá trị tối thượng, con người bị cảm dỗ coi mình như một dự án cần được tối ưu hóa hơn là những con người được kêu gọi đến các mối quan hệ và sự hiệp thông.

113. Trên thực tế, việc nâng bất cứ khía cạnh nào của hiện sinh con người lên mức tuyệt đối luôn là một sai lầm. Thật vậy, sự hỗn loạn không chỉ phát sinh từ sự khan hiếm; ngay cả sự tăng trưởng không kiểm soát cũng có thể dẫn đến sự nghèo khó. Trong một hệ sinh thái, sự cân bằng bị phá vỡ khi một loài mở rộng bằng cách chiếm đoạt của các loài khác; trong cuộc sống con người, điều tương tự xảy ra khi một năng lực nào đó tự cho mình là thước đo của mọi thứ. Do đó, trí thông minh, khi được tuyệt đối hóa, sẽ che khuất các khía cạnh thiết yếu khác của cuộc sống, chẳng hạn như tình cảm, ý chí, sự cam kết và các mối quan hệ. Tương tự, sức mạnh kỹ thuật, nếu không được cân bằng, không làm cho chúng ta có khả năng hơn; nó làm cho chúng ta bị cô lập hơn và dễ bị thống trị và loại trừ hơn. Điểm quan trọng này không đối lập với trí thông minh, mà là lời nhắc nhở rằng khi trí thông minh trở nên tự quy chiếu, mục đích thực sự của nó là phục vụ cuộc sống và con người sẽ bị mất đi.

114. Chất lượng của một nền văn minh không được đo bằng sức mạnh của các phương tiện của nó, mà bằng sự quan tâm mà nó có thể mang lại, bằng khả năng nhận ra người khác như một khuôn mặt chứ không chỉ là một chức năng. Khả năng quan tâm đến nhau là một khía cạnh cơ bản của nhân tính chúng ta, một khía cạnh được học hỏi và làm chủ thông qua kinh nghiệm sống. Đọc truyện cho trẻ em, bầu bạn với người già và sắp xếp nhà cửa sao cho ấm cúng là những cử chỉ đơn giản thường bắt nguồn từ cuộc sống gia đình. Chúng dạy chúng ta coi trọng sự quan tâm ở bình diện xã hội và rèn luyện chúng ta nhận ra người khác là những người đáng được quan tâm. Kỹ thuật cũng có thể hỗ trợ sự quan tâm lẫn nhau giữa con người, ví dụ, bằng cách cung cấp các công cụ giúp chúng ta dự đoán và sắp xếp mọi việc, mà không làm suy yếu tự do và khả năng phán đoán của con người. Xét cho cùng, con người là chủ thể của các mối quan hệ và chịu trách nhiệm về các quyết định của chính mình.

Những câu chuyện ngầm: chủ nghĩa siêu nhân và chủ nghĩa hậu nhân

115. Trong nỗ lực làm sáng tỏ những giả định văn hóa đi kèm với cuộc cách mạng kỹ thuật số đang diễn ra, tôi muốn chuyển sự chú ý của chúng ta đến một số dòng tư tưởng diễn giải sự tiến bộ như là vượt qua thân phận con người, và thường được nhóm lại dưới nhãn hiệu chủ nghĩa siêu nhân [transhumanism] và chủ nghĩa hậu nhân [posthumanism]. Những quan điểm này tạo thành bối cảnh tư tưởng hiện diện trong một số trung tâm quyền lực kỹ thuật và chiếm lĩnh trí tưởng tượng tập thể dưới dạng đơn giản hóa, đặc biệt là trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội. Chúng có xu hướng thúc đẩy sự nhiệt tình đối với các kỹ thuật mới thông qua một tầm nhìn tương lai về một “con người được tăng cường” hoặc “con người lai máy móc”.

116. Chủ nghĩa siêu nhân và chủ nghĩa hậu nhân bao gồm một loạt các dòng tư tưởng và cảm nhận, khiến việc định nghĩa chúng một cách duy nhất, rõ ràng trở nên khó khăn. Chúng có thể được ví như một quần đảo gồm những “hòn đảo” khái niệm, riêng biệt nhưng được kết nối bởi một “biển” chung của các giả định, cụ thể là vai trò trung tâm của kỹ thuật và khát vọng vượt qua giới hạn của thân phận con người. Nói chung, chủ nghĩa siêu nhân hình dung việc nâng cao con người thông qua các kỹ thuật— chẳng hạn như y sinh học, kỹ thuật cơ thể, thiết bị và thuật toán — với mục đích tăng hiệu suất và khả năng. Chủ nghĩa hậu nhân, đặc biệt là ở các hình thức cực đoan hơn, còn đi xa hơn: nó thách thức chủ nghĩa lấy con người làm trung tâm và hình dung sự lai ghép giữa con người, máy móc và môi trường, thậm chí còn dự đoán một ngưỡng nơi nhân loại vượt qua chính mình trong một giai đoạn tiến hóa mới. Ngay

cả khi những ý tưởng như vậy vẫn còn mang tính suy đoán, chúng vẫn có được sự liên quan bằng cách thay đổi trí tưởng tượng tập thể và do đó ảnh hưởng đến các lựa chọn xã hội, kinh tế và chính trị. [129]

117. Từ quan điểm của Học thuyết Xã hội của Giáo hội, vấn đề cốt lõi không phải là việc sử dụng kỹ thuật mà là tầm nhìn nằm dưới nó. Nếu con người được coi là thứ cần được hoàn thiện hoặc vượt qua, thì sẽ dễ dàng chấp nhận rằng một số cuộc sống ít hữu ích hơn, ít đáng mong muốn hơn hoặc ít xứng đáng hơn. Nhân danh sự tiến bộ, “những hy sinh cần thiết” có thể bắt đầu được biện minh, đặt gánh nặng lên những người dễ bị tổn thương nhất trong quá trình theo đuổi sự tối ưu hóa được cho là của loài người. Về vấn đề này, lời cảnh báo nói trên của Thánh Phaolô VI vẫn giữ nguyên tầm nhìn xa: quả thực, những tiến bộ khoa học và kỹ thuật, khi tách rời khỏi sự tiến bộ về đạo đức và xã hội, cuối cùng sẽ quay lại chống lại nhân loại. [130] Vì lý do này, cần phải có sự phân biệt rõ ràng. Tích hợp kỹ thuật vào một tầm nhìn lấy con người làm trung tâm và mang tính quan hệ là một chuyện; chuyện hoàn toàn khác là việc bị dẫn dắt bởi một quan điểm coi thường giới hạn của con người và hứa hẹn một hình thức “cứu rỗi” thuần túy kỹ thuật.

Giới hạn, trái tim và sự vĩ đại của con người

118. Mọi quan hệ của chúng ta với cuộc sống dường như đang trong khủng hoảng ngày nay. Mọi thứ xuất hiện như một “giới hạn” — sự bất lực, bệnh tật, tuổi già, đau khổ, dễ bị tổn thương — thường được xem chủ yếu là một khiếm khuyết cần được sửa chữa, hơn là một thực tại qua đó nhân tính của chúng ta trưởng thành và mở lòng đón nhận các mối quan hệ. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng nhân loại phát triển mạnh mẽ không phải bắt chấp những hạn chế, mà thường là thông qua chúng. Ánh sáng của đức tin mang đến một góc nhìn về thực tại giúp chúng ta nhận ra điều mà chúng ta gọi là “tính ngẫu nhiên” của những sự vật trên thế giới này. Mặc dù việc nỗ lực làm giảm bớt nỗi đau khổ vốn là đặc điểm của cuộc sống con người là điều đúng đắn, nhưng cũng thật khôn ngoan khi thừa nhận sự hữu hạn cơ bản của chúng ta, biết rằng “kinh nghiệm tôn giáo, và đặc biệt là đức tin Kitô giáo, đề xuất rằng chúng ta sống, không đơn giản hóa quá mức, sự mâu thuẫn này giữa sự vĩ đại và giới hạn của con người, diễn giải nó dưới ánh sáng mối quan hệ nguyên thủy và cơ bản của chúng ta với Chúa.” [131]

119. Chính trong những giới hạn của chúng ta mà những điều sau đây tìm thấy chỗ đứng: lòng thương xót, cũng như sự quan tâm chân thành đến nhu cầu của người khác; lòng quảng đại có thể xuất hiện ngay cả giữa bóng tối và thất bại; kinh nghiệm tâm linh và sự thờ phượng Chúa. Chúng ta thấy điều này ở nhiều khoảnh khắc khi giới hạn của chúng ta trở nên hữu hình: khi chúng ta đối diện với sự từ chối, khi chúng ta chịu đựng bệnh tật hoặc mất mát người thân yêu, khi chúng ta gặp phải điểm yếu hoặc thất bại của chính mình. Một cách kỳ diệu, chính trong những khoảnh khắc như vậy mà chúng ta có thể khám phá ra một khôn ngoan mới, cảm nhận một cách hữu hình sự gần gũi của người khác và gặp gỡ sự hiện diện của Chúa.

120. Ngay cả khi những giới hạn được trải nghiệm như nỗi đau khổ nội tâm, sự khôn ngoan của con người dạy chúng ta không nên phủ nhận hoặc kìm nén nó, mà là tích hợp nó. Loại bỏ hoàn toàn đau khổ cuối cùng cũng có nghĩa là dập tắt tình yêu và khát vọng. Những người yêu thương và khao khát không thể tránh khỏi việc trải qua thử thách và đau khổ; và qua nhiều năm, chúng ta mang trong mình những bài học để lại dấu ấn như những vết sẹo, những ký ức về một hành trình được định hình bởi tự do và thất bại, ước mơ và thất vọng. Chỉ nhờ sự tương tác của những yếu tố này mà những điều kỳ diệu của tâm hồn mới xảy ra trong

chúng ta, cho phép chúng ta cảm nhận được sự phong phú của nhân tính. [132] Từ bỏ cuộc phiêu lưu này, vừa bi thảm vừa huy hoàng, nhân danh sự siêu việt được cho là vượt qua mọi giới hạn, có thể mang nhiều ý nghĩa, nhưng nó sẽ không còn là con người nữa.

121. Sự tha hóa đạo đức của những giới hạn của chúng ta với tư cách là những sinh vật được tạo ra — cụ thể là cái ác rõ ràng khuấy động trái tim con người — hủy hoại xã hội và cuộc sống, đôi khi đạt đến những hình thức vô nhân đạo cực đoan. Tuy nhiên, ngay cả những biểu thức đau đớn này về những giới hạn của chúng ta vẫn mở ra những cơ hội cho điều tốt đẹp. Ngay cả khi con người tự phi nhân hóa bản thân và gây ra bi kịch, một ánh sáng nhỏ vẫn tiếp tục tỏa sáng trong nhân loại, một ánh sáng có thể được thắp lại, với ân sủng của Chúa, trên con đường hoán cải và hòa giải. Như Viktor Frankl đã nhận xét đúng đắn, trong những khoảnh khắc kinh hoàng, “chúng ta đã biết con người thực sự là gì. Sau tất cả, con người là sinh vật đã phát minh ra các phòng hơi ngạt ở Auschwitz; tuy nhiên, anh ta cũng là sinh vật đã bước vào những phòng hơi ngạt đó một cách thẳng đứng, với Kinh Lạy Cha hoặc *Shema Yisrael* trên môi.” [133]

122. Sự hữu hạn, khi được chấp nhận một cách chân thành, không làm giảm giá trị của chúng ta mà mở ra cho chúng ta khả năng nhận ra khuôn mặt của Chúa và những người khác. Thật vậy, chính vì chúng ta trải nghiệm những giới hạn — sự dễ bị tổn thương, đau khổ và thất bại — chúng ta có thể nhận ra phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi người, cả của chính chúng ta và của người khác. Trong cùng trải nghiệm này, chúng ta vẫn có khả năng trực giác về một tình huynh đệ lớn hơn chính mình và nhận thấy sự bất công như một điều đáng xấu hổ. Văn hóa và nghệ thuật đích thực bảo tồn tia lửa này, chống lại sự bình thường hóa cái ác. Vì lý do này, một số tác phẩm đã mang ý nghĩa gần như tiên tri: *Bản giao hưởng số 9 của Beethoven* có thể được xem như một khát vọng về sự thống nhất; *Guernica* như một sự tố cáo sự phi nhân hóa; *Danh sách Schindler* như một lời kêu gọi không được lãng quên quá khứ.

123. Lịch sử không chỉ xuất hiện như một ghi chép về bạo lực của con người, mà còn như bằng chứng cho thấy nhân loại có khả năng tạo ra các định chế bảo vệ cuộc sống chung của chúng ta. Trong hai thế kỷ qua, điều này có thể được thấy trong một số thành tựu mang tính biểu tượng: việc thành lập Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (1863), với tính trung lập trong hoạt động đảm bảo sự chăm sóc nhân ái cho tất cả mọi người; quá trình lâu dài dẫn đến việc bãi bỏ chế độ nô lệ, không chỉ đại diện cho một sự thay đổi về mặt pháp lý mà còn là một sự chuyển đổi về lương tâm; việc thành lập Liên Hợp Quốc (1945) và Tuyên ngôn Nhân quyền phổ quát (1948), trong đó nêu rõ ngôn ngữ chung để khẳng định, ít nhất là như một lý tưởng chung, tính phổ quát của phẩm giá con người; và Công ước về người tị nạn năm 1951, công nhận nghĩa vụ bảo vệ những người chạy trốn khỏi sự đàn áp và nguy hiểm. Trong mỗi trường hợp này, khát vọng về điều tốt đẹp đã được thể hiện cụ thể trong các bối cảnh công cộng — luật pháp, định chế và thực tiễn — có khả năng hạn chế việc lạm dụng quyền lực và bảo vệ những người dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, không có sự phát triển nào trong số này xuất hiện mà không gặp phải sự phản kháng, lợi ích hẹp hòi hoặc sự trì trệ về văn hóa. Tiến bộ về mặt đạo đức hầu như luôn diễn ra thông qua một hành trình dài và đầy thách thức, thường được đánh dấu bằng những trở ngại. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến các tiến trình hòa bình bị đình trệ hoặc việc thực hiện chậm chạp các cam kết về môi trường. Chính sự mong manh của những thành tựu này làm nổi bật trách nhiệm quý giá của những người khởi xướng và duy trì chúng.

124. Một số sự kiện cho thấy rõ ràng lịch sử cũng có thể thay đổi khi các cá nhân thực sự coi trọng phẩm giá của mọi người: phong trào dân quyền ở Hoa Kỳ, gắn liền với lời chứng của Martin Luther King Jr., hoặc sự chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi sau khi Nelson Mandela được thả tự do và quyết định không đầu hàng tương lai trước lòng thù hận.

Trong những bối cảnh khác nhau, nhiều người phụ nữ dũng cảm và hào phóng cũng đã nổi bật, bao gồm Thánh Laura Montoya, Thánh Teresa thành Calcutta, Dorothy Day, Marie Skłodowska-Curie, Maria Montessori, Elisabeth Elliot, Wangari Maathai, Benazir Bhutto và vô số người khác từ mọi châu lục, những người có sự công hiến đã góp phần làm cho lịch sử trở nên nhân bản hơn.

125. Bên cạnh những dấu hiệu công khai này, còn có một câu chuyện kín đáo nhưng mang tính quyết định hơn. Chúng ta thấy điều đó trong các cộng đồng tôn giáo chọn phục vụ ở những nơi nghèo khó và nguy hiểm. Chúng ta cũng thấy điều đó trong các vị tử đạo vì tình huynh đệ và công lý, như Thánh Maximilian Mary Kolbe, Thánh Oscar Romero và Chân phước Enrique Angelelli; và trong những chứng nhân đã thể hiện niềm hy vọng của Tin Mừng cũng như phẩm giá con người giữa những điều kiện khắc nghiệt, thường là vô nhân đạo, như Đấng Đáng Kính Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Trên hết, điều đó thể hiện rõ nhất ở những “người tử đạo trong đời sống thường nhật” – những người chăm sóc, giáo dục, đồng hành và an ủi mà không phô trương, như cha mẹ, y tá, bác sĩ, tình nguyện viên và những người ở bên cạnh người già hoặc người bị xã hội ruồng bỏ. Chứng ngôn của họ cho thấy rằng lòng tốt không tự nhiên mà có, mà cần sự kiên trì, ghi nhớ và sự hoán cải nội tâm cần thiết để bắt đầu lại, ngay cả sau thất bại.

126. Chính sự đan xen giữa các định chế công bằng, những nhân chứng đáng tin cậy và lòng trung thành hằng ngày đã duy trì hy vọng và cung cấp hướng đi rõ ràng cho sự tiến bộ kỹ thuật mà không để cho trái tim sa sút. Vì lý do này, nhân tính – với tất cả sự vĩ đại và tổn thương của nó – không bao giờ được thay thế hoặc vượt qua. Chúng ta có thể đón nhận sự tiến bộ kỹ thuật giúp giảm bớt đau khổ và mở ra những khả năng mới, miễn là chúng ta không từ bỏ bản chất cốt lõi của nhân loại, đó là khả năng thiết lập mối quan hệ và tình yêu thương. Điều này dẫn đến một câu hỏi quan trọng: nếu một thể “hơn cả con người” đích thực hiện hữu, thì nó được tìm thấy ở đâu? Đức tin Kitô giáo trả lời câu hỏi đó bằng cách chỉ ra một sự viên mãn không phát sinh từ sự thần thánh hóa kỹ thuật, mà thông qua ân sủng của Chúa nhận được trong Chúa Kitô.

“Hơn cả cả con người” đích thực: ân sủng và chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo

127. Cụm từ “hơn cả con người” không phải là lĩnh vực độc quyền của lời hứa kỹ thuật. Trong nhiều thế kỷ, truyền thống Kitô giáo đã khẳng định rằng con người không bị giới hạn bởi ranh giới của bản chất riêng mình; trái lại, họ được kêu gọi vượt lên chính mình, không phải bằng cách trốn tránh thực tại hay coi thường những hạn chế của mình, mà thông qua sự viên mãn trong tình yêu. Đức tin nhận ra sự cởi mở hướng tới “vượt lên trên”, bắt nguồn từ một ơn ban của Thiên Chúa. Sự biến đổi này là một công việc của Chúa Thánh Thần. Như Thánh Tôma Aquinô đã dạy, quá trình nâng cao và biến đổi này “vượt qua mọi khả năng của bản chất được tạo dựng”, [134] vì một sự khác biệt vô hạn ngăn cách bản chất hữu hạn của chúng ta với sự sống của Thiên Chúa. [135] Tuy nhiên, vẫn có thể bước vào trái tim của sự sống vô tận đó, ngay cả khi chúng ta hành trình qua những giới hạn của thế giới này. Đáng làm cho sự chuyển đổi này trở nên khả hữu chỉ có thể là Đấng Vĩnh Hằng, Đấng ban chính mình. Thật vậy, chính Thiên Chúa là Đấng vượt qua sự bất cân xứng “vô hạn”. [136] Trong Người, sự tái tạo con người diễn ra. “Nếu ai ở trong Đấng Ki-tô, người ấy là một tạo vật mới; mọi sự cũ đều đã qua đi, này, mọi sự đều trở nên mới” (2 Cô-rinh-tô 5:17).

128. Khi chúng ta đón nhận khả năng vượt lên chính mình nhờ ân sủng của Chúa, chúng ta không phủ nhận bản chất của mình, cũng không trở nên kém nhân tính hơn. Ngược lại, như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã giải thích, “Chúng ta trở nên trọn vẹn là con người khi chúng

ta trở nên hơn cả con người, khi chúng ta để Chúa đưa chúng ta vượt lên chính mình để đạt được chân lý trọn vẹn nhất của hữu thể chúng ta.” [137] Đây chính là sự khác biệt căn bản so với những giấc mơ Prometheus: điều cứu rỗi nhân loại không phải là sự tự túc được nâng cao, mà là một mối quan hệ giải phóng, một sự hiệp thông biến đổi. Trong ánh sáng này, một kỹ thuật chỉ đơn thuần phân loại và tối ưu hóa những gì đã hiện hữu, dù vô tình, cũng có thể trở thành trở ngại cho sự thay đổi và sự phát triển. Đối với một thuật toán, lỗi là một khiếm khuyết cần được sửa chữa; tuy nhiên, đối với một người, lỗi có thể là chất xúc tác cho sự thay đổi sâu sắc. Tương lai của một người không thể tính toán được, mà phụ thuộc vào sự tự do của người đó — được nâng cao bởi ân sủng vô bờ bến của Chúa — và vào các mối quan hệ được vun đắp.

Hai thành phố và hai tình yêu

129. Chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo không bác bỏ khoa học hay kỹ thuật, mà đón nhận chúng với lòng biết ơn và chủ nghĩa thực tiễn, và đặt chúng trong một sứ mệnh cao cả hơn. Trí tuệ sáng tạo của nhân loại là một thiên phú có thể làm giảm bớt đau khổ và mở ra những khả năng mới, nhưng nó phải được hướng tới lợi ích chung, công lý, sự chăm sóc những người dễ bị tổn thương và tạo thế. Theo nghĩa này, sự lựa chọn thực sự không phải là giữa sự nhiệt tình và nỗi sợ hãi, mà là giữa hai con đường phát triển: một sự tiến bộ phục vụ các cá nhân và dân tộc, hoặc một sự tiến bộ khiến họ phải phục tùng tư duy quyền lực. Cuối cùng, câu hỏi then chốt vẫn là câu hỏi do Thánh Gioan Phaolô II đặt ra: liệu trí tuệ nhân tạo có “làm cho cuộc sống con người trên trái đất ‘nhân bản hơn’ trong mọi khía cạnh của cuộc sống đó không? Liệu nó có làm cho cuộc sống xứng đáng với con người hơn không?” [138] Nếu câu trả lời là có, thì chúng ta có thể nhận ra đó là một cơ hội để đón nhận một cách có trách nhiệm, trên con đường tái thiết kiên nhẫn, cùng nhau, tương tự như việc xây dựng lại Giêrusalem được kể trong Sách Nơ-khe-mi-a. Tuy nhiên, nếu quyền lực gia tăng trong khi trái tim héo mòn và các mối liên kết giữa con người rạn nứt, thì chúng ta phải đối diện với một hình thức Baben mới — một công trình vĩ đại, nhưng về cơ bản là phi nhân tính.

130. Việc đặt câu hỏi về con đường tiến bộ thay thế này và cách chúng ta diễn giải và sống theo nó cuối cùng là vấn đề xem xét chính trái tim của chúng ta. Cách chúng ta hiểu và định hình các mối quan hệ, công việc và định chế, trên thực tế cho thấy các giá trị cơ bản của chúng ta. Cuối cùng, tất cả đều bắt nguồn từ những gì chúng ta trân trọng nhất. Đó là một tình yêu hướng dẫn chúng ta về những gì chúng ta thực sự trân quý, cả với tư cách cá nhân và xã hội, và định hướng cuộc sống và hành động của chúng ta. Thánh Augustinô đã mô tả lịch sử loài người như một cuộc đấu tranh giữa hai tình yêu, tạo ra hai cách sống trên thế giới và sống cùng nhau — hay hai “thành phố”, như người ta vẫn nói: một mặt, tình yêu đối với Chúa và tha nhân; mặt khác, đó là tình yêu bản thân độc quyền. “Hai tình yêu đã xây dựng nên hai thành phố: thành phố trần gian, tình yêu bản thân đến mức khinh miệt Thiên Chúa; thành phố thiên đường, tình yêu Thiên Chúa đến mức khinh miệt bản thân.” [139] Cũng như trong suốt lịch sử, hai tình yêu này tiếp tục tranh giành quyền thống trị trong trái tim chúng ta ngày nay. Thời đại AI cũng không ngoại lệ: việc xây dựng tháp Baben hay việc xây dựng lại Giêrusalem bắt đầu từ bên trong mỗi chúng ta.

CHƯƠNG BỐN: BẢO VỆ NHÂN LOẠI TRONG THỜI KỲ BIẾN ĐỔI. SỰ THẬT, VIỆC LÀM, TỰ DO

131. Sau khi đã phác thảo bối cảnh trong đó thách thức của sự biến đổi kỹ thuật đang diễn ra, đặc biệt là những thách thức liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI) và các trào lưu siêu nhân học và hậu nhân học, chúng ta không thể chỉ dừng lại ở bình diện phân tích tổng quát. Khi ngôn

ngữ và công cụ thay đổi, các hành động hàng ngày và các mối quan hệ xã hội cũng thay đổi. Vì lý do này, chúng ta phải tập trung vào một số lĩnh vực mà những biến đổi này có những hậu quả đặc biệt cụ thể, và đôi khi là bi thảm. Dựa trên các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội của Giáo hội, sự biến đổi kỹ thuật số mời gọi chúng ta khám phá lại sự thật như một lợi ích chung, để bảo vệ phẩm giá của lao động và bảo vệ tự do chống lại mọi hình thức phụ thuộc và thương mại hóa.

Sự thật như một lợi ích chung

Sự thật và dân chủ

132. Việc sử dụng các nền tảng kỹ thuật số và hệ thống AI đang thúc đẩy những thay đổi sâu sắc trong truyền thông công cộng và chính trị. Các công cụ có thể thúc đẩy đối thoại và sự tham gia thường được sử dụng để xây dựng những câu chuyện bị bóp méo và làm mờ ranh giới giữa sự thật và sai lầm, trộn lẫn sự thật với ý kiến. Thông tin sai lệch không bắt nguồn từ trí tuệ nhân tạo (AI), nhưng ngày nay nó được khuếch đại mạnh mẽ bởi AI. Khả năng thao túng nội dung, hình ảnh và video khiến mọi người tiếp xúc với những quan điểm thiên vị hoặc gây hiểu lầm. Vấn đề này có cả khía cạnh văn hóa và đạo đức, vì chất lượng truyền thông công cộng phụ thuộc trực tiếp vào lòng tin xã hội và ngược lại, định hình lòng tin đó. Đồng thời, thông tin trung thực không xuất phát từ sự kiểm soát tập trung hoặc tự động. Trong diễn ngôn công cộng, sự thật của các sự kiện có một chiều hướng thuận lý, vì nó đòi hỏi sự xác minh, đối chất các nguồn và lập luận có trách nhiệm. Hơn nữa, nó mang tính quan hệ sâu sắc, được xây dựng thông qua các mối liên kết của lòng tin và các thực hành chung, cũng như sự trao đổi trung thực với người khác và với thế giới. Chỉ có việc cùng nhau theo đuổi tính xác thực của sự kiện, được coi là một lợi ích chung, mới có thể cung cấp một nền tảng vững chắc cho truyền thông chính trực.

133. Những người nắm giữ các nguồn lực kỹ thuật và kinh tế mạnh mẽ, cùng với nguồn nhân lực đáng kể để can thiệp, sở hữu khả năng đáng kể trong việc ảnh hưởng đến sự thay đổi văn hóa. Cuối cùng, họ có thể ảnh hưởng đến một số lượng đáng kể người dân về sự thật về nhân loại, thế giới, ý nghĩa của sự hiện hữu, gia đình và thậm chí cả Chúa. Đây là quyền lực thuần túy tách rời khỏi sự thật, thứ ngấm hoặc công khai áp đặt những gì nó muốn người khác chấp nhận là đúng. Cội rễ của nó nằm ở một “căn bệnh” sâu xa hơn và thường không được nhận ra: sự kiện này là “con người hiện đại tin tưởng một cách sai lầm rằng họ là tác giả duy nhất của chính mình, cuộc sống và xã hội của mình. Đây là một giả định xuất phát từ việc ích kỷ khép kín với chính mình.” [140] Do đó, mọi người tin rằng họ có thể xây dựng thực tại, và bất cứ điều gì phù hợp nhất với yêu sách của họ đều tương ứng với những gì là sự thật. Thánh Gioan Phaolô II đã suy gẫm về hậu quả của “cuộc khủng hoảng chân lý” này, thậm chí còn tuyên bố rằng “một khi ý niệm về một chân lý phổ quát về điều thiện, có thể nhận biết được bằng lý trí con người, bị mất đi, thì chắc chắn khái niệm về lương tâm cũng thay đổi.” [141] Trong bối cảnh như vậy, những chân lý có giá trị phổ quát, những chân lý hiện hữu trước chúng ta và lương tâm phải chấp nhận, không còn được công nhận nữa. Điều này đã khiến Đức Giáo Hoàng Phanxicô đặt câu hỏi một cách thực tế: “Luật pháp là gì nếu không có niềm tin, được phát sinh từ việc suy gẫm lâu đời và khôn ngoan vĩ đại, cho rằng mỗi con người đều thánh thiêng và bất khả xâm phạm?” Ngài kết luận: “Nếu xã hội muốn có tương lai, nó phải tôn trọng sự thật về phẩm giá con người và tuân theo sự thật đó. Giết người không phải là sai chỉ vì nó không thể chấp nhận được về mặt xã hội và bị pháp luật trừng phạt, mà là vì một niềm tin sâu sắc hơn. Đây là một sự thật không thể thương lượng đạt được bằng cách sử dụng lý trí và được chấp nhận trong lương tâm. Một xã hội cao quý và tử tế, thường là vì nó ủng hộ việc theo đuổi sự thật và tuân thủ những sự thật cơ bản nhất.” [142]

134. Việc tìm kiếm sự thật là một yếu tố thiết yếu của nền dân chủ, bản thân nó là một phương tiện đóng góp cho lợi ích chung. Khi những câu hỏi về điều gì là đúng mất đi sức hấp dẫn, và chủ nghĩa thực dụng chiếm ưu thế, bằng lòng với những gì có vẻ hữu ích hoặc hữu hiệu, thì đời sống dân chủ bị suy yếu. Xét cho cùng, dân chủ không chỉ bao gồm các quy tắc và thủ tục, mà trên hết là sự phù hợp vững chắc với sự kiện và cam kết chân thành vì lợi ích của cá nhân và toàn xã hội. Sự thờ ơ với sự thật dẫn đến, một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, sự suy thoái thành chủ nghĩa toàn trị. Như triết gia Hannah Arendt đã viết, những đối tượng lý tưởng của các chế độ như vậy không phải là những người bị thuyết phục về mặt tư tưởng, mà là “những người mà sự phân biệt giữa sự thật và hư cấu (tức là thực tế của kinh nghiệm) và sự phân biệt giữa đúng và sai (tức là các tiêu chuẩn tư duy) không còn tồn tại nữa.” [143]

Truyền thông và trí tưởng tượng tập thể

135. Xét về điều này, điều quan trọng cần nhớ là truyền thông “không chỉ là việc truyền tải thông tin mà còn là việc tạo ra một nền văn hóa.” [144] Nội dung lưu hành trong môi trường kỹ thuật số định hình cách mọi người nhận thức thế giới và đưa vào ý thức tập thể những hình ảnh và câu chuyện định hướng mong muốn của chúng ta và ảnh hưởng đến các lựa chọn hàng ngày của chúng ta. Đây “không phải là một thế giới song song hay hoàn toàn ảo,” [145] vì những gì bắt nguồn từ trực tuyến giờ đây trở thành một phần cuộc sống của mọi người, đặc biệt là giới trẻ.

136. Vì lý do này, những người kiểm soát các nền tảng kỹ thuật số và phương tiện truyền thông có khả năng đáng kể trong việc ảnh hưởng đến trí tưởng tượng tập thể và trình bày một tầm nhìn cụ thể về thực tại như là điều đáng mong muốn. Quyền lực như vậy cần được liên tục hướng dẫn bởi việc theo đuổi sự thật và tôn trọng phẩm giá con người, để văn hóa được nuôi dưỡng trên internet không trở thành một công cụ gây xao nhãng quá mức, đồng nhất hóa hoặc thống trị, mà là một môi trường trong đó tự do nội tâm và tư duy phản biện có thể trưởng thành.

Hướng tới một hệ sinh thái truyền thông

137. Nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta không phải là ma quỷ hóa hay thần tượng hóa các công cụ kỹ thuật, mà là sử dụng chúng trên cơ sở một nguyên tắc cơ bản, tức là, sự thật là một lợi ích chung chứ không phải là tài sản của những người có quyền lực hoặc ảnh hưởng. Do đó, chúng ta phải thúc đẩy một hệ sinh thái truyền thông. Ở bình diện chính sách công, điều này bao gồm việc thiết lập các chuẩn mực để quá trình ra quyết định đằng sau việc lựa chọn và phát triển nội dung trở nên minh bạch hơn và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Về các khía cạnh xã hội và văn hóa, điều này đòi hỏi phải tăng cường các tổ chức trung gian, báo chí nghiêm túc và các diễn đàn tranh luận, nơi mà lập luận có lý lẽ và sự xác minh được coi trọng hơn phản ứng tức thời. Đối với gia đình và trường học, ngày càng cần có nhận thức giáo dục mới và đào tạo về việc sử dụng đúng đắn và có tư duy phản biện các công cụ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng thương mại và tài chính trực tuyến. Tại các trường đại học, thách thức chính nằm ở việc tích hợp kiến thức, tra dồi cả khả năng kết nối và tổng hợp kiến thức để nắm bắt sự phức tạp, và các kỹ năng cần thiết để xác minh sự thật.

138. Các cộng đồng Kitô giáo cũng được kêu gọi cam kết minh bạch trong truyền thông và theo đuổi sự thật một cách trung thực. Đáng buồn thay, điều này không phải lúc nào cũng diễn ra. Chúng ta đã chứng kiến với sự hổ thẹn sự xuất hiện của những sự thật đau lòng liên

quan đến ngay cả các thành viên của Giáo hội và các thực thể giáo hội. Đặc biệt, một số nhà báo, được thúc đẩy bởi niềm đam mê sự thật, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa những bất công và lạm dụng ra ánh sáng. Tôi muốn nhắc lại những lời mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói với các nhà báo: “Tôi cũng cảm ơn các bạn vì những gì các bạn nói với chúng tôi về những điều sai trái trong Giáo hội, vì đã giúp chúng tôi không che giấu chúng, và vì tiếng nói mà các bạn đã dành cho các nạn nhân bị lạm dụng.” [146] Tuy nhiên, sự cảnh giác và minh bạch vẫn là trách nhiệm nặng nề hàng đầu của chính Giáo hội, và chúng ta không được chờ đợi người khác buộc chúng ta phải đối diện với những sự thật khó chịu về chính mình.

Một liên minh giáo dục cho thời đại kỹ thuật số

139. Trong thời đại mà sự thật thường bị bóp méo để phục vụ các lợi ích và chiến lược truyền thông cụ thể, lĩnh vực giáo dục có tầm quan trọng quyết định. Tuy nhiên, những chuyển đổi kỹ thuật nhanh chóng cho thấy chúng ta chưa chuẩn bị tốt như thế nào ở bình diện giáo dục. Sự phổ biến của phương tiện truyền thông kỹ thuật số thúc đẩy một nền văn hóa tức thời và kích thích quá mức, dẫn đến sự mệt mỏi, buồn chán và thờ ơ đối với nỗ lực cần thiết để tìm kiếm sự thật.

140. Ngược lại, giáo dục là một hành trình dài đòi hỏi sự kiên nhẫn, và do đó cần thời gian để phát triển và gắn kết với thực tại vượt ra ngoài vẻ bề ngoài. Đây là một vấn đề cơ bản bởi vì mọi kỹ thuật đều định hình những người sử dụng nó. Việc giáo dục mọi người về việc sử dụng AI, do đó, bao gồm việc dạy họ quyết định khi nào và với mục đích gì thì không nên sử dụng nó. Tốc độ và sự dễ dàng mà câu trả lời hoặc tóm tắt có thể được cung cấp có nguy cơ làm mất đi mong muốn đặt câu hỏi, một quá trình chỉ mang lại kết quả theo thời gian. Như Pla-tông đã viết, những điều sâu sắc và quan trọng nhất chỉ được học sau nhiều thời gian và nỗ lực, bằng cách tham gia thảo luận với người khác, cùng nhau “khám phá” các ý tưởng và kinh nghiệm như đá lửa cho đến khi tia lửa hiểu biết được nhen nhóm trong chúng ta. [147] Do đó, chúng ta phải học cách kiềm chế việc sử dụng AI và bảo vệ những người trẻ tuổi của chúng ta khỏi lời hứa về cỗ máy hoàn hảo, khỏi sự cảm dỗ tinh tế khiến tư duy của con người dường như trở nên thừa thãi chính khi nó cần thiết nhất.

141. Trong những năm gần đây, các tài liệu tâm lý và tâm thần học đã ghi nhận với sự nhấn mạnh ngày càng tăng về việc tiếp xúc sớm và không được giám sát với các thiết bị kỹ thuật số và mạng xã hội có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giấc ngủ, khả năng tập trung, kiểm soát cảm xúc và các mối quan hệ, đặc biệt là trong những giai đoạn dễ bị tổn thương nhất của cuộc đời, đôi khi với những hậu quả bi thảm. Tình trạng này càng trở nên trầm trọng hơn do dễ dàng tiếp cận với nội dung bạo lực hoặc hạ thấp nhân phẩm, xúc phạm đến cảm xúc, cũng như các tài liệu khiêu dâm và mang tính tình dục hóa quá mức. Từ những thông điệp coi thường thân thể và cảm xúc, đến những đề xuất bình thường hóa hành vi nguy hiểm. Các hiện tượng trực tuyến như dụ dỗ, tống tiền và bóc lột tình dục trẻ vị thành niên không phải là hiếm, và càng trở nên nguy hiểm hơn do việc sử dụng các hồ sơ giả mạo, thuật toán tạo điều kiện cho việc liên lạc nguy hiểm, và các công cụ AI có khả năng thao túng hình ảnh và video. Việc sở hữu thiết bị di động cá nhân quá sớm và sử dụng chúng mà không có sự giám sát của người lớn có thể làm trầm trọng thêm sự dễ bị tổn thương của thanh thiếu niên, thúc đẩy chứng nghiện và khiến họ bị cô lập, bắt nạt và bắt nạt trên mạng, cũng như chịu áp lực phải chia sẻ hình ảnh riêng tư hoặc thông tin nhạy cảm.

142. Cha mẹ khó có thể tự mình chống lại ảnh hưởng của các mô hình kinh doanh kiếm tiền từ sự chú ý và thời gian. Do đó, điều cần thiết là phải hình thành một liên minh giữa các nhà

hoạch định chính sách, các tổ chức giáo dục và gia đình để có thể hỗ trợ cụ thể cho người lớn trong nhiệm vụ này. Cần có các chính sách công có tầm nhìn xa để chống lại lợi ích trước mắt của các nền tảng, tập trung trong tay một số ít người, khi chúng xung đột với hạnh phúc của trẻ vị thành niên. Về vấn đề này, sự can thiệp của các nhà lập pháp là phù hợp để đặt ra giới hạn độ tuổi, buộc các nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm thay vì chuyển toàn bộ gánh nặng kiểm soát sang các gia đình, và để cung cấp các biện pháp bảo vệ cụ thể chống lại mọi hình thức bóc lột và bạo lực tình dục trực tuyến. Như vậy, trẻ em và thanh thiếu niên, những người được giao phó cho sự chăm sóc của chúng ta, có thể được bảo vệ một cách thực sự như một kho báu quý giá. [148] Đồng thời, cũng cần phải dạy trẻ em, thanh thiếu niên và người trẻ tuổi cách nhận biết sự thao túng, bảo vệ phẩm giá của mình và tôn trọng phẩm giá của người khác trong môi trường kỹ thuật số. [149]

Vai trò trung tâm của trường học

143. Trường học là nơi mà các thế hệ mới có thể học cách tìm kiếm và yêu mến sự thật, suy gẫm về ý nghĩa của cuộc sống và nhận ra phẩm giá của mỗi người. Vì lý do này, nhiều bậc cha mẹ, những người muốn con cái mình phát triển khả năng hình thành các mối quan hệ, phát triển kỹ năng tư duy phản biện và nắm bắt các giá trị vững chắc, đặt kỳ vọng lớn vào trường học như những đối tác quý giá trong giáo dục con cái họ. Tuy nhiên, cha mẹ có quyền chính yếu và bất khả xâm phạm trong việc lựa chọn loại hình giáo dục và hình thành nhân cách cho con cái mình, theo cách phù hợp với niềm tin đạo đức, văn hóa và tôn giáo của họ. Ngày nay, thế giới giáo dục đang đối diện với một số thách thức cấp bách.

144. Thách thức đầu tiên là về chính trị - xã hội. Cả trong từng quốc gia và trên khắp các khu vực khác nhau trên thế giới, sự bất bình đẳng đáng kể vẫn tồn tại liên quan đến việc tiếp cận giáo dục cơ bản và giáo dục đại học. Ở nhiều quốc gia, Chính phủ vẫn chưa đầu tư các nguồn lực cần thiết để đảm bảo chất lượng giáo dục cho tất cả mọi người, dù bằng cách hỗ trợ đầy đủ hệ thống trường công lập hay bằng cách hỗ trợ các cơ sở tư nhân cung cấp dịch vụ thiết yếu này. Khi một phần đáng kể của giáo dục, ở các bình diện khác nhau, được giao cho các cơ sở tư nhân, việc tiếp cận giáo dục có thể trở nên quá phụ thuộc vào khả năng tài chính của gia đình, đặc biệt là khi thiếu sự hỗ trợ đầy đủ từ phía nhà nước. Trước nguy cơ này, điều quan trọng là phải ghi nhận và khuyến khích sự đóng góp của nhiều cơ sở giáo dục Công Giáo tư nhân, những nơi đảm bảo quyền tiếp cận toàn diện cho trẻ em và thanh thiếu niên thuộc mọi hoàn cảnh, ngay cả khi hoàn cảnh kinh tế của gia đình không cho phép điều đó.

145. Thách thức lớn thứ hai là về phương pháp sư phạm. Nhiều hệ thống giáo dục đang phải vật lộn để theo kịp sự thay đổi và hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh. Sự phát triển của kỹ thuật thông tin và trí tuệ nhân tạo đang nhanh chóng làm cho các chương trình giảng dạy được thiết kế cho một thời đại khác trở nên lỗi thời. Trong khi đó, việc tổ chức trường học, không gian vật lý, phương pháp đánh giá và vai trò của chính giáo viên cần được xem xét lại để thúc đẩy một nền giáo dục toàn diện thực sự, đáp ứng mọi khía cạnh của con người. Cần phải hỗ trợ việc bồi dưỡng liên tục cho giáo viên trong suốt cuộc đời nghề nghiệp của họ, để họ có thể tích cực tiếp cận với các kỹ thuật mới, giúp học sinh sử dụng chúng một cách có trách nhiệm, phê phán và sáng tạo, thay vì thụ động chịu ảnh hưởng của chúng.

146. Thách thức lớn thứ ba là về mặt trí tuệ và liên quan đến kiến thức. Nếu không chú trọng cẩn thận, một hệ thống giáo dục thiếu tình yêu đối với chân lý có thể xuất hiện, trong đó luồng thông tin không ngừng thay thế cho việc thực hành nghiên cứu, suy gẫm và biện phân cần thiết. Khi kiến thức ngày càng bị phân mảnh, việc nắm bắt thực tại một cách toàn diện, đặt ra những câu hỏi sâu sắc về ý nghĩa, hoặc phát triển tư duy đích thực, phê phán và sáng

tạo trở nên khó khăn. Nhiều nhà giáo dục đã báo cáo về những dấu hiệu của sự phi nhân hóa, nơi mọi người có thể "biết nhiều thứ" nhưng lại khó tìm được định hướng trong cuộc sống, một phần do không thể kết nối thông tin với kiến thức sâu sắc hơn hoặc duy trì ý thức về mục đích. Cần có một thái độ thực sự lành mạnh, đòi hỏi những nhịp điệu biết kết hợp sự tĩnh lặng, nghiên cứu sâu sắc, đọc sách và phân tích thận trọng, bởi vì nếu thiếu những yếu tố này, sự tự do nội tâm có thể bị tổn hại.

147. Học thuyết Xã hội của Giáo hội mời gọi các gia đình, trường học, cộng đồng Kitô giáo và các tổ chức công cộng hình thành một liên minh giáo dục mới. Điều này được hình thành khi các nguyên tắc cơ bản được chuyển thành các mục tiêu giáo dục, bao gồm việc dạy cho học sinh ý thức về sự tiết chế và giới hạn; sự công nhận quyền của người khác và của các thế hệ tương lai được hưởng những điều tốt đẹp được ban cho chúng ta hoặc được tạo ra bởi sự khéo léo của con người; tự do và trách nhiệm; và ý thức về sự siêu việt và lợi ích chung. Các trường học không được kêu gọi chạy theo nhịp độ của thế giới kỹ thuật số, mà là cung cấp những gì mà chính lĩnh vực kỹ thuật số không thể cung cấp, đó là thời gian chung để học tập và phát triển các mối quan hệ đáng tin cậy.

Phẩm giá của lao động trong thời đại chuyển giao kỹ thuật số

Giá trị của việc làm

148. Kể từ khi Học thuyết Xã hội của mình ra đời, bắt đầu với *Rerum Novarum*, Giáo hội đã nhấn mạnh việc bảo vệ người lao động và nhu cầu chống lại mọi hình thức bóc lột. Tuy nhiên, trên hết, Huấn quyền đã nhận ra trong việc làm “chìa khóa thiết yếu” [150] để hiểu toàn bộ vấn đề xã hội, bởi vì chính thông qua việc làm mà các cá nhân phát triển nhiều khía cạnh của sự hiện hữu của họ. Xét về điều này, chúng ta có thể hiểu được trực giác tuyệt vời của Thánh Bê-nê-đictô xứ Nursia, người đã kết hợp cầu nguyện và lao động, cho thấy hoạt động hàng ngày là một phần trong lời đáp trả nhân bản đối với lời kêu gọi của Chúa. Được tạo dựng theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa, việc làm của chúng ta, một cách nào đó, tiếp nối việc làm của Người, bởi vì nhờ đó chúng ta đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội và lợi ích chung, sử dụng tốt những khả năng mà chúng ta đã nhận được, cải thiện và làm đẹp thế giới, hỗ trợ gia đình, tham gia vào các mối quan hệ hợp tác và, thông qua lắng nghe và đối thoại, học cách cùng nhau xây dựng điều gì đó mà không ai có thể đạt được một mình.

149. Vì những lý do này, việc làm không chỉ đơn thuần là một công cụ; nó phát biểu và nâng cao phẩm giá cuộc sống của chúng ta. Nó là một yêu cầu của thân phận con người, một con đường bình thường hướng tới sự trưởng thành, phát triển và sự hoàn thiện cá nhân. Về vấn đề này, hỗ trợ tài chính cho người nghèo đôi khi có thể cần thiết trong trường hợp khẩn cấp, nhưng nó không thể trở thành giải pháp duy nhất, vì mục tiêu là giúp mỗi người sống có phẩm giá thông qua việc làm của chính họ. [151]

150. Ngày nay, sự hội tụ của tự động hóa, robot và trí tuệ nhân tạo đang nhanh chóng biến đổi cấu trúc việc làm. Người ta nói rằng điều này sẽ mang lại những cải tiến lớn cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, trên thực tế, “những cách thức mới” làm việc không nhất thiết tốt hơn, bởi vì “trong khi trí tuệ nhân tạo hứa hẹn sẽ thúc đẩy năng suất bằng cách đảm nhận các nhiệm vụ đơn điệu, nó thường buộc người lao động phải thích nghi với tốc độ và yêu cầu của máy móc, thay vì máy móc được thiết kế để hỗ trợ những người làm việc. Kết quả là, trái ngược với những lợi ích được quảng cáo của trí tuệ nhân tạo, các phương pháp tiếp cận kỹ thuật hiện tại có thể nghịch lý là làm giảm kỹ năng của người lao động, khiến họ bị giám sát tự động và bị đẩy vào các nhiệm vụ cứng nhắc và lặp đi lặp lại. Nhu cầu theo kịp tốc độ của

kỹ thuật có thể làm xói mòn ý thức tự chủ của người lao động và kìm hãm khả năng sáng tạo mà họ được kỳ vọng mang lại cho công việc của mình.” [152] Chính là để tránh sự lệch hướng này, cần phải thiết kế các hệ thống lấy con người làm trung tâm chứ không chỉ tập trung vào hiệu suất.

Vấn đề thất nghiệp

151. Thánh Gioan Phaolô II nhận thấy rằng thất nghiệp là một tệ nạn nghiêm trọng. Thật vậy, khi nó đạt đến quy mô lớn, nó trở thành một thảm họa xã hội thực sự, đặc biệt đòi hỏi Nhà nước phải chịu trách nhiệm. [153] Ngày nay, giữa “cuộc cách mạng kỹ nghệ lần thứ tư”, mối lo ngại này thậm chí còn gay gắt hơn, vì sự đổi mới thường chỉ được theo đuổi để giảm chi phí và tăng lợi nhuận. [154] Trong một số bối cảnh, có một nỗi sợ hãi chính đáng về sự thu hẹp đáng kể và nhanh chóng về số lượng việc làm sẵn có, điều này sẽ tạo ra một phản ứng dây chuyền ảnh hưởng sâu sắc đến các gia đình, thanh niên và nền kinh tế địa phương. Trong nhiều lĩnh vực, điều này đã có thể được nhìn thấy trong các hình thức mới của sự bất an và bất bình đẳng về việc làm, đặc trưng bởi mức lương quá cao cho một thiểu số chuyên môn cao cùng với mức lương giảm đối với phần lớn lực lượng lao động.

152. Chắc chắn là điều đáng mong muốn khi kỹ thuật giúp con người giải phóng khỏi những công việc nặng nhọc, lặp đi lặp lại hoặc nguy hiểm và cung cấp sự hỗ trợ thông minh cho hoạt động của con người. Tuy nhiên, việc bảo vệ cơ hội việc làm và vai trò không thể thay thế của cá nhân phải luôn là nguyên tắc chung. Việc theo đuổi lợi nhuận cao hơn không thể biện minh cho những lựa chọn hy sinh việc làm một cách có hệ thống, bởi vì con người là mục đích chứ không phải phương tiện, và trật tự kinh tế phải luôn phụ thuộc vào phẩm giá con người và lợi ích chung.

153. Đồng thời, chúng ta phải thừa nhận rằng mọi sự biến đổi thực sự đều bao gồm những gián đoạn, bởi vì nó không đồng đều, rời rạc và đôi khi xung đột. Do đó, không tồn tại một mô hình thay đổi duy nhất hoặc giải pháp phổ quát nào, vì có những nơi và tình huống đòi hỏi những phản ứng khác nhau. Xét đến sự bất bình đẳng đang đặc trưng cho thế giới của chúng ta, sự lan rộng của trí tuệ nhân tạo và các hệ thống tính toán tạo ra những tác động khác nhau ở các nơi khác nhau. Các xã hội giàu có tự động hóa nhanh chóng và hỗn loạn, làm giảm nhu cầu về lực lượng lao động và tạo ra khoảng trống cho thất nghiệp và mài xát định chế. Ngược lại, các vùng rộng lớn trên thế giới vẫn bị mắc kẹt trong nền kinh tế lai, nơi lao động của con người được trả lương thấp và kỹ thuật chưa hoàn thiện cùng tồn tại mà không đạt được sự biến đổi thực sự. Những khu vực này trở thành nơi có lao động bấp bênh, và là điểm nóng của sự bất ổn và di cư cưỡng bức. Do đó, cần phải tìm kiếm các giải pháp ở bình diện quốc gia và địa phương thông qua sự tham gia của các cộng đồng trung gian. Chúng ta cần các công cụ thích ứng, bao gồm các mô hình được cấu trúc tốt, các sáng kiến địa phương, phân phối lại tiến bộ và các quyền mới về tiếp cận hàng hóa thiết yếu. Trong khi không theo đuổi sự hài hòa trừu tượng, chúng ta phải xây dựng các hình thức cụ thể về sự cùng tồn tại của con người trong thời điểm biến đổi này.

154. Việc làm vẫn là một khía cạnh cơ bản của trải nghiệm con người, bởi vì nó không chỉ là phương tiện sinh kế mà còn là bối cảnh cho sự phát triển, các mối quan hệ và đóng góp cho cộng đồng. Do đó, các vấn đề liên quan đến công việc vượt ra ngoài thu nhập cần thiết cho sự sống còn của gia đình. Một xã hội chỉ đảm bảo việc làm cho một phần nhỏ dân số, bất chấp trình độ phát triển kỹ thuật cao, có nguy cơ khiến nhiều người bị buộc phải thất nghiệp, thiếu trách nhiệm và thiếu các nhiệm vụ và động lực hàng ngày, dẫn đến sự nghèo nàn về con người và văn hóa. Điều này tạo ra một nghịch lý về tiến bộ vật chất và thoái hóa nhân học,

làm suy yếu nền tảng của một nền hòa bình xã hội công bằng và ổn định. Vì lý do này, Học thuyết Xã hội của Giáo hội nhấn mạnh rằng việc tiếp cận việc làm cho tất cả mọi người phải là ưu tiên hàng đầu trong các chính sách công và các quá trình kinh tế, đóng vai trò là tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng con người của bất cứ mô hình phát triển nào. [155] Hơn nữa, ở những nơi trên thế giới trong đó công việc có xu hướng giảm hoặc thay đổi mạnh mẽ do các quá trình kỹ thuật và tổ chức nằm ngoài tầm kiểm soát dân chủ, chúng ta phải suy nghĩ lại về bản chất của việc làm và mối liên hệ của nó với quyền công dân, đảm bảo rằng tình trạng thất nghiệp không gây nguy hiểm cho sự tham gia xã hội.

155. Dựa trên niềm tin này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về lịch sử của Học thuyết Xã hội của Giáo hội sau *Rerum Novarum*. Các sáng kiến xuất phát từ truyền thống đó, bao gồm các hiệp hội, công đoàn, hợp tác xã và các tổ chức phúc lợi, đã góp phần quyết định vào việc cải thiện luật lao động, bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất và cổ vũ các điều kiện nhân đạo hơn. [156] Tuy nhiên, ngày nay, những công cụ này tự chúng không còn đủ để đối diện với những biến đổi do AI, tổ chức thị trường mới và tính cạnh tranh hiểm khi quan tâm đến tính bền vững xã hội thúc đẩy. Cần có những nỗ lực hợp tác mới giữa các nhà lãnh đạo chính trị, các tổ chức lao động, giới kinh doanh và cộng đồng khoa học để nhanh chóng phát triển các quy định và biện pháp bảo vệ chung phù hợp, kể cả ở bình diện quốc tế. [157] Các công đoàn, mà Giáo hội luôn ủng hộ, được kêu gọi phải cởi mở với các loại hình việc làm mới và nhu cầu tương ứng của người lao động, để đại diện và bảo vệ họ. Trong bối cảnh này, nếu không có những quyết định táo bạo, viễn cảnh nghèo đói và bất bình đẳng lớn hơn sẽ hiện ra rõ ràng, điều này sẽ khiến nhiều cá nhân bị gạt ra ngoài lề, bị bỏ rơi và bị bao vây bởi máy móc và hệ thống tự động đã thay thế họ.

156. Vào thời điểm biến đổi này, chỉ phản ứng khi việc làm biến mất là chưa đủ; chúng ta phải giám sát quá trình biến đổi từ trước. Một hướng đi khả hữu là, trước hết, thiết lập các tiêu chuẩn xã hội cho việc đổi mới. Ở đây, mỗi lần ứng dụng tự động hóa và trí tuệ nhân tạo cần đi kèm với các biện pháp có thể kiểm chứng để bảo vệ việc làm, đào tạo lại và sự tham gia của người lao động. Bằng cách này, kỹ thuật sẽ hướng đến việc giải phóng thời gian và khả năng của con người, thay vì tạo ra sự loại trừ. Thứ hai, chúng ta cần các chính sách chủ động giúp cho việc đào tạo liên tục và chuyển đổi nghề nghiệp trở nên dễ tiếp cận với tất cả mọi người, đảm bảo rằng chi phí thích ứng không chỉ đổ dồn lên cá nhân. Cuối cùng, cần có cam kết của doanh nghiệp trong việc đưa chất lượng và phẩm giá công việc vào trong số các chỉ số thành công của mình. Khi những điều kiện này hiện diện, đổi mới có thể đóng vai trò là đồng minh của công việc an toàn hơn, sáng tạo hơn và có phẩm giá hơn; nếu không có chúng, đổi mới có xu hướng trở thành chất xúc tác cho sự bất công.

Một nền kinh tế coi trọng phẩm giá

157. Thị trường lao động là một lĩnh vực mà những rủi ro liên quan đến kỹ thuật mới thể hiện rõ ràng hơn. Do đó, cần nhớ rằng tự do kinh tế không phải là tuyệt đối; nó luôn phải được đo lường dựa trên lợi ích chung và phẩm giá của mỗi người. Tinh thần khởi nghiệp thực sự có thể là một sứ mệnh đích thực, tạo ra của cải và cải thiện cuộc sống, chứ không chỉ là một yếu tố phụ thuộc vào lợi nhuận. Điều này có thể xảy ra khi nó nhận ra rằng việc tạo ra những công việc có phẩm giá và giá trị là một phần thiết yếu của việc phục vụ xã hội một cách đúng đắn. [158]

158. Với tinh thần tiên tri, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã cảnh báo chống lại một nền tự do kinh tế chỉ được tuyên bố bằng lời nói, trong khi điều kiện thực tế ngăn cản nhiều người hưởng lợi từ nó. [159] Các mô hình kinh tế đề cao hiệu năng và thành công cá nhân thường

coi việc đầu tư vào những người thiệt thòi hoặc những người có con đường phát triển chậm hơn là vô ích hoặc bất tiện, như thế tương lai của họ chỉ phụ thuộc vào khả năng theo kịp “người chiến thắng”. Trên thực tế, một xã hội công bằng đòi hỏi một Nhà nước cảnh giác và các định chế dân sự có khả năng vượt qua nỗi trạng đơn nhất về hiệu năng, và đảm bảo rằng các nguồn lực, giải pháp sáng tạo và quy định ưu tiên những người dễ bị tổn thương nhất. [160] Thay vì chờ đợi lợi ích của tăng trưởng “cuối cùng” đến với người nghèo, cần phải đưa ra các quyết định để đảm bảo rằng tăng trưởng trở nên toàn diện ngay từ đầu. Kinh nghiệm của những thập niên gần đây cho thấy rằng trong các cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính, người nghèo luôn là người phải trả giá cao nhất, trong khi các lý thuyết hứa hẹn sự thịnh vượng chung tự động thường tỏ ra là ảo tưởng.

159. Điều quan trọng là phải vượt ra khỏi các thước đo phát triển hiện tại — vốn đã gắn liền với khái niệm Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong hơn tám mươi năm qua — vì những thước đo này hầu như bỏ qua một cách có hệ thống các khía cạnh thiết yếu đối với phúc lợi tổng thể của con người và môi trường. Việc phát triển các tham số và thước đo bổ sung cho GDP là rất quan trọng để cải thiện cơ sở dữ liệu được sử dụng để tiến hành phân tích, ra quyết định chính trị và kinh tế cũng như thiết lập các ưu tiên khu vực, quốc gia và quốc tế. Việc đưa ra các tham số mới sẽ cho phép đánh giá toàn diện và kịp thời về tác động của các quyết định lập pháp và quy định đối với phẩm giá lao động, sự thịnh vượng chung, giảm bất bình đẳng và bảo vệ môi trường. Nó cũng sẽ ảnh hưởng đến khái niệm phát triển, các quá trình giáo dục, tư duy và dư luận, cũng như hòa bình, vốn chỉ thực sự tồn tại khi dựa trên công lý.

160. Trong những năm gần đây, lĩnh vực tài chính đã gia tăng tầm quan trọng và trải qua những đổi mới đáng kể, một phần do sự ra đời của tiền điện tử. Những suy giảm và quan sát chứa đựng trong giáo huấn của các vị tiền nhiệm của tôi, đặc biệt là trong các Thông điệp của họ, đã nhấn mạnh cách thức mà lĩnh vực trung gian tài chính, “khi hoạt động mà không có nền tảng nhân học và đạo đức cần thiết, không chỉ tạo ra những lạm dụng và bất công rõ ràng mà còn thể hiện khả năng tạo ra khủng hoảng kinh tế mang tính hệ thống và toàn cầu.” [161] Tương tự như vậy, thu nhập từ vốn có nguy cơ thay thế thu nhập từ lao động, vốn thường bị giới hạn ở rìa của các lợi ích chính của hệ thống kinh tế. Tuy nhiên, tiết kiệm được chuyển đổi thành tín dụng cho nền kinh tế thực, từ đó tạo ra cả việc làm và việc làm tự do, vẫn là trung tâm cho sự phát triển và các khoản đầu tư phải đi kèm với các quá trình chuyển đổi đang diễn ra. Chức năng xã hội của tín dụng vẫn không thể thay thế. Tài chính vì mục đích riêng của nó về cơ bản khác với tài chính nhằm mục đích phát triển, tạo ra và tiến hóa của công việc.

161. Quan điểm này cần trở thành một phần của cái nhìn rộng hơn về động lực toàn cầu. Trong khi của cải thế giới đã tăng lên về mặt tuyệt đối, nó ngày càng tập trung vào tay một số ít người, làm gia tăng bất bình đẳng cả trong và giữa các quốc gia. “Có một số ít người có quá nhiều, và quá nhiều người có quá ít, đó là luận lý học của ngày nay.” [162] Những tiến bộ khoa học và kỹ thuật, ngay cả trong lĩnh vực y tế, cũng không dễ tiếp cận với đại đa số người dân, như đã được chứng minh một cách rõ ràng trong đại dịch gần đây. Trong khi một số khu vực chi tiêu mạnh tay cho các can thiệp không cần thiết hoặc những giấc mơ về việc nâng cao cá nhân chỉ dành cho một số ít người được chọn, thì các khu vực khác trên thế giới lại thiếu các thiết bị thiết yếu cần thiết để cứu sống hàng triệu người. Nghĩ rằng các kỹ thuật mới sẽ tự động mang lại lợi ích cho tất cả mọi người là bỏ qua bằng chứng. Trừ khi những biến đổi ở giai đoạn thiết kế ưu tiên việc ngăn ngừa sự bất bình đẳng mới và hơn thế nữa, tiến bộ kỹ thuật chắc chắn sẽ tạo ra những bất bình đẳng về cấu trúc. Ngày nay, công lý đòi hỏi phải được tiếp cận với những lợi ích của sự đổi mới, bao gồm chăm sóc, kiến thức, công cụ và cơ

hội.

162. Các luật và phương pháp phân phối lại công bằng chắc chắn là cần thiết để khắc phục sự mất cân bằng, bao gồm cả các hệ thống thuế làm giảm gánh nặng cho những người yếu nhất và yêu cầu nhiều hơn từ những người có nhiều nguồn lực hơn. Tuy nhiên, việc theo đuổi công bằng xã hội không nên được coi là một vấn đề riêng biệt chỉ xuất hiện sau khi tạo ra của cải, như thể nền kinh tế chỉ tồn tại để tạo ra của cải, và các chính trị gia chỉ can thiệp sau đó để phân phối nó. Thực tế, công bằng liên quan đến mọi giai đoạn của hoạt động kinh tế, từ việc thu thập tài nguyên đến tài chính, và từ sản xuất đến tiêu dùng; mọi lựa chọn đều có hậu quả về mặt đạo đức. [163]

163. Hơn bao giờ hết, trong thời đại trí tuệ nhân tạo và robot, không còn khả năng chỉ dựa vào “bàn tay vô hình” của thị trường nữa. [164] Chính trị có nhiệm vụ định hướng nền kinh tế và kỹ thuật vì lợi ích chung, thúc đẩy công việc có phẩm giá, hòa nhập xã hội và phân phối công bằng lợi ích của sự đổi mới. Vì nhiều quyết định kinh tế vượt qua biên giới quốc gia, nên cũng cần có sự hợp tác quốc tế có khả năng xác định các chiến lược chung, đặc biệt là có lợi cho các quốc gia và người dân dễ bị tổn thương nhất, để thúc đẩy phát triển và khắc phục sự phụ thuộc vào phúc lợi. Tư duy đằng sau những lựa chọn này là phẩm giá vô song của mỗi người, lợi ích chung và một thế giới thực sự được cai trị cho tất cả mọi người. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa hòa bình và phát triển, như Thánh Phaolô VI đã tiên tri viết vào năm 1967, [165] vẫn còn áp dụng được cho đến ngày nay, vì sự thịnh vượng chỉ góp phần xây dựng và củng cố hòa bình nếu nó được phổ biến rộng rãi, toàn diện và bền vững.

164. Về mặt thực tiễn, trong thời đại trí tuệ nhân tạo và robot, việc đảm bảo nền kinh tế ưu tiên phẩm giá con người có nghĩa là áp dụng một số tiêu chuẩn nhất định cho hành động kiên quyết. Thứ nhất, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: khi dữ liệu và thuật toán ảnh hưởng đến việc phân phối tín dụng, lựa chọn nhân sự hoặc tiếp cận các dịch vụ và cơ hội, cần thiết phải đảm bảo các quyết định dễ hiểu, có thể tranh luận và chịu sự giám sát, để cá nhân không bị thu hẹp thành những hồ sơ đơn thuần. Thứ hai, tính toàn diện và khả năng tiếp cận: lợi ích của đổi mới phải đi kèm với đầu tư vào kỹ năng, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ thiết yếu để đảm bảo kỹ thuật không làm gia tăng khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. Cuối cùng, các biện pháp đảm bảo công bằng: chính sách thuế, bảo trợ xã hội và chính sách kỹ nghệ phải khắc phục sự mất cân bằng do sự tập trung của cải và quyền lực tạo ra. Thực tế, những tiêu chuẩn này không phải là sự kìm hãm đổi mới; thay vào đó, chúng làm cho đổi mới trở nên văn minh và nhân bản.

Gia đình và thanh thiếu niên: những điều kiện xã hội cho hy vọng

165. Gia đình là một lợi ích xã hội cơ bản. Được xây dựng trên sự kết hợp bền vững giữa một người đàn ông và một người đàn bà, nó là môi trường đầu tiên mà tất cả mọi người phát triển tiềm năng của mình, nhận thức được phẩm giá của bản thân và học hỏi những hình thức sơ khai nhất của chân lý và điều tốt đẹp, nội hóa những thói quen chuẩn bị cho họ cuộc sống trong xã hội. [166] Là xã hội tự nhiên đầu tiên, được ban tặng những quyền cơ bản, gia đình là tế bào cơ bản và không thể thay thế của mọi tổ chức cộng đồng. [167] Do đó, khi các dự án chính trị và các quyết định kinh tế lớn đẩy gia đình vào vai trò thứ yếu hoặc bên lề, sự phát triển đích thực của toàn bộ cơ thể xã hội sẽ bị tổn hại. [168]

166. Tuy nhiên, gia đình là một tài sản xã hội dễ bị tổn thương, ngay lập tức bị ảnh hưởng bởi những chuyển đổi kinh tế và kỹ thuật đang định hình lại bản chất của việc làm. Do đó, nó cần sự hỗ trợ về văn hóa, pháp lý và kinh tế. Tác động tàn phá của thất nghiệp và tình trạng việc

làm không ổn định đối với cấu trúc gia đình đã được biết đến rộng rãi. Trong ngắn hạn, việc giảm chi phí lao động hoặc tối đa hóa hiệu quả tài chính có vẻ có lợi, nhưng về lâu dài, điều này làm suy yếu chính nền tảng của sự chung sống xã hội. Trong khi những thành công về kỹ thuật được ca ngợi, cấu trúc xã hội lại bị xói mòn dần dần, như thể bởi một loại virus thâm lặn.

167. Đối với người trẻ, tình trạng việc làm không ổn định đặc biệt tàn phá. Như các Giám mục của Hoa Kỳ đã nhắc lại, công việc không chỉ đơn thuần là nguồn thu nhập mà còn là một lĩnh vực quan trọng, nơi hình thành bản sắc, vun đắp tình bạn và các mối quan hệ, học hỏi trách nhiệm thực tiễn và nhận ra ơn gọi của mình. [169] Khi việc tiếp cận việc làm bị cản trở bởi tỷ lệ thất nghiệp cao, hệ thống đào tạo không đầy đủ hoặc các rào cản cấu trúc, nhiều người trẻ thấy con đường dẫn đến sự viên mãn về nhân cách và nghề nghiệp của họ bị chặn đứng. Nhu cầu thay đổi công việc nhiều lần trong suốt cuộc đời đòi hỏi phải cung cấp việc cập nhật và đào tạo lại liên tục, để các thế hệ mới có thể đổi diện một cách thành thạo và độc lập với những rủi ro của một môi trường kinh tế vừa thay đổi vừa thường khó lường. [170]

168. Điều này làm nảy sinh một trách nhiệm công cộng cụ thể. Nhà nước có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động kinh doanh bằng cách thúc đẩy các điều kiện thuận lợi cho việc làm, khuyến khích việc làm ở những nơi còn thiếu và bảo vệ nó trong thời kỳ khủng hoảng, vì nó là một lợi ích cơ bản cho gia đình và xã hội. [171] Đặc biệt trong thời đại chuyển đổi kỹ thuật liên tục, chúng ta cần một sự sáng tạo chính trị để cổ vũ “việc làm” và đặt gia đình và các thế hệ tương lai vào trung tâm; nếu không, sự tiến bộ kinh tế của chúng ta sẽ dẫn đến những hình thức bất an và loại trừ mới.

169. Hỗ trợ các gia đình và thanh niên trong quá trình chuyển đổi này đòi hỏi những lựa chọn giúp đảm bảo sự ổn định. Như đã nêu ở trên, các chính sách lao động cần cố vũ tính liên tục và chất lượng việc làm, chống lại tình trạng bất an như một điều kiện sống bình thường và khuyến khích những con đường thực tế để gia nhập lực lượng lao động và phát triển nghề nghiệp. Thứ hai, cần có các biện pháp để đảm bảo sức khỏe. Lối sống của con người, bởi vì nếu không có sự cân bằng hợp lý giữa việc làm, giải trí và nghỉ ngơi, gia đình sẽ suy yếu và giới trẻ sẽ khó phát triển ý thức trách nhiệm. Hơn nữa, việc đầu tư vào giáo dục và tái đào tạo để tiếp cận là rất cần thiết, để sự dịch chuyển nghề nghiệp mà nền kinh tế kỹ thuật số đòi hỏi không trở thành sự chọn lọc khắc nghiệt giữa những người có khả năng cập nhật kỹ năng và những người không thể. Cuối cùng, cần phải hỗ trợ các mối quan hệ xã hội, với các mạng lưới và cộng đồng giáo dục đồng hành cùng các lựa chọn trong cuộc sống và ngăn ngừa sự bất ổn dẫn đến sự cô đơn hoặc nghiện ngập. Nếu được thực hiện, những chuyển đổi kỹ thuật này có thể được vượt qua mà không làm suy yếu khả năng xây dựng tương lai, điều làm cho một xã hội thịnh vượng.

Bảo vệ tự do chống lại sự phụ thuộc và thương mại hóa

Sự phụ thuộc và kiểm soát xã hội

170. Sau khi suy giảm về sự thật và giáo dục, việc làm và gia đình, giờ đây chúng ta phải xem xét tác động của cuộc cách mạng kỹ thuật số đối với tự do của con người, giải quyết các rủi ro đối với cả sức khỏe tâm thần của cá nhân và những thách thức xã hội rộng lớn hơn. Không nên đánh giá thấp các hình thức nghiện ngập tinh vi hơn liên quan đến “nền kinh tế chú ý kỹ thuật số”, vì các nền tảng và dịch vụ thường được thiết kế để thu hút thời gian và sự chú ý của người dùng, khai thác điểm yếu của họ và làm suy yếu tự do nội tâm của họ. Khi các mô hình kinh doanh phát triển mạnh dựa trên điểm yếu của con người, con người bị đối xử như

một phương tiện chứ không phải là một mục đích; những người thiết kế hoặc tài trợ cho các hệ thống như vậy phải gánh chịu trách nhiệm đạo đức không thể bỏ qua. Cần khẩn cấp thúc đẩy các kỹ thuật tăng cường tự do nội tâm bằng cách nuôi dưỡng giáo dục về sự tinh táo trong thế giới kỹ thuật số và bảo vệ trẻ vị thành niên, từ đó chống lại các mô hình khai thác điểm yếu.

171. Một rủi ro khác, ít được chú ý hơn nhưng không kém phần nghiêm trọng, là sự kiểm soát xã hội được tạo ra bởi việc thu thập dữ liệu khổng lồ và sử dụng các hệ thống thuật toán. Khi mọi hành động—di chuyển, mua sắm, mối quan hệ và sở thích—đều để lại dấu vết, một hình thức quyền lực mới xuất hiện, đó là quyền lực để lập hồ sơ, dự đoán và ảnh hưởng đến hành vi, thường mà các cá nhân không hoàn toàn nhận thức được điều đó. Nếu loại dữ liệu này được sử dụng để đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến các cơ hội cụ thể—chẳng hạn như tiếp cận tín dụng, việc làm hoặc các dịch vụ thiết yếu—thì có nguy cơ làm suy yếu tự do và phân biệt đối xử với những người dễ bị tổn thương nhất. Hơn nữa, sự kiểm soát không chỉ được thực hiện thông qua các lệnh cấm rõ ràng mà còn thông qua cấu trúc của sự hiển thị: điều gì được khuếch đại hoặc bị che khuất, điều gì được khen thưởng hoặc bị trừng phạt, cuối cùng sẽ định hình các ý kiến và lựa chọn, thúc đẩy sự tuân thủ và tự kiểm duyệt. Vì lý do này, tự do trong thời đại kỹ thuật số không chỉ là vấn đề nội tâm mà còn là mối quan tâm của cộng đồng. Nó đòi hỏi các quy tắc rõ ràng, tính minh bạch, khả năng khiếu nại và giới hạn tương xứng đối với việc sử dụng các kỹ thuật xâm phạm, để kỹ thuật vẫn phục vụ con người chứ không trở thành một hình thức kiểm soát lương tâm.

172. Gốc rễ của những vấn đề này nằm ở tư duy kỹ trị và hậu nhân bản có xu hướng coi con người như một đối tượng để thao túng hoặc một nguồn lực để tối ưu hóa, [172] loại bỏ tất cả các biện pháp bảo vệ chống lại việc theo đuổi lợi nhuận không kiểm soát. Điều chiếm ưu thế là hiệu năng, chứ không phải là sự tôn trọng tự do và phẩm giá con người. Một số trào lưu hậu nhân bản thậm chí còn đi xa đến mức hình dung ra những con người “hạng hai”, lệ thuộc vào lợi ích của giới tinh hoa tự cho mình là thượng đẳng. Viễn cảnh đáng lo ngại này càng trở nên nghiêm trọng hơn khi kết hợp với các công cụ kỹ thuật làm tăng khả năng kiểm soát và lựa chọn một cách theo cấp số nhân. Ngay cả một số hình thức nợ nần mang tính cấu trúc, vốn giữ toàn bộ các dân tộc trong tình trạng phụ thuộc, cũng phản ánh cùng một tư duy, dưới những hình thức mới, dung túng cho các mối quan hệ lệ thuộc tương tự như chế độ nô lệ.

Phá vỡ xiềng xích của những hình thức nô lệ mới

173. Quan điểm méo mó này về con người ngày nay được phản ánh trong nhiều hình thức nô dịch liên quan trực tiếp đến nền kinh tế kỹ thuật số. Không có gì trong thế giới AI là phi vật chất hay kỳ diệu. Mỗi phản hồi dường như tức thì và hoàn hảo đều là kết quả của một chuỗi trung gian dài, liên quan đến các mạng lưới rộng lớn về tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng năng lượng và trên hết là con người. Một phần đáng kể hoạt động của nền kinh tế kỹ thuật số dựa vào công việc thầm lặng của hàng triệu người tham gia vào các hoạt động thiết yếu nhưng phần lớn không được nhìn thấy, chẳng hạn như gắn nhãn dữ liệu, đào tạo mô hình và kiểm duyệt nội dung, thường liên quan đến các nội dung gây khó chịu. Trong nhiều trường hợp, những người lao động này là những người trẻ tuổi, chủ yếu là phụ nữ, làm việc trong điều kiện khắc nghiệt với mức lương tối thiểu. Ngoài công việc lao động thầm lặng này, còn có công việc khắc nghiệt hơn nữa là khai thác các nguồn tài nguyên cần thiết cho việc sản xuất các thiết bị và bộ vi xử lý [microprocessors] mà trí tuệ nhân tạo phụ thuộc vào. Ở một số vùng trên thế giới, trẻ em và thanh thiếu niên làm việc trong điều kiện nguy hiểm, nghiền nát các vật liệu để chiết xuất các nguyên tố đất hiếm. Thẻ xác của những người này mang vết thẹo, bị thương tích và bị bào mòn để dòng chảy vi tính có thể tiếp tục không bị gián đoạn.

Hơn nữa, các mạng lưới tội phạm sử dụng các nền tảng trực tuyến, hệ thống nhắn tin, phương thức thanh toán ẩn danh và kỹ thuật lập hồ sơ để tuyển mộ, kiểm soát và vận chuyển nạn nhân của nạn buôn người — rất thường là trẻ vị thành niên — biến đàn ông và đàn bà thành “dữ liệu” để theo dõi và “gói hàng” để di chuyển trong cùng một mạch kỹ thuật số hỗ trợ phần lớn nền kinh tế toàn cầu. Thực tế này đặt ra thách thức sâu sắc đối với lương tâm đạo đức của thời đại chúng ta. Không đủ chỉ viện dẫn hiệu năng, cũng không đủ chỉ ca ngợi lợi ích của sự đổi mới, nếu chúng được xây dựng trên một chuỗi bóc lột vẫn cố tình bị che giấu. Nếu kỹ thuật hứa hẹn sự giải phóng, nhưng lại tạo ra những hình thức lệ thuộc toàn cầu mới, thì nó mâu thuẫn với nguyên tắc cơ bản về phẩm giá con người.

174. Cuộc chiến chống lại các hình thức nô lệ mới là một thử thách quyết định đối với sự phân định đạo đức của Trí tuệ Nhân tạo và chuyển đổi kỹ thuật số. Tiếp nối truyền thống do Đức Giáo Hoàng Leo XIII khởi xướng, Giáo hội tái khẳng định sự lên án mạnh mẽ của mình đối với mọi hình thức nô lệ, buôn người và biến con người thành hàng hóa. Giáo hội cũng nhấn mạnh sự cần thiết cấp bách phải suy gẫm và hành động để giữ gìn phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi con người và lợi ích chung, vừa là trọng tâm và mục tiêu của xã hội, vừa là tiêu chuẩn hướng dẫn cho mọi lựa chọn bản thân, xã hội và chính trị. Nếu thiếu sự suy gẫm về đạo đức và nhân bản này, sức mạnh ngày càng tăng của các hệ thống kỹ thuật số có thể dẫn chúng ta đến những tội ác mới không kém phần đáng xấu hổ so với những tội ác trong quá khứ mà chúng ta hiện đang lên án, trong khi chúng ta vẫn tiếp tục tự xưng là những xã hội “tiên tiến” và “văn minh”.

175. Buôn người phải được công nhận là một hình thức nô lệ hiện đại và là sự vi phạm nghiêm trọng phẩm giá con người. Không phản ứng kiên quyết, hoặc dung túng những hành vi này dưới bất cứ hình thức nào, đều đồng nghĩa với việc trở thành đồng lõa trong những tội lỗi ngày nay, tương tự như những tội lỗi trong quá khứ khi chế độ nô lệ bị che giấu và biện minh. [173]

176. Trong quá trình phát triển học thuyết của mình, Giáo hội đã dần nhận thức sâu sắc hơn về mức độ nghiêm trọng của những vấn đề này. Đúng là không thể đánh giá các sự kiện trong quá khứ một cách lỗi thời, như thể các tiêu chuẩn đạo đức đã trưởng thành theo thời gian luôn luôn có sẵn. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể phủ nhận hoặc giảm nhẹ sự chậm trễ mà cả xã hội và Giáo hội đã lên án tai họa của chế độ nô lệ. Trong thời cổ đại và Trung Cổ, nhiều cá nhân và thậm chí cả các tổ chức giáo hội đều có nô lệ. Ngay từ thời kỳ cận đại, Tòa Thánh Roma, đáp lại yêu cầu từ các vị vua, đã can thiệp nhiều lần để điều chỉnh và hợp pháp hóa các hình thức khuất phục, và trong một số trường hợp, là việc nô dịch những người “ngoại đạo”. [174] Chỉ đến thế kỷ XIX, một sự lên án chính thức, tuyệt đối và phổ quát đối với chế độ nô lệ mới được nêu rõ ràng, đặc biệt là dưới thời Đức Giáo Hoàng Leo XIII. [175] Sự phát triển này cung cấp một ví dụ rõ ràng về sự trưởng thành của Giáo hội trong việc hiểu biết những chân lý vĩnh cửu của Mạc Khải mà Giáo hội bảo vệ. Mặc dù không phải lúc nào cũng có sự nhất quán trong thực hành — vì chế độ nô lệ đã được dung thứ trong một thời gian dài trước khi bị lên án một cách dứt khoát — nhưng xuyên suốt lịch sử, phẩm giá của mỗi con người, được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, luôn được khẳng định một cách liên tục, ngay cả khi phải mất mười tám thế kỷ để sự bất khả kháng hoàn toàn của nó với chế độ nô lệ được công nhận một cách rõ ràng. Điều này tạo nên một vết thương trong ký ức Kitô giáo, một vết thương mà chúng ta không thể coi mình là tách rời khỏi. [176] Không thể không cảm thấy đau buồn sâu sắc khi chiêm niệm về sự đau khổ và sỉ nhục to lớn mà rất nhiều người phải chịu đựng, trái ngược hoàn toàn với phẩm giá vô bờ bến của họ với tư cách là những người được Chúa yêu thương vô hạn. Vì điều này, nhân danh Giáo hội, tôi thành tâm xin tha thứ.

177. Đây là lý do tại sao ký ức về sự đồng lõa và mù quáng trong quá khứ trước sự bất công của chế độ nô lệ trở thành lời kêu gọi cảnh giác. Những gì chúng ta đã học được phải được chuyển thành sự phân định và trách nhiệm trong hiện tại. Nếu chúng ta muốn tránh việc phải xin lỗi một lần nữa trong tương lai vì đã không tôn trọng giá trị nhân phẩm quý báu mà đức tin của chúng ta đòi hỏi, thì hôm nay chúng ta có trách nhiệm lên án một cách rõ ràng và kiên quyết nạn buôn người dưới nhiều hình thức khác nhau và cùng với tất cả những người cam kết vì sự nghiệp này, hỗ trợ những nỗ lực cụ thể trong việc phòng ngừa, bảo vệ, giải phóng và phục hồi.

178. Ngay cả ngày nay, chủ nghĩa thực dân vẫn mang những hình thức mới. Nó không còn chỉ thống trị thân xác mà còn chiếm đoạt dữ liệu, biến cuộc sống cá nhân thành thông tin có thể khai thác. Toàn bộ các khu vực, đặc biệt là những khu vực có cấu trúc yếu kém và tầm quan trọng địa chính trị hạn chế, hiện đang phải chịu một tư duy khai thác mới: đó là dữ liệu sức khỏe, hồ sơ dịch tễ học, bản đồ gen và thông tin nhân khẩu học. Chúng đã trở thành những “đất hiếm” mới của quyền lực: dữ liệu quan trọng, một khi được tổng hợp và phân tích, có thể được sử dụng để đào tạo các mô hình dự đoán, hướng dẫn chiến lược đầu tư, dự báo khủng hoảng và, trên hết, quyết định ai và điều gì được coi là quan trọng. Những người kiểm soát dữ liệu sức khỏe của toàn bộ cộng đồng – thường được thu thập dưới chiêu bài viện trợ, nghiên cứu hoặc đổi mới – nắm giữ đòn bẩy cấu trúc đối với tương lai, bởi vì họ có thể định hình nhu cầu và thị trường. Họ cũng có thể quyết định, trước những người khác, thuốc men, đầu tư và sự bảo vệ sẽ được phân bổ cho ai. Đây là một trong những thách thức đạo đức cấp bách nhất của thời đại chúng ta: đảm bảo rằng kiến thức được chia sẻ trở thành một lợi ích chung thực sự chứ không phải là một công cụ thống trị. Điều này đòi hỏi phải khôi phục cho cá nhân không chỉ dữ liệu mô tả về họ, mà còn cả khả năng quyết định cách thức sử dụng, bởi ai và vì lợi ích của ai. Nếu không, thời đại kỹ thuật số sẽ không phải là hậu thuộc địa, mà là thuộc địa dưới một hình thức khác.

179. Các hình thức nô lệ mới được thúc đẩy bởi các chuỗi kinh tế và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số. Do đó, cần phải hành động trên nhiều mặt trận. Thứ nhất, các chuỗi cung ứng hỗ trợ ngành kỹ thuật và nền kinh tế kỹ thuật số cần trở nên minh bạch hơn, để không có lợi thế cạnh tranh nào được xây dựng dựa trên sự bóc lột ngầm. Thứ hai, các công ty và nhà đầu tư cần áp dụng các tiêu chuẩn rõ ràng để xác minh đạo đức mang tính phòng ngừa (thẩm định kỹ lưỡng), đặt ưu tiên hàng đầu là bảo vệ người lao động, chống lại lao động cưỡng bức và đánh giá tác động xã hội của các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu. Hơn nữa, các nền tảng kỹ thuật số phải hợp tác có trách nhiệm với chính quyền và xã hội dân sự để ngăn chặn các công cụ truyền thông, thanh toán và lập hồ sơ trở thành kênh tuyển dụng và kiểm soát nạn nhân. Khi những nỗ lực này hội tụ, môi trường kỹ thuật số có thể được chuyển đổi từ không gian bóc lột thành không gian bảo vệ, phòng ngừa và thúc đẩy phẩm giá con người.

Trách nhiệm chung

180. Các lĩnh vực vừa được xem xét— việc tìm kiếm sự thật trong đời sống công cộng, giáo dục trong môi trường kỹ thuật số, sự chuyển đổi của công việc, sự mong manh của gia đình và các hình thức nô lệ mới—không phải là những hiện tượng riêng lẻ. Thay vào đó, chúng phản ánh một vấn đề cơ bản chung, đó là nếu kỹ thuật trở thành tiêu chuẩn tối thượng, con người có nguy cơ bị giảm xuống thành dữ liệu, một bánh răng trong máy móc hoặc một món hàng hóa. Tuy nhiên, nếu kỹ thuật được tích hợp với một quan điểm khôn ngoan, nó có thể trở thành một công cụ của sự tăng trưởng, công lý và tình huynh đệ.

181. Từ quan điểm này, Học thuyết Xã hội của Giáo hội kêu gọi trách nhiệm chung. Học thuyết yêu cầu các quá trình này phải được hướng dẫn bằng tầm nhìn xa: bởi các định chế có khả năng qui định mà không bóp nghẹt, và bảo vệ mà không chiếm đoạt; bởi các doanh nghiệp nhận thức được lao động và phẩm giá là thước đo thành công; bởi các tổ chức trung gian và cộng đồng giáo dục xây dựng lại niềm tin và các mối quan hệ; và bởi những công dân trau dồi trách nhiệm, sự tiết chế, khả năng phân định và ý thức về chân lý. Chỉ bằng cách này, sự đổi mới mới thực sự phục vụ sự phát triển toàn diện của con người, thay vì trở thành nguồn gốc của sự loại trừ và thống trị. Và chỉ bằng cách này, lời hứa về sự tiến bộ mới được công nhận là đích thực, bởi vì nó được đo lường dựa trên phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi người nam và người nữ.

CHƯƠNG NĂM: VĂN HÓA QUYỀN LỰC VÀ NỀN VĂN MINH TÌNH YÊU

182. Sau khi xem xét cách trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm biến đổi một số khía cạnh của cuộc sống và xã hội, đặc biệt là những hệ lụy nghiêm trọng đối với phẩm giá con người, giờ đây chúng ta phải chuyển sự chú ý sang vấn đề bi thảm hơn nữa là chiến tranh. Ở đây, câu hỏi không chỉ đơn thuần là hiệu quả của các công cụ mới, mà còn là nguy cơ kỹ thuật, khi tách rời khỏi đạo đức và trách nhiệm, sẽ khiến các quyết định về sự sống và cái chết trở nên nhanh chóng và vô cảm hơn, và sẽ biến việc sử dụng vũ lực thành một lựa chọn tức thời và khả hữu. Trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, hòa bình không chỉ đơn thuần là một vấn đề trong số nhiều vấn đề khác, mà là điều kiện tiên quyết cho lợi ích chung toàn cầu và là thước đo sự trưởng thành về mặt đạo đức của các dân tộc, đặc biệt là những người có trách nhiệm cai trị.

183. Cuộc cách mạng kỹ thuật số đang thay đổi bản chất của xung đột. Bên cạnh chiến tranh thông thường, còn có các hình thức lai ghép như tấn công mạng, thao túng thông tin, các chiến dịch gây ảnh hưởng và tự động hóa các quyết định chiến lược. AI đóng vai trò là yếu tố thúc đẩy các quá trình này, đặc biệt trong bối cảnh nhiều kỹ thuật vốn dĩ mang tính mơ hồ. Do đó, những gì được tạo ra để phòng thủ có thể nhanh chóng được sử dụng lại cho mục đích tấn công, và ranh giới mong manh giữa bảo vệ và xâm lược trở nên mờ nhạt. Trong khi AI có thể tăng cường khả năng phòng thủ và bảo vệ dân thường, nó cũng có thể làm giảm ngưỡng sử dụng vũ lực, che chắn cho mọi người khỏi trách nhiệm và nuôi dưỡng một nền văn hóa trong đó kẻ thù bị giảm xuống thành con số thống kê và nạn nhân trở thành “thiệt hại ngoài dự kiến [collateral damage]”. Đối diện với những biến đổi này, chúng ta phải nhớ lại các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội — phẩm giá con người, lợi ích chung, đích đến phổ quát của của cải, tính phụ đới, tình liên đới và công lý — bởi vì chúng là những tiêu chuẩn để đánh giá xem kỹ thuật có thực sự phục vụ nhân loại hay đang khuất phục nhân loại. Do đó, chúng ta nên coi những nguyên tắc này như những hướng dẫn cho việc ra quyết định của mình.

184. Vì vậy, trong chương này, tôi sẽ so sánh hai cách tiếp cận đối lập, mà tôi đã đề cập thông qua hình ảnh Kinh thánh trong phần Giới thiệu. Một mặt, có sự căm dỗ của việc xây dựng Tháp Babel, dựa vào quyền lực và lòng kiêu hãnh. Mặt khác, cần phải có sự kiên nhẫn để xây dựng lại Giêrusalem “từng phần một”, như thời Nơ-khe-mi-a, bằng cách bảo vệ nhân loại và lợi ích chung.

185. Nếu xem xét động lực toàn cầu, chúng ta có thể nhận ra rõ hơn sự lan rộng của một nền văn hóa quyền lực đặc trưng bởi sự phân cực và bạo lực. Tháp Babel hiện đại không chỉ được nhìn thấy trong mô hình kỹ trị toàn cầu hóa, mà còn trong cuộc xung đột xa xôi giữa các đế chế đối lập, giữa các cường quốc muốn duy trì quyền lực tối cao của mình và những

cường quốc khao khát giành lấy quyền lực tối cao đó, dẫn đến vô số xung đột cục bộ. Hơn nữa, dường như không có giới hạn nào cho cuộc chạy đua – được thúc đẩy bởi tham vọng phi nhân tính – để phát triển các kỹ thuật ngày càng mạnh mẽ hơn hoặc để giành quyền kiểm soát chúng. Tuy nhiên, bất chấp vòng xoáy đi xuống này, chúng ta cũng có thể thấy một phần lớn nhân loại đang cố gắng giữ vững nhân tính và nỗ lực xây dựng thành phố thánh của sự chung sống và hòa bình. Thường thì, chúng ta là những người xây dựng vô tình và những kiến trúc sư vụng về của thành phố này, có khả năng thực hiện những cử chỉ hào phóng nhưng thiếu tầm nhìn tổng thể. Dự án xây dựng này diễn ra chậm hơn, ít được chú ý hơn và ít ngoạn mục hơn, và cần sự hiểu biết tốt hơn và sự phối hợp chặt chẽ hơn để nó có thể trở thành trách nhiệm có ý thức và rõ ràng của mọi cộng đồng, từ gia đình đến các quốc gia và mối quan hệ giữa các quốc gia. Chính triển vọng của sự cam kết này, công trường xây dựng của hy vọng này, mà chúng ta gọi là “nền văn minh của tình yêu”.

Nền văn minh của tình yêu trong thời đại kỹ thuật số

186. Khi Thánh Phaolô VI đặt ra cụm từ “nền văn minh của tình yêu”, [177] thế giới đang ở giữa Chiến tranh Lạnh, một cuộc chạy đua vũ trang và sự bất ổn kinh tế nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, Giáo hội đã đề xuất một con đường thay thế cho sự đối lập về ý thức hệ giữa các hệ thống, và hình dung ra một trật tự xã hội trong đó công lý và bác ái đan xen và tình yêu trở thành nguyên tắc chỉ đạo của đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa. Ngày nay, chúng ta phải kiên quyết khôi phục tầm nhìn này, vì nền văn minh của tình yêu không phải là một ảo tưởng ngây thơ, mà là một dự án đầy thách thức, bao gồm việc chuyển đổi lòng bác ái thành các cấu trúc công lý, tạo hình thức định chế cho tình huynh đệ và coi những người khác — dù là cá nhân hay dân tộc — là những đồng minh cần thiết để xây dựng lợi ích chung. Như Thông điệp Fratelli Tutti đã nhắc nhở chúng ta, chỉ có tình yêu xã hội này mới có khả năng trở thành một nền văn hóa và một chuẩn mực, và do đó mang lại một trật tự quốc tế ổn định, biến sự chung sống vũ trang đơn thuần thành một cộng đồng có chung tương lai. [178]

187. Nhận thức này thậm chí còn mang tính nền tảng hơn trong bối cảnh chuyển đổi kỹ thuật số hiện nay. Mạng lưới kỹ thuật số, nền kinh tế toàn cầu hóa và sự phát triển của trí tuệ nhân tạo làm nảy sinh những mối liên kết ngày càng chặt chẽ, liên kết — trong thời gian thực — các quyết định được đưa ra ở một nơi với những tác động mà chúng tạo ra ở nơi khác. Theo nghĩa này, những lời của Công đồng Vatican II về sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các dân tộc vẫn còn phù hợp, vì lợi ích chung đang mang một chiều kích ngày càng phổ quát, với các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến toàn thể gia đình nhân loại. [179] Do đó, dự án về một nền văn minh của tình yêu phải đảm nhận nhiệm vụ chuyển đổi sự phụ thuộc lẫn nhau bị áp đặt này thành một tình liên đới tự nguyện và được lựa chọn. Đây là nguyên tắc chỉ đạo cho các quy trình kỹ thuật: trí tuệ nhân tạo không chỉ giúp chúng ta hiệu quả hơn hoặc kết nối hơn; nó còn phải phục vụ việc xây dựng một gia đình nhân loại phổ quát, với các quyền lợi và nghĩa vụ được chia sẻ, nơi sự gắn gũi kỹ thuật số trở thành một cơ hội thực sự để gặp gỡ và chăm sóc lẫn nhau.

Văn hóa quyền lực

188. Trong thời đại của chúng ta, một nền văn hóa quyền lực đang hình thành, trong đó sự sẵn có của các nguồn lực và khả năng thống trị có xu hướng chi phối chương trình nghị sự và các tiêu chuẩn ra quyết định. Bằng cách này, lợi ích chung của nhân loại bị đẩy xuống hàng thứ yếu và thậm chí cụ thể của các dân tộc trong chiến tranh bị giảm xuống thành một vấn đề thứ yếu so với lợi ích chiến lược. Văn hóa quyền lực này len lỏi vào xã hội, thay đổi các mối quan hệ và hành vi, và phát triển bằng cách bình thường hóa chiến tranh, theo đuổi sức

manh quân sự ngày càng lớn, lợi dụng cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương và nuôi dưỡng một chủ nghĩa hiện thực sai lầm khẳng định rằng không có lựa chọn nào khác.

Sự bình thường hóa chiến tranh

189. Năm 1965, những lời của Thánh Phaolô VI vang vọng mạnh mẽ tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc: “Không bao giờ chiến tranh nữa, không bao giờ chiến tranh nữa!” [180] Chúng ta phải thừa nhận rằng, bất chấp những mong muốn và tuyên bố về hòa bình, sáu mươi năm qua đã được đánh dấu bằng các cuộc xung đột với mức độ tàn bạo đáng kinh ngạc, thường ảnh hưởng đến dân thường trên quy mô lớn, dẫn đến cái chết của những nạn nhân vô tội, sự di dời hàng loạt, sự bất ổn xã hội và những vết thương lâu dài. Tuy nhiên, trong diễn ngôn công cộng, có một niềm tin rộng rãi rằng chiến tranh nên vẫn là biện pháp cuối cùng, phải tuân theo các giới hạn đạo đức và pháp lý nghiêm ngặt, và luôn hướng tới một tầm nhìn chính trị về hòa bình. Sau những diễn biến trong giai đoạn ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, một bước ngoặt đã xảy ra sau Chiến tranh thế giới thứ hai: hòa bình trở thành trọng tâm của trật tự quốc tế, như được chứng thực đặc biệt bởi Hiến chế Liên Hợp Quốc, với ý định “cứu các thể hệ kế tiếp khỏi tai họa chiến tranh”. [181] Tương tự, nhiều hiến pháp quốc gia đã hạn chế việc sử dụng vũ lực trong những trường hợp cực đoan và bị giới hạn nghiêm ngặt. Ngay cả trong Chiến tranh Lạnh, bất chấp sự tồn tại của các xung đột nghiêm trọng, vẫn còn nhận thức rằng một cuộc chiến tranh thế giới mới phải được tránh bằng mọi giá.

190. Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi mô hình thực sự trong diễn ngôn công cộng và trong các quyết định liên quan đến tái vũ trang, với sự hồi sinh đáng lo ngại của chiến tranh như một công cụ của chính trị quốc tế, trong khi chính những nguyên tắc đạo đức trước đây đã hạn chế việc sử dụng nó đang bị xói mòn. Các xung đột khu vực kéo dài theo thời gian, căng thẳng leo thang và các mối đe dọa qua lại đang trở nên gần như phổ biến, và các hình thức xung đột do mong muốn bành trướng lãnh thổ mà người ta cho rằng đã được khắc phục đang tái xuất hiện. Dư luận đang dần bị định hình và chi phối bởi các câu chuyện truyền thông phân cực, thường được khuếch đại bởi các thuật toán ưu tiên xung đột và đối đầu.

191. Chúng ta cũng đang chứng kiến sự mất mát đáng lo ngại về ký ức lịch sử, khi những lời kể trực tiếp về Holocaust và hai Thế chiến đang biến mất. Điều này dẫn đến việc viết lại quá khứ một cách có chọn lọc hoặc bóp méo, trong bối cảnh tin giả và sự thao túng các câu chuyện che khuất những bài học đã được rút ra. Nếu không có ký ức sống động về những nỗi kinh hoàng của chiến tranh, các quyết định chính trị có nguy cơ được đưa ra chỉ dựa trên quyền lực, mà không xem xét đến hậu quả lâu dài.

192. Thêm vào đó, truyền thông và các chiến lược kỹ thuật số đang bổ sung thêm những yếu tố mới và mang tính quyết định. Mạng lưới truyền thông, môi trường thông tin phân mảnh và các thuật toán khuyến khích xung đột có thể khuếch đại sự phân cực và oán giận, gia tăng tuyên truyền và làm cho việc phân biệt chung trở nên khó khăn hơn. Do đó, chiến tranh không chỉ được tiến hành mà còn được định hình về mặt văn hóa thông qua các câu chuyện đơn giản, tâm lý bạn hay thù, thông tin sai lệch và nỗi sợ hãi. Khi ký ức lịch sử phai nhạt và các nguyên tắc đạo đức bảo vệ thường dân và những người dễ bị tổn thương nhất bị suy yếu, việc biện minh cho bạo lực như là cần thiết, không thể tránh khỏi hoặc thậm chí là “được làm vệ sinh” trở nên dễ dàng hơn. Chính trong bối cảnh này, nhân loại đang trượt vào một nền văn hóa bạo lực của quyền lực, nơi hòa bình không còn xuất hiện như một trách nhiệm cần phải gánh vác, mà như một khoảng thời gian mong manh giữa các cuộc xung đột. Ngày nay, hơn bao giờ hết, không ảnh hưởng đến quyền tự vệ theo nghĩa nghiêm ngặt nhất, điều quan

trọng là phải khẳng định lại rằng lý thuyết “chiến tranh chính nghĩa”, vốn thường được sử dụng để biện minh cho bất cứ loại chiến tranh nào, giờ đã lỗi thời. [182] Nhân loại sở hữu những công cụ hiệu quả và có khả năng hơn nhiều để thúc đẩy cuộc sống con người và giải quyết xung đột bằng các phương pháp như đối thoại, ngoại giao và tha thứ. Việc sử dụng vũ lực, bạo lực và vũ khí phản ánh sự nghèo nàn về mặt quan hệ, luôn dẫn đến hậu quả thảm khốc đối với dân thường.

Vũ lực không giới hạn

193. Sự phát triển của tổ hợp kỹ nghệ quân sự đã trở thành đặc điểm nổi bật của bối cảnh chính trị hiện nay và trở thành một lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế của nhiều quốc gia. Mỗi liên hệ chặt chẽ giữa lợi ích kinh tế, bộ máy quân sự và các quyết định chính trị tạo ra một “quốc gia vũ trang”, trong đó chiến tranh xuất hiện như một sự mở rộng tự nhiên của chính trị, và thị trường vũ khí trở thành động lực tự chủ đằng sau các quyết định quân sự. Chúng ta cũng không thể bỏ qua những lợi ích kinh tế khổng lồ đằng sau chiến tranh. Ngành kỹ nghệ vũ khí, và các quốc gia cung cấp vũ khí, thu lợi từ một thị trường phát triển mạnh mẽ chính xác nhờ các cuộc xung đột. Theo nghĩa này, cũng có những lợi ích tài chính góp phần làm gia tăng căng thẳng ở nhiều khu vực trên thế giới.

194. Kho vũ khí quân sự đang nhận được sự chú ý trở lại. Trong quá khứ, việc nhận thức được mối đe dọa do các loại vũ khí có khả năng hủy diệt toàn nhân loại gây ra đã thúc đẩy các con đường hướng tới hòa hoãn và đàm phán giải trừ quân bị. Thật không may, cách tiếp cận này đã bị bỏ lại phía sau, và sự phát triển của kho vũ khí hạt nhân — bao gồm cả triển vọng sử dụng “chiến thuật” — khiến việc sử dụng các loại vũ khí này dường như không còn là điều không thể xảy ra. Trong bối cảnh này, Hiệp ước Cấm Vũ khí Hạt nhân, có hiệu lực vào năm 2021 với sự ủng hộ của hơn 70 quốc gia, là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, nó có nguy cơ chỉ mang tính biểu tượng vì các cường quốc hạt nhân lớn chưa đồng ý với nó. Điều này đã dẫn đến niềm tin sai lầm nhưng phổ biến rằng răn đe hạt nhân là điều kiện tiên quyết không thể thiếu cho an ninh. Điều này cũng góp phần vào một cuộc chạy đua vũ trang mới, khó kiểm soát và đi kèm với việc dần dần phá bỏ các thỏa thuận giảm vũ khí hạt nhân, cũng như sự phát triển của các loại vũ khí “thu nhỏ [miniaturize]”, khiến việc sử dụng chúng dường như là một lựa chọn khả hữu hơn.

195. Luậnn lý học tương tự cũng áp dụng cho chiến tranh thông thường. Lực lượng quân sự, các sáng kiến ngoại giao yếu kém và sự phức tạp của các lợi ích liên quan góp phần dẫn đến các cuộc xung đột có xu hướng kéo dài, với chi phí nhân mạng và môi trường cực kỳ cao. Việc bắt đầu một cuộc chiến dễ hơn nhiều so với việc ngăn chặn nó, thế nhưng, các cuộc thảo luận về phòng ngừa xung đột vẫn bị bỏ qua một cách đáng buồn.

196. Tình hình càng trở nên bất ổn hơn bởi sự xuất hiện của các lực lượng vũ trang mới, chẳng hạn như các nhóm thánh chiến, các nhóm dân quân tư nhân và các mạng lưới tội phạm, đánh dấu sự kết thúc của độc quyền sử dụng vũ lực của Nhà nước. Thường thì các nhóm này đan xen những động cơ ý thức hệ mơ hồ với các lợi ích kinh tế cụ thể, biến chiến tranh thành “lối sống” cho toàn bộ các thế hệ thanh niên và trẻ em. Ở đây, mục tiêu không còn là một chiến thắng dứt khoát, mà là sự duy trì xung đột như một nguồn quyền lực và thu nhập.

Vũ khí và trí tuệ nhân tạo

197. Kịch bản nêu trên có liên quan đến sự phát triển không ngừng của các hệ thống vũ khí, đặc biệt là những hệ thống liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Tòa Thánh gần đây đã nhận thấy

rằng việc triển khai các hệ thống vũ khí tự động ngày càng dễ dàng hơn khiến chiến tranh trở nên “khả hữu” hơn và ít chịu sự kiểm soát của con người hơn. Điều này vi phạm nguyên tắc này là lực lượng vũ trang chỉ nên được sử dụng như biện pháp cuối cùng trong trường hợp tự vệ chính đáng. [183] Vì lý do này, việc phát triển và sử dụng AI trong chiến tranh phải tuân theo những ràng buộc đạo đức nghiêm ngặt nhất, để đảm bảo tôn trọng phẩm giá con người và tính thánh thiêng của sự sống và tránh một cuộc chạy đua phát triển các loại vũ khí như vậy. [184]

198. Đôi khi người ta nói về “các tác nhân đạo đức nhân tạo”, như thể máy móc có thể phân biệt đúng sai một cách nhất quán hơn con người. Tuy nhiên, phán xét đạo đức không thể bị giản lược thành tính toán, vì nó liên quan đến lương tâm, trách nhiệm cá nhân và sự công nhận người khác là một con người. Do đó, không được phép giao phó các quyết định gây chết người hoặc không thể đảo ngược cho các hệ thống nhân tạo. Không có thuật toán nào có thể làm cho chiến tranh trở nên chấp nhận được về mặt đạo đức. AI không loại bỏ tính vô nhân đạo vốn có của xung đột; thực tế, nó chỉ có thể gây ra xung đột nhanh hơn và làm cho nó trở nên vô cảm hơn, hạ thấp ngưỡng sử dụng bạo lực, biến phòng thủ thành dự đoán mối đe dọa và do đó biến nạn nhân thành dữ liệu. Bằng cách này, nó sẽ làm cho chúng ta quen với ý tưởng cho rằng bạo lực là không thể tránh khỏi và chỉ cần được tối ưu hóa. Điều này không làm giảm tầm quan trọng của việc truyền đạt, trong chừng mực có thể, các giá trị và phán đoán đúng đắn vào các hệ thống nhân tạo mà chúng ta xây dựng, để chúng có thể đóng góp vào một hệ sinh thái đạo đức trong đó con người có thể lắng nghe lương tâm của chính mình tốt hơn, cũng như cho phép các mô hình AI thiết lập các ranh giới phù hợp.

199. Không đủ chỉ viện dẫn một loại đạo đức chung chung. Cần phải thiết lập các tiêu chuẩn cụ thể để biện phân. Tiêu chuẩn đầu tiên như vậy liên quan đến trách nhiệm cá nhân. Khi quyết định đình công trở nên tự động hoặc không minh bạch, nguy cơ thoái trách nhiệm sẽ tăng lên. Trách nhiệm ngày càng tăng. Vì lý do này, chuỗi trách nhiệm phải được xác định và kiểm chứng; những người thiết kế, đào tạo, ủy quyền và sử dụng kỹ thuật phải chịu trách nhiệm về các quyết định của họ. Tiêu chuẩn thứ hai liên quan đến khung thời gian đạo đức để đưa ra phán đoán. Mặc dù trí tuệ nhân tạo có xu hướng đẩy nhanh quá trình ra quyết định, nhưng tốc độ và hiệu quả không bao giờ được là động lực tối cao cho các quyết định không thể đảo ngược được đưa ra trong bối cảnh chiến tranh. Tiêu chuẩn thứ ba là việc xác định và bảo vệ thường dân. Bất cứ kỹ thuật nào tạo điều kiện cho các cuộc tấn công mà không nhìn thấy khuôn mặt của con người đều làm giảm ngưỡng đạo đức của xung đột. Việc lựa chọn mục tiêu và sử dụng vũ lực không được gây nhầm lẫn giữa người tham chiến và người không tham chiến, cũng như không được bỏ qua tác động đến các cộng đồng không có khả năng tự vệ.

200. Những tiêu chuẩn này dẫn đến một số yêu cầu không thể thương lượng. Thứ nhất, tất cả các hệ thống được sử dụng trong bối cảnh chiến tranh phải đảm bảo khả năng truy vết [retracing] và tái cấu trúc các quá trình ra quyết định, để trách nhiệm và sự đổ lỗi không bị đổ dồn vào “máy móc”. Thứ hai, quyết định sử dụng vũ lực gây chết người không thể được giao cho các quy trình mờ ám hoặc tự động, mà phải nằm dưới sự kiểm soát hữu hiệu, tự nhận thức và có trách nhiệm của con người. Cuối cùng, điều cần thiết là phải thiết lập một khuôn khổ chung — cả ở bình diện quốc tế — để kiểm chế cuộc chạy đua vũ trang kỹ thuật và đảm bảo sự bảo vệ vững chắc cho thường dân và cơ sở hạ tầng cần thiết cho sự sống còn của họ.

Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương

201. Văn hóa quyền lực cũng bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng của hệ thống đa phương. Các

định chế được thiết lập để bảo vệ khái niệm về một tương lai chung cho tất cả các dân tộc và một lợi ích chung toàn cầu dường như đã bị suy yếu. Điều này không chỉ do những hạn chế về cấu trúc, mà còn do thường xuyên thiếu ý chí chung để hỗ trợ và cải cách chúng, hoặc để công nhận thẩm quyền đạo đức của chúng. Thay vì tiến bộ, chúng ta đang thụt lùi so với bước ngoặt quan trọng của thế kỷ XX. Sau năm 1989, sự sụp đổ của các chế độ cộng sản ở châu Âu được tiếp nối bởi một quá trình toàn cầu hóa chủ yếu về kinh tế, thiếu một khuôn khổ chính trị thích hợp có khả năng duy trì đối thoại và hòa bình. Một niềm tin gần như mù quáng đã được đặt vào khả năng của thị trường để tạo ra sự thịnh vượng, dân chủ và ổn định. Trên thực tế, thay vì tự động tạo ra sự thống nhất và hòa bình, toàn cầu hóa đã gây ra những phản ứng cực đoan, dựa trên bản sắc và chủ nghĩa dân tộc. Kết quả khác xa với chủ nghĩa đa phương đích thực; thay vào đó, điều xuất hiện là một chủ nghĩa đa cực hỗn loạn và đầy xung đột với cảm giác ngột ngạt lan tràn.

202. Điều cũng tái xuất hiện là sự căm dỗ tạo dựng một bản sắc tập thể đối lập với kẻ thù, được thúc đẩy bởi những câu chuyện trong đó mỗi bên tự miêu tả mình là nạn nhân có quyền được trả thù. Việc đơn giản hóa các vấn đề phức tạp thành các phạm trù đơn giản — “tôi trước”, “bạn hay thù”, “chúng ta hay bọn chúng” — tạo điều kiện cho các quyết định thường thiếu trách nhiệm và làm suy yếu lòng tin lẫn nhau giữa các quốc gia. Do đó, sức mạnh của luật pháp quốc tế được thay thế bằng tuyên bố rằng “kẻ mạnh thắng”. Kết quả là, các tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia hoặc xử lý tội ác chiến tranh thường bị suy yếu hoặc bị bỏ qua, với những hậu quả tàn khốc đối với văn hóa chính trị và sự gắn kết xã hội. [185]

203. Trong bối cảnh này, việc xây dựng hòa bình đã bị đẩy xuống vai trò thứ yếu. Hợp tác vì phát triển, giải trừ quân bị, ngăn ngừa xung đột và thiết lập lòng tin lẫn nhau bị bỏ quên nhân danh chính trị quyền lực. Những thành tựu của luật nhân đạo cũng đang bị tổn hại. Thật vậy, nguyên tắc tương xứng trong việc đáp trả hành động gây hấn, việc bảo vệ quyền tiếp cận nước, thực phẩm và hàng hóa thiết yếu, và việc tôn trọng mạng sống của thường dân, đặc biệt là trẻ em, đang dần bị coi là những tàn tích ngây thơ của quá khứ.

Một chủ nghĩa hiện thực chính trị giả tạo

204. Chúng ta đang sống trong thời đại mù quáng về tinh thần và văn hóa đáng kể. Một chủ nghĩa thực dụng sai lầm thúc giục chúng ta cắt đứt cội rễ lịch sử của mình, như thể có thể khai mở một loại “sáng tạo mới” tách rời khỏi quá khứ. Ngay cả những người viện dẫn các nguyên tắc đạo đức quan trọng cũng có thể rơi vào chủ nghĩa hư vô lịch sử này, làm tưởng rằng những tội ác của thế kỷ XX sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Tuy nhiên, trên thực tế, những động lực tương tự đang tái xuất hiện dưới những vỏ bọc mới. Tâm lý cân bằng vũ trang và răn đe dường như đang tự khẳng định lại. Tuy nhiên, ngày nay, trái ngược với động lực hai chiều của Chiến tranh Lạnh, sự gia tăng số lượng điệp viên và chiến trường khiến tâm lý này ngày càng trở nên mong manh. Các cuộc xung đột leo thang dẫn đến các cuộc chiến tranh bất đối xứng và "lai tạp", không chỉ diễn ra trên chiến trường mà còn trên các mặt trận kinh tế, tài chính và liên mạng, nơi thông tin sai lệch và các chiến dịch khơi dậy nỗi sợ hãi của người dân được sử dụng để thao túng dư luận. Ở nhiều quốc gia, bao gồm cả các nước đang phát triển, việc tăng chi tiêu quân sự được coi là giải pháp duy nhất cho một tương lai bất định hay các mối đe dọa được cho là có thật. Trong khi đó, gánh nặng thực sự lại đổ lên vai những người nghèo nhất, những người chứng kiến nguồn lực dành cho chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ xã hội bị cắt giảm.

205. Cốt lõi của những vấn đề này là một chủ nghĩa hiện thực sai lầm, không chỉ dựa trên tư

duy bạo lực đang thịnh hành, mà còn dựa trên niềm tin văn hóa và nhân chủng học rằng chiến tranh là một phần không thể tránh khỏi của bản chất con người. Người ta nói rằng mọi thứ vẫn luôn như vậy, ngoại trừ những khoảng lặng dừng thỉnh thoảng, và nó sẽ luôn như vậy! Kết quả là, mối quan tâm không còn là việc tìm kiếm hòa bình — điều đã bị mất đi như một điểm tham chiếu trên trường quốc tế — mà là làm thế nào và khi nào tiến hành hành động quân sự. Lập luận tương tự cho rằng sẽ là vô trách nhiệm nếu không chuẩn bị cho xung đột. Tuy nhiên, tôi cho rằng điều thực sự vô trách nhiệm là Chủ nghĩa hiện thực [Realpolitik] chính trị, hình thức “hiện thực” chính trị gieo rắc vào lương tâm và xã hội thái độ cam chịu sự không thể tránh khỏi của chiến tranh, và bác bỏ hòa bình và đối thoại như những quan điểm không tưởng hoặc phi lý bỏ qua những rủi ro đang hiện hữu. Trên thực tế, hòa bình không phải là một niềm hy vọng ngây thơ hay chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của chiến tranh; thay vào đó, nó luôn luôn có thể đạt được như là kết quả của công lý và lòng bác ái.

206. Trong bối cảnh như vậy, chủ nghĩa hư vô và chủ nghĩa thực dụng trở nên đan xen và cuối cùng bình thường hóa những sai lầm nghiêm trọng. Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và chủ nghĩa cuồng tín dựa trên bản sắc liên minh với các chính sách kinh tế phi lý, trong khi chính trị thường chuyển sang thông tin sai lệch và chế giễu đối thủ, và nuôi dưỡng một cách có hệ thống nỗi sợ hãi và oán giận. Do đó, sự đa dạng ngày càng được coi là một mối đe dọa, điều này thúc đẩy mong muốn sở hữu, ý chí thống trị, tham vọng bá quyền, lạm dụng quyền lực và nỗi sợ hãi đối với những người khác biệt, do đó tạo ra một môi trường trong đó các xung đột mới có thể phát triển gần như không thể nhận thấy. [186]

207. Đây chính là mảnh đất màu mỡ cho những cuộc chiến tranh mới, có lẽ còn nguy hiểm hơn những cuộc chiến tranh trong quá khứ, vì chúng có xu hướng bỏ qua mọi giới hạn đạo đức. Những gì từng bị coi là không thể chấp nhận được giờ đây có thể được thực hiện gần như không chút do dự, trong khi phản ứng quốc tế ngày càng bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi lợi ích của các Chính phủ riêng lẻ hơn là bởi mức độ nghiêm trọng khách quan của tình hình. Các quyết định hiện nay dường như được thúc đẩy gần như hoàn toàn bởi các tính toán kinh tế, được biện minh thông qua sự bóp méo của truyền thông, sự nhiệt tình được tạo ra và những “giác mơ” chắc chắn sẽ tan vỡ, tạo ra sự thất vọng và bạo lực hơn nữa. Khi người ta tin rằng không có gì là thực sự đúng và các nguyên tắc chỉ là những lời nói suông, thì ngọn lửa trong trái tim họ được nhóm lên cho những bùng phát mới của sự bất dung thứ và hung hãn.

208. Trong những tình huống này, vấn đề về các biện pháp bảo vệ cụ thể để ngăn chặn bạo lực trong tương lai vẫn là một câu hỏi bỏ ngỏ. Khi một nền văn hóa bình thường hóa và biện minh cho xung đột, một con đường nguy hiểm sẽ mở ra, ở chỗ những gì dường như không thể tưởng tượng được ngày hôm nay có thể trở nên chấp nhận được vào ngày mai nhân danh lợi ích hoặc an ninh. Ở những quốc gia bị ảnh hưởng bởi căng thẳng xã hội nghiêm trọng, chúng ta không thể loại trừ khả năng một số nhà lãnh đạo có thể coi xung đột vũ trang là một cách hiệu quả để chuyển hướng sự chú ý khỏi các vấn đề trong nước và là một công cụ đầy hoài nghi để quản lý khó khăn.

209. Một trách nhiệm đặc biệt đặt lên vai những người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu. Tất cả những người đóng vai trò chủ chốt trong lĩnh vực này — các nhà khoa học, chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, các nhà chức trách học thuật, chính trị gia và những người khác — phải làm việc với tư duy minh bạch và có trách nhiệm, đồng thời duy trì nhận thức sâu sắc về bối cảnh rộng lớn hơn của những tiến bộ kỹ thuật mà họ giúp vun đắp, bao gồm cả những tiến bộ liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI). Khi mọi người chỉ giới hạn bản thân trong lĩnh vực của riêng mình, họ có thể tự lừa dối mình rằng họ đang thực hiện những hành động trung lập về

mặt đạo đức và tránh đặt câu hỏi về mục đích cuối cùng hướng dẫn một số thí nghiệm nhất định. Bằng cách này, họ có nguy cơ hợp tác — có lẽ là vô tình — với những dự án đáng ngờ, thúc đẩy các hình thức bạo lực, thao túng và thống trị mới.

Xây dựng nền văn minh của tình yêu

210. Việc xây dựng một thế giới trong trạng thái xung đột triển miên là một điều ác và phải được gọi đúng tên của nó. Cách mô tả tình hình hiện tại của chúng ta như vậy có vẻ ảm đạm hoặc bi quan, nhưng tôi cho rằng cần thiết phải làm như vậy. Tuy nhiên, quan điểm Kitô giáo không chỉ giới hạn ở việc lên án điều ác. Chúng ta nhìn nhận lịch sử dưới ánh sáng của Chúa bị đóng đinh và phục sinh, Đấng mà Chúa Cha đã ban cho “mọi quyền năng trên trời và dưới đất” (Mt 28:18). Chúng ta không coi hiện tại là số phận đã được định trước, mà là cơ hội để hoán cải cá nhân và tập thể. Hơn nữa, chúng ta tin vào quyền năng của Nước Trời, quyền năng ấy nảy nở từ hạt cải nhỏ bé, khi được gieo xuống sẽ nảy mầm và lớn lên (xem Mc 4:26-32). Trong khi sự hỗn loạn bao trùm xung quanh chúng ta, điều tốt lành vẫn âm thầm nảy nở từ đất. Như lời tiên tri I-sai-a: “Này, ta đang làm một điều mới; nó đang nảy mầm, các người không nhận thấy sao?” (Is 43:19).

211. Phân tích kỹ hơn lịch sử xác nhận điều này. Ngay cả trong những đêm tối tăm nhất, Chúa vẫn làm nổi lên những người nam và nữ không chịu bỏ cuộc, kiên trì làm điều thiện, bảo vệ những người dễ bị tổn thương và mở ra con đường hòa giải. Ký ức về các vị thánh, những người công chính và những người kiến tạo hòa bình thường bị lãng quên, cho chúng ta thấy rằng ân sủng không tự nhiên xóa bỏ xung đột, mà thay vào đó, nó truyền cảm hứng cho sự kháng cự tích cực chống lại cái ác và sự sáng tạo đáng kinh ngạc trong việc làm điều thiện. Người Kitô hữu nhìn thấy bóng tối và thừa nhận nó là gì, nhưng họ không chỉ nhìn vào nó một cách thụ động, vì họ biết ánh sáng và hiểu rằng bóng tối không thắng được nó và không thể đánh bại nó (xem Ga 1:5). Vì lý do này, ngay cả khi đau khổ dường như có tiếng nói cuối cùng, người Kitô hữu vẫn phục vụ điều thiện và được nâng đỡ bởi một niềm hy vọng thần học mang lại cho thực tại cả ý nghĩa và phương hướng.

Tất cả chúng ta đều có thể làm phần việc của mình

212. Tuy nhiên, tại thời điểm này, một cảm dỗ tinh tế có thể xuất hiện, đó là suy nghĩ rằng các vấn đề quá lớn và chúng ta quá nhỏ bé, và do đó, những lựa chọn của chúng ta không thể tạo ra sự khác biệt. Đây là một hình thức cam chịu lịch sử, thường được nguy trang dưới vỏ bọc chủ nghĩa hiện thực. Chắc chắn, không phải ai cũng có cùng sức mạnh để tạo ra sự khác biệt. Có những người cai trị, đưa ra quyết định đầu tư, lãnh đạo các tổ chức, tiến hành nghiên cứu, giáo dục, sản xuất hoặc cung cấp thông tin, và rồi có những người dường như chỉ sống cuộc sống thường nhật của họ. Tuy nhiên, không ai là không có trách nhiệm. Tất cả chúng ta đều có lĩnh vực hoạt động riêng của mình, và chính ở đó - và không nơi nào khác - chúng ta phải lựa chọn xem có nên nuôi dưỡng tư duy bạo lực (ngay cả khi chỉ thông qua sự thờ ơ, hoài nghi, dối trá hoặc thù hận), hay giữ gìn tư duy hòa bình (với sự thật, sự ôn hòa, sự gần gũi và sự quan tâm).

213. Nhà văn Công Giáo thế kỷ XX J.R.R. Tolkien, qua lời của một nhân vật chính trong một trong những tiểu thuyết của ông, đã mô tả trách nhiệm của chúng ta như sau: “Nhiệm vụ của chúng ta không phải là làm chủ tất cả những biến động của thế giới, mà là làm những gì trong khả năng của mình để giúp đỡ những năm tháng mà chúng ta đang sống, nhổ tận gốc cái ác trên những cánh đồng mà chúng ta biết, để những người sống sau có thể có mảnh đất sạch để canh tác.” [187] Nền văn minh của tình yêu sẽ không nảy sinh từ một cử chỉ đơn lẻ hay

ngoạn mục, mà từ tổng thể những hành động nhỏ bé và kiên định của lòng trung thành, đóng vai trò như một bức tường thành chống lại sự phi nhân hóa. Vì lý do này, đáng để dừng lại suy gẫm về một số khía cạnh về cách chúng ta, mỗi người theo cách riêng của mình, có thể hợp tác để xây dựng nền văn minh của tình yêu. Không giả vờ bao quát hết chủ đề này, tôi muốn đề xuất năm con đường hướng tới trách nhiệm hàng ngày và công cộng: nhu cầu giải giớ lời nói, xây dựng hòa bình thông qua công lý, áp dụng quan điểm của nạn nhân, nuôi dưỡng chủ nghĩa hiện thực lành mạnh và khôi phục đối thoại và chủ nghĩa đa phương.

Nhu cầu giải giáp [disarm] lời nói

214. Đóng góp đầu tiên mà chúng ta có thể thực hiện hướng tới một nền văn minh nhân văn hơn là hãy cẩn trọng với lời nói của mình. “Hãy giải giáp lời nói và chúng ta sẽ giúp giải giáp thế giới.” [188] Lời nói có sức mạnh to lớn, điều mà chúng ta trải nghiệm trong các tương tác hàng ngày; ví dụ, lời nói có thể thay đổi tâm trạng của chúng ta theo chiều hướng tốt hơn hoặc xấu hơn. “Hòa bình bắt đầu từ mỗi chúng ta: trong cách chúng ta nhìn người khác, lắng nghe người khác và nói về người khác. Theo nghĩa này, cách chúng ta giao tiếp có tầm quan trọng cơ bản: chúng ta phải nói ‘không’ với cuộc chiến tranh bằng lời nói và hình ảnh, chúng ta phải bác bỏ mô hình chiến tranh.” [189] Do đó, tất cả chúng ta phải tự xét lương tâm về những từ ngữ chúng ta sử dụng, những định kiến chúng ta có và sự hung hăng rõ ràng hoặc ngầm ẩn trong đó. Chúng ta có cơ hội thực sự để đóng góp cho lợi ích chung mỗi khi chúng ta nói sự thật, đưa ra lời khuyên khôn ngoan, hỗ trợ những người cần được an ủi, tố cáo sự bất công và lên tiếng cho những người không có tiếng nói.

Xây dựng hòa bình thông qua công lý

215. Tất cả chúng ta, ở mọi cấp độ, đều có thể đóng góp vào việc xây dựng nền tảng của hòa bình, đó là công lý. Chúng ta không chỉ tìm kiếm bất cứ loại hòa bình nào — chẳng hạn như không có xung đột bằng mọi giá — mà thay vào đó, là hòa bình đích thực được sinh ra từ công lý. “Tồn tại một mối liên hệ rất chặt chẽ giữa công lý của cá nhân và hòa bình của mọi người.” [190] Bình luận về câu thánh vịnh “công lý và hòa bình đã ôm nhau” (Tv 84:11), Thánh Augustinô viết: “Không ai né tránh mong muốn hòa bình, nhưng không phải ai cũng sẵn lòng thực hành công lý... Nhưng hãy thực hiện các việc làm công lý, hãy nhớ rằng công lý và hòa bình đã ôm nhau; chúng không đối nghịch với nhau. Tại sao bạn lại chống lại công lý? Ví dụ, công lý đang bảo bạn đừng trộm cắp, nhưng bạn không để ý; đừng ngoại tình, và bạn làm ngơ; đừng làm điều bạn không muốn người khác làm cho mình; đừng nói về người hàng xóm những điều bạn không muốn người khác nói về mình... Vậy bạn có muốn đạt được hòa bình không? Vậy thì hãy thực hành công lý!” [191] Chúng ta đừng bao giờ mệt mỏi trong việc tìm kiếm công lý!

Áp dụng quan điểm của nạn nhân

216. Có những lúc, để giữ được nhân tính, chúng ta phải gạt bỏ những dè dặt của mình và đứng lên. Trong một số xung đột, việc giữ thái độ trung lập là bất công, cũng không đủ chỉ bằng cách tuyên bố rằng chúng ta không đồng lõa. [192] Khi chúng ta chứng kiến việc đánh bom dân thường, các cuộc tấn công vào bệnh viện, trường học hoặc cơ sở hạ tầng thiết yếu và bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em, chúng ta phải đối diện với những vụ bê bối làm tổn thương chính nhân loại. Vì lý do này, chúng ta không thể giới hạn bản thân ở mức độ phân tích trừu tượng. Đức Giáo Hoàng Phanxicô khuyến khích chúng ta “chạm vào vết thương” [193] của những người đau khổ, nhìn vào khuôn mặt của họ, lắng nghe câu chuyện của họ và thừa nhận vết thương của họ. Những sự kiện đau thương đòi hỏi cả lịch sử và ký ức, lịch sử để kể lại sự

thật, còn ký ức để làm chứng cho những trải nghiệm đã sống.

217. Việc tạo không gian cho quan điểm và tiếng nói của các nạn nhân thông qua truyền thông và giáo dục giúp chúng ta nhận thức được vực sâu của cái ác vốn có trong chiến tranh, và nói chung là trong tất cả các hình thức bạo lực. Nó giúp chúng ta bác bỏ việc bình thường hóa xung đột; không ngoảnh mặt làm ngơ khi phẩm giá con người bị vi phạm; và khôi phục lại cho các nạn nhân phẩm giá được công nhận và lắng nghe. [194] Việc chú ý đến những tiếng nói này củng cố niềm tin rằng, ngoài các nhóm thiểu số bạo lực, nhân loại không mong muốn chiến tranh. Theo một cách đặc biệt, Giáo hội có thể là nơi lưu giữ ký ức sống động cho các nạn nhân. Như Thánh Phaolô VI đã nhắc lại, Giáo hội cảm thấy mình phải làm chủ cả tiếng nói của những người đã chết trong các cuộc chiến tranh trước đây và tiếng nói của những người còn sống vẫn đang mang vết thương ngày nay, để tiếng kêu than của họ có thể trở thành lời kêu gọi hòa bình và hòa hợp chứ không phải là khúc dạo đầu cho những xung đột mới. [195]

Nuôi dưỡng chủ nghĩa hiện thực lành mạnh

218. Chúng ta cần một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh, tránh cả chủ nghĩa duy tâm chính trị và chủ nghĩa hoài nghi. Có một loại chủ nghĩa duy tâm, để bảo vệ thế giới quan của riêng mình, có xu hướng chọn lọc sự kiện, bóp méo và đặt lại tên cho chúng. Những người ủng hộ nó cuối cùng sống trong một thực tại được xây dựng để phù hợp với niềm tin của riêng họ. Ngược lại, cũng có một hình thức chủ nghĩa hiện thực suy đồi, nhằm lẫn giữa quan sát với sự cam chịu, lập luận rằng vì bạo lực thắng thế, nên nó sẽ luôn thắng thế. Chủ nghĩa hiện thực đích thực không từ bỏ việc thay đổi thế giới; thực tế, nó bắt đầu bằng việc xác định rõ ràng các lợi ích, nỗi sợ hãi, hạn chế và động lực quyền lực, chính là để xác định những gì có thể đạt được và các biện pháp cần thiết để đạt được điều đó. Nó không thu hẹp chính trị thành đạo đức; nó cũng không đầu hàng trước bạo lực. Thay vào đó, nó tìm kiếm những con đường khả hữu để biến hòa bình thành hiện thực chứ không chỉ là lời nói suông, thông qua các định chế đáng tin cậy, các đảm bảo có thể kiểm chứng, các cuộc đàm phán kiên nhẫn, việc ngăn ngừa xung đột và bảo vệ thường dân.

Khôi phục đối thoại

219. Để xây dựng nền văn minh của tình yêu, chúng ta phải tham gia đối thoại, vì đây là phương tiện chính yếu để con người và các quốc gia cùng tồn tại, và là giải pháp thay thế cho xung đột công khai. Trước thềm Chiến tranh Thế giới thứ hai, Đức Giáo Hoàng Pi-ô XII khẳng định rằng không có gì mất mát với hòa bình, trong khi với chiến tranh thì mọi thứ đều có thể mất mát. Ngài nhấn mạnh rằng mọi người phải quay trở lại nói chuyện với nhau, bởi vì một cuộc đối thoại chân thành và kiên trì luôn mở ra khả năng tìm ra giải pháp đáng trân trọng. [196]

220. Thật vậy, đối thoại là một phần bình thường của cuộc sống con người và không chỉ liên quan đến quan hệ giữa các quốc gia. Nó bao gồm việc có được thái độ tìm cách tạo dựng những mối dây huynh đệ dựa trên sự lắng nghe, một thái độ cởi mở, dành thời gian cho nhau và thậm chí là dành thời gian bên nhau. Bởi vì nếu chúng ta trải nghiệm những cuộc gặp gỡ chân thực với người khác, với những người khác biệt, người lạ và người di cư, thì việc tương trợ ra chiến tranh sẽ trở nên khó khăn hơn nhiều.

221. Ở cấp độ chính trị, cần phải chuyển đổi khẩn cấp từ “văn hóa quyền lực” sang “văn hóa đàm phán” đích thực, trong đó đối thoại và ngoại giao trở thành phương tiện tiêu chuẩn để

giải quyết xung đột. Giorgio La Pira bày tỏ hy vọng rằng “phương pháp chiến tranh sẽ được thay thế bằng phương pháp hòa bình: phương pháp đàm phán, gặp gỡ, hội tụ, tức là phương pháp nhân bản đích thực!” [197] Nhận thức rằng tất cả các dân tộc đều chia sẻ một tương lai chung đòi hỏi “văn hóa đàm phán” phải trở thành một cam kết chính trị và văn hóa ngày càng được chia sẻ, có khả năng dần dần dẫn dắt nhân loại thoát khỏi vòng xoáy bạo lực.

222. Gửi đến những người có vinh dự và trách nhiệm cai trị, tôi muốn nhắc lại những lời tôi đã nói khi bắt đầu nhiệm kỳ Giáo hoàng của mình: “Các dân tộc trên thế giới của chúng ta khao khát hòa bình, và tôi tha thiết kêu gọi các nhà lãnh đạo của họ: Hãy gặp gỡ, hãy nói chuyện, hãy đàm phán! Chiến tranh không bao giờ là điều không thể tránh khỏi. Vũ khí có thể và phải được im lặng, vì chúng không giải quyết được vấn đề mà chỉ làm gia tăng thêm. Những người làm nên lịch sử là những người kiến tạo hòa bình, chứ không phải những người gieo rắc đau khổ. Trước hết, những người láng giềng của chúng ta không phải là kẻ thù, mà là đồng loại; không phải là những tên tội phạm đáng ghét, mà là những người đàn ông và đàn bà khác mà chúng ta có thể nói chuyện cùng. Chúng ta hãy bác bỏ những quan niệm nhị nguyên điển hình của tư duy bạo lực chia thế giới thành những người tốt và những người xấu.” [198]

223. Trong việc bác bỏ tư duy bạo lực, đối thoại liên tôn đóng vai trò quyết định, bởi vì cốt lõi của những con đường tâm linh vĩ đại nằm ở thông điệp về hòa bình. [199] Trong khi những kẻ dùng danh nghĩa của Chúa để hợp thức hóa chủ nghĩa khủng bố, bạo lực hoặc chiến tranh phản bội bản chất thực sự của Người, bởi vì chiến đấu nhân danh tôn giáo có nghĩa là tấn công chính tôn giáo. [200] “Tinh thần Assisi”, được Thánh Gioan Phaolô II gọi lên và được Đức Giáo Hoàng Phanxicô tiếp nối — ví dụ, thông qua cuộc đối thoại của ngài với Đại Imam của Al-Azhar — cho thấy rằng những người tin có thể dựa vào những nguồn gốc đích thực nhất của truyền thống tâm linh đặc thù của họ, nơi không có chỗ cho “sự thù hận được thánh hóa”.

Sự cần thiết của ngoại giao và chủ nghĩa đa phương

224. Trong quan hệ quốc tế, đối thoại là một công cụ ngoại giao không thể thiếu để ngăn ngừa xung đột và xây dựng lại các mối quan hệ tin cậy. Đối diện với những phát ngôn bốc đồng, lời lẽ hung hăng và chính trị quyền lực đặc trưng cho thời đại chúng ta, “nhiệm vụ của ngoại giao là thúc đẩy đối thoại với tất cả các bên, bao gồm cả những người đối thoại được coi là kém ‘thuận tiện’ hoặc không được coi là hợp pháp để đàm phán.” [201] Do đó, cần phải vận dụng mọi sự khiêm nhường và kiên nhẫn để nuôi dưỡng ngay cả những dấu hiệu thiện chí nhỏ nhất giữa các bên xung đột, nhằm thúc đẩy tiến trình hòa bình.

225. Không gian mạng cũng đã trở thành một chiến trường. Các cuộc tấn công mạng, thao túng dữ liệu và các chiến dịch gây ảnh hưởng, được dàn dựng với sự trợ giúp của trí tuệ nhân tạo, có thể gây bất ổn cho toàn bộ quốc gia ngay cả trước khi xung đột vũ trang công khai nổ ra. Hơn nữa, trong lĩnh vực này, việc quy trách nhiệm thường không chắc chắn. Khi không rõ ai đã thực hiện một cuộc tấn công, nguy cơ phản ứng không cân xứng, tính toán sai lầm và leo thang sẽ tăng lên. Vì lý do này, ngoại giao phải có khả năng hoạt động hữu hiệu trong môi trường mới này, đàm phán các quy định chung về việc sử dụng kỹ thuật kỹ thuật số, để bảo vệ thường dân và những người dễ bị tổn thương nhất khỏi các hình thức bạo lực “vô hình” nhưng có thật.

226. Các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên Hợp Quốc, là những công cụ thiết yếu để thúc đẩy một nền văn minh yêu thương, bởi vì chúng có thể thúc đẩy đối thoại giữa các quốc gia và thúc đẩy giải quyết xung đột một cách hòa bình, phát triển toàn diện của các dân tộc, bảo vệ

những người dễ bị tổn thương nhất, giải trừ vũ khí và chăm sóc môi trường. Thông qua những nỗ lực như vậy, cộng đồng quốc tế có thể cùng nhau nỗ lực giảm bớt bất bình đẳng, bảo vệ quyền của người tị nạn và các nhóm thiểu số, phân bổ lại nguồn lực từ chỉ tiêu quân sự sang phát triển con người và bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta. Tòa Thánh ủng hộ và đồng hành cùng những nỗ lực này, đồng thời cũng nhận thấy rằng những điểm yếu hiện tại của Liên Hợp Quốc và hệ thống chính trị quốc tế cho thấy cần phải có những cải cách sâu sắc. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề điều chỉnh kỹ thuật, bởi vì cuộc khủng hoảng về niềm tin và giá trị, cũng liên quan đến nền tảng đạo đức của các quốc gia, khiến việc hướng chủ nghĩa đa phương đến lợi ích chung thực sự trở nên khó khăn hơn. [202]

227. Trong bối cảnh quốc tế, ngoại giao của Tòa Thánh áp dụng nguyên tắc lòng thương xót của Tin Mừng như một tiêu chuẩn cụ thể cho hành động chính trị. Đây là một trong những cách mà Tòa Thánh đặt mình vào phục vụ nhân loại, qua đó kêu gọi lương tâm nhân danh lòng bác ái và sự thật, bảo vệ phẩm giá của mỗi người và lên tiếng thay mặt cho người nghèo, người di cư và nạn nhân chiến tranh. Theo cách này, ngoại giao của Giáo hoàng thể hiện tính công giáo của Giáo hội và góp phần xây dựng một nền văn minh của tình yêu, nơi ngay cả những kỹ thuật mới cũng có thể được hướng tới lợi ích chung.

Cầu nguyện và hy vọng

228. Những con đường để thực hiện trách nhiệm này được duy trì bởi lời cầu nguyện, và đến lượt chúng nuôi dưỡng lời cầu nguyện. Thật vậy, đối với mỗi chúng ta, hòa bình chủ yếu đến “từ Thiên Chúa, Thiên Chúa yêu thương tất cả chúng ta vô điều kiện.” [203] Đó là một món quà mà Chúa Giêsu ban cho các môn đệ của Người vào ngày Phục Sinh: “Bình an cho các con! Đó là bình an của Chúa Kitô phục sinh. Một bình an không vũ trang và không gây hấn, khiêm nhường và kiên trì.” [204] Với những lời này, tôi đã chào đón Giáo hội và thế giới vào ngày tôi được bầu vào Tòa Thánh Phêrô. Tôi muốn nhắc lại chúng bây giờ, và mời gọi mọi người cầu nguyện cho ơn ban này. Chúng ta đừng bao giờ mệt mỏi khi cầu nguyện cho hòa bình và cam kết đạt được nó trong các mối quan hệ của chúng ta và trong xã hội.

KẾT LUẬN

229. “Mỗi người thợ xây hãy cẩn thận lựa chọn cách xây dựng” (*1 Cô-rinh-tô* 3:10). Với những lời này, Thánh Phaolô khuyến khích các Kitô hữu thành Cô-rinh-tô giữ gìn sự hiệp nhất. Kính thưa anh chị em, chúng ta đã suy gẫm về thế giới mà chúng ta đang xây dựng, và chúng ta tự hỏi điều đó có nghĩa gì khi bảo vệ con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo. Kết thúc bài suy niệm này, tôi muốn đề xuất một chương trình đời sống Kitô giáo nghiêm túc nhưng đầy thách thức, nhờ đó chúng ta có thể vượt qua sự thay đổi mang tính thời đại này dưới ánh sáng Tin Mừng. Con đường này xuất hiện thông qua việc chiêm niệm kế hoạch của Thiên Chúa, sống hiệp nhất trong Giáo hội bằng cách tham dự Thánh Thể, xây dựng một thế giới lấy lợi ích chung làm trung tâm và cầu nguyện trong sự hiệp nhất với Đức Trinh Nữ Maria.

Ngôi Lời đã trở thành xác thịt

230. Thế giới của chúng ta đầy rẫy những nỗ lực giành quyền kiểm soát thị trường và các lĩnh vực ảnh hưởng, thường được che đậy bằng những lời lẽ trấn an và những hệ tư tưởng quyền rũ. Tuy nhiên, trái tim chúng ta khao khát một cách tiếp cận khôn ngoan và nhân từ, tương tự như cách mà Đức Mẹ Maria ca ngợi trong bài ca Magnificat của ngài, khi Mẹ tuyên bố rằng lòng thương xót của Thiên Chúa trải rộng trong mọi thế hệ cho những người kính sợ Người.

[205] Kế hoạch thương xót này tiếp tục diễn ra trong suốt lịch sử ngày nay, ngay cả giữa những thay đổi nhanh chóng và bất ổn do thuật toán và mạng lưới toàn cầu mang lại, và nó trở thành một la bàn trong kỹ nguyên kỹ thuật số để sống cuộc đời của chúng ta theo Tin Mừng.

231. Cốt lõi của mọi sự là mầu nhiệm Nhập Thể, Ngôi Lời đã trở thành xác thịt và ở giữa chúng ta. Xác thịt của Con, nghèo khó và dễ bị tổn thương, gọi lên xác thịt của rất nhiều anh chị em bị tước đoạt phẩm giá và bị buộc phải im lặng. [206] Qua sự gần gũi của Chúa, ơn bình an đến với thế giới một cách nghịch lý. Nó làm như vậy thông qua sức mạnh để trở thành con cái của Chúa, và được đánh thức khi chúng ta cho phép bản thân mình xúc động trước những giọt nước mắt của những đứa trẻ, sự mong manh của người già, sự im lặng của các nạn nhân và cuộc đấu tranh của những người chiến đấu chống lại cái ác mà họ không muốn phạm phải. [207] Trong thân xác bị thương nhưng được yêu thương này, Chúa Cha cho chúng ta thấy nhân tính đích thực của một cuộc sống được hoàn thành thông qua sự cởi mở và hiệp thông, điều này dẫn chúng ta đến mong muốn rằng ý muốn của Người được thực hiện trên đất cũng như trên trời. [208]

232. Trong những lời hứa của chủ nghĩa siêu nhân bản và một số dòng tư tưởng hậu nhân bản, tìm kiếm một nhân loại được nâng cao và gần như phi vật chất, chúng ta nhận ra một khát vọng đáng quan tâm, đó là nhu cầu về một cuộc sống trọn vẹn hơn, ít bị giới hạn và đau khổ hơn. Tuy nhiên, sự Nhập Thể mở ra một con đường khác. Một mặt, cả những hệ tư tưởng cũ và mới đều thúc giục nhân loại vượt qua những giới hạn thông qua kỹ thuật và vươn lên trên những người khác bằng cách khẳng định sự thông trị. Trái ngược với điều này, mầu nhiệm Con Thiên Chúa bước vào thân phận con người của chúng ta hứa hẹn một điều hoàn toàn khác. Thiên Chúa hằng sống ngự xuống lịch sử của chúng ta để giải phóng chúng ta khỏi mọi hình thức nô lệ. [209] Người gánh lấy sự yếu đuối của chúng ta và biến nó thành bối cảnh cho sự cứu rỗi. Không có khoảnh khắc hay hoàn cảnh nào của con người là không xứng đáng với Thiên Chúa. “Theo giáo huấn của đức tin chúng ta, trong các mầu nhiệm, chúng ta có và tôn thờ một Thiên Chúa sinh ra trong máng cỏ, một Thiên Chúa sống và du hành ở Giu-đê-a, một Thiên Chúa chết trên thập giá, một Thiên Chúa đã chết nằm trong mộ.” [210] Do đó, tương lai của nhân loại tìm thấy tiêu chuẩn của mình trong khả năng đón nhận cách thức thần linh đến gần này, chia sẻ gánh nặng của thế giới, biến đổi các mối quan hệ từ bên trong. “Ôi kỳ diệu... con người là Thiên Chúa và Thiên Chúa-Người này trải qua tất cả những giai đoạn đó, chịu đựng tất cả những trạng thái đó và làm cho chúng trở nên cao quý, thánh hóa chúng, thần hóa chúng trong chính mình!” [211] Điều cứu rỗi nhân loại là tình yêu thần linh ngự xuống điểm yếu đuối nhất trong lịch sử của chúng ta và đổi mới nó từ bên trong.

233. Vì lý do này, với tư cách là một tín hữu giữa những người tin, tôi mời gọi mọi người chiêm niệm, trước dung mạo của Con Thiên Chúa, sự vĩ đại của nhân loại soi sáng cả kỹ nguyên Trí tuệ Nhân tạo. Trong Chúa Kitô, chúng ta được kêu gọi cộng tác trong công việc sáng tạo, thay vì là những người quan sát vô tư các quy trình kỹ thuật hạn chế tự do và trách nhiệm của chúng ta. [212] Phẩm giá được ghi khắc trong mỗi chúng ta bởi Chúa Thánh Thần cũng có thể được nhìn thấy trong khả năng suy tư một cách phê phán, lựa chọn và yêu thương tự do, và hình thành các mối quan hệ chân thực. Không một hệ thống tính toán nào, dù tinh vi đến đâu, có thể tạo ra một trái tim hiến dâng chính mình, hoặc một lương tâm phân định được thiện ác. Ngay cả khi máy móc vượt trội về hiệu năng, một khuôn mặt con người cần được chiêm ngưỡng vẫn là trung tâm của lịch sử chúng ta. Khuôn mặt con người này là sự trọn vẹn mà lịch sử đang hướng tới. Đó là mầu nhiệm “quy tập [recapitulation]”: sự chắc chắn rằng Chúa Cha đã định mang tất cả mọi sự, những sự ở trên trời và những sự ở dưới đất, trở về với Chúa Kitô, Đầu duy nhất (xem Ê-phê-sô 1:10). Trong kế hoạch này, không có gì thuộc về con

người đích thực sẽ bị mất đi. Quả thật, mọi thứ sẽ được thanh tẩy và hợp nhất trong Đấng Duy Nhất, Đấng quy tụ mọi mảnh vụn của sự sống, mọi giọt nước mắt và mọi thành tựu đích thực của con người, cứu vớt chúng khỏi hư không và sự diệt vong, dâng chúng, đã được cứu chuộc, cho Chúa Cha.

Một thân thể trong Chúa Kitô

234. Linh đạo mà chúng ta cần là linh đạo Thánh Thể, nghĩa là linh đạo hiệp nhất Giáo hội trong tình yêu. Sự Nhập Thể và Mầu nhiệm Phục Sinh cho thấy Thiên Chúa bước vào thân phận con người chúng ta và biến đổi nó qua việc hiến dâng chính mình. Ôn ban này vẫn hiện diện và hoạt động trong Thánh Thể, trong đó Chúa hiến dâng chính mình và quy tụ Giáo hội lại, để sự hiến dâng của Người trở thành nguyên tắc hiệp nhất và nguồn sống mới. Chính từ sự hiệp thông này mà tình liên đới Kitô giáo cũng nảy sinh, vì “hiệp nhất với Chúa Kitô cũng là hiệp nhất với tất cả những người mà Người hiến dâng chính mình cho”. [213] Như Thánh Augustinô đã giải thích cho những người Kitô hữu mới của Giáo hội địa phương của ngài, bánh và rượu trên bàn thờ là bí tích của sự hiệp nhất các tín hữu trong Chúa Kitô: “Những gì được nhìn thấy chỉ là hình ảnh vật chất; những gì được nắm bắt sẽ mang lại hoa trái thiêng liêng. Vậy bây giờ, nếu các bạn muốn hiểu về thân thể Chúa Kitô, hãy lắng nghe Thánh Tông đồ Phaolô nói với các tín hữu: cùng nhau, anh em là thân thể Chúa Kitô (*I Cô-rinh-tô* 12:27). Nếu anh em là thân thể và các chi thể của Chúa Kitô, thì đó là bí tích của anh em được đặt trên bàn thờ Chúa; đó là bí tích mà anh em lãnh nhận. Anh em đáp lại ‘Amen’, và bằng cách đáp lại như vậy, anh em đồng ý với điều đó. Vì anh em nghe những lời ‘Thân thể Chúa Kitô’ và đáp lại ‘Amen’. Vậy hãy là một chi thể của Thân thể Chúa Kitô để lời Amen của anh em được chân thật!” [214]

235. Lời “Amen” mà chúng ta nói trong phụng vụ, Thân thể chúng ta ăn và Máu chúng ta uống định hình toàn bộ cuộc sống của chúng ta. Bí tích Thánh Thể “là một cuộc gặp gỡ vô cùng riêng tư với Chúa nhưng không bao giờ chỉ đơn thuần là một hành động sùng kính cá nhân.” [215] Trong Bí tích Thánh Thể, chúng ta tìm thấy một biểu hiện hữu hình của thực tại rằng chúng ta “là Giáo Hội của Chúa Kitô, là các chi thể của Người, là thân thể của Người. Chúng ta là anh chị em trong Người. Và trong Chúa Kitô, dù nhiều và khác nhau, chúng ta là một: *In Illo uno unum.*” [216] Bí tích Thánh Thể mở lòng chúng ta đến với công lý và sự chia sẻ, với mối quan tâm ưu tiên dành cho những người đang gánh chịu nghèo đói hoặc bị gạt ra ngoài lề xã hội. Và trong khi các mạng lưới kinh tế và kỹ thuật mới có thể tạo ra sự loại trừ, cô lập và phụ thuộc, Giáo Hội — được nuôi dưỡng bởi Bí tích Thánh Thể — được kêu gọi làm cho một mô hình khác trở nên hữu hình, một mô hình bảo tồn các mối liên hệ giữa con người, lên tiếng cho những điều vô hình và đảm bảo rằng các quy trình hướng đến việc tôn trọng phẩm giá của con người.

Công trường xây dựng của thời đại chúng ta

236. Linh đạo mà tôi muốn ca ngợi là linh đạo của “kiến trúc sư khôn ngoan”, người được thúc đẩy bởi hy vọng về Nước Thiên Chúa, cam kết xây dựng thế giới vì lợi ích chung (xem *I Cô-rinh-tô* 3:10). Như tôi đã đề cập ở đầu bài suy niệm này, [217] nhiệm vụ xây dựng trong thời đại chúng ta phải đặt mối quan hệ của chúng ta với Chúa làm trọng tâm. Quy tắc của chúng ta phải là chấp nhận những hạn chế của con người như một thực tế tự nhiên và tích cực, và phải được đặc trưng bởi trách nhiệm chung và một ngôn ngữ được đặc trưng bởi Tin Mừng. Vào cuối bài suy niệm này, kế hoạch cho một nền văn minh tình yêu có thể được nhìn thấy rõ ràng hơn, và công trường xây dựng dường như đã được khởi công và hoạt động, đặc biệt là nhờ nhiều viên đá sống được kết hợp vững chắc với Chúa Kitô là viên đá góc (xem *I*

Phê-rô 2:4-6). Trong nhiệm vụ này, chúng ta được kêu gọi đảm nhận một vai trò tích cực, không tìm nơi nương náu trong sự ủy mị tâm linh hay rút lui vào thế giới nhỏ bé của riêng mình. Chúng ta phải trung thành với sự thật, đầu tư vào giáo dục, vun đắp các mối quan hệ và yêu công lý và hòa bình.

237. Chúng ta hãy trung thành với sự thật! Sống giữa dòng chảy thông tin, ý kiến và hình ảnh không ngừng, chúng ta biết việc ảnh hưởng đến các quyết định và sở thích thông qua các thuật toán ngày càng tinh vi dễ dàng như thế nào. [218] Trong bối cảnh này, điều cần thiết là phải vun đắp những tấm lòng yêu mến sự thật, ưu tiên điều đúng đắn bất chấp nội dung hấp dẫn nhất và theo đuổi sự khôn ngoan hơn là kết quả tức thời. Chúng ta phải luôn giữ trước mắt mình sự thật về Thiên Chúa và nhân loại, giống như Chúa Kitô đã mặc khải cho chúng ta. Chúng ta phải gạt bỏ quan điểm cá nhân chủ nghĩa và kỹ thuật về nhân loại, như thể thực tại chỉ là vật chất được định hình theo lợi ích ích kỷ, dù là cá nhân hay tập thể. [219] Thay vào đó, chúng ta hãy vun đắp điều mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi là “chủ nghĩa nhân bản có bối cảnh”, [220] nhận ra con người là một tạo vật được đặt vào một mạng lưới các mối quan hệ với các sinh vật sống khác và với toàn bộ tạo vật. Lòng trung thành với sự thật đòi hỏi phải tích hợp những khả năng do kỹ thuật mang lại vào một khuôn khổ được đánh dấu bằng sự khôn ngoan, có khả năng bảo vệ cả phẩm giá của mỗi người và tương lai của ngôi nhà chung của chúng ta.

238. Chúng ta hãy đầu tư vào giáo dục, bắt đầu từ chính bản thân mình! Tất cả chúng ta cần học cách tương tác với thế giới kỹ thuật số một cách nhân bản, như một phần không thể thiếu trong giáo dục đức tin và cuộc sống theo Tin Mừng. Thật vậy, chúng ta phải coi thế giới kỹ thuật số như một lục địa mới cần được truyền bá Tin Mừng, một lục địa đòi hỏi những nhà truyền giáo quảng đại, trưởng thành trong đức tin. Đặc biệt, chúng ta cần người lớn tái khám phá ơn gọi của mình như những nghệ sĩ. Không có nền tảng giáo dục, nhưng sẵn sàng làm việc kiên nhẫn mỗi ngày, với sự hỗ trợ của các mối quan hệ đối tác giáo dục rộng rãi và chia sẻ. Ngày nay, việc đồng hành cùng trẻ em và thanh thiếu niên trong việc sử dụng kỹ thuật để phát triển các mối quan hệ có trách nhiệm, giúp họ nhận ra rủi ro và lựa chọn những gì nuôi dưỡng sự tự do nội tâm, là một hình thức bác ái cụ thể và sẽ bảo vệ phẩm giá của họ. Việc dạy cho các thế hệ mới rằng sự tiến hóa kỹ thuật không tuân theo một con đường định trước, mà có thể được dẫn dắt bởi trách nhiệm cá nhân và tập thể, cấu thành một trong những dịch vụ quý giá nhất cho lợi ích chung.

239. Hãy vun đắp các mối quan hệ! Trong một thời đại ưa chuộng tốc độ và sự phân mảnh, con người vẫn khao khát nhận được sự chăm sóc và công nhận từ những tâm hồn chu đáo, những lời nói tử tế và những bàn tay có khả năng dịu dàng. Văn hóa kỹ thuật số nhân lên các kết nối và mang đến những cơ hội tương tác mới; tuy nhiên, trái tim con người vẫn giữ một nhu cầu không thể thiếu về sự gắn gũi chân thành. Tôi mời gọi mọi người trân trọng những nơi và thời gian mà sự hiện diện vật lý vẫn rất quan trọng, chẳng hạn như những bữa ăn chung, các buổi họp mặt cộng đồng Kitô giáo, thời gian dành cho những người cô đơn và phục vụ người nghèo. Đây là những dấu hiệu của một nhân loại tiếp tục tin rằng thân thể của mỗi người là nơi ngự của Chúa và là đền thờ của Chúa Thánh Thần. Chính giao ước giữa vinh quang và sự mong manh này trở thành tiêu chuẩn để đánh giá các mô hình nhân học được đưa ra bởi nền văn hóa đương thời.

240. Chúng ta hãy yêu công lý và hòa bình! Chính những kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho truyền thông và tiếp cận tài nguyên cũng có thể hỗ trợ các mô hình bóc lột những người dễ bị tổn thương nhất, tạo ra các hình thức nô lệ mới và thu lợi nhuận từ xung đột. Mỗi quyết định kỹ thuật hoặc kinh tế nên bao gồm sự phân định tâm linh và là cơ hội để đánh giá xem những

tiến bộ trong trí tuệ nhân tạo có đang thúc đẩy công lý và sự tham gia hay tập trung của cải và quyền lực vào tay một số ít người được chọn. Tôi khuyến khích việc xem xét cẩn thận các chuỗi cung ứng của sản xuất kỹ thuật số, điều kiện làm việc ẩn sau các thiết bị của chúng ta và các cơ chế thu lợi từ sự thao túng và chiến tranh. Đồng thời, cần phải tìm ra những cách thức thực tiễn để thúc đẩy sự công bằng, sự tham gia và chăm sóc cho tạo hóa. Chúng ta tuyên bố một niềm hy vọng bắt nguồn từ Đấng đã từ trời xuống để “tạo nên một câu chuyện mới ở đây”. Vì lý do này, những người tin tưởng cam kết đảm bảo rằng công lý lớn hơn sẽ thay thế sự bất bình đẳng, và ngành kỹ nghệ chiến tranh sẽ được thay thế bằng nghề kiến tạo hòa bình. [221]

241. Khi chúng ta hướng tới tương lai, tôi muốn nhắc lại hình ảnh của Nơ-khe-mi-a, người mà chúng ta đã chọn làm bạn đồng hành và người dẫn đường ngay từ đầu. Nơ-khe-mi-a đã nghe thấy tiếng kêu than của một thành phố bị tàn phá, mang nỗi đau đó đến cầu nguyện, phân định trước mặt Chúa, xin giúp đỡ, được phép trở về, tổ chức công việc, đối diện với sự kháng cự từ bên trong và bên ngoài và xây dựng lại các bức tường của Giêrusalem với sự giúp đỡ của người dân, từng viên gạch một. Trong kỷ nguyên chuyển đổi kỹ thuật số này, tôi thấy ở ông một hình ảnh ẩn dụ nổi bật về ơn gọi của chính chúng ta, đó không phải là những người quan sát thụ động trước những rạn nứt về xã hội và văn hóa, cũng không phải là những người bình luận đơn thuần về những gì đang sụp đổ, mà là những người đàn ông và đàn bà sẵn sàng bước vào các công trường xây dựng lịch sử — các phòng thí nghiệm nghiên cứu, các công ty kỹ thuật, trường học, phương tiện truyền thông, các tổ chức và cộng đồng địa phương — để xây dựng lại những gì đã sụp đổ và bảo vệ những gì đang bị đe dọa. Giống như Nơ-khe-mi-a, chúng ta cũng được kêu gọi kết hợp sự lắng nghe và lòng can đảm, cầu nguyện và trách nhiệm, để ngay cả khi tư duy kỹ trị hoặc lợi ích phe phái dường như chiếm ưu thế, thành phố của con người có thể trở thành một nơi đáng sống hơn.

242. Hình ảnh về việc xây dựng lại Giê-ru-sa-lem gợi lên lời hứa trong Tân Ước về thành phố thánh, được ban cho chúng ta trước hết và trên hết như một ơn ban. Trong sách Khải Huyền, Giêrusalem mới xuất hiện như một ơn ban cho toàn thể dân Chúa, “được chuẩn bị như một cô dâu trang điểm cho chồng mình” (*Khải Huyền* 21:2). Các bức tường của Giêrusalem không còn là những pháo đài phòng thủ nữa, mà là những đồ trang sức quý giá của Cô dâu Chiên Con. Các cổng thành, mà Nơ-khe-mi-a đã canh giữ rất siêng năng, vẫn luôn mở rộng cho mọi dân tộc. Sự hiện diện của Chúa ban ánh sáng và sự sống cho tất cả. Thành phố là một vườn Ê-đen mới, với nước hằng sống được ban cho người khát, và cây sự sống mà lá của nó “dùng để chữa lành các dân tộc” (*Khải Huyền* 22:2). Khi chúng ta chờ đợi sự ứng nghiệm của nó, thị kiến này được đặt trước mắt chúng ta như một sự khích lệ — một lời kêu gọi vượt qua những chia rẽ của chúng ta và cùng nhau làm việc — vì đây là con đường của Chúa Giê-su Ki-tô, hôm qua, hôm nay và mãi mãi.

Bài ca hy vọng: Kinh Magnificat

243. Sau khi đã suy gẫm về đức tin, vốn chiêm niệm kế hoạch yêu thương của Chúa Cha; đức ái, vốn kết hợp chúng ta trong một thân thể Giáo hội; và đức cậy, vốn nâng đỡ hành động của chúng ta trong thế giới, trụ cột thứ tư của chương trình đời sống Kitô giáo này là cầu nguyện. Bài ca của Đức Mẹ Maria đồng hành cùng sự tận hiến của chúng ta. Trước bà Ê-li-sa-ve, người báo cho Mẹ biết rằng Mẹ đã trở thành Mẹ của Chúa, Đức Mẹ Maria cất lên một bài thánh ca ca ngợi và vui mừng. Tâm hồn Mẹ ngợi khen Chúa, và tinh thần của Mẹ vui mừng trong Chúa, Đấng Cứu Thế của Mẹ, vì Người đã chọn một cô gái trẻ, nghèo khó và khiêm nhường cho kế hoạch cứu rỗi của Người. Bỗng nhiên, Mẹ Maria nhìn thấy toàn bộ lịch sử qua lăng kính của sự mặc khải này. Mọi thứ xung quanh Mẹ vẫn không thay đổi; tình hình chính

trị - xã hội thời đó vẫn vậy. Người La Mã tiếp tục kiểm soát đất nước Mẹ, và dân tộc Mẹ vẫn bị áp bức và sỉ nhục. Tuy nhiên, mọi thứ đã thay đổi bên trong Mẹ, và điều này cho phép Mẹ nhìn thấy những điều vô hình. Chúa đã tỏ ra sức mạnh cánh tay của Người; Người đã phân tán kẻ kiêu ngạo, hạ bệ kẻ quyền thế, nâng cao người thấp hèn, cho người đói khát no đủ và đuổi người giàu ra về tay không. Người đã giúp đỡ Israel, tội tớ của Người. Chúa “đứng về phía người thấp hèn. Kế hoạch của Người thường bị che giấu dưới bối cảnh mờ mịt của các sự kiện con người, nơi mà ‘kẻ kiêu ngạo, kẻ quyền thế và người giàu’ chiến thắng. Tuy nhiên, sức mạnh bí mật của Người cuối cùng sẽ được bày tỏ.” [222]

244. Đức Trinh Nữ Maria không chỉ dạy chúng ta nhận ra công việc vô hình của Thiên Chúa, mà còn hướng ánh nhìn của chúng ta đến “những điểm ở đó nhân loại bị tan vỡ và thế giới trở nên méo mó: sự tương phản giữa người khiêm nhường và người quyền lực, người nghèo và người giàu, người no đủ và người đói khát”, dạy chúng ta “nhìn thế giới từ một vị trí thấp hơn: qua con mắt của những người đau khổ hơn là của những người quyền lực; nhìn lịch sử qua con mắt của những người bé nhỏ, hơn là qua quan điểm của những người quyền lực; giải thích các sự kiện lịch sử từ quan điểm của góa phụ, trẻ mồ côi, người lạ, trẻ em bị thương, người lưu vong và người chạy trốn”. [223] Do đó, Đức Trinh Nữ Maria trở thành “nhà thơ và nhà tiên tri của Sự Cứu Chuộc”, bởi vì trên môi Mẹ vang lên “bài thánh ca mạnh mẽ và sáng tạo nhất từng được xướng lên, Magnificat; chính Mẹ là người tiết lộ tầm nhìn biến đổi của nền kinh tế Kitô giáo, kết quả lịch sử và xã hội vẫn bắt nguồn và có sức mạnh từ Kitô giáo”. [224]

245. Với cùng đức tin như Đức Mẹ Maria, chúng ta hãy trở thành “người dệt nên niềm hy vọng” trong thế giới này, chia sẻ con người chúng ta và những gì chúng ta có, để sự hiện diện của Chúa Giêsu được lớn mạnh giữa chúng ta và Nước Chúa được hình thành. Trong lòng trung thành khiêm nhường của cuộc sống hằng ngày, ngay cả thời đại AI cũng có thể trở thành thời điểm mà Chúa Thánh Thần mang đến nên văn minh của tình yêu trong cuộc sống của chúng ta. Thật vậy, Chúa tiếp tục làm cho mọi sự trở nên mới mẻ và ban cho mọi thời đại khả năng trở thành một phần của lịch sử cứu độ trong ánh sáng của sự Nhập Thể. Tôi phó thác ước muốn của chúng ta cho Mẹ của Chúa Kitô, cho Người Phụ Nữ của Kinh Magnificat, để Mẹ hướng dẫn bước chân chúng ta qua thời kỳ thay đổi này và gìn giữ trong mỗi chúng ta đức tin chân chính vào Tin Mừng, để chúng ta có thể làm chứng cho sự vĩ đại của nhân loại, nơi Thiên Chúa đã ngự trị.

Ban hành tại Rôma, tại Nhà thờ Thánh Phêrô, ngày 15 tháng 5 năm 2026, năm thứ hai triều đại Giáo hoàng của tôi.

LEO PP. XIV

[1] Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966), 1042.

[2] Cf. *ibid.*, 11: AAS 58 (1966), 1033-1034.

[3] Công đồng Vatican II, Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*, 1: AAS 57 (1965), 5.

[4] Cf. Lêô XIII, Thông điệp *Rerum Novarum* (15/5/1891), 22: ASS 23 (1890-1891), 653.

[5] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/6/2009), 69: AAS 101 (2009), 702.

- [6] Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24/5/2015), 104: AAS 107 (2015), 888.
- [7] Như trên.
- [8] Thánh Augustinô, *Tự Thú*, I, 1, 1: CCSL 27, Turnhout 1981, 1.
- [9] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 183: AAS 105 (2013), 1097.
- [10] Công đồng Vatican II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 36: AAS 58 (1966), 1054; xem. Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân *Apostolicam Actuositatem*, 7: AAS 58 (1966), 843-844.
- [11] Công đồng Vatican II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 44: AAS 58 (1966), 1065.
- [12] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 257; AAS 105 (2013), 1123.
- [13] Thánh Gioan Phaolô II, Tông Thư ban hành “Motu Proprio” *Socialium Scientiarum* (01/01/1994): AAS 86 (1994), 209.
- [14] Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24/5/2015), 61: AAS 107 (2015), 871.
- [15] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 41: AAS 80 (1988), 570-572.
- [16] Thánh Gioan Phaolô II, Tông Thư *Tertio Millennio Adveniente* (10/11/1994), 35: AAS 87 (1995), 27.
- [17] *Diễn văn với các Thành viên của Tổ chức “Centesimus Annus Pro Pontifice”* (17 tháng 5 năm 2025): AAS 117 (2025), 696.
- [18] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.
- [19] X. *ibid.*, 236: AAS 105 (2013), 1115; Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 215: AAS 112 (2020), 1045-1046.
- [20] Công đồng Vatican II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 13: AAS 57 (1965), 17.
- [21] Xem. Thánh Phaolô VI, Tông thư *Octogesima Adveniens* (14/5/1971), 4: AAS 63 (1971), 403.
- [22] Xem Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 243: AAS 105 (2013), 1118.
- [23] X. Đức Piô XII, Tông huấn *Menti Nostrae* (23/09/1950): AAS 42 (1950), 657-702.
- [24] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 5: AAS 83 (1991), 799.

- [25] Đức Piô XI, Thông điệp *Quadragesimo Anno* (15/5/1931), 39: AAS 23 (1931), 189; xem. Đức Piô XII, *Thông điệp phát thanh nhân kỷ niệm 50 năm Rerum Novarum*: AAS 33 (1941), 198.
- [26] X. Đức Piô XII, *Diễn văn gửi Hồng Y đoàn và Giáo phận Rôma* (24/12/1940): AAS 33 (1941), 13.
- [27] X. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp *Mater et Magistra* (15/5/1961), 2-3: AAS 53 (1961), 402.
- [28] X. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in Terris* (11/04/1963), 87: AAS 55 (1963), 301.
- [29] X. Công đồng Vatican II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.
- [30] X. Công đồng Vatican II, Tuyên ngôn *Dignitatis Humanae*, 2: AAS 58 (1966), 930-931.
- [31] Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967), 14: AAS 59 (1967), 264.
- [32] Như trên, 76: AAS 59 (1967), 299.
- [33] X. Thánh Phaolô VI, Tông thư *Octogesima Adveniens* (14/5/1971), 4-7: AAS 63 (1971); 404-406.
- [34] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 36: AAS 80 (1988), 561.
- [35] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14/09/1981), 19: AAS 73 (1981), 625-629.
- [36] X. như trên, 10: AAS 73 (1981), 600-602.
- [37] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 14: AAS 80 (1988), 526-528.
- [38] X. *ibid.*, 16: AAS 80 (1988), 531.
- [39] X. *ibid.*, 31-33: AAS 80 (1988), 555-559.
- [40] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5 năm 1991), 46: AAS 83 (1991), 850-851.
- [41] Cf. *ibid.*, 42: AAS 83 (1991), 844-846.
- [42] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009), 21: AAS 101 (2009), 656.
- [43] Cf. *ibid.*, 22: AAS 101 (2009), 657.

- [44] Cf. *ibid.*, 24: AAS 101 (2009), 658-659.
- [45] Cf. *ibid.*, 36: AAS 101 (2009), 671-672.
- [46] Cùng nguồn, 2: AAS 101 (2009), 642.
- [47] X. Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 198: AAS 105 (2013), 1103.
- [48] Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5 năm 2015), 49: AAS 107 (2015), 866.
- [49] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 127: AAS 112 (2020), 1013.
- [50] Đức Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24 tháng 10 năm 2024), 167: AAS 116 (2024), 1421.
- [51] X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Tập hợp Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, Thành phố Vatican 2004, 32.
- [52] Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 24: AAS 58 (1966), 1045.
- [53] *Ibid.*, 22: AAS 58 (1966), 1042.
- [54] Cf. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Tập hợp Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 38.
- [55] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4 tháng 3 năm 1979), 14: AAS 71 (1979), 284.
- [56] Cf. Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009), 11: AAS 101 (2009), 647-648.
- [57] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6/8/1993), 31: AAS 85 (1993), 1159.
- [58] X. Công đồng Vatican II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.
- [59] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.
- [60] X. Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên bố *Dignitas Infinita* (2 tháng 4 năm 2024), 7: AAS 116 (2024), 592-593.
- [61] X. *ibid.*, 8: AAS 116 (2024), 593-594.
- [62] *Ibid.*, 1: AAS 116 (2024), 589-590.

[63] Cf. Thánh Gioan Phaolô II, *Kinh Truyền Tin với người khuyết tật tại Nhà thờ Osnabrück* (16 tháng 11 năm 1980): *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, tập III/2, Thành phố Vatican 1980, 1232.

[64] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 152.

[65] Cf. Thánh Gioan Phaolô II, *Bài phát biểu trước Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần thứ 50* (5 tháng 10 năm 1995), 2: *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, tập. XVIII/2, Thành phố Vatican 1998, 731.

[66] Thánh Gioan Phaolô II, *Bài phát biểu trước Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần thứ 34* (2 tháng 10 năm 1979), 7: *AAS* 71 (1979), 1148.

[67] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp nhân Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 32* (1 tháng 1 năm 1999), 3: *AAS* 91 (1999), 379.

[68] Cf. Thánh Gioan XXIII, *Thông điệp Pacem in Terris* (11 tháng 4 năm 1963), 5: *AAS* 55 (1963), 259.

[69] Thánh Phaolô VI, *Thông điệp gửi Hội nghị Quốc tế về Nhân quyền* (15 tháng 4 năm 1968): *AAS* 60 (1968), 285.

[70] Cf. Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Evangelium Vitae* (25/03/1995), 2: *AAS* 87 (1995), 402.

[71] X. Công đồng Vatican II, *Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes*, 27: *AAS* 58 (1966), 1047-1048; xem. Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Veritatis Splendor* (6 tháng 8 năm 1993), 80: *AAS* 85 (1993), 1197-1198; xem. Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Evangelium Vitae* (25/03/1995), 7-28: *AAS* 87 (1995), 408-427.

[72] Đức Phanxicô, *Thông điệp Fratelli Tutti* (3 Ochtáng 10 năm 2020), 208: *AAS* 112 (2020), 1043.

[73] Cf. *ibid.*, 209: *AAS* 112 (2020), 1043-1044.

[74] *Ibid.*, 23: *AAS* 112 (2020), 977. Cf. Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 212: *AAS* 105 (2013), 1108.

[75] Đức Bênêđictô XVI, Tông huấn *Sacramentum Caritatis* (22/02/2007), 83: *AAS* 99 (2007), 169.

[76] Công đồng Vatican II, *Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes*, 26, *AAS* 58 (1966), 1046-1047.

[77] X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 164.

[78] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 235: *AAS* 105 (2013),

1115.

[79] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 105: AAS 112 (2020), 1005.

[80] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 38: AAS 80 (1988), 564.

[81] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 220: AAS 105 (2013), 1110.

[82] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 169.

[83] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 16: AAS 112 (2020), 974.

[84] Cf. Thánh Gioan Phaolô II, *Bài phát biểu trước Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần thứ 50* (5 tháng 10 năm 1995), 8: *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, vol. XVIII/2, 735.

[85] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 171.

[86] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5 năm 1991), 31: AAS 83 (1991), 831.

[87] Thánh Gioan Phaolô II, *Bài giảng trong Thánh lễ dành cho nông dân tại Recife* (7 tháng 7 năm 1980), 4: AAS 72 (1980), 926.

[88] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14 tháng 9 năm 1981), 19: AAS 73 (1981), 626.

[89] Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5 năm 2015), 93: AAS 107 (2015), 884; cf. Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 120: AAS 112 (2020), 1010.

[90] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 189: AAS 105 (2013), 1099.

[91] X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 187.

[92] X. Đức Lêô XIII, Thông điệp *Rerum Novarum* (15/5/1891), 26: ASS 23 (1890-1891), 656.

[93] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.

[94] X. *ibid.*

[95] X. *ibid.*, 48: AAS 83 (1991), 852-854.

- [96] X. Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 169: AAS 112 (2020), 1028.
- [97] X. *ibid.*, 168: AAS 112 (2020), 1027-1028.
- [98] Xem. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967), 17: AAS 59 (1967), 265-266.
- [99] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 32 và 54: AAS 112 (2020), 980 và 988.
- [100] Xem Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 58: AAS 101 (2009), 693-694.
- [101] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 116: AAS 112 (2020), 1009.
- [102] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 38: AAS 80 (1988), 564.
- [103] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 116: AAS 112 (2020), 1009.
- [104] X. Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 48: AAS 101 (2009), 685.
- [105] X. Công đồng Vatican II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 25: AAS 58 (1966), 1045-1046.
- [106] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 42: AAS 80 (1988), 572-574.
- [107] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 53: AAS 105 (2013), 1042.
- [108] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 36-37: AAS 80 (1988), 561-564.
- [109] X. Đức Phanxicô, *Sứ điệp Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn lần thứ 110* (29 tháng 9 năm 2024): AAS 116 (2024), 735.
- [110] Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967), 14: AAS 59 (1967), 264.
- [111] X. *ibid.*, 17: AAS 59 (1967), 265-266; Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 125-127: AAS 112 (2020), 1012-1013.
- [112] X. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967), 14: AAS 59 (1967), 264; Đức Bênêđictô XVI, *Bài phát biểu trước Đoàn ngoại giao được công nhận tại*

Tòa Thánh (8 tháng 1 năm 2007): AAS 99 (2007), 73; Đức Phanxicô, *Bài phát biểu trước những người tham dự Cuộc họp toàn cầu lần thứ 3 của Diễn đàn các dân tộc bản địa thuộc Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế* (15 tháng 2 năm 2017): AAS 109 (2017), 244-245.

[113] *Văn kiện cuối cùng của Phiên họp thứ hai của Đại hội đồng thường kỳ XVI của Thượng Hội đồng Giám mục* (26 tháng 10 năm 2024), 17.

[114] Cf. *ibid.*, 11.

[115] Cf. *ibid.*, 103-108.

[116] Cf. *ibid.*, 100-101.

[117] Cf. Đức Phanxicô, *Thông điệp Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 94: AAS 112 (2020), 1001.

[118] X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 53.

[119] X. Đức Phanxicô, *Thông điệp Laudato Si'*, (24 tháng 5 năm 2015), 106-109: AAS 107 (2015), 889-891.

[120] R. Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, Würzburg 1951, 89.

[121] Thánh Phaolô VI, *Bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập FAO* (16 tháng 11 năm 1970): AAS 62 (1970), 833.

[122] Cf. Đức Phanxicô, *Bài phát biểu trước Hội đồng về Chủ nghĩa Tư bản Toàn diện* (11 tháng 11 năm 2019): L'Osservatore Romano, 11-12 tháng 11 năm 2019, 8.

[123] Cf. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa và Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14 tháng 1 năm 2025): AAS 117 (2025), 159-210; Đức Phanxicô, *Thông điệp nhân Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 57* (8 tháng 12 năm 2023): AAS 116 (2024), 54-64; Đức Phanxicô, *Thông điệp nhân Ngày Truyền thông Xã hội Thế giới lần thứ 58* (24 tháng 1 năm 2024): AAS 116 (2024), 261-266; Đức Phanxicô, *Bài phát biểu tại Phiên họp G7 về Trí tuệ Nhân tạo: “Một công cụ thú vị và đáng sợ”* (14 tháng 6 năm 2024): AAS 116 (2024), 866-875; Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas?* Suy nghĩ về nhân học Kitô giáo trước một số kịch bản về tương lai của nhân loại (9 tháng 2 năm 2026); *Thông điệp nhân Ngày Truyền thông Xã hội Thế giới lần thứ 60* (24 tháng 1 năm 2026): L'Osservatore Romano, 24 tháng 1 năm 2026, 2-3.

[124] Cf. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa và Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14 tháng 1 năm 2025), 96: AAS 117 (2025), 201.

[125] Đức Phanxicô, *Bài phát biểu trước những người tham dự Cuộc họp “Đối thoại Minerva” do Bộ Văn hóa và Giáo dục tổ chức* (27 tháng 3 năm 2023): AAS 115 (2023), 465.

[126] Cf. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa và Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14 tháng 1 năm 2025), 41: AAS 117 (2025), 178.

[127] Cf. *ibid.*, 44-45: AAS 117 (2025), 179-180.

[128] Cf. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5 năm 1991), 40: AAS 83 (1991), 843.

[129] Cf. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas?* Suy nghĩ về nhân học Kitô giáo trước một số kịch bản về tương lai của nhân loại (9 tháng 2 năm 2026), 63.

[130] Cf. Thánh Phaolô VI, *Bài diễn thuyết nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập FAO* (16 tháng 11 năm 1970): AAS 62 (1970), 833.

[131] Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas?* Suy nghĩ về nhân học Kitô giáo trước một số kịch bản về tương lai của nhân loại (9 tháng 2 năm 2026), 3.

[132] “Nếu chúng ta coi thường trái tim, chúng ta cũng coi thường ý nghĩa của việc nói từ trái tim, hành động bằng trái tim, vun đắp và chữa lành trái tim. Nếu chúng ta không đánh giá cao tính đặc thù của trái tim, chúng ta sẽ bỏ lỡ những thông điệp mà chỉ riêng trí óc không thể truyền đạt; chúng ta sẽ bỏ lỡ sự phong phú trong những cuộc gặp gỡ của chúng ta với người khác; chúng ta sẽ bỏ lỡ thi ca. Chúng ta cũng mất dấu vết của lịch sử và quá khứ của chính mình, vì lịch sử bản thân thực sự của chúng ta được xây dựng bằng trái tim. Cuối đời, chỉ điều đó mới quan trọng.” Đức Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24 tháng 10 năm 2024), 11: AAS 116 (2024), 1372.

[133] V. Frankl, *Con người đi tìm ý nghĩa. Giới thiệu về liệu pháp ý nghĩa*, Boston 1963, 213.

[134] Thánh Thomas Aquinas, *Thần học tổng hợp*, I-II, q. 112, A. 1, dòng; q. 114, a, 5, co.: ed. Leonina, VII, Rome 1892, 323 và 349.

[135] X. *ibid.*, q. 114, A. 1, co.: ed. Leonina, VII, 344.

[136] X. Thánh Thomas Aquinas, *Super Boetium de Trinitate*, q. 1, A. 2, quảng cáo 3: biên tập. Leonina, L, Rome 1992, 96; Tổng luận Thần học, I, q. 7, A. 1, quảng cáo 3: biên tập. Leonina, IV, Rome 1888, 72.

[137] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng*, (24/11/2013), 8: AAS 105 (2013), 1022.

[138] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4/3/1979), 15: AAS 71 (1979), 286-287.

[139] Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, XIV, 28: CCSL 48, Turnhout 1955, 451.

[140] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/6/2009), 34: AAS 101 (2009), 668-669.

[141] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6/8/1993), 32: AAS 85 (1993), 1159.

[142] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 207: AAS 112 (2020), 1043.

- [143] H. Arendt, *Nguồn gốc của chủ nghĩa toàn trị*, III, New York 1962, 474.
- [144] *Diễn văn với các đại diện truyền thông* (12 tháng 5 năm 2025): AAS 117 (2025), 681-682.
- [145] Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp nhân Ngày Truyền thông Xã hội Thế giới lần thứ 47* (24 tháng 1 năm 2013): AAS 105 (2013), 183.
- [146] Đức Phanxicô, *Bài phát biểu nhân dịp phong tước Hiệp sĩ và Nữ Hiệp sĩ Đại Thập tự của Huân chương Pi-ô cho ông Philip Pullella và bà Valentina Alazraki* (13 tháng 11 năm 2021): L'Osservatore Romano, 13 tháng 11 năm 2021, 12.
- [147] Cf. Plato, *Thư VII*, 344b-c: ed. Souilhé, XIII/1, Paris 1931 (CUF, Série grecque 63), 54.
- [148] Cf. *Bài phát biểu trước những người tham dự Hội nghị “Phẩm giá của trẻ em và thanh thiếu niên trong thời đại trí tuệ nhân tạo”* (13 tháng 11 năm 2025): L'Osservatore Romano, 13 tháng 11 năm 2025, 3.
- [149] Cf. *Bài phát biểu trước các thành viên của Ban Cố vấn của Học viện RCS* (7 tháng 11 năm 2025): L'Osservatore Romano 7 tháng 11 năm 2025, 4.
- [150] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Laborem Exercens* (14 tháng 9 năm 1981), 3: AAS 73 (1981), 584.
- [151] Cf. Đức Phanxicô, *Thông điệp Laudato Si'* (24 tháng 5 năm 2015), 128: AAS 107 (2015), 898.
- [152] Bộ Giáo lý Đức tin — Bộ Văn hóa và Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14 tháng 1 năm 2025), 67: AAS 117 (2025), 188-189.
- [153] X. Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Laborem Exercens*, (14/09/1981), 18: AAS 73 (1981), 622-625.
- [154] X. Đức Phanxicô, *Thông điệp Laudato Si'* (24/5/2015), 109: AAS 107 (2015), 891.
- [155] X. Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29/06/2009), 32: AAS 101 (2009), 666.
- [156] X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 268.
- [157] X. Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29/06/2009), 64: AAS 101 (2009), 698.
- [158] Xem Đức Phanxicô, *Thông điệp Laudato Si'* (24/5/2015), 129: AAS 107 (2015), 899.
- [159] X. *ibid.*

- [160] X. Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 108: AAS 112 (2020), 1006.
- [161] X. Bộ Giáo lý Đức tin - Bộ Cổ vũ sự phát triển con người toàn diện, *Kinh tế và Các Vấn đề Tài chính. Những cân nhắc để phân định đạo đức liên quan đến một số khía cạnh của hệ thống kinh tế-tài chính hiện tại* (6 tháng 1 năm 2018), 6: AAS 110 (2018), 772.
- [162] Đức Phanxicô, *Lời chào các nhân viên của Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD)* (14 tháng 2 năm 2019): AAS 111 (2019), 309. Cfr. Đức Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 22: AAS 101 (2009), 657.
- [163] Xem. như trên., 36: AAS 101 (2009), 671-672.
- [164] X. Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 204: AAS 105 (2013), 1105-1106.
- [165] X. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967), 87: AAS 59 (1967), 299.
- [166] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 39: AAS 83 (1991), 841.
- [167] X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 211.
- [168] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thư gửi các Gia đình *Gratissimam Sane* (2 tháng 2 năm 1994), 17: AAS 86 (1994), 903-906.
- [169] Cf. Hội đồng Giám mục Công Giáo Hoa Kỳ, *Con cái của Ánh sáng: Kế hoạch Mục vụ cho Mục vụ với Giới trẻ* (12 tháng 11 năm 1996), Washington D.C., 1996, I, 3.
- [170] Cf. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Bản tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 290.
- [171] Cf. *ibid.*, 214.
- [172] Cf. Đức Phanxicô, *Thông điệp nhân dịp kỷ niệm Ngày Giới trẻ vì Hòa bình Thế giới lần thứ 48* (8 tháng 12 năm 2014), 4: AAS 107 (2015), 70-71.
- [173] Cf. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Ký ức và Hòa giải, Giáo hội và những sai lầm trong quá khứ*, Thành phố Vatican 2000, 5.3.
- [174] Như trong các Sắc lệnh Giáo hoàng *Sicut Dudum* (13 tháng 1 năm 1435) và *Etsi Suscepti* (9 tháng 1 năm 1442) của Đức Eugenius IV, và trong các Sắc lệnh Giáo hoàng *Dum Diversas* (18 tháng 6 năm 1452) và *Romanus Pontifex* (8 tháng 1 năm 1455) của Đức Nicholas V. Nhu cầu chính trị và, đôi khi, thậm chí cả nhu cầu kinh tế đã vượt qua những đòi hỏi của Tin Mừng. Nhu cầu truyền giáo thường bị thỏa hiệp hoặc ít nhất là bị hiểu sai liên quan đến nhu cầu của các thế lực thế gian, do đó làm giảm nhẹ sự không tương thích đầy vấn đề của chế độ nô lệ với lương tâm Kitô giáo.

[175] Cf. Đức Leo XIII, Thông điệp *In Plurimis* (5 tháng 5 năm 1888), Acta Leonis XIII, VIII, Rome, 1889, 169-192. Hãy xem xét điều đó, cho đến cuối năm 1866, Văn phòng Thánh đã phân biệt giữa các khía cạnh vô đạo đức và luân lý của chế độ nô lệ, mà không lên án nó hoàn toàn: Huấn thị của Văn phòng Thánh về những nghi ngờ khác nhau của Đức ông Massaia, Đại diện Tông tòa tại đất nước Galla, tháng 4 năm 1866, trả lời câu hỏi số 15.

[176] X. Thánh Gioan Phaolô II, *Incarnationis Mysterium* (29/11/1998), 11: AAS 91 (1999), 139-141.

[177] X. Thánh Phaolô VI, *Regina Caeli* (17 tháng 5 năm 1970): Insegnamenti di Paolo VI, tập. VIII, 506.

[178] X. Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 183: AAS 112 (2020), 1033-1034.

[179] Cf. Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.

[180] Thánh Phaolô VI, *Bài phát biểu trước Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần thứ 20* (4 tháng 10 năm 1965): AAS 57 (1965), 881.

[181] Liên Hợp Quốc, *Hiến chế Liên Hợp Quốc*, San Francisco (26 tháng 6 năm 1945), Lời mở đầu.

[182] Cf. Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 258: AAS 112 (2020), 1061: “Trong những thập niên gần đây, mọi cuộc chiến tranh đều được ‘biện minh’ một cách rõ ràng. Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo nói về khả năng phòng thủ chính đáng bằng lực lượng quân sự, điều này đòi hỏi phải chứng minh rằng một số ‘điều kiện nghiêm ngặt về tính hợp pháp đạo đức’ đã được đáp ứng. Tuy nhiên, rất dễ rơi vào cách giải thích quá rộng về quyền tiềm năng này. Theo cách này, một số người cũng sẽ sai lầm khi biện minh cho cả những cuộc tấn công ‘phòng ngừa’ hoặc các hành động chiến tranh mà khó có thể tránh khỏi gây ra ‘những điều ác và rối loạn nghiêm trọng hơn cả điều ác cần phải loại bỏ.’”

[183] Cf. Bộ Giáo lý Đức tin — Bộ Văn hóa và Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14 tháng 1 năm 2025), 99: AAS 117 (2025), 202-203.

[184] Cf. *ibid.*, 103: AAS 117 (2025), 204.

[185] Cf. *Bài phát biểu trước những người tham gia Phiên họp toàn thể của “Hội nghị các Cơ quan cứu trợ dành cho các Giáo hội phương Đông (ROACO)”* (26 tháng 6 năm 2025): AAS 117 (2025), 847-849.

[186] Cf. Đức Phanxicô, *Thông điệp nhân Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 53* (8 tháng 12 năm 2019): AAS 112 (2020), 54-61.

[187] J.R.R. Tolkien, *Chúa tể những chiếc nhẫn. Sự trở lại của nhà vua*, Phần III, Quyển năm, Chương IX, New York 1965, 190.

[188] *Bài phát biểu trước các đại diện của giới truyền thông*, (12 tháng 5 năm 2025): AAS 117 (2025), 682.

[189] Ibid.

[190] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp nhân Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 31*, (1 tháng 1 năm 1998), 1: AAS 90 (1988), 147.

[191] Thánh Augustinô, *Enarrationes in Psalmos*, 84, 12: CCSL 39, Turnhout 1956, 1172-1173.

[192] X. Đức Phanxicô, *Thông điệp Dilexit Nos* (24 tháng 10 năm 2024), 22: AAS 116 (2024), 1375-1376.

[193] Đức Phanxicô, *Thông điệp Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 115: AAS 112 (2020), 1008-1009.

[194] X. *ibid.*, 261: AAS 112 (2020), 1062.

[195] X. Thánh Phaolô VI, *Diễn văn tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 20* (4 tháng 10 năm 1965): AAS 57 (1965), 878-879.

[196] Cf. Đức Pius XII, *Thông điệp trên đài phát thanh Giò Nghiêm Trọng* (24 tháng 8 năm 1939): AAS 31 (1939), 334.

[197] Giorgio La Pira, *Riflessioni sul Concilio*. Bài phát biểu của Giáo sư Giorgio La Pira, Thị trưởng Florence, gửi tới “Guides de France” (Rome, 4 tháng 9 năm 1962), Florence 1962, 6.

[198] *Bài phát biểu trước những người tham gia Đại lễ các Giáo hội Phương Đông* (14 tháng 5 năm 2025): AAS 117 (2025), 686.

[199] Cf. Đức Phanxicô, *Thông điệp Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 271: AAS 112 (2020), 1066.

[200] Cf. Đức Phanxicô, *Lời kêu gọi hòa bình tại Assisi nhân Ngày Thế giới Lời cầu nguyện cho hòa bình “Khát khao hòa bình: Các tín ngưỡng và văn hóa trong đối thoại”* (20 tháng 9 năm 2016): AAS 108 (2016), 1124.

[201] Đức Phanxicô, *Bài phát biểu trước các thành viên của Đoàn ngoại giao được công nhận tại Tòa Thánh* (9 tháng 1 năm 2025): AAS 117 (2025), 110.

[202] So sánh với Đức Phanxicô, *Bài phát biểu trước những người tham dự Hội nghị FAO lần thứ 38* (20 tháng 6 năm 2013): AAS 105 (2013), 616-617.

[203] *Lời chúc phúc “Urbi et Orbi” đầu tiên* (8 tháng 5 năm 2025): AAS 117 (2025), 660.

[204] Ibid.

[205] So sánh với *Bài giảng Kinh chiều đầu tiên trong Lễ trọng kính Đức Mẹ Maria, Mẹ Thiên Chúa* (31 tháng 12 năm 2025): L’Osservatore Romano, ngày 2 tháng 1 năm 2026, 1-2.

- [206] X. *Bài giảng Thánh lễ ban ngày* (25 tháng 12 năm 2025): L'Osservatore Romano, 27 tháng 12 năm 2025, 3.
- [207] X. *ibid.*
- [208] X. *Truyền Tin Lễ Trọng Hiển Linh* (6 tháng 1 năm 2026): L'Osservatore Romano, 7 tháng 1 năm 2026, 3.
- [209] X. *Bài giảng Thánh lễ ban đêm* (24 tháng 12 năm 2025): L'Osservatore Romano, 27 tháng 12 năm 2025, 2.
- [210] P. de Bérulle, *Discours de l'état et des grandeurs de Jésus, Discours IV, Unité de Dieu en l'incarnation: Œuvres complètes*, Paris 1856, cột 218.
- [211] *Ibid.*
- [212] Cf. *Bài phát biểu tại Hội nghị "Trí tuệ nhân tạo và Chăm sóc Ngôi nhà Chung của Chúng ta"* (5 tháng 12 năm 2025): L'Osservatore Romano, 5 tháng 12 năm 2025, 2.
- [213] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25 tháng 12 năm 2005), 14: AAS 98 (2006), 228.
- [214] Thánh Augustinô, *Bài giảng 272: In die Pentecostes ad infantem de sacramento*: PL 38, Paris 1865, cột 1247.
- [215] Đức Bênêđictô XVI, *Bài giảng tại Thánh lễ Tiệc Thánh của Chúa* (21 tháng 4 năm 2011): AAS 103 (2011), 321.
- [216] *Bài phát biểu gửi người Roma Thông báo của Tòa Giám mục về việc trao đổi lời chúc Giáng sinh* (22 tháng 12 năm 2025): L'Osservatore Romano, 22 tháng 12 năm 2025, 6-7.
- [217] Xem ở trên, số 11-14.
- [218] Xem *Bài phát biểu tại Hội nghị "Phẩm giá của trẻ em và thanh thiếu niên trong thời đại trí tuệ nhân tạo"* (13 tháng 11 năm 2025): L'Osservatore Romano, 13 tháng 11 năm 2025, 3.
- [219] Xem Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6 năm 2009), 34: AAS 101 (2009), 668-670.
- [220] Đức Phanxicô, Tông huấn *Laudate Deum* (4 tháng 10 năm 2023), 67: AAS 115 (2023), 1059.
- [221] Xem *Kinh Truyền Tin vào Lễ Hiển Linh* (6 tháng 1 năm 2026): L'Osservatore Romano, 7 tháng 1 năm 2026, 3.
- [222] Đức Bênêđictô XVI, *Buổi tiếp kiến chung* (15 tháng 2 năm 2006): L'Osservatore Romano, 16 tháng 2 năm 2006, 4.
- [223] *Suy niệm nhân dịp Canh thức cầu nguyện và Kinh Mân Côi cầu hòa bình* (11 tháng 10

năm 2025): L'Osservatore Romano, 13 tháng 10 năm 2025, 2.

[224] Thánh Phaolô VI, *Bài giảng tại Đền thờ Đức Mẹ Bonaria*, (24 tháng 4 năm 1970): AAS 62 (1970), 301.

PHỤ CHƯƠNG

1. Bài Phát Biểu Của Đức Giáo Hoàng Leo XIV Trong Buổi Giới Thiệu Và Công Bố Thông Điệp *Magnifica Humanitas*

Vũ Văn An

26/May/2026

Theo tin Tòa Thánh, chính Đức Leo XIV đã đích thân chủ tọa buổi giới thiệu và công bố Thông điệp *Magnifica Humanitas* mà theo bản tiếng Anh có nghĩa là Sự Vĩ Đại Của Nhân Loại [Grandeur of Humanity] tại Hội trường Thượng Hội đồng, Thứ Hai, ngày 25 tháng 5 năm 2026. Nhân dịp này, ngài đã có diễn từ sau đây:



Vatican Media

Anh chị em thân mến,

Tôi muốn cảm ơn tất cả anh chị em đã có mặt ở đây hôm nay, vì sự quan tâm của anh chị em. Tôi chân thành cảm ơn những người đã tổ chức cuộc gặp gỡ này hôm nay, và đặc biệt là những người đã chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm của mình trong những suy tư khác nhau mà chúng ta đã được lắng nghe.

Tôi đặc biệt muốn cảm ơn ông Olah vì đã nhận lời mời của chúng tôi. Đổi lại, nhân danh Giáo hội, tôi chấp nhận lời mời của anh chị em cùng nhau bước đi, lắng nghe và nói chuyện, và cùng nhau tìm ra con đường cho nhân loại, trong thời đại trí tuệ nhân tạo này.

Thật là một dấu hiệu tuyệt vời của niềm hy vọng rằng, dù có những khác biệt, chúng ta vẫn có thể lắng nghe lẫn nhau. Sự trao đổi này thể hiện rõ tầm quan trọng của thời điểm hiện tại, cũng như niềm tin rằng, cùng nhau, chúng ta có thể nhận ra những câu hỏi lớn của thời đại chúng ta, và do đó, tương lai của nhân loại.

Vào những thời điểm quan trọng trong lịch sử, Giáo hội được kêu gọi giải mã những “điều mới mẻ” dưới ánh sáng của Tin Mừng và phẩm giá con người. 135 năm trước, vị tiên nhiệm đáng kính của tôi, Đức Giáo Hoàng Leo XIII, đã chứng kiến tình cảnh của công nhân nhà máy, gia đình họ bị ly tán và những hình thức nghèo đói mới nảy sinh do sự chuyển đổi kỹ nghệ nhanh chóng. Ngài hiểu rằng Giáo hội không thể đứng ngoài cuộc. Trong một bước

nguyệt mang tính thời đại đe dọa phẩm giá con người, thông điệp *Rerum Novarum* đã nói lên tiếng nói Tin Mừng và xã hội của mình về những “điều mới mẻ” đang diễn ra.

Ngày nay, chúng ta thấy mình đang đối diện với một sự chuyển đổi có tầm vóc tương tự, thậm chí có thể với những hậu quả lớn hơn. Trí tuệ nhân tạo đã chạm đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống của chúng ta và ảnh hưởng đến các quyết định định hình sự chung sống của con người. Nó cũng đang thay đổi mạnh mẽ cách thức tiến hành chiến tranh.

Giống như vị “Leo” tiền nhiệm, tôi cảm thấy mình được giao phó nhiệm vụ nhìn nhận một sự chuyển đổi to lớn khác bằng con mắt đức tin, bằng sự sáng suốt của lý trí, bằng sự cởi mở với mâu nhiệm, và với tiếng kêu than của người nghèo và trái đất vang vọng trong trái tim tôi.

Thông điệp *Magnifica Humanitas* ra đời từ việc lắng nghe như Đức Giáo Hoàng Leo XIII đã làm. Tôi đã lắng nghe các nhà khoa học và kỹ sư, những người làm việc với lòng nhiệt thành chân thành về các kỹ thuật có khả năng giảm bớt nỗi đau khổ tột cùng; các nhà lãnh đạo chính trị và quan chức nhà nước, những người kiên trì tìm kiếm những luật lệ công bằng; các bậc cha mẹ và giáo viên, những người vô cùng lo lắng cho tương lai của các thế hệ trẻ.

Những tiếng nói đáng lo ngại khác cũng đến với tôi về các hệ thống vũ khí tự động ngày càng phát triển, hầu như nằm ngoài tầm kiểm soát hữu hiệu của con người. Tôi nghe thấy những câu chuyện rất đáng lo ngại về các thuật toán có thể chặn quyền tiếp cận chăm sóc sức khỏe, việc làm và an ninh dựa trên dữ liệu bị ảnh hưởng bởi định kiến và bất công. Và tôi đã nghe thấy sự im lặng của những người không có tiếng nói khi các quyết định được đưa ra – những quyết định có khả năng tạo ra những hình thức loại trừ và đau khổ mới.

Từ những lắng nghe này, một niềm tin đáng lo ngại đã hình thành, được thể hiện trong thông điệp *Magnifica Humanitas*: trí tuệ nhân tạo cần phải được giải giáp. Tôi biết từ này rất mạnh, nhưng tôi đã lựa chọn nó một cách có chủ ý vì thời điểm này cần những từ ngữ có khả năng thu hút sự chú ý, đánh thức lương tâm và chỉ ra con đường tiến lên phía trước cho nhân loại.

Giáo hội từ lâu đã nỗ lực vì giải trừ vũ khí hạt nhân, nhận thức rằng mọi sức mạnh kỹ thuật vĩ đại đều có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của con người và do đó phải đi kèm với sự phân định đạo đức thích đáng và sự kiểm soát của công chúng. Giải trừ vũ khí hạt nhân vẫn là một sự phục vụ cho hòa bình và phẩm giá của gia đình nhân loại.

Tương tự như vậy, trí tuệ nhân tạo hiện nay đòi hỏi phải được “giải trừ vũ khí”, được giải phóng khỏi những luận lý học biến nó thành công cụ thống trị, loại trừ và chét chóc. Giống như năng lượng hạt nhân, nó phải phục vụ cho tất cả mọi người và vì lợi ích chung. Các quyết định về kỹ thuật không bao giờ được tách rời khỏi lương tâm và trách nhiệm. “Chúng ta đừng ngủ như những người khác”, Thánh Tông đồ Phaolô khuyên, “nhưng hãy tỉnh thức” (*1 Tê-xa-lô-ni-ca* 5:6). Sự tỉnh thức như vậy là cần thiết ngày nay. Hòa bình, không chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của chiến tranh, là công lý đang được thực thi. Nhưng khi kỹ thuật làm suy yếu khả năng phê phán của chúng ta, chính hòa bình cũng gặp nguy hiểm.

Tuy nhiên, giải trừ vũ khí là chưa đủ. Chúng ta phải xây dựng.

Từ “xây dựng” gợi nhớ đến những năm tháng tôi làm nhà truyền giáo ở Peru. Năm 2017, những trận mưa xối xả và lũ lụt đã tàn phá miền bắc đất nước: nhiều gia đình chứng kiến nhà cửa và nhiều con đường bị vùi lấp trong bùn. Ở đó, tôi nhận ra rằng việc xây dựng lại không chỉ đơn giản là thay thế những gì đã bị phá hủy. Nó có nghĩa là hàn gắn các mối quan hệ,

khôi phục niềm tin và khơi dậy hy vọng vào tương lai. Hơn nữa, không ai xây dựng lại một mình.

Trong *Magnifica Humanitas*, tôi nhớ đến nhà tiên tri Nơ-khe-mi-a trong Kinh Thánh. Trước những bức tường đổ nát của Giêrusalem, ông tập hợp những người nản lòng để mang lại sự tái sinh. Hình ảnh những bức tường không hợp thức hóa sự khép kín hay chia rẽ, mà mời gọi mỗi người cùng chung tay góp sức. Từng viên gạch một, một sự chung sống công bằng hơn dần hình thành, có khả năng bảo vệ phẩm giá của tất cả mọi người. Nỗ lực của Nơ-khe-mi-a vẫn còn ý nghĩa trong thời đại chúng ta. Trí tuệ nhân tạo có thể là một công trường xây dựng lịch sử từ bên trong một chân trời của sự giao thoa. Trong đó, tiến bộ kỹ thuật học cách phục vụ cuộc sống con người.

“Mỗi người thợ xây hãy cẩn thận lựa chọn cách xây dựng” (1 Cô-rinh-tô 3:10), Thánh Phaolô cảnh báo. Ngài không sợ công trường; trái lại, ngài cảnh báo chống lại việc xây dựng mà không có nền móng vững chắc. Chúng ta đừng sợ trí tuệ nhân tạo, nhưng hãy luôn giữ vấn đề con người trong tâm trí. Chúng ta không thể bắt cản với những công cụ kỹ thuật mạnh mẽ nhất của mình.

Sự phát triển đích thực, theo Thánh Phaolô VI, luôn liên quan đến “mỗi người và toàn thể con người”. “Mỗi người” có nghĩa là không ai có thể bị bỏ lại bên lề của quá trình chuyển đổi kỹ thuật số. “Toàn thể” có nghĩa là không ai có thể bị thu hẹp thành năng suất, hiệu suất nhận thức, hay chỉ là dữ liệu đơn thuần. Con người mang trong mình một sự tự do, một nội tâm và một ơn gọi yêu thương và thờ phượng mà không một cỗ máy nào có thể thay thế hoặc ngăn chặn.

Chỉ với một tầm nhìn toàn diện như vậy, trí tuệ nhân tạo mới có thể được hướng tới lợi ích chung. Chỉ khi cùng nhau – những người thiết kế hệ thống và những người bị ảnh hưởng bởi chúng, các quốc gia giàu có và nghèo khó, các định chế và cá nhân, các trung tâm quyền lực và vùng ngoại vi – chúng ta mới có thể xây dựng một tương lai, không phải cho một số ít người được đặc quyền, mà cho toàn thể gia đình nhân loại.

Đây là nền văn minh của tình yêu mà Thánh Phaolô VI đã nói đến và Thánh Gioan Phaolô II đã mạnh mẽ tuyên bố như một chân trời mà chúng ta cùng nhau tìm kiếm. Đó không phải là một giấc mơ ngây thơ. Đó là một hướng đi. Đó là con đường mà Chúa Giêsu Kitô đã mở ra trong lịch sử.

Vì lý do này, Giáo hội mong muốn, với lòng khiêm nhường và thẳng thắn, được tham gia vào các cuộc đối thoại về trí tuệ nhân tạo. Chúng tôi không có câu trả lời về mặt kỹ thuật, cũng không tìm cách thay thế chúng bằng chuyên môn. Nhưng chúng tôi mang đến một sự khôn ngoan về con người mà thời đại hiện nay đang rất cần: mỗi người là duy nhất và không thể thay thế, một chủ thể tự do và thông minh với lương tâm, có khả năng tìm kiếm Chúa, phục vụ lẫn nhau, chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta.

Vì vậy, tôi mời gọi tất cả các thành viên của Giáo hội và gia đình nhân loại: chúng ta hãy học cách lắng nghe lẫn nhau, can đảm đối diện với những thách thức hiện tại và cùng nhau hợp tác xây dựng một xã hội nhân bản và huynh đệ hơn.

Từ sự ra mắt của *Magnifica Humanitas* này, xin hãy mang theo trong mình cam kết tinh thức và, với tư cách là “những người thợ xây của hy vọng”, tiếp tục xây dựng công trình của thời đại chúng ta. Xin cho Chúa Giêsu Phục Sinh nâng đỡ công việc chung của chúng ta.

Tôi phó thác mỗi người trong anh chị em cho Mẹ Maria. Magnificat của Mẹ ca ngợi sự vĩ đại của Thiên Chúa, Đấng nâng đỡ những người thấp hèn. Xin Mẹ dạy chúng ta nhận ra sự vĩ đại đích thực của mỗi người nam và mỗi người nữ trong tình yêu thương và phục vụ. Xin cho Chúa làm cho công trình vĩ đại mà hôm nay chúng ta phó thác cho ân sủng của Người được đơm hoa kết trái, để nền văn minh tình yêu được trưởng thành trong lịch sử.

Tôi hết lòng cầu xin Chúa ban phước lành cho tất cả anh chị em.

Chúc lành.

Cảm ơn rất nhiều.

2. Đức Giáo Hoàng Leo: Trí tuệ nhân tạo cần được ‘giải giáp’

Vũ Văn An

27/May/2026

Đức Giáo Hoàng Leo đã đưa ra lời kêu gọi tha thiết về việc “giải giáp” trí tuệ nhân tạo khi ngài trình bày thông điệp giáo hoàng đầu tiên của mình vào thứ Hai.



Đức Giáo Hoàng Leo trình bày Magnifica humanitas vào ngày 25 tháng 5. Nguồn: Truyền thông Vatican

Edgar Beltrán, trong bản tin 26 Tháng 5 Năm 2026 của tạp chí The Pillar, cho biết: Đức Giáo Hoàng Leo đã đưa ra lời kêu gọi tha thiết về việc “giải giáp” trí tuệ nhân tạo và giải phóng nó “khỏi những luận lý học biến nó thành công cụ thống trị, loại trừ và cái chết” khi ngài trình bày thông điệp giáo hoàng đầu tiên của mình, *Magnifica humanitas*, vào ngày 25 tháng 5.

Văn kiện này, được ký vào ngày 15 tháng 5, kỷ niệm thông điệp Rerum novarum của Đức Leo XIII, đã được ca ngợi trong nhiều tháng như là văn kiện mang tính chương trình của Đức Giáo Hoàng Leo về các vấn đề xã hội hiện nay.

Trong một động thái chưa từng có, Đức Giáo Hoàng Leo đã đích thân trình bày thông điệp giáo hoàng đầu tiên của mình cho các thành viên của giáo triều, đoàn ngoại giao và báo chí tập trung tại Hội trường Thượng Hội đồng Mới của Vatican.

Trong bài phát biểu của mình, Đức Giáo Hoàng đã nói về cuộc đối thoại đang diễn ra giữa Vatican và các công ty trí tuệ nhân tạo như Anthropic, mà người đồng sáng lập Christopher Olah cũng có mặt.

“Thật là một dấu hiệu tuyệt vời của niềm hy vọng rằng, dù có những khác biệt, chúng ta vẫn có thể lắng nghe lẫn nhau,” Đức Giáo Hoàng nói. “Sự trao đổi này rõ ràng cho thấy tầm quan trọng của thời điểm hiện tại, cũng như niềm tin rằng, cùng nhau, chúng ta có thể nhận ra những câu hỏi lớn của thời đại chúng ta, và do đó, tương lai của nhân loại.”

Đức Giáo Hoàng cho biết ngài đã lấy cảm hứng từ Đức Leo XIII, người “đã quan sát tình cảnh của công nhân nhà máy, gia đình họ bị ly tán và những hình thức nghèo đói mới nảy sinh do sự chuyển đổi kỹ nghệ nhanh chóng. Ngài hiểu rằng Giáo hội không thể đứng ngoài cuộc.”

“Thông điệp *Magnifica humanitas* ra đời từ việc lắng nghe như Đức Leo XIII đã làm. Tôi đã lắng nghe các nhà khoa học và kỹ sư, những người làm việc với lòng nhiệt thành chân thành về các kỹ thuật có khả năng làm giảm bớt nỗi đau khổ to lớn; các nhà lãnh đạo chính trị và các quan chức nhà nước, những người đã kiên trì tìm kiếm các quy tắc công bằng; các bậc cha mẹ và giáo viên, những người vô cùng quan tâm đến tương lai của các thế hệ trẻ,” Đức Leo XIV nói thêm. Tiếp nối lời kêu gọi cập nhật suy tư của Giáo hội về bản chất đạo đức của chiến tranh trong thông điệp, Đức Giáo Hoàng Leo hôm thứ Hai đã chỉ trích “các hệ thống vũ khí ngày càng tự động, hầu như nằm ngoài tầm kiểm soát hữu hiệu của con người. Tôi nghe thấy những câu chuyện rất đáng lo ngại về các thuật toán có thể chặn tiếp cận chăm sóc sức khỏe, việc làm và an ninh dựa trên dữ liệu bị ảnh hưởng bởi định kiến và bất công. Và tôi đã nghe thấy sự im lặng của những người không có tiếng nói khi các quyết định được đưa ra – những quyết định có khả năng tạo ra những hình thức loại trừ và đau khổ mới.”

“Trí tuệ nhân tạo cần phải được giải giáp. Tôi biết từ này rất mạnh, nhưng được lựa chọn một cách có chủ ý vì thời điểm này cần những từ ngữ có khả năng thu hút sự chú ý, đánh thức lương tâm và chỉ ra con đường tiến lên phía trước cho nhân loại”, Đức Giáo Hoàng nói thêm.

Đức Giáo Hoàng Leo đã so sánh trí tuệ nhân tạo với năng lượng hạt nhân, nói rằng “nó phải phục vụ tất cả mọi người và lợi ích chung. Các quyết định về kỹ thuật kỹ thuật không bao giờ được tách rời khỏi lương tâm và trách nhiệm... Hòa bình, không chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của chiến tranh, là công lý đang được thực thi. Nhưng khi kỹ thuật làm suy yếu khả năng phê phán của chúng ta, chính hòa bình cũng gặp nguy hiểm.”

Đức Giáo Hoàng cũng trích dẫn những suy tư của Thánh Phaolô VI về sự phát triển, nói rằng nó “liên quan đến ‘mỗi người và toàn thể con người’. ‘Mỗi người’ có nghĩa là không ai có thể bị bỏ lại bên lề của quá trình chuyển đổi kỹ thuật số. ‘Toàn thể’ có nghĩa là không ai có thể bị thu hẹp thành năng suất, hiệu suất nhận thức, hay chỉ là dữ liệu đơn thuần. Con người mang trong mình một sự tự do, một nội tâm và một ơn gọi yêu thương và thờ phượng mà không một cỗ máy nào có thể thay thế hoặc ngăn chặn được.”

“Chỉ với một tầm nhìn toàn diện như vậy, trí tuệ nhân tạo mới có thể được hướng tới lợi ích chung,” ngài nói thêm.

Đức Giáo Hoàng cho biết sự tham gia của Giáo hội vào các cuộc tranh luận về trí tuệ nhân tạo được thúc đẩy bởi mối quan tâm của Giáo hội đối với lợi ích chung và phẩm giá con người.

“Chúng tôi không có câu trả lời kỹ thuật, cũng không tìm cách thay thế chúng bằng chuyên môn. Nhưng chúng tôi mang đến một sự khôn ngoan về con người mà thời đại hiện nay đang rất cần: mỗi người là duy nhất và không thể thay thế, một chủ thể tự do và thông minh với lương tâm, có khả năng tìm kiếm Chúa, phục vụ lẫn nhau, chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta.” Christopher Olah, đồng sáng lập của Anthropic, đã thừa nhận trong sự kiện báo chí về những động lực chi phối đằng sau nhiều phát triển trí tuệ nhân tạo, nói rằng “mọi phòng thí nghiệm AI tiên tiến - bao gồm cả Anthropic - đều hoạt động trong một tập hợp các động lực và ràng buộc đôi khi có thể mâu thuẫn với việc làm điều đúng đắn. Áp lực duy trì khả năng thương mại... Áp lực địa chính trị. Và những áp lực cũ hơn, đơn giản hơn của lòng tự hào và tham vọng. Cho dù chúng ta có chân thành muốn làm điều đúng đắn đến đâu - và tôi tin rằng nhiều người trong chúng ta đang làm như vậy - chúng ta sẽ luôn bị ảnh hưởng bởi những động lực đó.”

“Đó là lý do tại sao, nếu chúng ta muốn kỹ thuật này phát triển tốt, điều vô cùng quan trọng là phải có những người nằm ngoài những động lực đó... những người sẵn sàng trở thành những nhà phê bình nghiêm túc, chu đáo của chúng ta... Đó là những gì tôi thấy trong *Magnifica Humanitas*, và đó là lý do tại sao tôi biết ơn Đức Thánh Cha và Giáo Hội vì đã đảm nhận công việc phân định này,” Olah nói thêm.

Olah cho biết các vấn đề về trí tuệ nhân tạo vượt ra ngoài khía cạnh kỹ thuật. Phạm vi nghiên cứu của các nhà khoa học máy tính rất rộng lớn vì “những câu hỏi do trí tuệ nhân tạo đặt ra lớn hơn cộng đồng nghiên cứu trí tuệ nhân tạo, không chỉ về ý nghĩa mà còn cả về bản chất.”

“Các hệ thống trí tuệ nhân tạo không được thiết kế theo cách một cây cầu hay một chiếc máy bay được thiết kế. Chúng ta hiểu một chiếc máy bay bởi vì chúng ta đã thiết kế từng bộ phận của nó và chúng ta hiểu các định luật vật lý tác động lên nó. Các mô hình trí tuệ nhân tạo thì không như vậy. Chúng được phát triển, trên một cấu trúc được mô phỏng theo bộ não, trên một di sản không lồ về tư duy và ngôn ngữ của con người,” ông nói thêm.

Olah cho biết tiếng nói của Giáo hội là cần thiết nhất trong ba vấn đề chính.

Ông nói thêm rằng vấn đề đầu tiên là nghĩa vụ của xã hội đối với người nghèo. “Có một khả năng thực sự là trí tuệ nhân tạo sẽ thay thế lao động của con người trên quy mô rất lớn,” Olah nói. “Nếu điều đó xảy ra, việc hỗ trợ những người bị thay thế sẽ là một mệnh lệnh đạo đức có tầm vóc lịch sử... Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đang tập trung ở một số ít quốc gia giàu có.”

“Làm thế nào chúng tôi có thể đảm bảo rằng những lợi ích của trí tuệ nhân tạo được chia sẻ trên toàn cầu? Chúng tôi không có cơ chế nào cho việc này. Đó là một vấn đề chưa được giải quyết, và đó là loại vấn đề mà Giáo hội trong lịch sử đã từ chối để thế giới phớt lờ,” ông nói. Theo Olah, tiếng nói của Giáo hội được thể hiện rõ nhất trong “nhu cầu về trí tưởng tượng đạo đức và tham vọng liên quan đến sự phát triển toàn diện của con người”.

“Ngày nay, các bậc cha mẹ đã lo lắng về trí tuệ của con cái họ; các cá nhân lo lắng về tương lai công việc của họ. Đây không phải là những câu hỏi mà một phòng thí nghiệm có thể trả lời. Đó là những câu hỏi mà các truyền thống như của các bạn đã gìn giữ qua hàng thiên niên kỷ, và chúng tôi cần các bạn tiếp tục gìn giữ chúng trong thời điểm mới này của lịch sử”, ông nói.

Cuối cùng, ông kêu gọi sự giúp đỡ của Giáo hội để suy gẫm về bản chất của các mô hình trí tuệ nhân tạo.

“Tôi dẫn đầu một nhóm nghiên cứu cấu trúc bên trong của các mô hình này - điều gì thực sự đang xảy ra bên trong chúng. Và tôi sẽ thành thật: chúng tôi liên tục tìm thấy những điều bí ẩn, thậm chí đáng lo ngại. Chúng tôi tìm thấy những cấu trúc phản ánh kết quả từ khoa học thần kinh của con người.”

“Chúng tôi tìm thấy bằng chứng của việc nội quan (introspection). Chúng tôi tìm thấy các trạng thái nội tâm phản ánh chức năng của niềm vui, sự hài lòng, nỗi sợ hãi, nỗi buồn và sự bất an. Tôi không biết điều đó có nghĩa là gì, nhưng tôi nghĩ nó cần được tiếp tục phân định”, ông nói thêm.

—

Trong khi nhiều người chỉ trích việc đối thoại với các công ty và nhà phát triển trí tuệ nhân tạo là ngây thơ hoặc cho phép các công ty này lợi dụng, Hồng Y Michael Czerny, người đứng đầu Bộ Phát triển Toàn diện Con người và là một trong những cố vấn của Đức Giáo Hoàng về thông điệp này, nói với tờ The Pillar rằng ông tin tưởng “tất cả những người tham gia đều hướng đến lợi ích của nhân loại, rằng chúng ta đang làm điều này vì lợi ích của nhân loại chứ không phải vì lợi ích nào khác.”

“Chúng ta đặt thiện chí của họ vào thử thách. Ai cũng dễ dàng nhận ra khi người ta đối thoại không thiện chí... Vì vậy, chúng ta chấp nhận rủi ro và nếu mọi việc không suôn sẻ, chúng ta có thể nói rằng cuộc đối thoại đã thất bại vì phía bên kia không chơi công bằng... Đối thoại thực sự không thể tránh khỏi thất vọng, nhưng thà làm còn hơn là tránh né,” ngài nói thêm.

Cha Brendan McGuire, một linh mục giáo xứ ở Thung lũng Silicon, California, và là cố vấn về các nguyên tắc đạo đức và an toàn của AI cho Anthropic, đã nói với giới truyền thông sau sự kiện rằng: “Nếu muốn có hòa bình, bạn phải đối thoại với kẻ thù mà bạn cho là vậy. Vì vậy, nếu bạn coi kỹ thuật là kẻ thù, thì chúng ta phải đối thoại với chúng. Chúng đang xây dựng tương lai của chúng ta mà không có chúng ta. Vì vậy, chúng ta nhất định phải đối thoại.”

“Ngay bây giờ là thời điểm thích hợp cho cuộc đối thoại này bởi vì kỹ thuật rất dễ uốn nắn, nó có thể thay đổi. Hãy nghĩ đến bàn phím QWERTY. Nó được phát triển theo cách đó bởi vì nếu bạn là người đánh máy nhanh, các thanh phím sẽ bị gãy ở phía trên. Sau đó, khi chúng ta có máy tính, chúng ta vẫn giữ nguyên như vậy mặc dù điều đó không cần thiết. Tại sao? Bởi vì nó đã được thiết lập, đó là cách nó đã từng như vậy. Điều này không đúng với AI... Và [các công ty AI] đang hỏi chúng ta ‘các ông có thể giúp chúng tôi không?’... Vì vậy, tôi nghĩ chúng ta phải gặp họ ở vị trí của họ,” ngài nói thêm. Cha McGuire nói với tờ The Pillar rằng cuộc đối thoại giữa Vatican với các công ty AI và các bên liên quan sẽ tiếp tục.

“Chúng tôi sẽ có các cuộc họp vào ngày mai, và dự định là thành lập một phái đoàn từ Vatican đến Thung lũng Silicon để tiếp tục lắng nghe. Đây là bước đầu tiên, ít nhất là bước công khai đầu tiên, bởi vì chúng tôi đã đối thoại trong nhiều năm, nhưng đây không phải là kết thúc,” ngài nói thêm.

3. ‘Một Văn kiện Đầy Hy vọng’: Các Nhà Tư tưởng Công Giáo về Trí tuệ Nhân tạo đánh giá ‘Magnifica Humanitas’

Vũ Văn An

27/May/2026



Đức Giáo Hoàng Leo XIV phát biểu trong buổi trình bày thông điệp đầu tiên của ngài, Magnifica Humanitas, vào ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Thượng Hội đồng của Vatican. (ảnh: Daniel Ibáñez/EWTN News / Vatican Pool)

Jonah McKeown Vatican, của tạp chí National Catholic Register, ngày 26 tháng 5 năm 2026, cho biết: Những người Công Giáo tham gia vào cuộc thảo luận về trí tuệ nhân tạo (AI) bày tỏ sự đánh giá cao của họ đối với thông điệp đầu tiên của Đức Giáo Hoàng Leo XIV, *Magnifica Humanitas*, trong đó ngài cảnh báo chống lại một hướng đi “phản nhân loại” của kỹ thuật, thay vào đó kêu gọi một cách tiếp cận bắt nguồn từ lợi ích chung và sự thừa nhận công trình sáng tạo nhân loại của Thiên Chúa.

Các chuyên gia đã ca ngợi thông điệp của Đức Giáo Hoàng Leo cả về cách diễn đạt rộng rãi hơn về mối quan hệ đúng đắn giữa nhân loại và kỹ thuật, cũng như về việc đánh giá việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các lĩnh vực như giáo dục, lao động và thậm chí cả chiến tranh bằng cách sử dụng các nguyên tắc xã hội Công Giáo như nguyên tắc phụ đới, liên đới và lợi ích chung.

Matthew Harvey Sanders, kiến trúc sư của một số sản phẩm AI Công Giáo, bao gồm cả Magisterium AI, nói với tờ Register rằng bằng cách thiết lập một nền tảng Công Giáo cho sự thịnh vượng thực sự của con người - được đo bằng sự quan tâm đến người khác chứ không phải bằng việc tối ưu hóa khả năng - Đức Giáo Hoàng Leo đã cung cấp cho những người xây dựng AI một thước đo tốt hơn cho sự tiến bộ của nền văn minh so với chỉ đơn thuần là sản lượng và một tầm nhìn về con người phải "đi trước bất cứ công việc nghiêm túc nào về kỹ thuật sẽ định hình lại cuộc sống hàng ngày."

Sanders cũng cho biết điều quan trọng là Đức Giáo Hoàng Leo đã chỉ trích trực tiếp một số khía cạnh cấu trúc của nền kinh tế kỹ thuật và AI, bao gồm cả sự kiện này là "các nền tảng và dịch vụ thường được thiết kế để chiếm lấy thời gian và sự chú ý của người dùng, khai thác tính dễ bị thương tổn của họ và làm suy yếu tự do nội tâm của họ."

Sanders nói rằng những người Công Giáo làm việc trong lĩnh vực AI nên ghi nhớ lời của Đức Giáo Hoàng Leo và tiếp tục xây dựng các hệ thống phản ánh một tầm nhìn chân thực về nhân loại.

“Đối với những người Công Giáo đang xây dựng trong lĩnh vực này, ý nghĩa thực tiễn khá rõ

ràng. Chúng ta không cần phải chờ đợi các cơ quan quản lý hạn chế những hệ thống mà chúng ta không tham gia thiết kế. Chúng ta cần phải tự xây dựng hệ thống của riêng mình,” Sanders nói. “Những người sở hữu cơ sở hạ tầng trí tuệ sẽ định hình sự thịnh vượng cho tất cả mọi người ở phía cuối dòng. Nếu bạn biết mục đích của con người là gì, bạn có nghĩa vụ phải xây dựng hướng tới điều đó.”

Tham gia, không bác bỏ

Sanders đã có mặt tại Vatican nhân dịp công bố thông điệp, cùng với Chris Olah, một trong những người sáng lập công ty trí tuệ nhân tạo Anthropic của Mỹ, và Amanda Askell, một nhà triết học chuyên nghiên cứu định hình “các nhân cách” mà các sản phẩm trí tuệ nhân tạo của Anthropic trình bày.

Một số nhà quan sát Công Giáo đã chỉ trích sự xuất hiện của Olah tại buổi ra mắt thông điệp, cho rằng Vatican không nghiêm túc trong việc đối diện với ngành công nghiệp trí tuệ nhân tạo và những khía cạnh tiêu cực của nó; chẳng hạn, Matthew Walther, viết trên tờ The New York Times, đã mô tả sự hiện diện của Olah giống như việc Đức Giáo Hoàng Leo XIII mời “John D. Rockefeller đến nghe ngài nói về phẩm giá của lao động.” Về phần mình, Sanders cho biết ông không coi sự hiện diện của Anthropic là sự ủng hộ của Vatican, mà là một cơ hội để đối thoại tôn trọng về những điểm đồng thuận và bất đồng.

“Tòa Thánh không lựa chọn đối tác ưu tiên nào từ ngành công nghiệp AI,” Sanders nói. “Tòa Thánh đang hợp tác với tất cả các đối tác, theo các điều khoản riêng của mình, với khuôn khổ riêng của mình về những gì đang bị đe dọa. Đó là lập trường đúng đắn, và đó là điều mà ngành kỹ nghệ nên xem xét nghiêm túc.”

Cha Robert Spitzer, một linh mục dòng Tên, người đã dành nhiều thập niên để nói và viết về sự hài hòa giữa đức tin và khoa học, bày tỏ sự đánh giá cao việc Đức Giáo Hoàng Leo khuyến khích sự phân định rõ ràng hơn về AI thay vì bác bỏ nó.

“Đức Giáo Hoàng Leo khẳng định rằng việc phớt lờ, sợ hãi và bác bỏ AI là không thực tế bởi vì AI là một phần của thực tại chúng ta và đang ngày càng phổ biến trong hầu hết mọi khía cạnh của cuộc sống,” Cha Spitzer nói với tờ Register. “Do đó, chúng ta phải tìm cách tích hợp AI vào cuộc sống cá nhân và cộng đồng của mình theo cách sẽ dẫn đến phẩm giá và sự thịnh vượng của con người hơn là sự suy thoái và giảm sút.”

Lời Kêu Gọi Trách Nhiệm

Paolo Carozza, giáo sư luật tại Đại học Notre Dame và chuyên gia về nhân quyền, đồng chủ tịch Hội đồng Giám sát của Meta - cơ quan kiểm tra độc lập các quyết định kiểm duyệt nội dung của gã khổng lồ kỹ thuật - cũng đánh giá *Magnifica Humanitas* không phải là “một văn kiện chống kỹ thuật”, mà là một văn kiện “kêu gọi mỗi chúng ta tự xem xét mối quan hệ cá nhân của mình với dự án kỹ thuật đang biến đổi thế giới xung quanh chúng ta”.

Carozza cho rằng điểm mấu chốt thực sự của thông điệp không phải là phán xét xem trí tuệ nhân tạo (AI) tự thân là tốt hay xấu, mà là khẩn thiết kêu gọi tất cả mọi người - đặc biệt là những người có quyền lực đối với cách thức phát triển và triển khai AI - hãy xem xét liệu nó có giúp ích cho cá nhân và cộng đồng hay không. Liệu nó có trở nên nhân bản, công bằng và có sự tham gia hơn, hay thay vào đó lại thúc đẩy sự loại trừ, kiểm soát và bất bình đẳng?

“Cuối cùng, đây là một văn bản rất lạc quan, chứ không phải là một văn bản bi quan. [Đức Leo] khẳng định rằng tiến bộ đạo đức ở đây là có thể, và những hậu quả tiêu cực của kỹ thuật AI là không thể tránh khỏi về lâu về dài,” Carozza nói. “Ngài kêu gọi chúng ta lấy lại quyền tự chủ đạo đức của mình trước những thách thức. Nhưng chúng ta chỉ có thể làm được điều đó nếu chúng ta nghiêm túc nhìn nhận kịch tính và tính nghiêm trọng của câu hỏi đang cấp bách ở trước mắt: Chúng ta đang xây dựng một thế giới như thế nào? Một thế giới của sự kiêu ngạo, sùng bái thần tượng, luận lý học của quyền lực, bóc lột và nô dịch? Hay một thế giới của sự hợp tác, chăm sóc lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau và tình yêu thương?”

Mô tả *Magnifica Humanitas* là “một *Nova Rerum Novarum*” (một Tân sự mới), triết gia Steven Umbrello nói với tờ Register rằng ông thấy thông điệp này có sự tiếp nối sâu sắc và có chủ ý với Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong việc bác bỏ “mô hình kỹ trị” — một thế giới quan “tìm cách giản lược mọi thứ thành đối tượng để thống trị” — mà người tiền nhiệm của Đức Giáo Hoàng Leo đã chỉ ra trong thông điệp *Laudato Si’* năm 2015.

Umbrello, giám đốc điều hành của Viện Đạo đức và Kỹ thuật mới nổi tại Đại học Turin, cho biết ông rất ngạc nhiên và vui mừng khi thấy Đức Giáo Hoàng Leo bày tỏ sự quan tâm đến nhiều người lao động được trả lương thấp, những người phải làm công việc mệt mỏi cần thiết để đào tạo và duy trì các mô hình AI. Theo Umbrello, hầu hết những người làm công việc gắn nhãn dữ liệu và kiểm duyệt nội dung cho chatbot ở Thung lũng Silicon là “những người trẻ tuổi, chủ yếu là phụ nữ, phần lớn ở các nước đang phát triển”.

Họ phải xem những tài liệu gây khó chịu trong nhiều giờ, thường chỉ với vài xu, để mô hình trong bản demo sản phẩm nghe có vẻ thân thiện”, Umbrello nói. Ông nói rằng “đối với những độc giả Công Giáo giàu có ở phương Tây, những người sử dụng các công cụ này mà không nghĩ đến việc ai đã tạo ra chúng”, việc thông điệp của Đức Giáo Hoàng thừa nhận sự bóc lột lao động trong ngành công nghiệp trí tuệ nhân tạo (Đoạn 173) “nên khiến họ trần trụi suốt đêm”.

Đóng góp độc đáo nhất của văn kiện này, theo Umbrello, là đánh giá của Đức Giáo Hoàng Leo về nỗ lực của một số người trong giới thể tục nhằm “điều chỉnh” trí tuệ nhân tạo cho phù hợp với các giá trị nhân bản, điều mà Đức Giáo Hoàng cảnh báo sẽ không hữu hiệu nếu đạo đức bị chi phối bởi tầm nhìn đạo đức của một vài cá nhân và công ty, từ đó tạo ra một “cơ sở hạ tầng vô hình”. Đức Giáo Hoàng Leo nhận ra rằng bất cứ tiêu chuẩn đạo đức nào được tích hợp vào trí tuệ nhân tạo đều phải được thảo luận công khai và tuân theo các tiêu chuẩn công bằng xã hội, Umbrello nói.

Con người vĩ đại hơn máy móc

Cha Umbrellalo, người gần đây đã nói chuyện với tờ Register về hy vọng rằng Cha Bernard Lonergan thuộc dòng Tên có thể được trích dẫn trong thông điệp của Giáo hoàng — điều này đã không xảy ra — tuy nhiên vẫn đánh giá cao nhận định của Đức Giáo Hoàng Leo về sự khác biệt giữa trí tuệ con người và hệ thống trí tuệ nhân tạo, cụ thể là hệ thống trí tuệ nhân tạo “không hiểu những gì chúng tạo ra, vì chúng thiếu góc nhìn về tình cảm, mối quan hệ và tâm linh mà qua đó con người trưởng thành trong sự khôn ngoan.”

Thông điệp có một phần về khái niệm siêu nhân bản — ý tưởng cho rằng bản chất con người có thể được vượt qua hoặc hoàn thiện bởi các can thiệp kỹ thuật khác nhau. Cảnh báo rằng việc cố gắng tối ưu hóa nhân tính thông qua kỹ thuật sẽ bỏ lại những người dễ bị tổn thương phía sau, thay vào đó, Đức Giáo Hoàng đã suy gẫm về sự kiện này là tính hữu hạn và yếu

đuổi của các tạo vật cho phép chúng ta “nắm bắt khả năng vượt lên chính mình thông qua ân sủng của Thiên Chúa.”

Cha Michael Baggot thuộc dòng Đạo Binh (Legionaries), phó giáo sư đạo đức sinh học tại Học viện Giáo hoàng Regina Apostolorum ở Rome, cho biết ngài rất vui khi thấy khái niệm này được đề cập trong thông điệp. Cha Baggot, người đã viết rất nhiều về chủ nghĩa siêu nhân bản, cho biết nó ảnh hưởng đến cách một số nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn trong thế giới kỹ thuật suy nghĩ và định hình các kỹ thuật mới nổi, bao gồm cả trí tuệ nhân tạo (AI), với một số nhà lãnh đạo tiếp tục đề xuất rằng con người nên hòa nhập sâu hơn với các hệ thống AI.

Chủ nghĩa siêu nhân bản xuất hiện trong Magnifica Humanitas không phải theo cách hoàn toàn bác bỏ ý tưởng này và những khát vọng cao cả của nó, nhưng Đức Giáo Hoàng vẫn dạy rõ ràng rằng chủ nghĩa siêu nhân bản thể tục bằng lòng với quá ít, cha nói tiếp.

Thay vào đó, Cha Baggot nói rằng Đức Giáo Hoàng Leo đưa ra “một đề xuất phản biện rất tích cực”: tham gia vào bản chất thiêng liêng của Chúa chứ không chỉ đơn thuần là sự kéo dài vô thời hạn của cuộc sống trần thế, nhận ra rằng “chúng ta là những sinh vật có thân xác thực sự phát triển mạnh mẽ, không phải bất chấp, mà là trong và thông qua những điểm yếu của chúng ta.” Thân thể con người không phải là trở ngại cho sự tiến bộ của chúng ta, mà là một phần thiết yếu trong cách Chúa tạo ra chúng ta, cha nói tiếp.

“Những điểm yếu của con người, kinh nghiệm về giới hạn, về sự yếu đuối của chúng ta, thường là cơ hội để trưởng thành trong nhân đức,” vị linh mục nói, chẳng hạn như khi chúng ta học được từ kinh nghiệm đau khổ để quay trở lại với Chúa, hoặc thể hiện lòng thương xót đối với một người đang cần giúp đỡ.

4. Bản Hướng dẫn đọc Thông điệp Magnifica Humanitas [Nhân loại vĩ đại] của Đức Giáo Hoàng Leo XIV về việc bảo vệ phẩm giá con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo.

Vũ Văn An

27/May/2026



Đức Giáo Hoàng Leo XIV cử hành Thánh lễ nhậm chức tại Quảng trường Thánh Phêrô vào ngày 19 tháng 5 năm 2025. © Mazur/cbcew.org.uk.

Luke Coppen, trong bản tin ngày 26 tháng 5 năm 2026 của tạp chí The Pillar, cho biết: Trong thông điệp đầu tiên được mong đợi từ lâu, được công bố vào thứ Hai, Đức Giáo Hoàng Leo

XIV trình bày một kế hoạch chi tiết để bảo vệ phẩm giá con người trong thời đại cách mạng kỹ thuật.

“Nhân loại vĩ đại” áp dụng các nguyên tắc của giáo huấn xã hội Công Giáo vào những thách thức mới do trí tuệ nhân tạo đặt ra trong các lĩnh vực giáo dục, chính trị, việc làm và chiến tranh.

Văn kiện này nhắm vào các triết lý kỹ thuật của thế kỷ 21 về “chủ nghĩa siêu nhân bản” và “chủ nghĩa hậu nhân bản”, lập luận rằng tiềm năng của con người được hiện thực hóa trọn vẹn trong Chúa Kitô và Giáo hội của Người.

Thông điệp giáo hoàng — dài khoảng 38,000 từ và mất từ hai đến ba giờ để đọc — cũng bao gồm một sự thừa nhận đáng chú ý về sự chậm trễ của Giáo hội trong việc lên án thẳng thừng chế độ nô lệ, đồng thời kêu gọi những nỗ lực mới để loại bỏ các điều kiện giống như nô lệ trong nền kinh tế kỹ thuật số.

Dưới đây là bản hướng dẫn để đọc thông điệp của ngài:

Đâu là bối cảnh?

Ngay sau khi được bầu chọn, Đức Leo XIV đã giải thích lý do tại sao ngài chọn tên giáo hoàng được Đức Leo XIII sử dụng trước đó, người nổi tiếng vì đã áp dụng giáo lý Công Giáo vào những biến động xã hội của thế kỷ 19 trong thông điệp *Rerum novarum* (“Về những điều mới mẻ”).

Đức Leo XIV nói rằng lý do chính cho việc lựa chọn tên của ngài là vì trong *Rerum novarum*, Đức Leo XIII đã “đề cập đến vấn đề xã hội trong bối cảnh cuộc cách mạng kỹ nghệ vĩ đại đầu tiên”.

“Trong thời đại của chúng ta,” vị Giáo hoàng đầu tiên sinh ra tại Hoa Kỳ nói, “Giáo hội trao tặng cho mọi người kho tàng giáo huấn xã hội của mình để đáp lại một cuộc cách mạng kỹ nghệ khác và những phát triển trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, những điều đặt ra những thách thức mới cho việc bảo vệ phẩm giá con người, công lý và lao động.”

Từ đó trở đi, các nhà bình luận dự đoán rằng Đức Leo XIV sẽ đề cập đến chủ đề trí tuệ nhân tạo trong văn kiện giáo huấn quan trọng đầu tiên của ngài.

Thông điệp *Magnifica humanitas* được ký vào ngày 15 tháng 5 năm 2026, kỷ niệm 135 năm ngày công bố *Rerum novarum*. Thông điệp mới, với phụ đề “Về việc bảo vệ con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo”, được công bố vào ngày 25 tháng 5, lễ Đức Mẹ, Mẹ của Giáo hội, được cử hành vào ngày sau Chúa nhật Chúa nhật Ngũ Tuần.

Hãy xem văn bản nói gì.

Dẫn nhập

Theo truyền thống lâu đời, thông điệp lấy tựa đề tiếng Latinh từ phần mở đầu của văn bản. Câu đầu tiên, trong bản dịch tiếng Anh, là: “Nhân loại, được Thiên Chúa tạo dựng trong tất cả sự vĩ đại của mình, ngày nay đang đối diện với một sự lựa chọn then chốt: hoặc xây dựng một Tháp Babel mới hoặc xây dựng thành phố nơi Thiên Chúa và nhân loại cùng chung

sống.”

Phản Dẫn nhập giải thích lý do tại sao Giáo hội, với sứ mệnh rao giảng ơn cứu độ trong Chúa Kitô, lại quan tâm sâu sắc đến các vấn đề xã hội. Nó định nghĩa học thuyết xã hội của Giáo hội, mà thông điệp *Rerum novarum* đã mang vào thời đại hiện đại, là “một kho tàng chân lý sống động bảo vệ và giải thích ơn gọi của nhân loại hướng đến một cuộc sống trọn vẹn và công chính,” chứ không phải là “một tập hợp các khái niệm bất động.”

Phản Dẫn nhập mang đậm tính chất lấy Chúa Kitô làm trung tâm, nhắc đến Chúa Kitô ba lần.

Những điều mới mẻ của thời đại chúng ta, Đức Leo XIV lưu ý rằng thông điệp của Đức Leo XIII đã đề cập đến “những điều mới mẻ” (*res novae*) của thời đại ngài. Thời đại của chúng ta đang được chuyển đổi bởi “kỹ thuật số hóa, trí tuệ nhân tạo và robot.” Chúng ta được kêu gọi tham gia vào “một quá trình phân định chung để xác định cội nguồn tâm linh và văn hóa của những biến đổi đang diễn ra.”

Hai hình ảnh Kinh Thánh: Đức Giáo Hoàng Leo trở lại với sự lựa chọn mà ngài đã trình bày trong câu mở đầu, giữa Tháp Baben và việc xây dựng một thành phố với sự hợp tác của Thiên Chúa. Ngài gợi ý rằng một câu chuyện Kinh Thánh có thể soi sáng lựa chọn thứ hai: việc xây dựng lại các bức tường thành Giêrusalem bởi nhà tiên tri Nơ-khe-mi-a, được mô tả trong Sách Nơ-khe-mi-a. Ngài lưu ý rằng cuốn sách cho thấy thành phố được tái sinh “không phải do sáng kiến của một người, mà là do trách nhiệm chung của tất cả mọi người.”

Đức Giáo Hoàng kêu gọi độc giả tránh “hội chứng Baben,” được đánh dấu bởi lòng tham và sự tìm kiếm ảo tưởng về một ngôn ngữ duy nhất, và thay vào đó hãy đón nhận “con đường của Nơ-khe-mi-a.”

Xây dựng vì lợi ích chung: Leo XIV nói rằng có bốn điều kiện tiên quyết để xây dựng một thành phố vì lợi ích chung: một mối quan hệ bền chặt với Thiên Chúa, sự chấp nhận những yếu đuối của con người, trách nhiệm chung và “một ngôn ngữ Tin Mừng.” Ngôn ngữ này được đánh dấu bằng lời nói rõ ràng và thẳng thắn, tránh “những từ ngữ làm nhục hoặc đối kháng.”

Mãi là nhân bản: Đức Giáo Hoàng kêu gọi các tín hữu Công Giáo, các Kitô hữu khác và tất cả những người thiện chí “hãy từ bỏ việc xây dựng một Tháp Baben khác và cùng nhau chung tay xây dựng lợi ích chung.”

Chương một

Chương đầu tiên, có tựa đề “Một cách tiếp cận năng động trung thành với Tin Mừng,” trình bày các nguyên tắc cơ bản của giáo huấn xã hội Công Giáo và giải thích cách các Giáo hoàng đã áp dụng chúng giữa sự hỗn loạn của thời đại hiện đại.

Đức Giáo Hoàng Leo XIV nói rằng bằng cách giải thích sự phát triển của học thuyết xã hội, ngài hy vọng sẽ thách thức quan niệm cho rằng đó là “sự can thiệp không đáng có vào các vấn đề ‘thế tục’” hoặc “một bộ quy tắc đạo đức bên ngoài được áp đặt từ trên xuống”.

Một Giáo hội lữ hành xuyên suốt lịch sử loài người. Dựa vào hình ảnh trung tâm của Công đồng Vatican II (1962-1965), Đức Giáo Hoàng trình bày Giáo hội như là người bạn đồng hành của nhân loại trên con đường lịch sử.

Trong khi tôn trọng tự do của con người và sự phân biệt giữa lĩnh vực chính trị và giáo hội, Giáo hội “ủng hộ với lòng khiêm nhường và kiên định những lựa chọn thúc đẩy phẩm giá của mỗi người, sự gắn kết của các cộng đồng và lợi ích chung của tất cả mọi người”.

Sự khôn ngoan của Lời Chúa trong đối thoại với khoa học nhân văn. Đức Giáo Hoàng Leo XIV nói rằng Giáo hội cam kết đối thoại với khoa học, điều này giúp làm sắc bén sự hiểu biết của Giáo hội về thời đại hiện nay và hoàn thiện việc trình bày Tin Mừng cho các thế hệ ngày nay.

Giáo hội đưa ra học thuyết xã hội như là “nền tảng cho sự phân định tập thể”, đồng thời tôn trọng các đặc quyền của các thể chế chính trị.

Học thuyết xã hội như một sự phân định chung. Đức Giáo Hoàng Leo nhấn mạnh rằng Giáo hội không tìm kiếm ảnh hưởng thế tục thông qua học thuyết xã hội của mình. Ngài nhắc đến nguyên tắc nổi tiếng của Đức Giáo Hoàng Phanxicô rằng “thời gian lớn hơn không gian” và hình ảnh về thực tại của vị tiền nhiệm như “một khối đa diện đa chiều”.

Học thuyết xã hội không cung cấp những câu trả lời có sẵn áp dụng cho mọi thời đại. Nó là “một quá trình phân định chung”, chứ không phải là “một cuốn cẩm nang về các nguyên tắc và chuẩn mực”.

Sự phát triển của học thuyết xã hội từ Leo XIII đến nay. Đức Giáo Hoàng Leo nói rằng bản tóm tắt của ngài về sự tiến hóa của tư tưởng xã hội Công Giáo sẽ không đầy đủ.

Những giai đoạn đầu tiên của học thuyết xã hội của Giáo hội. Đức Giáo Hoàng Piô XII đã đặt ra cụm từ “học thuyết xã hội của Giáo hội” vào năm 1950. Nhưng Đức Leo XIV lưu ý rằng nguồn gốc của giáo huấn xã hội Công Giáo nằm sâu trong Kinh Thánh và các Giáo phụ thời kỳ đầu của Giáo hội.

Tuy nhiên, với việc công bố Rerum novarum năm 1891, học thuyết xã hội “bắt đầu hình thành như một hệ thống hữu cơ của giáo huấn xã hội”.

Thế giới đã thay đổi rất nhiều sau 135 năm. Nhưng Đức Giáo Hoàng Leo nói rằng hai trong số những hiểu biết sâu sắc của thông điệp vẫn đặc biệt phù hợp: “sự ưu tiên lao động của con người hơn bất cứ tư duy nào chỉ tập trung vào tài chính hoặc năng suất” và “mối liên hệ không thể tách rời giữa việc rao giảng Tin Mừng và theo đuổi một trật tự xã hội công bằng hơn”.

Trong những năm của Công đồng Vatican II, Đức Giáo Hoàng Leo XIV ghi nhận công lao của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII trong việc nâng cao tư tưởng xã hội Công Giáo bằng cách nhấn mạnh “chiều kích toàn cầu của các vấn đề xã hội và ngôn ngữ của các quyền lợi”.

Với văn kiện *Gaudium et spes*, Công đồng Vatican II đã đạt được một bước đột phá hơn nữa bằng cách đề xuất một “phương pháp phân định mời gọi chúng ta diễn giải những thay đổi lịch sử được hướng dẫn bởi Tin Mừng và chuyên môn của con người”.

Trong Huấn quyền gần đây, Đức Giáo Hoàng Leo tóm tắt những đóng góp của các Đức Giáo Hoàng Phaolô II, Bênêđictô XVI và Phanxicô. Ngài ghi nhận công lao của vị giáo hoàng người Argentina trong việc đưa ra “việc xử lý có hệ thống quan trọng đầu tiên về cuộc khủng

hoảng môi trường trong một thông điệp xã hội”, *Laudato si’* năm 2015.

Giải thích lịch sử dưới ánh sáng đức tin: Đức Giáo Hoàng Leo XIV nhấn mạnh rằng giáo huấn xã hội Công Giáo là một hệ tư tưởng luôn luôn phát triển, mô tả sự phát triển của nó là “hài hòa, mặc dù không phải lúc nào cũng tuyến tính”.

Chương hai

Chương thứ hai, “Nền tảng và nguyên tắc của học thuyết xã hội của Giáo hội”, khám phá “tập hợp các chân lý bất biến cốt lõi” nằm ở trung tâm tư tưởng xã hội Công Giáo.

Con người: hình ảnh của Thiên Chúa Ba Ngôi: Đức Giáo Hoàng Leo nói rằng học thuyết xã hội của Giáo hội dựa trên sự hiểu biết rằng mỗi con người được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa Ba Ngôi. Mỗi người đều “được Thiên Chúa hoạch định và muốn để hiệp thông với Người, với người khác và với tạo thế”.

Phẩm giá bình đẳng của mọi hữu thể nhân bản: Tư tưởng xã hội Công Giáo cũng dựa trên quan niệm cho rằng tất cả mọi con người đều có phẩm giá bẩm sinh không bao giờ có thể bị xóa bỏ.

Giá trị tối cao của nhân quyền: Đức Giáo Hoàng nói rằng Giáo hội đánh giá cao sự công nhận nhân quyền của thời đại hiện đại, được điển hóa trong Tuyên ngôn Toàn cầu về Nhân quyền năm 1948 của Liên Hợp Quốc. Nhưng ngài than thở rằng, trên thực tế, quyền của nhiều người — đặc biệt là phụ nữ — vẫn tiếp tục không được công nhận.

Nguyên tắc lợi ích chung. Đức Giáo Hoàng nói rằng “lợi ích chung” là một nguyên tắc nền tảng của học thuyết xã hội của Giáo hội. Khái niệm này không nên được hiểu là “tổng lợi ích cá nhân”, mà là “một lợi ích lớn hơn thuộc về tất cả mọi người”. Lợi ích chung chỉ có thể phát triển mạnh mẽ thông qua những nỗ lực tập thể phối hợp.

Nguyên tắc đích đến phổ quát của của cải. Đức Giáo Hoàng Leo XIV nhận thấy rằng, mặc dù quyền sở hữu tư nhân hiện hữu, “nó luôn luôn phụ thuộc vào đích đến phổ quát của của cải”. Điều này có nghĩa là không chỉ của cải vật chất mà cả “của cải phi vật chất và văn hóa” cũng nhằm mang lại lợi ích cho toàn thể nhân loại, chứ không phải cho một số ít người được chọn.

Nguyên tắc phụ đới. Đức Giáo Hoàng Leo nhắc lại rằng Giáo hội từ lâu đã nhấn mạnh rằng có những giới hạn đối với quyền lực nhà nước. Nhà nước phải tôn trọng tự do và trách nhiệm của gia đình và cá nhân, mà không tìm cách thay thế họ. Khi làm như vậy, các chính phủ thừa nhận khái niệm phụ đới.

Đức Giáo Hoàng nói rằng nguyên tắc này đặc biệt phù hợp trong bối cảnh cuộc cách mạng kỹ thuật số, trong đó các công ty tư nhân đang độc chiếm “chuyên môn, dữ liệu và quyền ra quyết định”, đồng thời định nghĩa “các điều kiện tiếp cận, quy tắc hiển thị, hình thức tương tác và thậm chí cả cơ hội kinh tế”.

Nguyên tắc liên đới: Liên quan chặt chẽ với nguyên tắc phụ đới là khái niệm liên đới: “sự thừa nhận cụ thể rằng tương lai của mỗi cá nhân gắn liền với tương lai của tất cả mọi người”.

Nguyên tắc công bằng xã hội: Đức Giáo Hoàng Leo định nghĩa việc tìm kiếm công bằng xã

hội là “một cách cụ thể để noi theo Chúa Giêsu và trung thành với Tin Mừng”, chứ không phải là theo đuổi một chương trình ý thức hệ.

Phần đầu vì công bằng xã hội có nghĩa là giúp xây dựng một trật tự “cho phép mọi người – đặc biệt là những người yếu thế nhất – sống một cuộc sống thực sự có phẩm giá, không bỏ lại ai phía sau”.

Sự phát triển toàn diện của con người: Đối với Giáo hội, sự phát triển thực sự không chỉ liên quan đến phúc lợi vật chất, mà là sự hiện thực hóa đầy đủ tiềm năng của con người, “trong các khía cạnh tinh thần, văn hóa, đạo đức và quan hệ”.

Một cuộc tự vấn lương tâm cho Giáo hội: Đức Giáo Hoàng Leo kêu gọi các tín hữu Công Giáo tự vấn lương tâm về việc họ áp dụng các nguyên tắc xã hội này tốt đến mức nào trong cuộc sống hàng ngày.

Ngài nói rằng “lắng nghe các nạn nhân của sự lạm dụng về tinh thần, kinh tế, định chế, tình dục và quyền lực, cũng như lạm dụng lương tâm, là một phần không thể thiếu của hành trình hướng tới công lý.” Con đường này “bao gồm việc thừa nhận những tổn hại đã gây ra, sự đền bù công bằng và thực hiện các bước để ngăn chặn điều đó xảy ra lần nữa.”

Chương ba

Chương thứ ba, “Kỹ thuật và sự thống trị: Sự vĩ đại của nhân loại dưới ánh sáng của những lời hứa hẹn từ trí tuệ nhân tạo,” áp dụng các nguyên tắc của giáo huấn xã hội Công Giáo vào một xã hội thế kỷ 21 đang vật lộn với sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo.

Mô hình kỹ trị và quyền lực kỹ thuật số: Đức Giáo Hoàng Leo nhấn mạnh điều mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi là “mô hình kỹ trị,” coi trọng hiệu năng, sự kiểm soát và lợi nhuận. Ngài trích dẫn linh mục người Đức Romano Guardini, một nhà tư tưởng được các giáo hoàng gần đây yêu mến, người đã nói: “Con người đương thời chưa được đào tạo để sử dụng quyền lực một cách tốt đẹp.”

Đức Giáo Hoàng Leo XIV lưu ý đến “sự tập trung quyền lực” trong thời đại kỹ thuật số, nơi ảnh hưởng nằm trong tay một số ít người và thường hoạt động một cách mờ ám.

Trí tuệ nhân tạo (AI): Với sự phát triển nhanh chóng của AI, bất cứ cuộc thảo luận nào về đặc điểm của nó đều có thể nhanh chóng trở nên lỗi thời, Đức Giáo Hoàng nhận xét. Ngay cả những người tạo ra hệ thống AI cũng không hoàn toàn hiểu về chúng. Không có một định nghĩa duy nhất đầy đủ về AI. Tất cả những điều này khiến việc giải quyết hiện tượng này trở nên khó khăn.

Đức Giáo Hoàng Leo XIV khẳng định AI không tương đương với trí tuệ con người. Nó chỉ đơn thuần là bất chước, ngay cả khi nó có khả năng xử lý dữ liệu trong một phân nhỏ thời gian so với con người.

“Cái gọi là trí tuệ nhân tạo không trải qua kinh nghiệm, không có thân thể, không cảm nhận được niềm vui hay nỗi đau, không trưởng thành qua các mối quan hệ, và không biết từ bên trong ý nghĩa của tình yêu, việc làm, tình bạn hay trách nhiệm là gì,” ngài viết.

“Chúng cũng không có lương tâm đạo đức, vì chúng không phán xét thiện ác, không nắm bắt

được ý nghĩa cuối cùng của các tình huống, hoặc chịu trách nhiệm về hậu quả.”

Một công cụ quý giá đòi hỏi sự cảnh giác. Đức Giáo Hoàng Leo kêu gọi một cách tiếp cận “có chừng mực và cảnh giác” đối với kỹ thuật mới này. Ngài khuyên người dùng không nên quá phụ thuộc vào AI, chấp nhận những lời nhắc nhở của nó một cách thiếu phê phán, hoặc hình thành mối liên kết tình cảm với nó.

Ngài thừa nhận rằng “những lời khuyên, sự đồng cảm, tình bạn và thậm chí cả tình yêu” của AI có thể “hấp dẫn và đôi khi thực sự hữu ích”. Nhưng chúng đánh lừa những người dùng thiếu sáng suốt tin rằng họ đang thiết lập “mối quan hệ với một chủ thể có bản vị thực sự”.

Đức Giáo Hoàng kêu gọi những nỗ lực mới để giảm sự phụ thuộc của các trung tâm dữ liệu vào lượng năng lượng và nước khổng lồ.

Trách nhiệm, tính minh bạch và quản trị AI. Đức Giáo Hoàng Leo XIV nói rằng có nguy cơ chấp nhận các hệ thống AI là trung lập về mặt đạo đức, trong khi trên thực tế chúng phản ánh những giả định của người tạo ra chúng.

Phải có khả năng xác định ai chịu trách nhiệm về các quyết định liên quan đến AI, và “khi cần thiết, hãy thách thức họ và khắc phục bất cứ thiệt hại nào gây ra”. Nếu yêu cầu này làm chậm sự phát triển của AI, thì đó là cái giá đáng phải trả cho hạnh phúc của con người.

Việc điều chỉnh các hệ thống AI phù hợp với các giá trị của con người là chưa đủ, Đức Giáo Hoàng lập luận. Điều mà kỹ thuật mới thực sự cần là “sự can thiệp chính trị tích cực hơn, có khả năng làm chậm mọi thứ lại khi mọi thứ đang tăng tốc.”

Ngài nói rằng sự tập trung quyền lực trong thế giới kỹ thuật số cần được đối phó “bằng các tiêu chuẩn rõ ràng và sự giám sát hữu hiệu.” Dữ liệu nên được coi là “một tài sản chung hoặc được chia sẻ,” chứ không phải chỉ nằm trong tay tư nhân.

Trong đoạn 109, ngài đã áp dụng một cách ngắn gọn từng nguyên tắc xã hội Công Giáo vào trí tuệ nhân tạo.

Cam kết đối với lợi ích chung có nghĩa là “vạch trần hình thức bất đối xứng về nhận thức, kinh tế và chính trị mới này và nêu tên các thể độc quyền mới của trí tuệ nhân tạo.”

Nhận thức về đích đến phổ quát của hàng hóa có nghĩa là “tìm cách đảm bảo quyền truy cập phổ quát vào cả kỹ thuật lẫn nền giáo dục cần thiết để sử dụng chúng.”

Thúc đẩy nguyên tắc phụ đới “kêu gọi bảo vệ khả năng của cộng đồng trong việc đưa ra lựa chọn và điều chỉnh.”

Phát triển trong tình liên đới “buộc chúng ta phải nhận ra những người lao động thầm lặng, thường bị bóc lột, những người duy trì các hệ thống thuật toán.”

Theo đuổi công lý “đòi hỏi phải đặt câu hỏi về sự phân bổ quyền lực toàn cầu quyết định ai thực sự có thể đào tạo các mô hình này và ai chỉ đơn thuần là bị lệ thuộc vào chúng.”

Điều không được đánh mất: Đức Giáo Hoàng Leo nói rằng kỹ thuật mới khuyến khích chúng ta nhìn nhận bản thân như “một dự án cần được tối ưu hóa hơn là những con người

được kêu gọi đến mối quan hệ và sự hiệp thông.” Khi trí tuệ được coi trọng hơn tất cả các khía cạnh khác của cuộc sống, mục đích thực sự của nó là nâng cao sự tồn tại của con người sẽ bị mất đi.

Những câu chuyện ngầm: chủ nghĩa siêu nhân bản và chủ nghĩa hậu nhân bản. Đức Leo XIV xây dựng dựa trên sự phê phán hai triết lý thế kỷ 21 được trình bày trong tài liệu tháng 2 năm 2026 của Ủy ban Thần học Quốc tế “*Quo vadis, humanitas?*”

Một mặt, có chủ nghĩa siêu nhân bản, “hình dung việc nâng cao con người thông qua kỹ thuật.” Mặt khác là chủ nghĩa hậu nhân bản, tìm kiếm “sự lai tạo giữa con người, máy móc và môi trường” để tạo ra một giai đoạn tiến hóa mới cho các dạng sống trên Trái đất.

Giáo hội nhận thấy trong cả hai triết lý đều có áp lực “phải chấp nhận rằng một số sinh mạng ít hữu ích hơn, ít đáng mong muốn hơn hoặc ít giá trị hơn”. Giáo hội lo sợ rằng “nhân danh sự tiến bộ, những ‘sự hy sinh cần thiết’ có thể bắt đầu được biện minh, đặt gánh nặng lên những người dễ bị tổn thương nhất trong quá trình theo đuổi sự tối ưu hóa được cho là của loài người”.

Giới hạn, trái tim, sự vĩ đại của con người. Đức Giáo Hoàng Leo nói rằng ngày nay người ta thường coi những giới hạn của con người, như “sự bất lực, bệnh tật, tuổi già, đau khổ, yếu đuối,” như một sai lầm cần được sửa chữa. Tuy nhiên, đức tin chấp nhận sự hữu hạn.

Ngài viết: “Loại bỏ hoàn toàn đau khổ cuối cùng cũng có nghĩa là dập tắt cả tình yêu và khát vọng.”

Việc đối diện với những giới hạn của chúng ta mở lòng chúng ta đến với Chúa và với tha nhân. Nó cũng có thể truyền cảm hứng cho những tác phẩm nghệ thuật mà Đức Leo XIV gọi là “tiên tri”, chẳng hạn như Bản giao hưởng số 9 của Beethoven, bức tranh “Guernica” của Picasso và phim “Schindler’s List” của Steven Spielberg.

Đức Giáo Hoàng nêu bật những cá nhân đã thay đổi lịch sử bằng việc bảo vệ phẩm giá con người: Martin Luther King, Jr., Nelson Mandela, Thánh Laura Montoya, Thánh Teresa thành Calcutta, Dorothy Day, Marie Skłodowska-Curie, Maria Montessori, nhà truyền giáo Tin Lành người Mỹ Elisabeth Elliot, nhà hoạt động môi trường người Kenya Wangari Maathai, và cựu thủ tướng Pakistan Benazir Bhutto.

Ngài cũng ca ngợi các “vị tử đạo của tình huynh đệ và công lý” Thánh Maximilian Kolbe, Thánh Oscar Romero, và Chân phước Enrique Angelelli, cũng như **Hồng Y người Việt Nam Phanxicô Xavier Nguyễn Văn Thuận.**

Sự “vượt trên cả con người” đích thực: ân sủng và chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo. Đức Giáo Hoàng Leo XIV lập luận rằng Kitô giáo mang đến một tầm nhìn thuyết phục hơn về sự biến đổi con người, trong đó chúng ta được nâng lên trên những giới hạn của mình bởi ân sủng của Chúa.

“Đối với một thuật toán, lỗi là một khiếm khuyết cần được sửa chữa; Tuy nhiên, đối với một người, một sai lầm có thể là chất xúc tác cho sự thay đổi sâu sắc,” ngài viết.

Hai thành phố và hai tình yêu. Đức Giáo Hoàng Leo quay trở lại sự lựa chọn được nêu ra ở đầu thông điệp. Ngài nhắc lại rằng Thánh Augustinô thành Hippo, người đã truyền cảm hứng

cho dòng tu mà Đức Giáo Hoàng vốn thuộc về, đã tóm tắt lịch sử như một cuộc đấu tranh giữa hai tình yêu: “một mặt, tình yêu Thiên Chúa và tha nhân; mặt khác, tình yêu ích kỷ chỉ dành cho bản thân.”

Ngài nói rằng cuộc chiến vẫn tiếp diễn trong thời đại trí tuệ nhân tạo, và chúng ta phải lựa chọn giữa việc xây dựng tháp Babel và xây dựng lại Giêrusalem.

Chương bốn

Chương thứ tư, “Bảo vệ nhân loại trong thời kỳ chuyển đổi: sự thật, việc làm, tự do,” tập trung vào hậu quả của cuộc cách mạng kỹ thuật số.

Sự thật và dân chủ. Đức Giáo Hoàng Leo XIV thừa nhận rằng internet đang làm thay đổi đáng kể diễn ngôn công cộng và thông điệp chính trị. Khả năng lan truyền những điều sai sự thật đe dọa các nền dân chủ, vốn phụ thuộc vào việc tìm kiếm sự thật đích thực. Giáo hoàng trích dẫn triết gia thế kỷ 20 Hannah Arendt, người nói rằng chủ thể lý tưởng của một chế độ độc tài là chủ thể không còn nhận ra sự khác biệt giữa đúng và sai.

Truyền thông và trí tưởng tượng tập thể. Đức Giáo Hoàng nói rằng những người phụ trách các phương tiện truyền thông có trách nhiệm đặc biệt trong việc theo đuổi sự thật và bảo vệ phẩm giá con người.

Hướng tới một hệ sinh thái truyền thông. Đức Giáo Hoàng Leo kêu gọi thúc đẩy một “hệ sinh thái truyền thông” bao gồm tính minh bạch cao hơn về việc ra quyết định liên quan đến nội dung, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thúc đẩy “báo chí nghiêm túc” và tạo ra các diễn đàn cho các cuộc tranh luận chân thực.

Đức Giáo Hoàng nói rằng Giáo hội cũng phải cam kết về việc truyền đạt thông tin minh bạch, cảm ơn các nhà báo đã giúp phơi bày những bất công và lạm dụng trong Giáo hội.

Một liên minh giáo dục cho thời đại kỹ thuật số: Trước những nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tác động tiêu cực của mạng xã hội đối với trẻ em, Đức Giáo Hoàng Leo XIV bày tỏ sự ủng hộ đối với những nỗ lực của chính phủ trong việc đặt ra giới hạn độ tuổi phù hợp, buộc các nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm về nội dung và tăng cường bảo vệ chống lại các mối đe dọa trực tuyến. Bóc lột tình dục và bạo lực.

Vai trò trung tâm của trường học: Đức Giáo Hoàng nói rằng thế giới giáo dục có nguy cơ bị trí tuệ nhân tạo (AI) lấn át, gây tổn hại đến sự phát triển của trẻ em. Ngài kêu gọi một “liên minh giáo dục đổi mới” giữa gia đình, trường học, giáo xứ và các tổ chức công cộng để giúp đào tạo giới trẻ sử dụng AI một cách khôn ngoan và tôn trọng người khác.

Giá trị của việc làm: Đức Giáo Hoàng Leo nhắc lại giá trị cao mà Giáo hội đặt vào lao động. Tự động hóa, robot và AI có thể “làm giảm kỹ năng của người lao động, khiến họ bị giám sát tự động và bị đẩy vào những công việc cứng nhắc và lặp đi lặp lại”.

Vấn đề thất nghiệp: Đức Giáo Hoàng Leo XIV nói rằng có một nỗi lo ngại chính đáng rằng AI sẽ loại bỏ việc làm trong một số lĩnh vực, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến gia đình, thanh niên và nền kinh tế địa phương. Ngài nói rằng, theo nguyên tắc chung, người sử dụng lao động phải bảo vệ việc làm và “vai trò không thể thay thế của cá nhân”. Nhưng ngài thừa nhận rằng những thay đổi xã hội toàn cầu nhanh chóng không thể được kiểm soát hoàn toàn.

Các cộng đồng địa phương và quốc gia sẽ cần phải giải quyết các vấn đề khi chúng phát sinh. Điều này sẽ bao gồm “các mô hình được cấu trúc tốt, các sáng kiến địa phương, phân phối lại tiến bộ và các quyền mới về tiếp cận hàng hóa thiết yếu”.

Ngài đề xuất rằng “mọi sự ứng dụng tự động hóa và trí tuệ nhân tạo cần phải đi kèm với các biện pháp có thể kiểm chứng để bảo vệ việc làm, đào tạo lại và sự tham gia của người lao động.”

Một nền kinh tế coi trọng phẩm giá: Đức Giáo Hoàng Leo tiếp nối lời chỉ trích của Đức Giáo Hoàng Phanxicô về nền kinh tế toàn cầu, lập luận rằng các cuộc khủng hoảng tài chính gần đây đã cho thấy “luôn luôn là người nghèo phải trả giá cao nhất, trong khi những lý thuyết hứa hẹn sự thịnh vượng chung tự động thường tỏ ra là ảo tưởng.”

Ngài kêu gọi các thước đo kinh tế mới, vượt ra ngoài GDP, để theo dõi phúc lợi tổng thể và chất lượng môi trường.

“Hơn bao giờ hết, trong thời đại trí tuệ nhân tạo và robot, không còn có thể chỉ dựa vào ‘bàn tay vô hình’ của thị trường,” ngài viết, kêu gọi sự can thiệp chính trị mạnh mẽ, kể cả ở bình diện quốc tế.

Gia đình và giới trẻ: điều kiện xã hội cho hy vọng: Trong một đoạn văn đầy ám ảnh, Đức Giáo Hoàng nói rằng “trong khi những thành công về kỹ thuật được ca ngợi, thì cấu trúc xã hội lại dần bị xói mòn, như thể bởi một loại virus thầm lặng.”

Ngài trích dẫn một tài liệu năm 1996 của các giám mục Hoa Kỳ về thanh niên để làm nổi bật tác động của tình trạng bất ổn việc làm đối với thế hệ trẻ. Ngài kêu gọi “một sự sáng tạo chính trị sẽ thúc đẩy ‘việc làm’ và đặt gia đình cùng các thế hệ tương lai vào vị trí trung tâm.”

Sự phụ thuộc và kiểm soát xã hội: Đức Giáo Hoàng Leo XIV khám phá cách các kỹ thuật mới khai thác điểm yếu của con người trong cuộc chiến giành sự chú ý, tạo ra sự nghiện ngập và làm suy yếu sức khỏe tâm thần. Chúng cũng có thể được sử dụng để thực hiện sự kiểm soát xã hội chưa từng có đối với việc tiếp cận tin dụng, việc làm và các dịch vụ.

Đức Giáo Hoàng nói rằng những mối đe dọa này đòi hỏi “các quy tắc rõ ràng, sự minh bạch, [và] khả năng khiếu nại và giới hạn tương xứng đối với việc sử dụng các kỹ thuật xâm phạm.”

Phá vỡ xiềng xích của các hình thức nô lệ mới: Đức Leo XIV lập luận rằng nền kinh tế kỹ thuật số đầy rẫy những hình thức nô lệ ít nhiều vô hình. Ngài lưu ý rằng nó phụ thuộc vào những moderators [người điều tiết] được trả lương thấp phải sàng lọc hàng giờ nội dung gây khó chịu và những người lao động khai thác với mức lương ít ỏi các nguyên liệu đất hiếm cung cấp năng lượng cho các kỹ thuật mới.

Trong đoạn 176, ngài thừa nhận rằng Giáo hội chỉ “dần dần nhận thức sâu sắc hơn về mức độ nghiêm trọng của những vấn đề này.” Ngài than thở rằng phải mất 18 thế kỷ Giáo hội mới công khai thừa nhận sự bất tương thích giữa chế độ nô lệ và phẩm giá con người vốn có.

“Vì điều này, nhân danh Giáo hội, tôi thành tâm xin tha thứ,” ngài viết.

Ngài kêu gọi một nỗ lực toàn diện để xóa bỏ chế độ nô lệ hiện đại, ở mọi cấp độ của nền kinh

tế kỹ thuật số, từ các mỏ coltan đến các phương thức thanh toán ẩn danh được những kẻ buôn người sử dụng.

Trách nhiệm chung. Đức Giáo Hoàng nói rằng các chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức giáo dục và công dân cần hợp tác để đảm bảo các kỹ thuật mới thực sự nâng cao cuộc sống con người, thay vì tạo ra các hình thức loại trừ và nô dịch mới.

Chương năm

Chương thứ năm, “Văn hóa quyền lực và nền văn minh tình yêu”, xem xét cách kỹ thuật mới đang thay đổi chiến tranh. Nó nhắc nhở người đọc về hai con đường trước nhân loại: việc xây dựng tháp Baben thông qua sự dựa dẫm vào quyền lực và kiêu hãnh, hoặc việc xây dựng lại Giêrusalem thông qua sự quan tâm đến nhân loại và lợi ích chung.

Nền văn minh tình yêu trong thời đại kỹ thuật số. Đức Giáo Hoàng Leo xem xét làm thế nào khái niệm “nền văn minh tình yêu” của Thánh Phaolô VI có thể được hiện thực hóa trong thế giới kỹ thuật số. Ngài nói, nhiệm vụ là biến “sự phụ thuộc lẫn nhau bị áp đặt” của các mạng xã hội thành “tình liên đới tự nguyện và được lựa chọn”.

Văn hóa quyền lực. Đức Giáo Hoàng than thở về sự phát triển của “văn hóa quyền lực”, nơi hy sinh mạng sống con người để theo đuổi các lợi ích chiến lược.

Sự bình thường hóa chiến tranh. Đức Giáo Hoàng Leo XIV lập luận rằng “chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi mô hình thực sự trong diễn ngôn công cộng và trong các quyết định liên quan đến tái vũ trang, với sự hồi sinh đáng lo ngại của chiến tranh như một công cụ của chính trị quốc tế, trong khi chính những nguyên tắc đạo đức trước đây đã hạn chế việc sử dụng nó đang bị xói mòn.”

Bên cạnh hành động quân sự, còn có một cuộc chiến thông tin, được đánh dấu bằng “những câu chuyện đơn giản hóa, tư duy bạn hay thù, thông tin sai lệch và nỗi sợ hãi.”

“Ngày nay, hơn bao giờ hết, không phủ nhận quyền tự vệ theo nghĩa chặt chẽ nhất, điều quan trọng là phải khẳng định lại rằng lý thuyết ‘chiến tranh chính nghĩa’, vốn thường được sử dụng để biện minh cho bất cứ loại chiến tranh nào, giờ đã lỗi thời,” ngài viết.

“Nhân loại sở hữu những công cụ hữu hiệu và có khả năng hơn nhiều để thúc đẩy sự sống con người và giải quyết xung đột, chẳng hạn như đối thoại, ngoại giao và tha thứ.”

Sức mạnh không giới hạn: Đức Giáo Hoàng Leo than thở về tình trạng tái vũ trang tràn lan và sự thất bại của các nỗ lực giảm kho vũ khí hạt nhân. Ngài nhận thấy một sự sẵn sàng mới để tham gia vào chiến tranh mà không cân nhắc đến hậu quả. Ngài lưu ý rằng những kẻ hưởng lợi bao gồm “các nhóm thánh chiến, các lực lượng dân quân tự nhân và các mạng lưới tội phạm”, những kẻ phát triển mạnh trong tình trạng xung đột liên miên.

Vũ khí và trí tuệ nhân tạo: Đức Giáo Hoàng lập luận rằng, trong chiến tranh, các phán quyết đạo đức cuối cùng không thể được giao cho trí tuệ nhân tạo, cho dù nó được cho là thấm nhuần các giá trị của con người đến đâu. Ngài nói rằng “không được phép giao phó các quyết định gây chết người hoặc không thể đảo ngược cho các hệ thống nhân tạo” và “không có thuật toán nào có thể làm cho chiến tranh trở nên chấp nhận được về mặt đạo đức”.

Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương: Đức Giáo Hoàng Leo cho rằng sự trỗi dậy của “văn hóa quyền lực” bắt nguồn từ sự suy yếu của các định chế đa phương được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Điều được coi là chủ nghĩa hiện thực chính trị: Đức Giáo Hoàng Leo XIV nhắm vào một tư duy phớt lờ lịch sử, tin tưởng một cách dễ dàng rằng những thảm họa của thế kỷ 20 sẽ không lặp lại. Ngài lên án “chủ nghĩa hiện thực sai lầm” này, dẫn đến việc các quốc gia nghèo đổ hàng triệu đô la vào quốc phòng trong khi bỏ bê y tế và giáo dục.

Ngài cho rằng thế giới có thể đang phải đối diện với “những cuộc chiến tranh có lẽ còn nguy hiểm hơn cả những cuộc chiến trong quá khứ, bởi vì chúng có xu hướng bỏ qua mọi giới hạn đạo đức.”

Xây dựng nền văn minh của tình yêu. Có lẽ lo sợ bị buộc tội "bi quan kiểu Augustinô" về bản chất con người, Đức Giáo Hoàng Leo nói rằng lòng tốt có thể nảy nở giữa những điều xấu xa của thời đại.

Tất cả chúng ta đều có thể đóng góp phần của mình. Ngài phản bác lại lời phản đối phổ biến cho rằng không một cá nhân nào có thể tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa. Ngài bắt ngờ trích dẫn lời kêu gọi của nhân vật Gandalf trong "Chúa tể những chiếc nhẫn" gửi đến các nhà lãnh đạo của các Dân tộc Tự do phương Tây trước một trận chiến được cho là vô vọng: "Nhiệm vụ của chúng ta không phải là làm chủ tất cả các trào lưu của thế giới, mà là làm những gì trong khả năng của mình để cứu giúp những năm tháng mà chúng ta đang sống, nhổ tận gốc cái ác trên những cánh đồng mà chúng ta biết, để những người sống sau có thể có đất sạch để canh tác."

Sự cần thiết phải giải giáp lời nói: Nhắc lại bài phát biểu đầu tiên sau khi đắc cử, Đức Giáo Hoàng Leo kêu gọi việc giải giáp lời nói.

Xây dựng hòa bình thông qua công lý: Đức Giáo Hoàng nói rằng mỗi cá nhân có thể giúp xây dựng hòa bình bằng cách hành động công bằng đối với những người xung quanh.

Tiếp nhận quan điểm của nạn nhân: Ngài cũng kêu gọi sự cảm thông lớn hơn đối với các nạn nhân của chiến tranh.

Nuôi dưỡng chủ nghĩa hiện thực lành mạnh: Thay vì “chủ nghĩa hiện thực sai lầm”, Đức Giáo Hoàng Leo kêu gọi một “chủ nghĩa hiện thực lành mạnh” nhìn nhận một cách nghiêm túc và phân tích các xung đột trước khi tìm kiếm “những con đường khả thi để lập lại hòa bình”.

Khôi phục đối thoại: Ngài nói rằng tham gia đối thoại là điều kiện tiên quyết để kiến tạo hòa bình, dẫn chứng các sáng kiến liên tôn giáo của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong “tinh thần Assisi” và sự tham gia của Đức Giáo Hoàng Phanxicô với Ahmed el-Tayeb, Đại Imam của Al-Azhar.

Sự cần thiết của ngoại giao và chủ nghĩa đa phương: Đức Giáo Hoàng lập luận rằng “các phát ngôn bốc đồng, lời lẽ hung hăng và chính trị quyền lực đặc trưng cho thời đại chúng ta” khiến ngoại giao và các nền tảng đa phương trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Ngài chỉ ra ngoại giao của Tòa Thánh như một ví dụ.

Cầu nguyện và hy vọng: Ngài kết luận rằng hòa bình cuối cùng là một ơn ban từ Thiên Chúa.

Kết luận

Ở cuối thông điệp, Đức Giáo Hoàng Leo đề xuất điều mà ngài gọi là “một chương trình đời sống Kitô giáo tỉnh táo nhưng đầy thách thức, nhờ đó chúng ta có thể vượt qua sự thay đổi mang tính thời đại này dưới ánh sáng của Tin Mừng.”

Ngôi Lời nhập thể. Đối lập với những lời hứa hẹn của chủ nghĩa siêu nhân bản và hậu nhân bản, Đức Giáo Hoàng trình bày mâu nhiệm Nhập Thể. Ngài đưa ra lời mời gọi “chiêm niệm, trước mặt Con Thiên Chúa, sự vĩ đại của nhân loại, điều soi sáng cả kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.”

Một thân thể trong Chúa Kitô. Ngài nói rằng thời đại đòi hỏi “một linh đạo Thánh Thể, nghĩa là một linh đạo hiệp nhất Giáo hội trong tình yêu.”

“Thánh Thể mở lòng chúng ta đến với công lý và sự sẻ chia, với mối quan tâm ưu tiên dành cho những người đang gánh chịu nghèo đói hoặc bị gạt ra ngoài lề xã hội,” ngài viết.

Công trường xây dựng của thời đại chúng ta: Đức Giáo Hoàng mời gọi các tín hữu Công Giáo hãy giống như một “kiến trúc sư thông thái” tìm cách xây dựng thế giới vì lợi ích chung, được truyền cảm hứng bởi khát vọng về Nước Thiên Chúa.

Ngài trở lại, lần cuối cùng, với sách Nơ-khe-mi-a, nói rằng vị tiên tri đã đưa ra “một dụ ngôn nổi bật về ơn gọi của chính chúng ta” trong thời đại kỹ thuật số.

Bài ca hy vọng: Kinh Magnificat: Đức Giáo Hoàng Leo XIV kết thúc bằng một bài suy niệm về Kinh Magnificat, bài thánh ca ca ngợi của Đức Trinh Nữ Maria trong chuyến thăm người chị họ của ngài, Ê-li-sa-bét.

“Trong lòng trung thành khiêm nhường của cuộc sống hằng ngày, ngay cả thời đại trí tuệ nhân tạo cũng có thể trở thành một thời điểm...” “Chúa Thánh Thần mang đến nền văn minh của tình yêu trong cuộc sống của chúng ta,” ngài suy gẫm.

Một vài ghi chú ngắn về chú thích:

Nhân vật được trích dẫn thường xuyên nhất trong *Magnifica humanitas* là Đức Giáo Hoàng Phanxicô, tiếp theo là Thánh Gioan Phaolô II. Xếp sau đó là Đức Bênêdictô XVI và Thánh Phaolô VI.

Tham chiếu kỳ lạ nhất chắc chắn là đến tác phẩm “Chúa tể những chiếc nhẫn” của J.R.R. Tolkien, cụ thể là tập cuối cùng, “Sự trở lại của nhà vua”.

Các tác phẩm được trích dẫn đáng chú ý khác bao gồm hồi ký năm 1946 của Viktor Frankl “Đi tìm lẽ sống”, tác phẩm năm 1951 của Hannah Arendt “Nguồn gốc của chủ nghĩa toàn trị”, và một bài diễn thuyết của Hồng Y người Pháp thế kỷ 17 Pierre de Bérulle, người sáng lập Trường phái Tâm linh Pháp, người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi Thánh Augustinô.

5. Thông điệp của Đức Giáo Hoàng Leo XIV có 224 tài liệu tham khảo: Tolkien, Frankl, Montessori, v.v.

Vũ Văn An

27/May/2026



CD

Tạp chí Aleteia số xuất bản ngày 25/05/2026 cho hay: Thông điệp mới của Đức Giáo Hoàng Leo XIV kết hợp các biểu tượng thế tục và các nhà tư tưởng hiện đại vào giáo huấn xã hội Công Giáo, dựa trên một nguồn tư liệu tham khảo bất ngờ gồm 224 tham chiếu.

Tolkien, Marie Curie, Viktor Frankl, Plato, Guernica, Schindler's List, và Maria Montessori... Trong thông điệp *Magnifica humanitas*, Đức Leo XIV đề cập đến một loạt các cá nhân và tác phẩm mà người ta có thể không ngờ tới từ ngòi bút của một vị giáo hoàng. Chúng tôi đã xem xét 224 tài liệu tham khảo rải rác trong văn bản, nhiều tài liệu được mượn từ các giáo hoàng trước đây nhưng cũng chủ yếu đến từ thế giới Anglo-Saxon.

Từ Trung Địa [middle earth] đến Auschwitz

Một trong những trích dẫn đáng chú ý nhất trong *Magnifica humanitas* đến từ tác giả người Anh J.R.R. Tolkien (1892–1973) — hay chính xác hơn, từ Gandalf, vị pháp sư huyền thoại trong bộ ba phim Chúa tể những chiếc nhẫn. Để nhấn mạnh rằng mỗi người phải hành động theo khả năng của mình, Đức Giáo Hoàng trích dẫn những lời khôn ngoan của vị pháp sư dành cho Frodo, người mang chiếc nhẫn, người cảm thấy nản lòng trước sự vĩ đại của nhiệm vụ: “Việc của chúng ta không phải là làm chủ mọi trào lưu của thế giới, mà là làm những gì trong khả năng của mình để giúp đỡ những năm tháng mà chúng ta đang sống, nhờ tận gốc cái ác trên những cánh đồng mà chúng ta biết, để những người sống sau có thể có đất sạch để canh tác.”

Đức Giáo Hoàng cũng nhắc đến nhà tâm thần học người Áo Viktor Frankl (1905–1997), người sáng lập ra “liệu pháp ý nghĩa”, tập trung vào việc tìm kiếm ý nghĩa trong cuộc sống. Thông điệp này mượn kết luận từ một cuốn sách của người sống sót sau thảm họa Holocaust, khẳng định rằng trong những giờ phút đen tối nhất của nhân loại, “chúng ta đã hiểu được con người thực sự là gì. Xét cho cùng, con người chính là kẻ đã phát minh ra các phòng hơi ngạt ở Auschwitz; tuy nhiên, họ cũng chính là kẻ đã bước vào những phòng hơi ngạt đó với tư thế đứng thẳng, miệng vẫn đọc Kinh Lạy Cha hoặc Kinh Shema Yisrael.”

Thông điệp *Magnifica humanitas* cũng nhắc đến một nhân vật Do Thái nổi bật khác, người đã chứng kiến sự trỗi dậy đen tối của chủ nghĩa Quốc xã trước khi di cư đến Hoa Kỳ: nhà lý luận chính trị Hannah Arendt (1906–1975). Nổi tiếng với những hiểu biết sâu sắc về “sự tâm

thường của cái ác”, bà cũng có bằng tiến sĩ về Thánh Augustinô. Đức Giáo Hoàng dựa trên công trình của bà về chủ nghĩa toàn trị để giải thích rằng những người dễ bị ảnh hưởng nhất bởi các hệ thống ý thức hệ là “những người mà sự phân biệt giữa sự thật và hư cấu (tức là thực tế của kinh nghiệm) và sự phân biệt giữa đúng và sai (tức là các chuẩn mực tư duy) không còn tồn tại nữa.”

Nghệ thuật mang tính tiên tri và những người phụ nữ dũng cảm

Xuyên suốt các trang thông điệp, Đức Giáo Hoàng Leo XIV nhấn mạnh các tác phẩm văn hóa và nghệ thuật “đã mang ý nghĩa gần như tiên tri”. Trong âm nhạc, ngài xem Bản giao hưởng số 9 của Beethoven như một biểu hiện của “khát vọng hiệp nhất”. Trong hội họa, ngài coi bức tranh *Guernica* của Picasso là “lời tố cáo sự phi nhân hóa”. Cuối cùng, trong điện ảnh, ngài chỉ ra bộ phim *Schindler's List* của Steven Spielberg như “một lời kêu gọi không được để quá khứ bị lãng quên”.

Ngoài việc đề cập đến Hiến chương Liên Hợp Quốc, nhằm mục đích “cứu các thế hệ kế tiếp khỏi tai họa chiến tranh”, Đức Giáo Hoàng còn tôn vinh những cá nhân đã thay đổi tiến trình lịch sử bằng cách đấu tranh cho phẩm giá con người. Ngài ca ngợi “lời chứng của Martin Luther King Jr., hay sự chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi sau khi Nelson Mandela được trả tự do và quyết định không đầu hàng tương lai trước lòng thù hận”.

Thông điệp *Magnifica humanitas* nêu bật danh sách những người phụ nữ “can đảm và quảng đại” đã góp phần làm cho “lịch sử trở nên nhân bản hơn”. Danh sách này bao gồm hai vị thánh — Thánh Laura Montoya và Thánh Teresa Calcutta — cũng như những phụ nữ thuộc các tôn giáo và hoàn cảnh khác. Đức Giáo Hoàng chọn tưởng nhớ nhà hoạt động Công Giáo người Mỹ Dorothy Day, nhà vật lý theo chủ nghĩa bất khả tri người Pháp-Ba Lan Marie Skłodowska-Curie, nhà giáo dục người Ý Maria Montessori, nhà truyền giáo Tin Lành người Mỹ Elisabeth Elliot, nhà hoạt động môi trường người Kenya Wangari Maathai và chính trị gia Hồi giáo người Pakistan Benazir Bhutto.

Những tia sáng của triết học và đức tin Công Giáo

Thông điệp nhắc đến triết gia Hy Lạp Pla-tông (427–347 trước Công nguyên) cảnh báo về hậu quả của sự thỏa mãn tức thời trong giáo dục dựa trên trí tuệ nhân tạo. Đức Giáo Hoàng lưu ý: “Như Pla-tông đã viết, những điều sâu sắc và quan trọng nhất chỉ được học sau nhiều thời gian và nỗ lực, bằng cách tham gia thảo luận với người khác, cùng nhau ‘khám phá’ các ý tưởng và kinh nghiệm như đá lửa cho đến khi tia lửa hiểu biết được nhen nhóm trong chúng ta.”

Giống như Đức Giáo Hoàng Phanxicô, người coi ông là một ảnh hưởng lớn, Đức Leo XIV trích dẫn nhà thần học và triết gia người Đức Romano Guardini (1885–1968), nhắc lại lời cảnh báo của ngài: “Con người đương thời chưa được rèn luyện để sử dụng quyền lực một cách tốt đẹp.” Ngài cũng nhắc đến cựu thị trưởng Florence, Giorgio La Pira (1904–1977), người ủng hộ “phương pháp đàm phán, gặp gỡ, hội tụ, tức là phương pháp đích thực của con người!”

Một tác giả người Pháp cũng được nhắc đến trong số những nguồn cảm hứng của vị giáo hoàng thứ 267: Hồng Y Pierre de Bérulle (1575–1629), người sáng lập Dòng Oratory và là cha đẻ của Trường phái Tâm linh Pháp. Đức Leo XIV cũng lấy cảm hứng từ hai nhà thần học vĩ đại. Trong số các nhân vật Công Giáo: Thánh Tôma Aquinô (1225–1274) và Thánh

Augustinô (354–430), bậc thầy tinh thần của ngài, được nhắc đến bốn lần. Trong số các nhân vật Công Giáo, ngài nêu tên một số vị tử đạo — Thánh Maximilian Kolbe, một tu sĩ dòng Phanxicô người Ba Lan, Thánh Oscar Romero người El Salvador, và Giám mục Enrique Angelelli người Argentina — cùng với **Hồng Y François-Xavier Nguyễn Văn Thuận người Việt Nam**.

Hơn nữa, đề cập đến tính chất bấp bênh của việc làm, vị Giáo hoàng người Mỹ đã tạo cơ hội cho các giám mục Hoa Kỳ khẳng định rằng “công việc không chỉ đơn thuần là nguồn thu nhập mà còn là một lĩnh vực quan trọng trong đó bản sắc được hình thành, tình bạn và các mối quan hệ được vun đắp, trách nhiệm thực tiễn được học hỏi và ơn gọi được phân định.”

Dựa trên những giáo huấn gần đây của các Giáo hoàng

Trong văn kiện này, bổ sung thêm tiếng nói của mình vào các giáo huấn xã hội của các Giáo hoàng, Đức Leo XIV đã đề cập rộng rãi đến các vị tiền nhiệm gần đây của ngài, những người đã suy ngẫm về các chủ đề này, bắt đầu từ Đức Leo XIII. Vị giáo hoàng được trích dẫn nhiều nhất trong phần chú thích của thông điệp Magnifica humanitas chắc chắn là Đức Phanxicô, với 55 lần xuất hiện. Tiếp theo là Thánh Gioan Phaolô II, người được nhắc đến 39 lần, và Đức Bênêđictô XVI, được trích dẫn 18 lần.

Thánh Phaolô VI cũng được nhắc đến 16 lần, tiếp theo là Thánh Gioan XXIII (ba lần), Đức Giáo Hoàng Piô XII (ba lần) và Đức Giáo Hoàng Piô XI (một lần). Đức Leo XIII, người mà vị giáo hoàng thứ 267 đã lấy tên, xuất hiện trong ba chú thích nhưng được mô tả là người tiên phong của giáo huấn xã hội Công Giáo hiện đại. Công đồng Vatican II cũng nằm trong số các nguồn tư liệu cung cấp cho văn bản, với khoảng 15 lần đề cập được ghi nhận, cùng với Bộ Giáo lý Đức tin.

Cuối cùng, để nhấn mạnh nhu cầu của Giáo hội trong việc thực hiện một cuộc cải cách hướng tới “một nền văn hóa minh bạch, trách nhiệm giải trình và đánh giá”, Đức Leo XIV đã nhắc lại Thượng Hội đồng về Tương lai (?) của Giáo hội. Dự án đề sô này, được người tiền nhiệm của ngài khởi xướng để làm cho Giáo hội trở nên bao dung hơn, giờ đây đã được ghi khắc vĩnh viễn vào một thông điệp.